

KHỔNG TỬ²
KINH
THI

(TRỌN BỘ)

3



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC TRUNG QUỐC

KHÔNG TỬ

Kinh Thi

(THI KINH TẬP TRUYỀN)

TẬP III

Dịch giả

Tạ Quang Phát

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

ĐẠI NHÀ

	Trang
241- <i>Văn vương</i> : Khen tặng ân đức của Văn-vương	9
242- <i>Đại minh</i> : Sự tích vương nghiệp của nhà Chu	27
243- <i>Miên</i> : Việc nhà Chu dời sang vùng núi Kỳ xây dựng đất nước để Văn vương nhận mệnh trời	42
244- <i>Vực bích</i> : Khen tặng vua nhà Chu (Văn vương)	60
245- <i>Hạ lộc</i> : Khen tặng đức hóa của Văn vương	66
246- <i>Tứ trai</i> : Công đức giáo hóa của Văn vương nhờ có mẹ hiền vợ giỏi	74
247- <i>Hoàng hi</i> : Công nghiệp của nhà Chu từ tổ tiên đến Văn vương	81
248- <i>Linh dai</i> : Lời mừng của dân khi Văn vương lập Linh đài	106
249- <i>Hạ Vũ</i> : Lời khen tặng Vũ vương	112
250- <i>Văn vương hữu thanh</i> : Công nghiệp của Văn vương và của Vũ vương	119
251- <i>Sinh dân</i> : Sự tích và công nghiệp của Hậu Tắc	132
252- <i>Hành vi</i> : Anh em xum họp ăn uống và thi bắn sau cuộc tế của vua	152

253- <i>Ký túy</i> : Lời của tân khách chúc phúc cho vua khi vua thết đãi	161
254- <i>Phù y</i> : Việc người đồng của vua được thết đãi sau cuộc tế	170
255- <i>Gia lạc</i> : Lời khen tặng chúc phúc cho vua	177
256- <i>Công lưu</i> : Công Lưu dời đô dựng ấp ở nước Bân	184
257- <i>Huỳnh chúc</i> : Khen vua dễ dàng vui tươi	199
258- <i>Quyển a</i> : Lời khen tặng vua được chim phụng hoàng dước người hiền tài đến	203
259- <i>Dân lao</i> : Lời khuyên vua nên thương dân, lo cho dân, chờ nghe đũa vô lương	217
260- <i>Bản</i> : Trách vua quan không cải hối khi dân khổ trời hờn	228
261- <i>Đãng</i> : Gương vua Tru nhà Ân tàn bạo thất chính mà mất nước	245
262- <i>Ức</i> : Lời răn dạy bực làm vua cho siêng cần đứng đắn anh minh	260
263- <i>Tang nhu</i> : Buồn cho Trời nhân tâm, đời biến loạn binh tật, vua tối tăm, quan tham bạo, dân xấu xa mà muốn trở về làm ruộng	288
264- <i>Vân hán</i> : Lời vua than thở lo cứu dân khi gặp tai nặng hạn	317
265- <i>Tung cao</i> : Lời khen tặng Thân bá đi làm chư hầu phương nam	335

266- <i>Chưng dân</i> : Lời khen Trong Sơn Phủ khi ra đi lo đắp thành ở nước Tề	350
267- <i>Hàn dịch</i> : Lời khen tặng Hàn hầu được phong làm chư hầu và cưới vợ rồi về phương bắc	366
268- <i>Giang Hán</i> : Công nghiệp của Thiên Hồ	382
269- <i>Thường vũ</i> : Việc vua Tuyên vương tự làm tướng đánh giặc rợ	394
270- <i>Chiêm ngưỡng</i> : Việc U-vương nghe nàng Bao Tự mà chính trị hồng nát, người hiền tài lo ẩn tránh	405
271- <i>Thiệu mân</i> : Trách vua hôn mê, quan tham bạo khiến dân nghèo khổ, trời gieo hạn hán, nước sắp biến loạn	421

TỤNG

272- <i>Thanh miếu</i> : Bài ca nhạc lúc cúng tế Văn vương ở Thanh miếu	432
273- <i>Duy thiên chi mệnh</i> : Bài ca nhạc nhắc nhở đạo đức của Văn vương	436
274- <i>Duy thanh</i> : Bài ca nhạc nhắc nhở pháp chế của Văn vương	439
275- <i>Liệt văn</i> : Lời khuyên chư hầu đến giúp việc cúng tế của thiên tử	440
276- <i>Thiên tác</i> : Bài ca nhạc cúng tế Thái vương đã khai khẩn vùng Kỳ sơn	444
277- <i>Hạo thiên hữu thành mệnh</i> : Bài ca nhạc lúc	446

cúng tế thành vương

- 278- *Ngã tương*: Bài ca nhạc lúc cầu khẩn Văn vương về hưởng lễ cúng tế 448
- 279- *Thi mai*: Bài ca nhạc về việc thiên tử đi tuần thú gặp gỡ chư hầu và cúng tế trời đất thánh thần 452
- 280- *Chấp cạnh*: Bài ca nhạc lúc cúng tế Vũ vương Thành vương và Khang vương 457
- 281- *Tu vãn*: Bài ca nhạc cúng tế Hậu Tắc chung với Trời 460
- 282- *Thần công*: Lời răn quan canh nông lo làm mùa 463
- 283- *Y hy*: Lời răn quan canh nông lo làm mùa 467
- 284- *Chấn lộ*: Việc con cháu của Hạ Vũ và Ân Thang đến giúp việc cúng tế ở miếu nhà Chu 470
- 285- *Phong niên*: Bài ca nhạc khi tế mùa thu mùa đông để tạ ơn thánh thần 472
- 286- *Hữu cổ*: Cuộc tấu nhạc khi cúng tế ở tông miếu 475
- 287- *Tiêm*: Bài ca nhạc lúc dâng cúng cá lên tông miếu 479
- 288- *Ung*: Thơ của Vũ vương làm lúc cúng tế Văn vương có chư hầu đến phụ giúp 481
- 289- *Tài hiện*: Chư hầu đến châu được thiên tử dẫn đi cúng tế mà được phúc 485

290- <i>Hữu khách</i> : Ân cần nghinh tiếp con cháu của nhà Thương đến phụ giúp việc cúng tế	488
291- <i>Vũ</i> : Khen tặng công nghiệp của Vũ vương	492
292- <i>Mẫu dư tiểu tử</i> : Vua nổi ngôi nhớ đến tiên vương lo kính cẩn nối cơ nghiệp	494
293- <i>Phỏng lạc</i> : Vua nổi ngôi răn sức noi theo đạo của tiên vương để được yên ổn rạng rỡ	497
294- <i>Kính chi</i> : Vua nổi ngôi kính noi theo đạo của Trời và mong nhờ các bề tôi giúp đỡ	500
295- <i>Tiểu bí</i> : Vua nổi ngôi tự răn mình phòng ngừa khi việc còn nhỏ bé để tránh hoạn nạn to	503
296- <i>Tái sam</i> : Công việc nhà nông làm mùa	505
297- <i>Lương tុ</i> : Việc cày cấy gặt hái và cúng tế của nhà nông	512
289- <i>Ty y</i> : Việc cúng tế để được phúc	517
299- <i>Chước</i> : Ca tụng Vũ vương gây được chiến công	520
300- <i>Hoàn</i> : Ôn đức của Vũ vương chở che người hiền sĩ khi lên ngôi thay nhà Thương	522
301- <i>Lại</i> : Ca tụng công đức Văn vương	525
302- <i>Bàn</i> : Thiên tử đi tuần thú để giải đáp ý kiến của chư hầu	527

LỖ TỤNG

303- <i>Quynh</i> : Việc nuôi ngựa của Lỗ hầu	531
---	-----

- 304- *Hữu Tắt*: Việc ăn uống múa hát vui chơi giữa vua tôi 539
- 305- *Phán thủy*: Khen tặng Lỗ hầu ở Phân cung về đức tính, về vũ công 545
- 306- *Bí cung*: Sự tích tổ tiên nước Lỗ, việc cúng tế, việc chiến chinh để giữ gìn nước Lỗ 559

THƯƠNG TỤNG

- 307- *Na*: Việc tấu nhạc múa hát cúng tế Thành Thang 585
- 308- *Liệt tổ*: Việc tấu nhạc cúng tế Thành Thang có chư hầu trợ giúp 591
- 309- *Huyền diệu*: Sự tích tổ tiên nhà Thương, mệnh trời truyền cho con cháu được vẻ vang vĩ đại 597
- 310- *Trường phát*: Sự tích nhà Thương đến vua Thành Thang và Y Doãn phú giúp đánh dẹp vua Kiệt 602
- 311- *Ân vũ*: Việc chấn hưng của vua Cao tông nhà Thương đã đánh dẹp nước Sở và xây dựng tổng miếu 616

QUYỂN HẠ

THI KINH QUYỂN 6

III. ĐẠI NHÃ

(Lời giải thuyết xem ở phần Tiểu nhã)

1. VĂN VƯƠNG CHI THẬP.

(Mười bài thuộc thơ Văn vương)

BÀI THỨ 241

CHƯƠNG I

文王
文王在上
於昭于天
周雖舊邦
其命維新
有周不顯

Văn vương. (Văn vương I)

1. Văn vương tại thượng
2. Ô chiêu vu thiên!
3. Chu tuy cựu bang,
4. Kỳ mệnh duy tân.
5. Hữu Chu bất hiển?

帝命不時
文王陟降
在帝左右

6. Đế mệnh bất thì?
7. Văn vương trắc giáng
8. Tại đế tả hữu.

Dịch nghĩa

1. Tinh thần của Văn vương ở cõi trên
2. Ôi đã chiếu rạng ở trên trời!
3. Nhà Chu tuy là một nước cũ,
4. Mà mệnh trời dành cho làm thiên tử thì mới
5. Nhà Chu há lại không rạng rỡ hay sao?
6. Mệnh trời há lại không hợp thời hay sao?
7. Tinh thần của Văn vương khi lên khi xuống
8. Ở bên cạnh Thượng đế.

Dịch thơ

Cõi trên hồn của Văn vương
Trên trời soi chiếu phi thường vẻ vang!
Nhà Chu tuy vốn rằng nước cũ,
Mệnh trời làm thiên tử mới trao
Nhà Chu chẳng rạng hay sao?
Chẳng là thiên mệnh xiết bao hợp thời?
Hồn Văn vương lắm hồi thăng giáng
Bên cạnh trời sáng lạn vô cùng!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 於 ô, lời than. 昭 *chiêu*, sáng tỏ. 命 *mệnh*, số trời, mệnh trời 不顯 *bất hiển* như nói 豈不顯 *khí bất hiển*, lại chẳng vinh hiển hay sao? 帝 *đế*, Thượng đế. 不時 *bất thì* (đọc *thị* cho hợp vận trắc) như 豈不時 *khí bất thì*, há lại không hợp thời hay sao? 左右 *tả hữu* (đọc *vĩ* cho hợp vận), ở bên cạnh.

Chu công thuật lại cái đức của Văn vương, nói rõ duyên cớ nhà Chu sở dĩ đã thay thế nhà Thương đều do ở đây cả để răn Thành vương.

Chương này nói Văn vương đã mất nhưng tinh thần vẫn còn sáng tỏ ở trên trời. Cho nên nước nhà Chu tuy từ Hậu Tắc bắt đầu được phong đã hơn ngàn năm. Nhưng nhà Chu được mệnh trời làm thiên tử thì bắt đầu từ nay vậy. Ôi! tinh thần của Văn vương vẫn còn mà sáng tỏ ở trên trời, thì đức của người đã rạng rỡ lắm. Nhà Chu tuy là một nước cũ mà mệnh trời dành cho thì mới, thì mệnh trời ấy hợp thời vậy. Cho nên lại nói rằng: Nhà Chu há lại chẳng rạng rỡ hay sao? Mệnh trời dành cho nhà Chu há lại không hợp thời hay sao? – Vì rằng tinh thần của Văn vương ở trên trời, khi thăng khi giáng không lúc nào là không ở bên cạnh Thượng đế, cho nên con cháu được nhờ phúc trạch mà làm vua được cả thiên hạ. Truyện Xuân thu có câu: Thiên vương truy mệnh chư hầu chi tử viết: Thúc phụ, rắc khác, tại ngã tiên vương chi tả hữu, dĩ tả sự Thượng đế. (= Lời của thiên tử dạy chư hầu đã mất rằng: Tinh thần của thúc phụ, chư hầu đồng họ với thiên tử,

thăng lên kính cần ở bên cạnh tiên vương ta, để giúp việc cho Thượng đế.) ý của lời này thật giống với của chương này. Hoặc nghi chữ *khác* (kính cần) cũng là chữ *iâng* (xuống) bị viết sai. Lý có lẽ như thế.

CHƯƠNG II

- | | |
|-----------|---------------------------|
| 亶 亶 文 王 | 9. Vĩ vĩ Văn vương, |
| 令 聞 不 已 | 10. Lệnh văn bất dĩ. |
| 陳 錫 哉 周 | 11. Trần tích tại Chu. |
| 侯 文 王 孫 子 | 12. Hầu Văn vương tôn tử, |
| 文 王 孫 子 | 13. Văn vương tôn tử |
| 本 支 石 世 | 14. Bôn chi bách thế. |
| 凡 周 之 士 | 15. Phàm Chu chi sĩ |
| 不 顯 亦 世 | 16. Bất hiển diệc thế? |

Dịch nghĩa

9. Văn vương như cố gắng mãi,
10. Tiếng tốt cứ lâu dài mãi không thôi.
11. Cho nên được Thượng đế lấy vương nghiệp ban thưởng cho nhà Chu.
12. Cho nên con cháu của Văn vương,
13. Con cháu của Văn vương

14. Dòng đích và dòng thứ nối nhau làm vua (thiên tử hay chư hầu) đến trăm đời.

15. Tất cả quan chức của nhà Chu

16. Há lại chẳng hiển vinh đời đời hưởng lộc hay sao?

Dịch thơ

Văn vương như cố gắng hoài,

Cho nên tiếng tốt lâu dài chẳng thôi.

Vương nghiệp nhà Chu, Trời ban thưởng,

Con cháu Văn vương hưởng đời dào.

Văn vương con cháu trước sau.

Làm vua đích thứ nối nhau trăm đời.

Phàm Chu triều những người quan chức,

Há đời đời chẳng rất hiển vinh?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 賡賡 vĩ vĩ, đáng gắng gượng rán sức lên. 令聞 lệnh vãn tiếng tốt. 陣 trần, phô bày ra. 哉 tai, tiếng đệm. 侯 hầu, duy, chỉ. 本 bản, con trưởng nam dòng đích. 支 chi, con dòng thứ.

Văn vương chẳng phải có sự cố gắng nhưng cứ thuận hậu như thế không thôi, cho nên người ta trông vào ngài như có điều cố gắng vậy (ý nói thiên tính của Văn vương tự nhiên trung hậu sốt sắn như thế, chứ không phải gắng gượng cố làm ra như thế). Ân đức của ngài lâu dài mãi

không dứt, cho nên lời này con cháu dòng đích làm thiên tử, còn con cháu dòng thứ làm chư hầu. Ân đức ấy lại thấm nhuần đến kẻ bề tôi, khiến các quan chức của nhà Chu, đời đời cũng trau giồi đức hạnh để được tốt đẹp mãi với nhà Chu.

CHƯƠNG III

世之不顯

17. Thế chi bất hiển?

決猶翼翼

18. Quyết do dục dục.

思皇多士

19. Tư hoàng đa sĩ

生此王國

20. Sinh thử vương quốc!

王國克生

21. Vương quốc khắc sinh

維周之禎

22. Duy Chu chi trình.

濟濟多士

23. Tế tế đa sĩ

文王已寧

24. Văn vương dĩ ninh.

Dịch nghĩa

17. Việc truyền nối đời đời há lại không vinh hiển hay sao?

18. Cho nên những cơ mưu đều được cố gắng kính cẩn.

19. Đẹp đẽ thay những hiền sĩ đông đảo

20. Được sinh vào nước này của Văn Vương!

21. Chỉ có nước này của Văn Vương mới sinh ra được lắm kẻ hiền sĩ ấy

22. Để làm nòng cốt cho nhà Chu.

23. Được kẻ hiền sĩ đông nhiều như thế

24. Văn Vương mới được bình yên.

Dịch thơ

Đời đời chẳng hiển vinh sao?

Cơ mưu kính cần xiết bao gắng lòng !

Hiền sĩ đẹp lại đông nhiều ấy.

Nước Văn vương đầy dẫy sinh vào.

Nước này hiền sĩ dồi dào

Để làm nòng cốt Chu trào cội trồng.

Được hiền sĩ rất đông thế ấy.

Lòng Văn vương mới thấy bình yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú, 猶 do, cơ mưu, mưu trí. 翼翼 đức đức cố gắng kính cần. 思 tư, tiếng đậm, 皇 hoàng, đẹp, 楨 trính, cây cột trụ chính. 濟濟 tế tế, dáng đông nhiều.

Chương này tiếp theo ý chương trên mà nói việc truyền nối đời đời há lại chẳng vinh hiển hay sao? Cho nên những cơ mưu đều được cố gắng và kính cần như thế.

Đẹp đẽ thay những bậc hiền sĩ đông đảo ấy đã hy sinh vào nước này của Văn vương! Nước của Văn vương mới sinh ra được lắm kẻ sĩ ấy, thì đủ để làm nòng cốt cho quốc gia, mà Văn vương cũng dựa vào đấy để được bình yên vậy. Đó là nói Văn vương được nhiều người giúp sức cho nên đáng được sự truyền nối đời đời vinh hiển.

CHƯƠNG IV

穆穆文王

25. Mục mục Văn vương,

於緝熙敬止

26. Ô tập hy kính chỉ!

假哉天命

27. Giả tai thiên mệnh!

有商孫子

28. Hữu Thương tôn tử.

商之孫子

29. Thương chi tôn tử

其麗不億

30. Kỳ lệ bất ức,

上帝既命

31. Thượng đế ký mệnh

侯于周服

32. Hầu vu Chu phục.

Dịch nghĩa

25. Ân đức của Văn vương sâu xa.

26. Ôi ngài cứ kính cẩn mãi không thôi

27. Lớn lao thay mệnh trời!

28. Ngài đã thấu phục được cả con cháu nhà Thương.

29. Con cháu của nhà Thương

30. Đông đảo hơn số ức.

31. Mà khi Thượng đế đã bảo (cho Văn vương làm thiên tử)

32. Thì cả thầy đều từng phục theo nhà Chu.

Diễn thơ

Văn vương ân đức sâu xa,
Ôi ngài kính cẩn mãi mà chẳng thôi!
Lớn lao thay mệnh trời giao phó!
Thâu phục liền tộc họ Thương Ân
Nhà Thương con cháu xa gần
Đã hơn số ức vô ngần đông thay!
Mà khi trời đã sai đã định.
Cả thầy đều phục kính nhà Chu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 穆穆 *mục mục*, ý sâu xa 緝 緝, tiếp tục 熙 *hy*, sáng. Cũng là ý không thôi, không dứt 止 *chỉ*, tiếng đệm. 假 *giả*, lớn lao. 麗 *lệ*, số. 不億 *bất ức*, không chỉ số ức (ro vạn) mà thôi, 侯 *hầu*, duy, chỉ.

Nói ân đức của Văn vương đã sâu xa, việc kính cẩn của Văn vương cứ mãi mãi không dứt như thế, cho nên mệnh trời đã chung tộ vào người.

Lấy việc Văn vương đã thâu phục được con cháu nhà Thương mà xem xét, thì có thể rõ mệnh trời đã thuộc về người vậy. Vì rằng con cháu của nhà Thương đông nhiều

hơn số úc, mà khi mệnh trời đã thuộc về Văn vương, thì nay đều từng phục theo nhà Chu.

CHƯƠNG V

侯服于周

天命靡常

殷士膚敏

裸將于京

厥作裸將

常服黼黻

王之蓋臣

無念爾祖

33. Hầu phục vu Chu,

34. Thiên mệnh mỹ thường.

35. Ân sĩ phu mẫn

36. Quán tương vu kinh.

37. Quyết tác quán tương

38. Thường phục phủ hủ.

39. Vương chi tậ thần

40. Vô niệm nhĩ tổ.

Dịch nghĩa

33. (Con cháu của nhà Ân) phải từng phục nhà Chu,

34. Vì mệnh trời không thường (ở một họ).

35. Bề tôi của nhà Ân đẹp dễ mẫn tiệp

36. Rót rượu dâng lên, giúp việc cúng tế ở kinh đô nhà Chu.

37. Lúc rót rượu dâng lên cúng tế

38. Thường dùng quần phủ, mũ hủ của nhà Ân.

39. Những bề tôi trung thành của nhà Chu

40. Há lại không nhớ ông nội ngài (là Văn vương) hay sao?

Dịch thơ

*Ân thờ Chu phải phục tùng,
Vì thiên mệnh đổi thay không hằng thường.
Tôi nhà Ân đường đường mãi tiếp
Rượu rót dâng phụ tiếp Chu kinh.
Lúc dâng rồi tế thần linh
Đội thường mào hủ, phủ xinh mặc vào.
Những bề tôi Chu trào trung trực.
Há lại không nhớ đức Văn vương?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Quan đại phu của chư hầu vào nước của thiên tử được gọi là mỗ sĩ (kẻ sĩ tên gì đó). Thì Ân sĩ tức là bề tôi của con cháu nhà Thương.膚 *phu*, đẹp.敏 *mẫn*, mau.裸 *quán*, rót rượu thơm dâng tế thần thánh. 將 *tương*, đưa, ý nói rót rượu mà trao cho để mời uống.京 *kinh* (đọc cương cho hợp vận). kinh đô của nhà Chu.黼 *phủ*, quần phủ có thêu hình cái búa. 鬯 *hủ*, cái mào của thời nhà Ân. Vì rằng con cháu của họ vua trước (nhà Ân) thừa kế theo những vua đời trước, sắm sửa lễ vật theo cách nhà Ân (đội mũ hủ của nhà Ân) đến dự lễ cúng tế ở tông miếu nhà Chu, mà vua nhà Chu lúc ấy không dám cải biến (theo nghi lễ của nhà Chu). Làm như thế cũng là để răn (dùng khoan dung ân đức để thu phục nhân tâm, chớ không dùng uy quyền).王 *vương*, chỉ Thành vương (con của Vũ

vương, cháu nội của Văn vương). 蓋 *tận*, tiến tới, dốc lòng trung quân ái quốc, cứ tiến tới hăng hái mãi không thôi. 無念 *vô niệm*, như nói 豈得無念 *khỉ đắc vô niệm*, há lại có thể không nhớ đến hay sao? 爾祖 *nhĩ tổ*, ông nội của ngài, ông nội của Thành vương, tức Văn vương.

Nói con cháu của nhà Thương từng phục nhà Chu, vì mệnh trời không thường ở một họ (Trụ vương tàn ác thì mất lệnh trời. Văn vương nhân đức thì được mệnh trời). Cho nên bề tôi của nhà Ân giúp việc cúng tế ở kinh đô nhà Chu vẫn mặc lễ phục của nhà Thương. Thế rồi gọi những bề tôi trung thành ấy mà dạy rằng: Các người há lại chẳng nhớ đến đức hạnh của ông nội ngài là Văn vương hay sao? Vì rằng để răn bảo Thành vương mà chẳng dám nói thẳng với Thành vương. Cũng như chẳng dám nói thẳng với người, mà chỉ dám nói với hạng tôi tớ của người vậy.

Lưu Hưởng nói rằng: Khổng tử luận kinh *Thi*, đến chỗ *Ân sĩ phu mẫn*. *Quán tương vu kinh* thì than thở rằng: Lớn lao thay mệnh trời, nếu có thiện đức thì không thể nào không truyền cho con cháu về sau thừa kế, cũng như việc giàu sang cũng không thường ở một nhà! Vì thế mà thương xót cho Vi tử phải thờ nhà Chu mà đau đớn cho nhà Ân phải mất.

CHƯƠNG VI

無念爾祖

41. Vô niệm nhĩ tổ

聿脩厥德

42. Duật tu quyết đức

永言配命

43. Vĩnh ngôn phối mệnh,

自求多福

殷之未喪師

克配上帝

宜鑒于殷

駿命不易

44. Tự cầu đa phúc.

45. Ân chi vị táng sự,

46. Khắc phối Thượng đế.

47. Nghi giám vu Ân.

48. Tuân mệnh bất dị!

Dịch nghĩa

41. Há lại không nhớ đến ông nội ngài là Văn vương hay sao?

42. Thì hãy trau dồi đức hạnh

43. Cho mãi mãi phù hợp với mệnh trời.

44. Để mình tự tìm lấy phúc lộc dồi dào.

45. Lúc nhà Ân chưa mất thiên hạ,

46. Thì đức hạnh phù hợp với Thượng đế.

47. Phải lấy việc nhà Ân mất nước mà làm gương.

48. Mệnh trời to tát thật không dễ giữ gìn đâu!

Dịch thơ

Há rằng chẳng nhớ tổ tông?

Đức thì phải cố gắng công trau dồi.

Để thiên lý đời đời hợp mãi,

Phúc tự mình tìm lấy dồi dào.

Nhà ân chưa mất thuở nào,

*Đức thì phù hợp xiết bao với trời,
Việc nhà ân phải soi gương ấy,
Mệnh trời lo giữ lấy dễ đâu!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肆 *duật*, tiếng phát âm ở đầu câu. 永 *vĩnh*, lâu dài. 配 *phối*, phối hợp. 命 *mệnh*, lẽ trời. 師 *sư*, dân chúng thiên hạ. 上帝 *Thượng đế*, vị chúa tể ở trên trời. 駿 *tuấn*, to lớn. 不易 *bất dị*, không dễ, nói khó khăn.

Nói nếu muốn nhớ ông nội của ngài tức Văn vương để tự trau dồi đức hạnh thì lại phải thường thường tự xem xét lấy mình, khiến cho những hành vi của mình không có điều gì là không phù hợp với lẽ trời, thì những phúc lộc dồi dào và lớn lao sẽ đưa đến tự nơi ta, lại không thể tìm ở ngoài lẽ ấy mà được phúc lộc.

Lại nói lúc nhà Ân chưa mất cả thiên hạ, thì ân đức đủ để phối hợp với Thượng đế. Nay con cháu của nhà Ân lại như thế, thì phải lấy đó làm gương để tự xem xét lấy mình, thì biết rằng mệnh trời rất khó giữ gìn được.

Sách *Đại học* giảng rõ nghĩa rằng: Được lòng dân thì được nước, mất lòng dân thì mất nước, là nói về việc đó.

CHƯƠNG VII

命之不易

無遏爾躬

宜昭義問

49. Mệnh chi bất dị.

50. Vô át nhĩ cung,

51. Tuyên chiêu nghĩa văn.

有虞殷自天
上天之載
無聲無臭
儀刑文王
萬邦作孚

52. Hựu ngu Ân tự thiên.
53. Thượng thiên chi tải
54. Vô thanh vô xú.
55. Nghi hình Văn chương
56. Vạn bang tác phu.

Dịch nghĩa

49. Mệnh trời không dễ giữ gìn.
50. Chớ đem thân của ngài mà ngăn chặn mệnh trời
(chớ bạo tàn mà mệnh trời phải tuyệt).
51. Phải truyền bá cho rạng rỡ tiếng tốt ra khắp mọi
nơi.
52. Lại phải dò dò lấy mà hiểu cơ thịnh suy của nhà
Ân với lẽ trời.
53. Mà việc của trời
54. Thì không có tiếng, không có mùi.
55. Hãy bắt chước phép tắc của Văn vương.
56. Muôn nước hưng khởi lên mà tin theo.

Dịch thơ

*Mệnh trời chẳng dễ giữ đâu!
Chớ đem thân của ngài hầu dưng ngăn.
Tiếng tốt phải xa gần truyền bá.*

So lẽ trời, ân đã hưng vong.
Mà bao việc của hóa công
Chẳng hề có tiếng, lại không có mùi.
Phép Văn vương hãy noi bắt chước,
Cứ tin theo muôn nước thịnh hưng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.邇át, gần, tuyệt.宣 tuyên, truyền bá ra.昭 chiếu, sáng tỏ.義 nghĩa, tốt lành.問 vấn đồng với 聞 vấn, nghe.儀 nghi, bắt chước theo.刑 hình, phép tắc.孚 phu (đọc phù), tin.有 hữu đồng.又 hựu, lại.虞 ngu, độ.載 tài, việc.

Nói mệnh trời không dễ giữ gìn, cho nên bảo cho khiến đừng như vua Trụ đã tự cách tuyệt với trời, mà hãy truyền bá cho rạn rỡ tiếng tốt ra khắp thiên hạ. Lại độ lấy mà hiểu duyên cớ sở dĩ nhà Ân đã hưng thịnh hay suy tàn dễ so với lẽ trời. Nhưng việc của Trời thì không có tiếng, không có mùi, không căn cứ vào đâu để đo lường được, chỉ phải lấy Văn vương làm phép tắc, thì muôn nước hưng khởi lên mà tin theo.

Tử Tư tử nói rằng: *Duy thiên chi mệnh, ư mục bất dĩ. Cái viết Thiên chỉ sở dĩ vi thiên dã. Ô hô! Bất hiển? Văn vương chi đức chi thuần, cái viết Văn vương chi sở dĩ vi văn dã. thuần diệc bất dĩ.* (= Chỉ có mệnh trời là sâu kín và chẳng hề dứt. ấy là Trời như thế mà sở dĩ được gọi là trời. Than ôi! Cái đức thuần túy của Văn vương mà Văn

vương sở dĩ được gọi là văn. Cái đức của Văn vương đã thuần túy và cũng chẳng hề dứt).

Ôi! Đã biết vì sao Trời sở dĩ được gọi là trời, và lại biết Văn vương vì sao được gọi là Văn, thì Văn vương đã đồng một ân đức với Trời, điều ấy có thể nhận được mà nói.

Bài thơ này chương đầu nói tinh thần của Văn vương ở cõi trên. Ôi! đã chiếu rạng ở trên trời, tinh thần của Văn vương khi lên khi xuống, ở bên cạnh Thượng đế. Và lấy việc Văn vương cũng đồng một ân đức với Trời mà kết thúc bài thơ, thì ý tứ sâu xa lắm.

Thiên Văn vương có 7 chương, mỗi chương 8 câu.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Sách *Xuân thu* của Lữ Bất Di dẫn bài thơ này, để cho là do Chu công làm ra. Khi thưởng thức ý tứ của lời thơ thì tin là nếu chẳng phải là Chu công thì không ai có thể làm nổi.

Nay theo bài thơ này, thì chương I nói Văn vương có đức rất rạng rỡ mà được Thượng đế trao mệnh trời cho. Chương II nói mệnh trời đã chung tộ vào Văn vương, thì chẳng những tám thân của Văn vương được sang trọng vinh hiển, còn khiến cho con cháu hàng trăm đời làm vua thiên tử và vua chư hầu nữa. Chương III nói cái phúc của nhà Chu được mệnh trời chẳng những đã thấu đến con cháu của nhà Chu, mà lại còn lan ra đến con cháu của các bệ tôi được thừa kế nữa. Chương IV nói mệnh trời đã dứt ở nhà Thương, thì chẳng những tám thân của Trụ vương bị trừng phạt giết chết, mà còn khiến con cháu của nhà Thương phải chịu từng phục nhà Chu nữa. Chương V nói cái hoạ của nhà Thương bị dứt mệnh trời, chẳng những đã

di hại cho con cháu nhà Thương, lại còn lan đến con cháu của các bề tôi thừa kế nữa. Chương VI nói con cháu, bề tôi và dân chúng của nhà Chu phải lấy Văn vương làm phép tắc, và lấy nhà Thương để xem xét làm gương. Chương VII lại nói phải lấy nhà Thương mà xem xét làm gương, và lấy Văn vương làm phép tắc, trong khoảng quan hệ giữa Trời và người, cái lẽ hưng vong cứ dần dò nhắc đi nhắc lại rất là thấm thiết. Cho nên mới lập ra nhạc quan để nhân những buổi làm vui cho thiên tử và chư hầu hội hợp nhau, đem những bài thơ ấy ra hát để răn dạy các vua tôi đời sau, và lại làm rạng rỡ công đức của tiên vương trong khắp thiên hạ.

Sách *Quốc ngữ* cho là bài thơ này hát làm vui cho hai vua khi gặp nhau, đó là chỉ đưa ra mới một lẽ mà nói.

Nhưng chương đầu của bài thơ này nói cái đức của Văn vương chiếu rạng ở trên trời, mà không nói vì sao được chiếu rạng như thế. Chương kế tiếp nói tiếng tốt của Văn vương cứ lâu dài mãi không dứt, mà không nói vì sao tiếng tốt được nghe mãi lâu dài. Đến chương IV thì việc công đức của Văn vương được rạng rỡ và mãi không dứt mới được nói đến và được thấy rõ. Nhưng ở chương ấy lại cũng lảm lòi ca vịnh than thở, và nói sở dĩ cái đức chân thực thì chẳng qua là một chữ kính mà thôi. Thế thì những chương sau nói việc trau dồi đức hạnh (thuộc chương VII) há lại có thể tìm được ở lẽ nào khác hay sao? Thì cũng chỉ gắng gượng tìm ở những lẽ trước ấy mà thôi.

BÀI THỨ 242

CHƯƠNG I

大 明	Dại minh (Văn vương 3)
明 明 在 下	1. Minh minh tại hạ,
赫 赫 在 上	2. Hách hách tại thượng
天 難 忱 斯	3. Thiên nan thâm tư,
不 易 維 王	4. Bất dị duy vương
天 位 殷 適	5. Thiên vị Ân dịch,
使 不 挾 四 方	6. Sử bất tiếp tứ phương.

Dịch nghĩa

1. Ở dưới thế có người đức hạnh rạng rỡ,
2. Thì trời ở trên có mệnh lệnh vẻ vang dành cho.
3. Lẽ trời rất khó mà tin chắc được (khi tới khi đi vô thường),
4. Và làm vua cũng chẳng dễ dàng được.
5. Con cháu dòng dõi của nhà Ân ở ngôi trời,
6. Lại khiến không gồm cả tứ phương mà có cả thiên hạ (ngụ ý lại mất cả thiên hạ).

Dịch thơ

Ở cõi thế, đức mà sáng tỏ,
Linh ở trên rạng rỡ dành rồi.
Khó tin chắc chắn lẽ trời.
Làm vua thiên tử ấy thời dễ đâu,
Ở ngôi trời ân trào dòng chánh,
Lại không gồm thống lãnh bốn phương.

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc phú. 明明 *minh minh*, đức rạng rỡ. 赫赫 *hách hách*, mệnh trời hiển hách vẻ vang. 忱 *thâm*, tin. 不易 *bất dị*, không dễ, tức là khó. 天位 *thiên vị*, ngôi của thiên tử. 殷適 *ân đích*, dòng đích của nhà Ân được nối ngôi. 挾 *tiếp*, có.

Đây cũng là bài thơ của Chu công làm ra để răn Thành vương. Sắp phô trần việc Văn vương và Vũ vương nhận mệnh trời cho nên mới nói lên trước rằng bậc ở dưới thế có đức rạng rỡ, thì trời ở cõi trên có mệnh lệnh hiển hách vẻ vang. Thông đạt từ trên xuống dưới, khi đến khi đi vô thường, đó là lẽ trời sở dĩ đã chẳng dễ gì tin chắc được, và làm vua sở dĩ đã chẳng dễ dàng được. Vua Trụ ở ngôi trời là dòng dõi nối ngôi của nhà Ân, lại khiến không được gồm cả bốn phương làm sở hữu, ấy cũng vì thế đấy (cũng vì tàn bạo không thuận lẽ trời mà mất cả thiên hạ).

CHƯƠNG II

摯仲氏任
自彼殷商
來嫁于周
曰嬪于京
乃及王季
維德之行
大任有身
生此文王

7. Chí trọng thị Nhâm,
8. Tự bỉ Ân Thương,
9. Lai giá vu Chu
10. Viết tần vu kinh,
11. Nãi cập Vương Quý
12. Duy đức chi hành.
13. Thái Nhâm hữu thân.
14. Sinh thử Văn vương.

Dịch nghĩa

7. Cô gái giữa họ Nhâm nước Chí,
8. Từ một nước chư hầu của nhà Thương,
9. Gả sang cho nhà Chu.
10. Nói là được gả làm vợ ở kinh đô nhà Chu,
11. Để cùng với Vương Quý
12. Thi hành việc nhân đức,
13. Nàng Thái Nhâm ấy thụ thai
14. Mà sinh ra Văn vương này.

Dịch thơ

Nước Chi họ Nhâm cô gái giữa,

*Thuộc nước chư hầu của nhà Thương,
Chọn nhà Chu để gả sang.
Chu kinh là chỗ để nâng kết duyên.
Để cùng với vua hiền Vương Quý
Đạo đức luôn đốc chí thi hành.
Bào thai đã ứng vào mình,
Văn vương liền được sinh thành từ đây.*

Chú giải của Chu Huy

Chương này thuộc phú.摯 *Chí*, tên nước.仲 *trọng*, con gái giữa (mạnh, trọng, quý).任 *Nhâm*, họ Nhâm ở nước Chi.殷商 *ân Thương*, là chư hầu của nhà Thương.嬪 *tân*, làm vợ.京 *kinh*, kinh đô của nhà Chu.曰嬪于京 *viết tân vu kinh*, rằng được gả làm vợ ở kinh đô nhà Chu, nói thêm cho trùng ý ở câu trên (Lai giá vu Chu) là để giải thích cho rõ ý nghĩa của câu trên. Cũng như ở kinh Thư thiên Nghiêu điển có câu: *Ly giàng nhị nữ vu Quy nhưế, tân vu Ngu dã.* (= Vua Nghiêu chính thức cho hai đứa con gái về nhà chồng theo khuỷu sông Quy, để cùng làm vợ Ngu Thuấn). Câu *tân vu Ngu dã* (= Để cùng làm vợ Ngu Thuấn) trùng điệp ý nghĩa để giải thích rõ câu trên.王季 *Vương Quý*, cha của Văn vương.身 *thân* (đọc hương cho hợp vận), có thai.

Sắp nói về thánh đức của Văn vương thì thuật lại nguồn cội của Văn vương từ đâu mà sinh ra như thế. ấy là chỉ do cha mẹ sinh ra mà thôi.

CHƯƠNG III

維此文王	15. Duy thử Văn vương
小心翼翼	16. Tiểu tâm dục dục,
昭事上帝	17. Chiêu sự Thượng đế,
聿懷多福	18. Duật hoài đa phúc.
厥德不回	19. Quyết đức bất hồi,
以受方國	20. Dĩ thụ phương quốc.

Dịch nghĩa

15. Chỉ có bậc Văn vương này,
16. Rất cung kính và cẩn thận,
17. Thờ kính Thượng đế một cách rạng rỡ,
18. Cho nên nhiều phúc lộc được đưa đến.
19. Còn đức hạnh thì không bao giờ tà vạy,
20. Để nhận lấy các nước ở bốn phương đến quy phụ!

Dịch thơ

Chỉ có bậc vua Văn vương ấy
Cẩn thận và cứ mãi khiêm cung,
Thờ Trời rạng rỡ một lòng,
Cho nên phúc lộc đến chung dồi dào.
Đức hạnh chẳng khi nào tà vạy,

Để gồm thâu nhận lấy bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc chú. 小心翼翼 *tiểu tâm dục dục*, dâng cung kính cẩn thận, tức là chữ kính đã nói ở thiên trước (thiên Văn vương). Đức hạnh của Văn vương vì thế mà được dồi dào. 昭 *chiêu*, sáng tỏ. 懷 *hoài*, đến 回 *hồi*, tà vậy. 方國 *phương quốc* (đọc vực cho hợp vận), những nước ở bốn phương đến phụ thuộc vào.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|------------------------|
| 天監在下 | 21. Thiên giám tại hạ, |
| 有命既集 | 22. Hữu mệnh ký tập. |
| 文王初載 | 23. Văn vương sơ tải. |
| 天作之合 | 24. Thiên tác chi hợp, |
| 在洽之陽 | 25. Tại Hạp chi dương, |
| 在渭之涘 | 26. Tại Vị chi sĩ. |
| 文王嘉止 | 27. Văn vương gia chỉ, |
| 大邦有子 | 28. Đại bang hữu tử. |

Dịch nghĩa

21. Trời xem xét xuống cõi dưới thế.
22. Có mệnh lệnh đã định vào nhà Chu rồi.
23. Trong những năm đầu của Văn vương,

24. Trời đã tác hợp việc vợ chồng cho rồi,

25. ở phía nam sông Hạp

26. Và ở bờ sông Vị.

27. Lúc Văn vương sắp thành hôn,

28. Một nước to đã có sẵn nàng con gái Thái Tụ (để kết bạn trăm năm với Văn vương).

Dịch thơ

Dưới cỏi thế Trời xem xét cả,

Cho nhà Chu, mệnh đã tỏ tường.

Những năm đầu của Văn vương,

Trời đã tác hợp đến đường nợ duyên,

Vùng sông Hạp thuộc miền nam ấy,

Vị thủy kia trên dải bờ sông.

Văn vương định nghĩa vợ chồng,

Nước to có sẵn người cùng kết thân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 監 *giám*, xem xét. 集 *tập* (đọc *táp*), tựu đến. 載 *tải*, năm 合 *hạp*, phối hợp. 洽 *Hạp*, tên sông Hạp, vốn nay ở huyện Hạp Dương, huyện Hạ Dương thuộc Đồng châu, nay dòng sông đã mất cho nên đã bỏ bộ *thủy*, mà thêm vào bộ 𠂔 *áp* (tức là bỏ chữ 𠂔 *Hạp* mà thêm vào chữ 洽 *hạp*, là huyện Hạp Dương). Sông Vị cũng chảy

ngang đầy mà nhập vào Hoàng Hà. 嘉 gia, lễ thành hôn. 大邦 đại bang nước Săn (cũng gọi là nước Hữu sắn). 子 tử (đọc tử cho hợp vận), nàng Thái Tự.

Sắp nói việc Vũ vương đánh nhà Thương, cho nên ở đây lại suy gốc cội ra mà nói Trời đã soi xét thật sự xuống dưới cõi thế, mà mệnh trời đã tựu đến cho nhà Chu. Cho nên những năm đầu của Văn vương, Trời đã lặng lẽ định việc hôn nhân cho Văn vương rồi. Cho nên đương buổi Văn vương sắp thành hôn, thì ở phía nam sông Hạp và trên bờ sông Vị một nước to đã có sẵn nàng Thái Tự rồi (để kết bạn trăm năm với Văn vương). Cho nên nói là sức người không thể nào làm được như thế.

CHƯƠNG V

大邦有子

29. Đại bang hữu tử

天 之 妹

30. Khiến thiên chi muội,

文定厥祥

31. Văn định quyết tường.

親迎于渭

32. Thân nghinh vu Vị,

造舟爲梁

33. Tạo chu vi lương,

不顯其光

34. Bất hiển kỳ quang?

Dịch nghĩa

29. Nước to có nàng Thái Tự

30. Phẩm chất cao quý tử như cô gái của Trời.

31. Mới làm lễ nạp tệ để thành cuộc hôn nhân tốt lành.

32. Rồi đến rước nàng ở sông Vị.

33. Kết thuyền làm cầu nối.

34. Thì chẳng là vinh hiển rạng rỡ hay sao?

Dịch thơ

Nước to đã sẵn nàng Thái Tự

Phẩm chất so lệnh nữ của Trời,

Duyên lành nạp tệ xong xuôi,

Ở vùng sông Vị đến nơi rước nàng,

Kết thuyền để bắc ngang cầu nối,

Chẳng hiển vinh rạng chói hay sao?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. *khiến*, là khánh, là 'ỷ dụ'. Sách *Hàn thi* viết. 馨 *khánh*. Còn sách *Thuyết văn giải tự* thì nói *khiến* là tỷ dụ. Khổng thị nói như nay tục ngữ hễ *tỷ dụ* thì nói *khánh tác*. 文 *văn*, lễ. 祥 *tương*, tốt lành. Nói bói cuộc hôn nhân được tốt lành mới làm lễ nạp tệ (nạp lễ vật cho nhà gái trước khi rước dâu) để định việc thành hôn tốt lành. 造 *tạo*, làm. 梁 *lương*, cái cầu. Đặt thuyền ở dưới nước, sắp hàng kê nhau rồi lót ván ở trên để người qua lại giao thông, tức nay là cầu nối. *Mao thi* giải thích rằng: Thiên tử thì tạo chu (lấy nhiều chiếc thuyền kê nhau và lót ván lên

trên làm cầu bắc ngang qua sông, tức là cầu nổi). Chư hầu thì duy chu (kết liên 4 chiếc thuyền rồi lót ván làm cầu bắc ngang sông), quan đại phu thì phương chu (kết liên 2 chiếc thuyền lại rồi lót ván làm cầu bắc ngang sông), kẻ sĩ thì đặc chu (chỉ dùng 1 chiếc thuyền mà thôi). Trương tử nói rằng: Kết thuyền làm cầu nổi do Văn vương sáng chế ra, rồi đời nhà Chu bèn lấy đó làm nghi lễ của thiên tử. 不顯 *bất hiển*, không hiển vinh rạng rỡ hay sao?

CHƯƠNG VI

有命自天
命此文王
于周于京
續女維莘
長子維行
篤生武王
保右命爾
燮伐大商

- 35. Hữu mệnh tự thiên.
- 36. Mệnh thử Văn vương
- 37. Vu Chu vu kinh.
- 38. Toàn nữ duy Sần,
- 39. Trưởng tử duy hành.
- 40. Đốc sinh Vũ vương
- 41. Bảo hựu mệnh nhi
- 42. Tiếp phạt Đại Thương

Dịch nghĩa

- 35. Được mệnh lệnh từ Trời ban cho,
- 36. Trời đã khiến Văn vương này
- 37. Làm vua ở kinh đô nhà Chu.

38. Kế nối công việc của đàn bà (giúp chồng làm nên đế nghiệp) chỉ có người con gái ở nước Sần.

39. (Nàng Thái Tự) trưởng nữ của nước ấy đã gả cho Văn vương.

40. Nàng Thái Tự lại trọng hậu sinh ra Vũ vương.

41. Trời lại bảo hộ, giúp đỡ và khiến người (Vũ vương)

42. Hãy hoả hiệp với chư hầu chinh phạt nhà Thương.

Dịch thơ

Từ trên Trời được rồi mệnh lệnh.

Văn vương này Trời định sẵn cho

Làm vua ở chốn Chu đô,

Nối công làm vợ chỉ có gái Sần,

Trưởng nữ được cầu thân xuất giá,

Sinh Vũ vương, Trời quả hậu tình,

Mệnh trao, bảo hộ an lành,

Hiệp cùng hầu quốc diệt binh nhà Thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 續 toản, kế tiếp. 莘 Sần, tên nước Sần. 長子 trưởng tử là trưởng nữ, nàng Thái Tự. hành (đọc hàng cho hợp vận), gả. 篤 đốc, hậu, dày. ý nói đã sinh Văn vương, lại sinh Vũ vương. 右 hữu, giúp. 變 tiếp, hoà.

Nói Trời đã khiến Văn vương làm vua ở kinh đô nhà Chu. Và người mà có thể kể nối công việc của bà Thái Nhâm thì chỉ có nàng Thái Tụ, trưởng nữ của nước Sần, được nước Sần đem gả cho ta vậy. Trời lại trọng hậu nhà Chu, khiến nhà Chu lại sinh ra Vũ vương. Trời lại bảo hộ. Trời lại giúp đỡ và trao mệnh trời cho, khiến Vũ vương thuận theo mệnh trời đánh nhà Thương.

CHƯƠNG VII

- | | |
|---------|-----------------------|
| 殷 商 之 旅 | 43. Ân Thương chi lữ |
| 其 會 如 林 | 44. Kỳ hội như lâm, |
| 矢 于 牧 野 | 45. Thỉ vu Mục dã, |
| 維 予 侯 興 | 46. Duy dư hầu hưng, |
| 上 帝 臨 女 | 47. Thượng đế lâm nữ, |
| 無 貳 爾 心 | 48. Vô nhị nhĩ tâm, |

Dịch nghĩa

43. Quân đội của nhà Thương
44. Tụ tập lại đông đảo như rừng,
45. Phô bày ra ở Mục dã.
46. Nhưng chỉ có quân đội ta là hưng khởi phấn chấn
47. Thượng đế đã coi sóc đến ngài
48. Xin lòng ngài chớ nghi ngại.

Dịch thơ

*Của ân thương những đoàn quân lữ
Xem như rừng kết nụ đông đầy
Ở vùng Mực đã phô bày.
Hăng lòng phấn khởi đủ đầy quân ta.
Coi sóc ngài đừng nghi ngại ngại.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.如林 *như lâm*, như rừng, ý nói đông đảo. Thiên Vũ thành trong kinh Thư, có câu: *Thu suất kỳ lữ nhược lâm* (Thống suất quân đội đông đảo như rừng).矢 *thỉ*, trần bày ra.牧野 *Mục dã*, tên đất, ở về phía nam Triều ca 70 dặm.侯 *hầu*, duy, chỉ.貳 *nhị*, nghi ngờ.爾 *nhĩ*, ngài, chỉ Vũ vương.

Chương này nói về lúc Vũ vương đánh vua Trụ. Binh đội của vua Trụ tụ tập lại đông đảo như rừng để chống cự lại Vũ vương, những binh đội ấy đều trần bày ra ở vùng Mực dã. Nhưng mà chỉ có binh đội của ta (của Vũ vương) mới có chí phấn khởi. Nhưng lòng của binh đội sợ Vũ vương có điều e ngại trước cái lẽ bên đông bên ít không xứng đối thủ với nhau, cho nên mới khuyến khích rằng: Trời đã coi sóc đến ngài, lòng ngài chớ nghi ngờ, vì đã biết mệnh trời tất nhiên sẽ như thế.

Nói như thế là để giúp Vũ vương cương quyết. Nhưng sự thật Vũ vương hẳn đâu có điều gì nghi ngại. Đặt lời nói

như thế là để thấy rõ sự đồng tâm của binh đội, mà đó thật là điều bất đắc dĩ của Vũ vương.

CHƯƠNG VIII

牧野洋洋

檀車煌煌

駟騶彭彭

維師尚父

時維鷹揚

涼彼武王

肆伐大商

會朝清明

49. Mục- dã dương dương.

50. Đàn xa hoàng hoàng.

51. Tứ nguyên hành hành.

52. Duy Sư Thượng - phụ

53. Thì duy ưng dương,

54. Lượng bỉ Vũ vương,

55. Tứ phạt Đại Thương,

56. Hội triều thanh minh.

Dịch nghĩa

49. Chiến trường Mục dã rất to rộng.

50. Binh xa bằng gỗ đàn rất tươi sáng.

51. Bốn ngựa kéo binh xa đều là mình đỏ, bờm đen, bụng trắng trông rất mạnh mẽ.

52. Chỉ có Thái sư Thượng phụ (Lữ Thượng) là chủ tướng.

53. Binh đội của Vũ vương lúc ấy rất dũng mãnh như chim ưng bay vút cất lên sắp chiến đấu,

54. Để giúp Vũ vương

55. Xua binh ra đánh nhà Thương,

56. Xáp chiến với nhau không suốt buổi sáng mà cả thiên hạ đều được sáng trong.

Dịch thơ

*Chón Mực đã mênh-mông rộng thực.
Xe gỗ đàn đều rực rỡ trông.
Ngựa nguyên bốn thốt đông hùng,
Thái sư Thượng phụ vô cùng tài cao.
Binh Vũ vương xiết bao hùng hổ,
Đều quyết lòng giúp đỡ Vũ vương.
Xua quân ra đánh nhà Thương,
Chỉ trong buổi sáng, bốn phương thanh bình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.洋洋 *dương dương*, dáng to rộng.檀 *đàn*, thứ gỗ rất chắc, đáng dùng để làm xe.煌煌 *hoàng hoàng*, dáng tươi sáng.駟 *nguyên*, ngựa mình đỏ, bờm đen, bụng trắng.彭彭 *phang phang*, dáng cường thịnh.師尚父 *Sư Thượng phụ*, Thái công vọng làm chức Thái sư mà hiệu là Thượng phụ.鷹揚 *ưng dương*, như chim ưng bay cất lên sắp chiến đấu, nói rất dũng mãnh.涼 *lượng*, sách Hán thư viết.亮 *lượng*, giúp đỡ.肆 *tứ*, xua binh.會朝 *hội triều*, buổi sáng xáp chiến với nhau.

Chương này nói quân đội của Vũ vương dồi dào, tướng suý tài giỏi, đánh nhà Thương để trừ điều nhơ nhớp, tranh

đầu không hết buổi sáng mà cả thiên hạ được sáng trong, nói như thế là để kết thúc ý tứ của chương đầu.

Thiên Đại minh có 8 chương, 4 chương 5 câu và 4 chương 8 câu.

Về danh nghĩa thì xem ở thiên Tiểu mãn (bài thứ 201).

Chương I nói mệnh trời vô thường, chỉ ban cho người có đức,

Chương II nói cái đức của Vương Quý và Thái Nhâm (cha mẹ của Văn vương) và nói đến Văn Vương.

Chương III nói cái đức của Văn vương.

Chương IV,V,VI nói cái đức của Văn vương và Thái Tự và nói đến Vũ vương.

Chương VII nói Vũ vương đánh vua Trụ.

Chương VIII nói Vũ vương thắng nhà Thương để kết thúc ý tứ của chương đầu.

Những chương thì 6 câu hoặc 8 câu xen lẫn nhau.

Sách Quốc ngữ lại cho thiên này (*Đại minh*) và thiên sau (*Miên, bài thứ 243*) đều là bài thơ hoà nhạc khi hai vua gặp nhau. Lời giải thuyết xem ở thiên trên (*Văn vương, bài thứ 241*)

BÀI THỨ 243

CHƯƠNG I

綿

Miên (Văn vương 3)

綿綿瓜瓞

1. Miên miên qua diệt.

民之初生
自土沮漆
古公亶父
陶復陶穴
未有家室

2. Dân chi sơ sinh
3. Tự thờ Thư Thất,
4. Cổ công Đản phủ
5. Đào phúc đào huyết,
6. Vị hữu gia thất.

Dịch nghĩa

1. Cây dừa trước nhỏ sau to mọc lan ra mãi không dứt.
2. Dân nhà Chu khi mới bắt đầu sinh ra.
3. Từ trên đất vùng sông Thư và sông Thất,
4. Vào thời ông Cổ công Đản phủ
5. Còn ở trong nhà đất trong hang đất,
6. Chưa có nhà cửa to lớn.

Dịch thơ

*Dừa trước bé sau to lan mãi
Người nhà Chu thuở mới bắt đầu,
Từ sông Thư, Thất một khu
Thuộc nhằm thời đại chư hầu Cổ công
Ở hầm kín hay trong hang đất,
Chưa có nhà cửa thật lớn lao.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử 綿綿 *miên miên*, dáng mọc ra dài không dứt 瓜 *quả*, dưa thứ to, 瓠 *điệt*, dưa thứ nhỏ. Cây dưa ở gần gốc mọc ra trước tiên thì thường thường là nhỏ bé, rồi cứ mọc lan ra đến ngọn thì to lớn. 民 *dân*, người nhà Chu. 自 *tự*, do nơi, từ. 土 *thổ*, đất 沮 *Tư*, 漆 *Thất* là tên hai con sông ở đất Bân, 古公 *Cổ công*, hiệu là Cổ công. 亶父 *Đản phủ*, tên là Đản phủ, hoặc nói tự là Đản phủ, về sau được truy tặng là Thái vương. 陶 *đào*, cái lò để nung đồ gốm, 復 *phúc*, cái lò để nung đồ gốm xây cao chồng lên mặt đất. 穴 *huyệt*, hang, loại nhà bằng đất để ở. (Người xưa hễ gặp đất phẳng thì xây nhà bằng đất giống như cái lò để hầm đồ gốm mà ở, hễ gặp đất cao thì làm thành hang mà ở). 家 *gia*, tiếng thông dụng để gọi ở trong cửa trong nhà. Đất nước Bân gần rợ Tây nhun và là vùng đất rất lạnh lẽo, cho nên phong tục như thế.

Đây cũng là bài thơ của Chu công răn Thành vương, kể lại lúc Thái vương mới dời về đất Kỳ Chu để mở nền vương nghiệp, cho Văn vương nhân đó mà nhận mệnh trời.

Đây là chương I, nói cây dưa đoạn đầu chỗ gốc thì nhỏ, đoạn cuối chỗ ngọn thì to để ví với người nước nhà Chu bắt đầu sinh ra ở bờ sông Thư sông Thất vào thời ông Cổ công còn ở trong nhà đất (giống như cái lò nung đồ gốm), trong hang đất, đất nước rất nhỏ, đến thời Văn vương mới to ra.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|------------------------|
| 古公亶父 | 7. Cổ công Đản phủ |
| 來朝走馬 | 8. Lai triều tẩu mã, |
| 率西水滸 | 9. Suất tây thủy hủ |
| 至于岐下 | 10. Chí vu Kỳ hạ. |
| 爰及姜女 | 11. Viên cập Khương nữ |
| 聿來胥宇 | 12. Duật lai tư vũ. |

Dịch nghĩa

7. Ông Cổ công Đản phủ
8. Một buổi sớm mai cỡi ngựa mà chạy đi,
9. Noi theo bờ sông qua miền tây,
10. Đến nơi dưới núi Kỳ sơn.
11. Ông cùng đi với người phi là Khương nữ (Thái Khương)
12. Đến cùng làm nhà ở.

Dịch thơ

Ông Thái vương Cổ công Đản phủ
Buổi sáng kia ngựa cưỡi ruổi dong,
Qua miền tây noi bờ sông,
Kỳ sơn dưới núi dừng chung đấy rồi.
Cùng đi theo là người Khương nữ
Đến nơi kia khởi sự làm nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 朝 *triêu*, buổi sớm mai. 走馬 *tẩu mã* (đọc *mỗ* cho hợp vận), cỡi ngựa mà chạy để tránh nạn rợ địch. 濞 *hổ* (quen đọc *hử*), bờ sông, tức là ở bên sông Thư, sông Thất. 岐下 *Kỳ hạ* (đọc *hạ* cho hợp vận), ở dưới núi Kỳ sơn. 姜女 *Khương nữ*, người phi của Thái vương. 胥 *tư*, lẫn nhau. 宇 *vũ*, nhà. Mạnh tử nói: Thái vương ở nước Bân, rợ địch đến xâm lấn, đem da chồn, (để làm áo lạnh) và tơ lụa, đem châu ngọc, đem chó và ngựa cống hiến cho chúng, mà cũng không khỏi bị chúng xâm lấn. Thái vương mời dặn dò người già cả trong dân chúng mà nói rằng: Điều tham muốn của rợ địch chính là đất đai này của chúng ta. Ta có nghe rằng: Người quân tử không đem đất đai nuôi dưỡng người mà hại người. Vậy các người sao lại e sợ không có vua? Ta sắp bỏ đất này mà đi.- Rồi thái vương bỏ đất Bân, vượt qua núi Lương, đến đóng thành ấp dưới núi Kỳ sơn mà ở. Người nước Bân nói rằng: ấy là người có nhân, chúng ta không nên bỏ mất ngài.- Rồi họ đi theo Thái vương đông như chợ.

CHƯƠNG III

周原膺膺

董荼如飴

爰始爰謀

爰契我歸

曰止曰時

13. Chu nguyên vũ vũ.

14. Cẩn đồ như di.

15. Viên thủy viên mưu.

16. Viên khí ngã quy.

17. Viết chỉ viết thì,

Dịch nghĩa

13. Đất Chu bằng phẳng rộng rãi rất màu mỡ tốt đẹp.
14. Rau cần rau đồ dầu đáng mà trồng ở đây cũng ngọt như đường.
15. Mới bắt đầu mưu tính ở lại đây.
16. Mới đốt mai rùa của ta mà bói.
17. (Bói được quẻ tốt, mới nói với dân chúng rằng):
Hãy dừng lại ở đây.
18. Xây cất nhà cửa ở chỗ ấy mà ở.

Dịch thơ

*Đất ruộng của nhà Chu màu mỡ.
Rau cần, đồ ngọt tựa như đường.
Bắt đầu dừng lại nấu nướng.
Mai rùa đốt bói tỏ tường xem sao.
Được quẻ tốt truyền rao dừng lại,
Nhà cửa bèn ở đấy cất lên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 周 Chu, tên đất, ở phía nam núi Kỳ sơn. 原 nguyên, vùng đồng bằng rộng rãi. 膾膾 vũ vũ, đáng màu mỡ tốt đẹp. 菑 cần, rau cần, rau ô đầu. 荼 đồ,

rau đắng thuộc loại rau liễu mọc ở dưới nước. 飴 *di*, đường, mật. 契 *khí*, củi gỗ để nhúm lửa đốt mai rùa để bói, mà sách *Nghi lễ* gọi là sở thuận là đấy. Hoặc nói *khí* là lấy dao khắc vào mai rùa ở chỗ muốn khoét thành lỗ để bói.

Nói vùng đất nhà Chu rộng rãi và bằng phẳng rất màu mỡ tốt đẹp, rau dẫu đắng mà trồng ở đấy cũng ngọt. Cho nên Thái vương cùng với dân chúng đi theo bắt đầu mưu tính ở lại đấy. Lại đốt mai rùa mà bói, sau khi được điềm lành Thái vương mới bảo dân chúng rằng: Có thể dừng lại nơi đây mà xây cất nhà cửa.

Hoặc nói rằng 時 *thì* là lúc sửa soạn đất đai sông ngòi trong vùng ấy.

CHƯƠNG IV

迺慰迺止

19. Nãi uỷ nãi chỉ.

迺左迺右

20. Nãi tả nãi hữu,

迺疆迺里

21. Nãi cương nãi lý,

迺宣迺敵

22. Nãi tuyên nãi mấu,

自西徂東

23. Tự tây tổ đông,

周爰執事

24. Chu viên chấp sự,

Dịch nghĩa

19. (Ở nơi ấy dân chúng) bèn được an ủi, bèn được ở yên,

20. Bèn ở bên tả, bèn ở bên hữu,

21. Bên chia ranh giới to, bên chia khu vực nhỏ.
22. Bên phân tán ra mà ở khắp nơi,
23. Theo bờ nước từ phía tây sang phía đông,
24. Khắp mọi nơi dân chúng đều lo làm việc,

Dịch thơ

*Được an ủi sống yên dân ấy,
Tả hữu đều đầy dẫy ở chung,
Ranh to, vực nhỏ phân cùng,
Chia ra mà ở trọn vùng khắp nơi,
Tây sang đông lẫn nơi bờ ấy,
Dân khắp vùng hăng hái lo làm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 慰 *uỷ*, an ủi. 止 *chỉ*, ở. 左右 *tả hữu* (đọc *vĩ* cho hợp vận), bên trái bên mặt, phân ra ở phía đông phía tây. 疆 *cương*, nói chia vạch ra ranh giới to. 里 *lý*, phân biệt những khu vực nhỏ rõ ràng. 宣 *tuyên*, phân tán ra mà ở. Hoặc nói là mở hào rãnh mà dẫn nước trong ruộng. 畝 *mẫu* (đọc *mỹ* cho hợp vận), làm ruộng. 自西徂東 *tự tây tố đông*, từ bờ sông ở phía tây mà đi sang phía đông. 周 *chu*, khắp mọi nơi, ý nói chẳng có việc gì mà không làm.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|-------------------------|
| 乃召司空 | 25. Nãi triệu tư không, |
| 乃召司徒 | 26. Nãi triệu tư đồ, |
| 俾立室家 | 27. Ty lập thất gia . |
| 其繩則直 | 28. Kỳ thẳng tắc trực, |
| 縮版以載 | 29. Súc bản dĩ tái, |
| 作廟翼翼 | 30. Tác miếu dực dực. |

Dịch nghĩa

25. Lại vời quan tư không,
26. Lại vời quan tư đồ,
27. Khiến dựng nên nhà cửa.
28. Dây to giăng ra thì ngay thẳng,
29. Cột ván lại mà xây kế tiếp lên,
30. Để làm nhà tông miếu cho nghiêm chỉnh mà cúng tế tổ tiên.

Dịch thơ

*Quan tư không được vua vời tới,
Quan tư đồ được gọi đến rồi,
Cửa nhà khiến dựng khắp nơi.
Phóng dây đo thẳng xong xuôi khắp vùng,
Xây kế tiếp cột chung ván lại.*

Dựng miếu đường mây dầy nghiêm trang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 司空 *tư không*, chức quan coi thành trì đất đai, giữ việc doanh tạo thành ấp. 司徒 *tư đồ*, chức quan coi việc sai khiến dân chúng, giữ việc công tác phu phen. 繩 *thằng*, dây để giăng lấy đường thẳng, phàm đo lường đặt vị trí thì trước hết phải lấy dây đo cho đúng cho ngay. Khi đã đo ngay rồi, thì cột những tấm ván lại mà xây cất. 縮 *súc*, cột lại. 載 *tái* (đọc *tức* cho hợp vận), trên dưới thừa tiếp nhau. Nói lấy dây cột những tấm ván lại rồi để xây lên xong thì từ dưới xây lần lên trên, kế tiếp nhau lên cao. Vua sắp xây cung thất, thì trước tiên phải xây tông miếu kế đó làm chuồng ngựa, nhà kho, sau cùng mới làm nhà để ở. 翼翼 *dực dực*, nghiêm chỉnh đứng đắn.

CHƯƠNG VI

球之陲陲

度之薨薨

築之登登

削廩馮馮

百堵皆興

鼙鼓弗勝

31. Câu chi nhưng nhưng ,

32. Đạc chi hoăng hoăng.

33. Trúc chi dâng dâng,

34. Tước lũ bằng bằng.

35. Bách đồ giai hưng.

36. Cao cổ phát thăng.

Dịch nghĩa

31. Xúc đất vào ky để mang đi rất đông đảo nhiều người,
32. Đổ vào phía trong vách ván nghe ồn ào.
33. Người xây tường kêu gọi đáp ứng nhau vang rân,
34. Nện gõ sửa sang thêm vang lên những tiếng nghe rất bền chắc.
35. Hàng trăm bức tường cao đều được dựng lên.
36. Dân chúng gắng công vui vẻ làm việc mà trống thu công cũng chẳng ngăn họ dừng nghỉ được.

Dịch thơ

*Người đông đảo lấy ky xúc đất
Lại đổ nên nghe rất ồn ào
Vang rân kêu đáp liền nhau
Tiếng nghe vững chắc nện vào khua vang.
Đã dựng cao những tường trăm bức.
Trống nghỉ làm ngăn dứt chẳng xong.*

Chú giải của Chu hy

Chương này thuộc phú 球 毬 câu xúc đất vào dụng cụ. 陜 nhưng nhưng, đông nhiều 度 度, đổ đất vào phía trong những tấm ván 萋萋 hoẵng hoẵng, tiếng nhiều người 登登 登登 tiếng ứng đáp nhau 削 屨 tước lữ, sửa sang

thêm khi bức tường đã làm xong 馮馮 *bằng bằng* tiếng của bức tường khua nghe rất chắc chắn 堵 *đổ* bức tường cao 5 bức ván 興 *hưng*, khởi nên. đây nói về việc xây dựng cung thất 磬鼓 *cao cổ*, Thú trống cao dài 1 trượng 2 thước. Lấy trống đánh lộn để điều khiển công việc xây cất 弗勝 *phát thắng*, nói dân chúng gắng công vui làm việc mà trống thu công đánh lên cũng không khiến họ dừng nghỉ được.

CHƯƠNG VIII

迺立皋門

皋門有伉

迺立應門

應門將將

迺立冢土

戎醜攸行

87. Nãi lập cao môn.

88. Cao môn hữu kháng

89. Nãi lập ứng môn.

40. ứng môn thương thương.

41. Nãi lập trủng thổ.

42. Nhung xú du hành

Dịch nghĩa

37. Bền dựng lên cửa cao môn ở ngoài thành.

38. Cửa cao môn cao vót.

39. Bền dựng lên ứng môn, cửa chính của vua

40. Cửa ứng môn uy nghiêm ngay thẳng.

41. Bền đắp đất lập đèn thái xã.

42. Được đại đa số dân chúng ra công xây đắp.

Dịch thơ

Cửa cao môn ngoài thành được dựng.

Cửa ấy thì sừng sững vút cao.

Ứng môn cũng được dựng mau.

Ứng môn nghiêm chỉnh xiết bao huy hoàng!

Lại đắp đất lập đàn thái xã.

Phần đông dân chúng đã đắp xây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. *Mao Thi* nói rằng : Quách môn (cửa ở vòng ngoài thành cung) của thiên tử gọi là 皋門 *cao môn*. 亢 *Kháng* (đọc *khang* cho hợp vận), dáng cao vút. Cửa chính của thiên tử gọi là 應門 *ứng môn*. Thiên tử có 5 cửa: 1- cửa ngoài hết là 皋門 *cao môn*. 2 - 雉門 *trĩ môn*. 3 - 庫門 *khố môn*. 4 - 應門 *ứng môn*. 5 - 路門 *lộ môn* hay *lộ tẩm môn* hay *tất môn* là lần cửa ở trong cùng 將將 *thương thương* nghiêm chỉnh . Thời thái Vương chưa có chế độ, đặc biệt chỉ làm hai cửa là *cao môn* và *ứng môn* như thế. Đến khi nhà Chu gồm thâu thiên hạ. Những cửa ấy được tôn lên làm cửa của thiên tử mà chư hầu không được dựng lên những cửa ấy. 冢土 *trủng thổ*, đắp đất làm đàn thái xã, cũng do Văn vương lập ra. Rồi về sau được nhận theo làm chế độ của thiên tử 戎醜 *nhung xú*, đại chúng. Dựng nên việc to tát, huy động đa số dân chúng, tất phải cúng tế ở đàn xã, rồi sau mới ra công xây đắp, lễ cúng tế gọi là 宜 *nghi* .

CHƯƠNG VIII

- | | |
|-------|---------------------------|
| 肆不殄厥愠 | 43. Tứ bất diễn quyết uẩn |
| 亦不隕厥問 | 44. Diệt bất quyết vấn |
| 柞械拔矣 | 45. Tạc vực bội hĩ, |
| 混夷駸矣 | 46. Hành đạo thoái hĩ. |
| 行道兌矣 | 47. Côn di đội hĩ |
| 維其喙矣 | 48. Duy kì huý hĩ |

Dịch nghĩa

43. Đến nay Thái vương tuy không ngăn dứt được lòng oán hận của rợ Côn di oán giận mình,

44. Nhưng ngài cũng không làm mất danh dự của mình .

45. Đến nay cây tạc cây vực mọc thẳng nên.

46. Đường xá giao thông.

47. Cho nên rợ côn di phải lánh xa ẩn tránh

48. Là để cho dân chúng mình được yên nghỉ mà thôi

Dịch thơ

Tuy không ngăn Côn di giận dữ.

Chẳng mất đi danh dự của ngài.

Tạc và vực mọc thẳng ngay.

Giao thông đường xá đủ đầy khắp nơi

Rợ Côn di kíp rời ẩn tránh

Cho chúng dân yên rảnh nghỉ ngơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肆 tứ cho nên đến nay, như nói "bèn" là lời tiếp theo ý ở trên mà khởi lên ý ở dưới 殄 *điển*, dứt hết 慍 *uẩn* giận 隕 *vẫn*, rơi xuống mất 聞 *vấn* đồng với 聞 *vấn*, tiếng tăm danh dự 柞 *tạc*, cây lịch, cành dài, lá nhiều, mọc thành bụi và có gai 拔 *bội* cây ra cành lá mọc thẳng mạnh lên, không cong co rậm rạp 兌 *thoái*, giao thông, thông suốt. Nói bắt đầu giải phóng đường lộ giao thông suốt vùng cây lịch cây vược 駢 *đội* lẫn tránh 喙 *huý*, yên nghỉ 曷 *vực* cây bạch nhuy thứ cây nhỏ mọc thành bụi có gai. Nói Thái vương tuy không ngăn dứt được lòng oán giận của rợ Côn di, nhưng cũng không làm mất danh dự của mình. Vì rằng tuy là bậc thánh hiền, Thái vương cũng không thể hằn là khỏi bị người khác giận mình, nhưng ngài cũng không phể bỏ việc trau giồi thực lực của mình. Cho nên lúc Thái vương mới đến vùng ở dưới núi kì Sơn thì rừng sâu cách trở, nhân vật ít ỏi đến lúc về sau sinh sản nảy nở ra dôi dào người theo về rất đông đảo, cây cối mọc thẳng cao, đường lối giao thông, cho nên rợ Côn di phải kinh sợ, lánh sa ẩn tránh, là được yên nghỉ mà thôi. ý nói đức dôi dào thì rợ Côn di tự nhiên phải tùng phục. ấy là vào thời Văn vương.

CHƯƠNG IX

虞芮質厥成

49. Ngu Nhuế chất quyết thành

文王蹶厥生

50. Văn vương quệ quyết sinh

予曰有疏附

51. Dư viết hữu sơ phụ.

予曰有先後

52. Dư viết hữu tiên hậu.

予曰有奔奏

53. Dư viết hữu bồn tâu.

予曰有禦侮

54. Dư viết hữu ngự vũ.

Dịch nghĩa

49. Vua nước Ngu và nước Nhuế đến hỏi việc tranh chấp cho được công bình.

50. Văn vương phát động thế hưng khởi lên.

51. Ta nói rằng: (Văn vương được thiên hạ quy phụ đông đảo) vì có hạng bề tôi biết làm cho kẻ dưới thân cận với vua mà quay về với vua.

52. Ta nói rằng: Vì có hạng bề tôi biết dẫn dắt nhau kẻ trước người sau lên.

53. Ta nói rằng: Vì có hạng bề tôi biết đi thuyền bá tiếng tốt của vua ra khắp thiên hạ.

54. Ta nói rằng: Vì có hạng bề tôi biết chống ngăn quân giặc đến xâm lăng cho vua.

Dịch thơ

Ngu, Nhuế đến vương đình đối chất.

Vua Văn vương nổi bật thế hùng.

Tôi làm dân mến theo cùng.

Người thì dắt dẫn để dùng trước sau.

Kẻ truyền bá đề cao thánh đức.

Người chống trừ quân giặc xâm lăng.

Chú giải của Chu hy

Chương này thuộc phú. 虞 Ngu, 芮 Nhuế là hai nước 質 *chất*, hỏi cho ra lẽ đúng đắn ngay thẳng. 成 thành, công bình. 茅 thi truyện nói rằng: Vua nước Ngu và vua nước Nhuế có việc tranh giành nhau về ruộng nương, đã lâu mà không được phân xử công bình, mới cùng nhau vào triều kiến nhà Chu. Khi vào trong bờ cõi nhà Chu thì thấy người cày ruộng nhường bờ, người đi đường nhường lối. Khi vào trong đô ấp thì thấy trai và gái đi khác lối nhau (trao đi bên mặt, gái đi bên trái), người lớn tuổi tóc hoa râm không mang vác nặng nề (có người trai trẻ mang vác thay cho). Khi vào trong triều đình thì thấy quan sĩ nhường quan đại phu, quan đại phu nhường quan khanh. Hai vua mới cảm động mà nói với nhau rằng: Bọn chúng ta là kẻ tiểu nhân, không đáng đi vào bờ cõi của bậc quân tử. Hai vua bèn nhường nhau, đem vùng ruộng tranh giành nhau làm nhân điền (không giành lấy để cày cấy nữa) mà trở về. Cả

thiên hạ nghe biết việc ấy, đều theo về nhà Chu có hơn 40 nước.

Tô thị nói rằng: Nước Ngưu ở huyện Bình Lục tại Thiểm Châu, nước Nhuế ở huyện Phùng dục tại Đồng châu. Huyện Bình Lục có đồng bằng không cày vì vua nước Ngưu và vua nước Nhuế nhường nhau.蹶生 *quý sinh* (đọc *tinh*), chưa rõ là nghĩa gì. Hoặc nói.蹶 *quý* là phát động.生 *sinh*, hưng khởi.予 *dư*, ta, nhà thơ tự xưng là ta.疏附 *sơ phụ*, khiến kẻ dưới thân với vua để theo về với vua.先後 *tiên hậu* (đọc *hư*), dẫn dắt nhau kẻ trước người sau.奔奏 *bốn tấu*, có đức tốt thì tiếng tăm truyền ra.禦侮 *ngự vụ*, bề tôi vũ tướng ra chống ngăn quân giặc.

Nói rợ Côn di đã phục tùng, vua nước Ngưu nước Nhuế đến hỏi việc tranh chấp được công bình, cho nên chư hầu theo về nhà Chu rất đông. Văn vương do đấy phát động thể hưng khởi lên. Cho nên tuy đức của Văn vương đã dồi dào mà cũng do sự giúp sức của bốn hạng bề tôi ấy mới được như thế. Cho nên mỗi hạng bề tôi đều dùng tiếng *dư viết* để khởi đầu câu nói. Lời thì nhiều mà mạnh mẽ không suy giảm để khen tặng than thở sâu xa Văn vương rất được lòng người.

Thiên Miên có 9 chương, mỗi chương 6 câu.

Chương I nói lúc còn ở đất Bân.

Chương II nói lúc dời sang vùng dưới núi Kỳ.

Chương III nói xây dựng nhà cửa.

Chương IV nói trao cho ruộng nương và cho nhân dân ở yên.

Chương V nói xây dựng tông miếu.

Chương VI nói xây dựng cung thất.

Chương VII nói dựng cửa thành và lập dân thái xã.

Chương VIII nói đến thời Văn vương thì thu phục được rợ Côn di.

Chương IX nói việc Văn vương nhận mệnh trời.

Những lời giải thuyết khác thì xem ở thiên trước.

BÀI THỨ 244

CHƯƠNG I

棫樸

Vực bốc (Văn vương 4)

芄芄 棫樸

1. Bồng bồng vực bốc,

薪之 標之

2. Tân chi dậu chi.

濟濟 辟王

3. Tế tế bích vương,

左右 趣之

4. Tả hữu thú chi,

Dịch nghĩa

1. Cây vực mọc rườm rà thành bụi,
2. Thì dẫn làm củi chất lại thành đống,
3. Đức của vua đẹp dễ,
4. Thì được bề tôi ở hai bên hướng theo mà quy phục.

Dịch thơ

Mọc thành bụi rườm rà cây vược,
Thì dần làm củi chất đống cao,
Đức vua đẹp dễ xiết bao!
Bê tôi tả hữu kéo nhau theo cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 芼芼 bóng bóng, dáng cây rườm rà. 樸 bók, mọc thành bụi, nổi gốc và cành kết chặt dựa vào nhau. 樛 dậu, chất lại thành đống. 濟濟 tế tế, dung mạo đẹp đẽ. 辟 bách, vua, nói Văn vương.

Đây cũng là bài thơ ca vịnh cái đức của Văn vương. Nói cây vược rườm rà mọc thành bụi thì đồn làm củi chất đống lại. Đức của vua đẹp đẽ thì bề tôi ở hai bên đều chạy theo ngài, vì rằng hề đức hạnh dồi dào thì được lòng người xưa hướng theo mà quy phục.

CHƯƠNG II

濟濟辟王

左右奉璋

奉璋峨峨

髦士攸宜

5. Tế tế bách vương,

6. Tả hữu phụng chương.

7. Phụng chương nga nga.

8. Mao sĩ du nghi.

Dịch nghĩa

5. Đức vua của đẹp để hành lễ cúng tế,
6. Được kẻ bề tôi ở hai bên phụ giúp bưng lấy chén rượu có cân bằng ngọc chương.
7. Kẻ bề tôi, bưng lấy chén ngọc có cân bằng ngọc chương có dáng mạo rất hùng tráng dồi dào.
8. Những bậc anh tuấn ấy rất đáng được những chức vụ ấy.

Dịch thơ

Vua đức tốt đứng ra cúng tế.
Chén ngọc chương được kẻ bưng giữ,
Tôi bưng dáng điệu oai hùng,
Trang anh tuấn ấy được dùng xứng thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.璋 chương, phân nửa viên ngọc khuê. Trong lễ cúng tế, vua lấy khuê toàn (một thứ chén có cân bằng ngọc khuê để rót rượu thơm) rót rượu dâng lên xác đồng thì được kẻ bề tôi ở hai bên phụ giúp, khi rót rượu lần thứ nhì thì dùng chương toàn (một thứ chén có cân bằng ngọc chương để rót rượu thơm) rót rượu thì được kẻ bề tôi ở hai bên phụ giúp mà bưng lấy, việc phân chia đã có trong ấy rồi. Cũng là ý xu hướng phụ theo 哦我 nga nga, dồi dào hùng tráng.髦 mao, tuấn. Mao sĩ là tuấn sĩ.

CHƯƠNG III

淠彼涇舟

9. Tả bả Kinh chu

烝徒楫之

10. Chúng đồ tiếp chi.

周王于邁

11. Chu vương vu mại

六師及之

12. Lục sư cập chi.

Dịch nghĩa

9. Chiếc thuyền trên sông Kinh kia lướt tới nhẹ nhàng,

10. Mọi người đều chèo.

11. Vua nhà Chu ra đi

12. Thi sáu đạo quân đi theo bảo hộ.

Dịch thơ

Sông Kinh kia chiếc thuyền lướt nhẹ,

Mọi người đều chèo để lướt xa.

Chu vương lúc bước đi ra,

Quân binh sáu đạo theo mà chở che.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng: 淠 tả, dáng thuyền lướt đi. 涇 Kinh, tên sông Kinh. 烝 chung, nhiều người. 楫 tiếp (đọc tập

cho hợp vận), chèo. 于 vu, đi. 邁 mại, đi 六師 lục sư, sáu đạo quân.

Nói chiếc thuyền trên sông Kinh kia lướt tới, người trong thuyền không ai là không chèo. Khi vua nhà Chu ra đi, thì binh sĩ trong sáu đạo quân đi theo ngài. Vì rằng họ quay về phụ theo người có đức, không khiến họ, họ cũng đi theo.

CHƯƠNG IV

倬 彼 雲 漢

13. Trác bĩ Vân hân

爲 章 于 天

14. Vi chương vu thiên,

周 王 壽 考

15. Chu vương thọ khảo,

遐 不 作 人

16. Hà bất tác nhân?

Dịch nghĩa

13. Sông Ngân to tát kia,

14. Làm thành những vẻ đẹp trên trời.

15. Vua nhà Chu (Văn vương) sống lâu.

16. Sao lại chẳng cảm hóa người được hay sao?

Dịch thơ

Sông Ngân kia một đường to tát.

Trên trời thành những nét đẹp thay!

Vua nhà Chu sống lâu dài,

Sao không cảm hóa thành hay được người?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 倬 *trác*, to. 雲漢 *Vân hán*, sông Ngân ở trên trời, ở giữa khoảng sao Cơ sao Đẩu, dài suốt bầu trời. 章 *chương*, văn chương. Văn vương 97 tuổi mới mất, cho nên gọi là thọ khảo, sống lâu. 遐 *há* đồng với 何 *há* là sao? 作人 *tác nhân*, cảm động lòng người mà biến hóa cho đẹp hay.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|--------------------------|
| 追琢其章 | 17. Đối trác kỳ chương, |
| 金玉其相 | 18. Kim ngọc kỳ tương. |
| 勉勉我王 | 19. Miễn miễn ngã vương, |
| 綱紀四方 | 20. Cương kỷ tứ phương. |

Dịch nghĩa

17. Chạm khắc cho văn vẻ đẹp hơn lên,
18. Như vàng như ngọc cho tính chất cao quý hơn lên.
19. Đức của vua ta cứ cố gắng mãi không thôi,
20. Để sửa sang cả thiên hạ trong bốn phương.

Dịch thơ

*Văn vẻ đẹp thêm lo chạm khắc,
Để ngọc vàng tính chất quý cao,
Vua ta cố gắng giỏi trau,*

Sửa sang bốn phía được mau yên lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng.追 *đôi*, chạm trên vàng.琢 *trác*, khắc trên ngọc.相 *tương*, chất.勉 *miễn* *miễn*, không thôi, cố gắng mãi. Về cái lưới, hễ trương ra gọi 綱 *cương*, sửa sang tu bổ lại gọi kỷ.紀

Chạm và khắc cho văn vẽ thêm đẹp hơn nữa. Như vàng như ngọc là cho tính chất thêm cao quý hơn nữa. Đức của vua ta cứ cố gắng mãi không thôi để sửa sang thành trật tự cả thiên hạ trong bốn phương cho đẹp đẽ hơn nữa.

Thiên Vực bốt có 5 chương, mỗi chương 4 câu.

Trong bài thơ này, 3 chương đầu nói cái đức của Văn vương được người quy phụ vào; 2 chương sau nói cái đức của Văn vương để làm giềng mối chấn chỉnh mọi người trong thiên hạ mà được mọi người quy phụ theo về.

Những bài thơ từ đây cho đến thiên Gia lạc đều không biết do ai làm ra, nghi là phần nhiều do Chu công làm ra.

BÀI THỨ 245

CHƯƠNG I

旱麓

Hạn lộc. (Văn vương 5)

瞻彼旱麓

1. Chiêm bĩ Hạn lộc

榛 栝 濟 濟
豈 弟 君 子
干 祿 豈 弟

2. Trăn hộ tế tế.
3. Khải đế quân tử
4. Can lộc khải đế.

Dịch nghĩa

1. Xem ở chân núi Hạng sơn kia
2. Cây trăn cay hộ mọc lên đông nhiều.
3. Vui vẻ dễ dàng bậc quân tử Văn vương.
4. Cầu phúc lộc rất đẹp dễ dễ dàng và chính đáng.

Dịch thơ

*Chân núi Hạng hãy xem nơi đó
Cây trăn và cây hộ mọc đây.
Dễ dàng vui vẻ vua ấy
Cầu bao phúc lộc thẳng ngay dễ dàng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng.旱 Hạng, tên núi.祿 lộc, chân núi.榛 trăn, thứ cây giống cây lặt mà nhỏ hơn.栝 hộ, thứ cây giống cây kinh mà đỏ.濟濟 tế tế, đông nhiều.豈弟 khải đế, vui vẻ dễ dàng.君子 quân tử, chỉ Văn vương.

Đây cũng là bài thơ ca vịnh cái đức của Văn vương. Nói ở chân núi Hạng sơn thì cây trăn cây hộ mọc rất đông nhiều. Người quân tử vui vẻ dễ dàng, thì việc cầu phúc lộc

cũng đẹp dễ dễ dàng. 干祿豈弟 *can lộc khải đế*, cầu phúc lộc được đẹp dễ dễ dàng, nói cầu phúc lộc một cách nhân đạo, cũng như nói việc tranh đua của Văn vương rất quân tử.

CHƯƠNG II

瑟彼玉瓚

黃流在中

豈弟君子

福祿攸降

5. Sắt bử ngọc toàn,

6. Hoàng lưu tại trung.

7. Khải đế quán tử,

8. Phúc lộc du giáng.

Dịch nghĩa

5. Chén ngọc toàn kia tinh tường đẹp dễ.
6. Thi có rượu vàng thơm ngát rót vào trong.
7. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng.
8. Thi phúc lộc được ban xuống cho.

Dịch thơ

*Chén ngọc toàn tinh tường đẹp thật.
Thi rượu vàng thơm ngát rót vào,
Vua vui và dễ xiết bao!
Thi bao phúc lộc dồi dào ban cho.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 瑟 瑟, dáng tinh tường chu mật. 玉 瓊 ngọc toản, tức là khuê toản, thứ chén rượu, cân bằng ngọc khuê, chén bằng vàng (hoàng kim), ngoài bằng chì (thanh kim, diên) mà ở giữa thì đỏ. 黃 流 hoàng lưu, rượu thơm màu vàng để rót. Lấy nệp than gầy rượu, lấy củ nghệ (uất kim) mà nấu để điều hoà với rượu ấy khiến cho thơm tho bát ngát, rồi lấy chén có cân bằng ngọc khuê rót vào mà dâng lên cúng tế. 攸 攸, sở. 降 降 giáng (đọc hồng cho hợp vận), ban xuống.

Nói chén ngọc toản rất tinh tường đẹp đẽ, thì ắt có rượu vàng thơm ngát ở trong. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng, thì ắt có phúc lộc ban xuống cho tấm thân. Để thấy rõ ràng cái chén quý không đựng mùi hôi tanh nhớp nhúa, và rượu vàng thơm ngát không rót vào cái cỏ đất, thì biết rằng người có đức tốt dồi dào thì ắt được hưởng tuổi thọ và phúc lộc, mà phúc trạch thì không bao giờ ban xuống cho kẻ loạn dân.

CHƯƠNG III

鳶 飛 戾 天

魚 躍 于 淵

豈 弟 君 子

遐 不 作 人

9. Diên phi lệ thiên,

10. Ngư dước vu uyên.

11. Khải đệ quân tử,

12. Hà bất tác nhân?

Dịch nghĩa

9. Chim điều hâu bay đến lưng trời,
10. Con cá bơi nhảy nơi vực sâu,
11. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng,
12. Thì chẳng cảm hóa người được hay sao?

Dịch thơ

*Sát lưng trời điều hâu bay mãi,
Cá vực sâu bơi nhảy nghênh ngang,
Vua thì vui vẻ dễ dàng,
Sao không cảm hóa đoan trang được người?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 鶯 diên, loài chim điều hâu. 戾 lệ, đến, Lý thị bảo Phu Phác tử rằng: Con điều hâu ở dưới thấp thì yếu đuối, đến khi bay đến trên cao thì chỉ thẳng cánh vút thân mình lên mà thôi. Vì rằng sự bay liệng của chim điều hâu hoàn toàn không dùng đến sức mạnh. Cũng như con cá bơi nhảy, vui sướng tự đắc mà không biết vì sao mà được như thế vậy. 還 hà đồng với 何 hà là sao?

Nói chim điều hâu tung bay thì cao sát lưng trời, còn con cá bơi nhảy thì thoát ra nơi vực thẳm. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng thì sao lại không cảm hóa được người hay sao? ý nói tất nhiên là cảm hóa được người.

CHƯƠNG IV

清酒既載	13. Thanh tửu ký tái,
騂牡既備	14. Tinh mẫu ký bị,
以享以祀	15. Dĩ hưởng dĩ tự,
以介景福	16. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

13. Rượu trong đã đựng vào chén,
14. Con thú được làm thịt lông đỏ đã bày lên đầy đủ,
15. Để cúng tế tổ tiên thánh thần.
16. Mà được phúc lộc lớn lao.

Dịch thơ

*Chứa vào chén trong veo thứ rượu,
Đục đỏ lông có thú đủ đầy.
Thánh thần cúng tế dâng bày.
Để cho phúc lớn được ngay dồi dào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.載 *tài* (đọc tức cho hợp vận), đã đựng trong chén.備 *bị* (đọc bậc cho hợp vận), hoàn toàn đầy đủ.

Tiếp theo chương trên nói bực quân tử có đức vui vẻ dễ dàng thì cúng tế để được phúc lộc.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|----------------------|
| 瑟彼柞棘 | 17. Sắt bỉ tạc vực, |
| 民所燎矣 | 18. Dân sở liễu hi, |
| 豈弟君子 | 19. Khải đệ quân tử, |
| 神所勞矣 | 20. Thần sở lao hi. |

Dịch nghĩa

17. Cây tạc cây vực kia mọc tươi tốt rườm rà,
18. Thì dân dùng mà chụm bếp.
19. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng,
20. Thì được thánh thần an ủi vỗ về.

Dịch thơ

*Tạc và vực rườm rà tươi tốt,
Thì người dân chụm đốt dùng ngay!
Dễ dàng vui vẻ vua này
Thánh thần an ủi đủ đầy liền cho.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 瑟 sắt đáng rườm và rậm rạp 燎 liễu nấu bếp hoặc nói là đốt trừ những cỏ ở chung quanh để cây mọc được tươi tốt 勞 lao, an ủi vỗ về.

CHƯƠNG VI

莫 莫 葛 藟	21. Mạc mạc cát lũy
施 于 條 枚	22. Dị vu điều mai
豈 弟 君 子	23. Khải đệ quân tử
求 福 不 回	24. Cầu phúc bất hồi

Dịch nghĩa

- 21. Dây sắn dây bìm rườm rà
- 22. Leo quần lên cành và thân cây khác .
- 23. Bực quân tử vui vẻ dễ dàng.
- 24. Thì cầu được phúc lộc chính đáng không tà vạy

Dịch thơ

*Sắn và bìm rườm rà dây đặc
Quần thân cành cây khác khác nơi.
Vua thì dễ dãi vui tươi
Chẳng hề tà vạy phúc trời cầu mong*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 莫莫 mạc mạc, đáng rườm rà
回 hồi, tà vạy.

Thiên Hạn lộc có 6 chương, mỗi chương có 4 câu.

BÀI THỨ 246

CHƯƠNG I

思 齋	Tư trai (Văn vương 6)
思 齋 大 任	1. Tư trai thái nhâm
文 王 之 母	2. Văn vương chi mẫu.
思 媚 周 姜	3. Tư my Chu Khương.
京 室 之 婦	4. Kinh thất chi phụ
大 姒 嗣 徽 音	5. Thái tự tự huy âm
則 百 斯 男	6. Tác bách tử nam

Dịch nghĩa

1. Bà Thái Nhâm (vợ của Vương Quý) trang kính.
2. Là mẹ của Văn vương.
3. Được bà Chu Khương (Thái Khương, vợ của Thái vương) yêu mến,
4. Xứng đáng là người hiền phụ của nhà Chu
5. Nàng Thái Tự nổi kể được tiếng tốt về đức hạnh đẹp đẽ đấy
6. Cho nên con trai đông đảo có hàng trăm.

Dịch thơ

Bà Thái Nhâm trang nghiêm rất mực.

*Là mẹ hiền của bậc Văn vương,
Được lòng mến của Chu Khương.
Xứng là hiền phụ đoan trang Chu triều
Danh tiếng tốt, nổi theo Thái Tự
Con trai thì đông đủ hàng trăm.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 斯 tư tiếng đệm theo câu nói 齋 trai trang kính 媚 my thương 周姜 Chu Khương nàng Thái Khương người phi của Thái vương 京 kinh nói nhà chu 大妣 Thái Tự người phi của Văn vương 徽 huy đẹp 百男 bách nam nêu một thành số hàng trăm để nói rất nhiều, tức là con trai rất nhiều.

Bài thơ này cũng ca vịnh cái đức của Văn vương để suy từ gốc cội mà nói ra. Nói rằng nàng Thái Nhân trang kính tôn nghiêm này là mẹ của Văn vương, thật đã được bà Chu Khương (Thái Khương) yêu mến rất xứng đáng là người đức hạnh của nhà Chu. Đến nàng Thái Tự (vợ của Văn vương) lại nối kế được tiếng tốt về đức hạnh đẹp đẽ ấy, cho nên con cháu của nàng Thái Tự rất đông đảo.

Trên thì có mẹ sáng suốt, cho nên việc thành tựu của Văn vương được lâu dài, trong thì có vợ hiền tài cho nên Văn vương được sự giúp đỡ rất sâu xa.

CHƯƠNG II

惠于宗公

7. Huệ vu tông công

神岡時怨

8. Thần vông thì oán

神岡時恫

9. Thần vông thì thông

刑于寡妻

10. Hình vu quả thê

至于兄弟

11. Chí vu huynh đệ

以御于家邦

12. Dĩ nhạ vu gia bang

Dịch nghĩa

7. Văn vương thuận với tổ tiên chư hầu đời trước ,

8. Cho nên thần thánh không oán hận.

9. Cho nên thần thánh không đau xót

10. Văn vương làm khuôn phép cho vợ

11. Rồi đến anh em

12. Để đón lấy cả nước nhà đều theo về mình.

Dịch thơ

Với tiên công Văn vương kính thuận.

Thánh thần không oán hận điều gì

Thánh thần chẳng xót đau chi.

Nêu lên khuôn phép thê nhi theo đời

Anh em cũng đồng thời bắt chước.

Đón nhận vào cả nước đều theo

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 惠 huệ thuận 宗公 tông công, những bậc công (vua như hầu) đời trước được thờ ở tông miếu 悃 thông đau đớn 刑 hình nghi lễ pháp chế 寡妻 quả thể như nói quả tiểu quân tiếng vợ của chư hầu tự khiêm xưng 御 nhạ đón rước.

Nói Văn vương thuận theo những tổ tiên chư hầu đời trước cho nên quý thần vui mừng không có điều gì oán hờn đau xót. Khuôn phép thì Văn vương đem thi hành từ trong khuê phòng với vợ rồi đến anh em để nhận đón lấy cả nước nhà đều theo mình. Khổng Tử nói rằng : *Nhà nước* được yên, rồi sau nước mới trị (*Đại học Chu Hy chương cú*). Mạnh tử bảo rằng: Là ý nói chỉ đem lòng mình để đối đãi với kẻ kia mà thôi. (*Mạnh Tử, Lương huệ vương chương cú thượng*). Trương tử bảo rằng: Là ý nói tiếp xúc với thần thánh và mọi người đều hợp đạo nghĩa cả.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 離離在宮 | 13. Ung ung tại cung. |
| 肅肅在廟 | 14. Túc túc tại miếu . |
| 不顯亦臨 | 15. Bất hiển diệt lâm. |
| 無射亦保 | 16. Vô dịch diệt bảo |

Dịch nghĩa

13. ở trong cung (với vợ) thì Văn vương rất ôn hoà.

14. Ở trong tông miếu (lúc cúng tế) thì Văn vương rất cung kính.

15. Trong chỗ u ẩn giữa miếu đường, Văn vương thường xem như có thần thánh soi xét xuống.

16. Văn vương không chán nản mà vẫn cứ giữ gìn cẩn thận mãi.

Dịch thơ

ở trong cung Văn vương hoà thuận.

Trong miếu đường kính cẩn trang nghiêm

U huyền thần tựa giáng tâm.

Không hề chán nản chăm chăm giữ gìn

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 離離 *ung ung* rất ôn hoà 肅肅 *túc túc* rất kính cẩn 不顯 *bất hiển* chốn u ẩn không hiểu rõ được 射 *dịch* đồng với 射 *dịch* là chán ghét 保 *bảo* như 守 *thủ* là giữ gìn.

Nói Văn vương ở trong khuê phòng thì rất ôn hoà, còn ở trong tông miếu thì rất cung kính. Tuy ở trong chốn u ẩn giữa miếu đường mà thường thường Văn vương xem như có thần thánh soi xét xuống vậy. Tuy không chán nản mà Văn vương cũng vẫn thường giữ gìn cẩn thận luôn. Đó dạ thuần cần mãi không thôi là như thế.

CHƯƠNG IV

肆戎疾不殄

烈假不瑕

不聞亦式

不諫亦入

17. Tứ hung tật bất diễn.

18. Liệt giả bất hà.

19. Bất văn diệc thức

20. Bất gián diệc nhập.

Dịch nghĩa

17. Cho đến nay tuy những hoạn nạn to tát không dứt.

18. Mà cái đức sáng suốt to lớn của Văn vương cũng không có tí vết lỗi lầm.

19. Có việc không hề nghe trước mà thi hành vẫn đúng theo phép tắc

20. Tuy không có ai can gián mà hành vi của Văn vương bao giờ cũng vào đúng đường lành.

Dịch thơ

Tuy nay nạn to không hề dứt.

Chẳng vết tí, đạo đức của ngài.

Việc chưa biết, đúng phép thay!

Không người can gián vẫn ngay nẻo lành.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肆 tứ, cho đến nay. 戎 hung, lớn. 疾 tật như 難 nạn là hoạn nạn. 戎疾 hung tật là đại

nạn như việc bị giam ở Dữu lý và nạn rợ Côn di và rợ Nghiễm doãn. 殄 *điễn*, dứt. 烈 *liệt*, sáng rực. 假 *giả*, to tát. 瑕 *hà*, tỳ vết lỗi lầm. Hai câu 17 và 18 này có liên quan mật thiết với hai câu 43 và 44 của thiên *Miên* (bài thứ 243): *Tứ bất diễn quyết uẩn. Diệc bất văn quyết vấn.* 聞 *văn*, nghe biết từ trước. 式 *thức*, phép tắc.

Tiếp theo chương trên, nói cái đức của Văn vương như thế, cho nên những hoạn nạn to tuy không dứt mà đức quang minh chính đại của Văn vương cũng không có tỳ vết lỗi lầm gì. Tuy có việc chưa từng nghe biết từ trước mà cũng không có việc gì là không hợp với pháp độ. Tuy không có ai can gián mà hành vi của Văn vương cũng chưa từng không noi đúng vào đường lành. Đó là *Mao thi truyện* nói tính nết của Văn vương hợp với lẽ trời là thế.

CHƯƠNG V

- | | |
|-------|----------------------------|
| 肆成人有德 | 21. Tứ thành nhân hữu đức, |
| 小子有造 | 22. Tiểu tử hữu tạo, |
| 古之人無斁 | 23. Cổ chi nhân vô dịch, |
| 譽髦斯士 | 24. Dự mao tư sĩ. |

Dịch nghĩa

21. Cho nên đến nay, người lớn thì có đức,
22. Trẻ nhỏ thì được đào tạo.
23. Vì Văn vương giáo hóa không chán nản,
24. Mà những kẻ sĩ đều trở nên trang tuấn kiệt có danh dự

Dịch thơ

Cho đến nay lớn thì có đức,
Trẻ nhỏ thì un đúc nên người.
Văn vương giáo hóa không thôi,
Sĩ nuân tuấn kiệt nên người rạng danh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 成人 thành nhân, người lớn kể từ bậc đã đội mào trở lên. 小子 tiểu tử, con trẻ. 造 tạo, làm. 古之人 cổ chi nhân, người đời xưa, chỉ Văn vương. 譽 dự, danh dự. 髦 mao, tuấn kiệt.

Tiếp theo chương trên nói cái đức của Văn vương xét về công việc của ngài thì như thế. Cho nên nhân tài trong một thời đều được thành tựu vì do nơi cái đức thuần túy dồi dào mãi không thôi của Văn vương. Cho nên khiến những kẻ sĩ ấy đều có danh dự trong thiên hạ mà trở thành những trang tuấn kiệt đẹp đẽ.

Thiên Tư trai có 5 chương, 2 chương 6 câu và 3 chương 4 câu.

BÀI THỨ 247

CHƯƠNG I

皇矣

Hoàng hĩ. (Văn vương 7)

皇矣上帝

1. Hoàng hĩ Thượng đế!

臨下有赫
監觀四方
求民之莫
維此二國
其政不獲
維彼四國
爰究爰度
上帝耆之
憎其式廓
乃眷西顧
此維與宅

2. Lâm hạ hữu hách.
3. Giám quan tứ phương,
4. Cầu dân chi mạc.
5. Duy thử nhị quốc.
6. Kỳ chính bất hoạch.
7. Duy bỉ tứ quốc.
8. Viên cứu viên đặc.
9. Thượng đế kỳ chi,
10. Tăng kỳ thức khoách.
11. Nãi quyển tây cố,
12. Thử duy dữ trạch.

Dịch nghĩa

1. Vì đại thay Thượng đế!
2. Soi xét xuống dưới rất uy nghiêm lưng lầy.
3. Thượng đế soi xét khắp bốn phương.
4. Để cầu mong dân chúng được yên định.
5. Thi có hai nước là nhà Hạ và nhà Thương.
6. Mà việc chính trị đã hư hỏng rồi.
7. Còn những nước khác kia trong bốn phương.
8. Thì Thượng đế đang tìm kiếm và mưu tính.
9. Nếu Thượng đế muốn được như thế,

10. Thì Thượng đế phải tăng thêm quy mô bờ cõi của nước ấy.

11. Cho nên Thượng đế đã trông đoái đến miền tây.

12. Để cho Thái vương làm nhà mà ở nơi ấy.

Dịch thơ

Đức Thượng đế xiết bao vĩ đại!

Đã xét soi hạ giới tinh tường.

Xét soi khắp cả bốn phương,

Mong cho yên định thường thường chúng dân!

Hai nước ấy Thương ân và Hạ

Chính trị xem đều đã hồng rồi.

Bốn phương nước khác đương thời

Kiểm tìm mưu tính thì Trời đang lo.

Nếu Trời mà muốn cho được thế,

Thì quy mô Thượng đế tăng ngay.

Trời đã trông đoái miền tây,

Làm nhà cư trú nơi này Thái vương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皇 hoàng, vĩ đại. 臨 lâm, xem xét. 赫 hách (đọc hác cho hợp vận), uy nghiêm lừng lẫy. 監 giám cũng là xem xét. 莫 mạc, định. 二國 nhị quốc, hai nước là nhà Hạ nhà Thương. 不獲 bất hoạch, nói thất đạo.

四國 *tứ quốc*, các nước ở bốn phương.究 *cứu*, tìm.度 *đạc*, mưu.耆 *kỳ*.憎 *tăng*.式廓 *thức khoách*, chưa rõ nghĩa là gì. Hoặc nói kỳ là đến, *tăng* đáng là chữ *tăng* là thêm, *thức khoách* như quy mô. Đây nói đất Kỳ Chu.

Bài thơ này thuật lại cái đức của Thái vương, Thái Bá, Vương Quý và việc Văn vương đánh nước Mật, đánh nước Sùng.

Đây là chương đầu. Đầu tiên nói Thượng đế soi xét rất sáng suốt, chỉ mong cầu dân chúng được yên định mà thôi. Việc chính trị của nhà Hạ và của nhà Thương đã không được tốt, cho nên Thượng đế mới tìm ở các nước trong bốn phương một nước khác để thay thế nhà Thương. Nếu Thượng đế muốn được như thế thì phải làm cho quy mô bờ cõi của nước ấy to rộng hơn lên. Cho nên Thượng đế bèn đoái trông đến miền tây, lấy đất Kỳ Chu cho Thái vương làm nhà mà ở đấy.

CHƯƠNG II

作之屏之

其菑其翳

修之平之

其灌其桷

啓之辟之

其榱其桷

攘之剔之

13. Tác chi bình chi.

14. Kỳ tri kỳ ế,

15. Tu chi bình chi

16. Kỳ quán kỳ lệ.

17. Khải chi tịch chi,

18. Kỳ sanh kỳ cư.

19. Nhương chi thích chi,

其 樛 其 柘
帝 遷 明 德
串 夷 載 路
天 立 厥 配
受 命 既 固

20. Kỳ yếm kỳ đồ.
21. Đế thiên minh đức,
22. Quán di tái lộ.
23. Thiên lập quyết phối,
24. Thụ mệnh ký cố.

Dịch nghĩa

13. Đến khẩn hoang thì nhổ cây lên mà trừ bỏ
14. Những cây chết còn đứng trơ và những cây chết đã
ngã xuống.
15. Sửa sang cho bằng cho thẳng
16. Những cây mọc thành khóm thành hàng.
17. Giấy trừ cỏ dại.
18. Cho cây sanh cây cư được tốt tươi.
19. Mé xén những cành rườm rà
20. Cho cây yếm cây đồ được lên cao.
21. Thượng đế lại đưa vị vua có đức rạng rỡ ở nơi ấy,
22. Khiến rợ Côn di kinh sợ bỏ chạy đầy đường để lánh
xa nơi khác.
23. Thượng đế lại định hôn phối cho
24. Để giúp vị vua hiền đức ấy nhận lãnh mệnh trời
một cách vững bền.

Dịch thơ

Nhỏ cây trừ bỏ vùng hoang dã
Cây chết khô, cây đã ngã rồi.
Sửa sang bằng phẳng xong xuôi,
Thành hàng thành khóm khắp nơi mọc cung,
Liên giấy phá trừ xong cỏ dại,
Sanh và cư mọc mãi tốt tươi.
Nhánh rườm rà đã xén rồi,
Yếm và đồ mọc kịp thời lên cao,
Vua hiền Trời đưa vào nơi ấy.
Còn đi kia khiếp chạy đầy đường.
Hôn nhân trời đã lo lường,
Mệnh Trời nhận lấy phi thường bên lâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 作 tác, nhỏ lên. 屏 bình, trừ bỏ. 蓄 tri, cây đứng trơ mà chết. 翳 ý, cây ngã chết tự nhiên. Hoặc nói ý là loại cây nhỏ che rợp lên. 修 tu. 平 bình đều là sửa sang cho thừa hay nhặt và ngay thẳng thích hợp. 灌 quân, mọc thành bụi. 例 lệ, mọc thành hàng. 啓 khai. 辟 tịch đều là giấy trừ cỏ. 櫟 sang, cây hà liễu, giống như cây dương, màu đỏ, mọc ở ven sông. 樛 cư (đọc cứ cho hợp vận), cây quỳ, có đốt rỗng như cây trúc có thể làm gậy. 攘 nhương. 剔 thích, nói chặt mẽ những cành rườm rà cho

thông để khiến cây lớn cao lên. 榦 yếm, cây dâu núi. Cây yếm và cây đỗ đều là thứ cây tốt có thể làm cán cung, lại có thể dùng để nuôi tằm. 明德 *minh đức*, nói vua có đức rạng rỡ, tức Thái vương. 串夷載路 *quân di tái lộ*, chưa rõ là nghĩa gì. Hoặc nói *quân* di tức là rợ Côn di, *tái lộ* là chen chặt đường mà đi. Nói rợ Côn di kinh sợ mà bỏ chạy. 配 *phôi*, người phi tài giỏi, nói bà Thái Khương.

Chương này nói việc Thái vương dời về đất Kỳ Chu. Vì rằng đất Kỳ Chu vốn là nơi rừng núi hiểm trở không có người ở và gần rợ Côn di. Khi Thái vương đến ở đây thì người và vật lần lần đông đúc dồi dào, rồi về sau lần lần mở mang ra. Như thế là Thượng đế đã đưa vị vua hiền đức khiến cho ở đất ấy, cho nên rợ Côn di kinh sợ mà chạy lánh ra xa. Thượng đế lại định cho một người phi để giúp vị vua hiền đức ấy. Cho nên vị vua ấy đã nhận lãnh mệnh trời một cách vững bền để rốt cuộc lập thành vương nghiệp.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|----------------------------|
| 帝省其山 | 25. Đế tỉnh kỳ sơn, |
| 柞棫斯拔 | 26. Tạc vực tư bội, |
| 松柏斯兌 | 27. Tùng bách tư đoái. |
| 帝作邦作對 | 28. Đế tác bang tác đối. |
| 自大伯王季 | 29. Tự Thái bá, Vương Quý, |
| 維此王季 | 30. Duy thử Vương Quý. |

因心則友
則友其兄
則篤其慶
載錫之光
受祿無喪
奄有四方

31. Nhân tâm tắc hữu.
32. Tắc hữu kỳ huynh,
33. Tắc đốc kỳ khương (khánh)
34. Tái tích chi quang.
35. Thụ lộc vô táng,
36. Yêm hữu tứ phương.

Dịch nghĩa

25. Thượng đế đã xem xét vùng núi Kỳ sơn,
26. Thấy cây tạc cây vức đều mọc lên cao thẳng,
27. Đường sá, có trồng cây tùng cây bách ở bên lề, đều lưu thông.
28. Thượng đế đã lập nên nước ấy thì cũng chọn một bậc vua có tài đức để đảm đương nổi nghiệp.
29. (Việc nổi nghiệp, Thượng đế đã định xong) từ khi Thái Bá và Vương Quý bắt đầu được sinh ra.
30. Còn Vương Quý này (được nhường ngôi)
31. Vốn sẵn tính tự nhiên thương mến anh em, không cần phải cố tâm gắng gượng.
32. Cho nên càng mến trọng anh khi được nhường ngôi.
33. Vương Quý trau dồi đức hạnh để cho hồng phúc của nhà Chu thêm hậu thêm đầy,
34. Và làm sáng tỏ cái đức của anh đã hiểu người đã biết nhường ngôi cho mình.

35. Vương Quý hiền đức như thế cho nên mới nhận
lãnh phúc lộc của trời mà không mất,

36. Để kịp sau này con cháu có cả thiên hạ bốn phương.

Dịch thơ

Núi Kỳ sơn Trời đã sẵn sóc

Tạc, vực đều thấy mọc thẳng cao.

Đường trông từng bách thông nhau.

Trời lo kén chọn để trao sơn hà.

Em Vương Quý, anh là Thái Bá

Vương Quý này thì quả được ngôi.

Thương anh em sẵn tính rồi,

Càng thêm quý mến lấy người trưởng huynh.

Lo giới trau, phúc lành đầy đặn.

Đức nhường cho càng rạng sáng soi

Phúc thì nhận mãi chẳng thôi,

Bốn phương sẽ đặt mệnh trời gồm thâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 拔 𡗗 兌 𡗗 (xem lại ở thiên Miên bài thứ 243), 𡗗, cây ra cành lá mọc thẳng mạnh lên, không cong co rậm rạp. 𡗗 là giao thông, thông suốt. Đây cũng nói trong khoảng núi rừng ấy đường sá đã giao thông. 對 𡗗 như 當 𡗗, đảm đương. 作 對 tác 𡗗 là nói

chọn lựa người có thể đảm đương nổi quốc gia ấy để đặt lên làm vua. 大伯 *Thái Bà* là con trưởng của Thái vương. 王季 *Vương Quý* là con nhỏ của Thái vương. 因心 *nhân tâm*, không cần phải gắng gượng. 友 *hữu* (đọc vĩ cho hợp vận), tốt lành với anh em. 兄 *huynh* (đọc *hương* cho hợp vận), anh, nói Thái Bá. 篤 *đốc*, đây, hậu. 載 *tái*, thì. 奄 *yêm*, ý nghĩa ở giữa chữ. 忽 *hốt* (là vội) và 遂 *toại* (là bền).

Nói Thượng đế đã xem xét vùng núi ấy mà dựng thấy cây đã mọc thẳng lên, đường sá đã giao thông thì biết nhân dân đã quay về với Thái vương càng đông. Cho nên khi đã lập nên quốc gia ấy, thì lại phải cho Thái vương một bọc vua hiền đức để nối lấy cơ nghiệp ấy. Vì rằng từ lúc sinh ra Thái Bá và Vương Quý thì việc nối ngôi đã được Thượng đế định rồi. Cho nên Thái Bá khi lấy Vương Quý sinh được Văn Vương, thì lại biết mệnh trời đã định về đấy, mới lánh sang đất Ngô mà không trở về nữa. Khi Thái Vương mất, nước truyền cho Vương Quý. Đến thời Văn vương làm vua thì nhà Chu hưng thịnh lên lớn lao.

Nhưng lấy việc Thái Bá tranh Vương Quý lánh sang đất Ngô mà xét, thì Vương Quý nghĩ rằng thiên hạ cho là anh em không hoà hảo tốt lành với nhau. Cho nên chương này nói rằng Vương Quý sợ dĩ đã tốt lành với anh ấy là tính tự nhiên không cần phải gắng gượng.

Khi đã nhận sự nhường ngôi của anh, Vương Quý càng trau dồi đức hạnh để hồng phúc của nhà Chu thêm hậu thêm đầy, và khen tặng cái đức sáng suốt của anh đã nhường ngôi cho như là để làm tỏ rạng cái trí thông minh của anh đã hiểu biết người (biết Văn vương có tài đức

hưng thịnh được nhà Chu). Sự nhường ngôi ấy không phải chỉ có nghĩa là nhường sông, mà con có nghĩa là có trí sáng suốt hiểu biết được người nữa.

Có đức như thế, Vương Quý mới có thể nhận lãnh phúc lộc của trời mà không mất. Đến thời Văn vương và Vũ vương, nhà Chu liền có cả thiên hạ khắp bốn phương.

CHƯƠNG IV

維此王季
帝度其心
貺其德音
其德克明
克明克類
克長克君
王此大邦
克順克比
比于文王
其德靡悔
既受帝祉
施于孫子

- 37. Duy thử Vương Quý
- 38. Đế độ kỳ tâm,
- 39. Mạc kỳ đức âm,
- 40. Kỳ đức khắc minh.
- 41. Khắc minh khắc loại.
- 42. Khắc trưởng khắc quân,
- 43. Vượng thử đại bang,
- 44. Khắc thuận khắc tỷ,
- 45. Tỷ vu Văn vương
- 46. Kỳ đức mỹ hối.
- 47. Kỳ thụ đế祉,
- 48. Di vu tôn tử.

Dịch nghĩa

37. Còn Văn vương này

38. Thì Trời dò liệu được tâm lòng.
39. Khiến cho lời nói và đức hạnh được trầm lắng,
40. Có thể xem xét được việc phải trái,
41. Xem xét được việc phải trái thì có thể phân biệt
được lành dữ.
42. Làm bậc trưởng để dạy dỗ người không chán, làm
bực vua để thưởng phạt nghiêm chính,
43. Để làm vua một nước to này,
44. Mà thương yêu hoà nhã và thân mật với kẻ dưới,
45. Để đến Văn vương
46. Thì đức hành không còn gì hờn trách được.
47. Đã nhận lãnh phúc lộc của trời
48. Mà truyền cho con cháu.

Dịch thơ

*Còn bậc vua hiền này Vương Quý,
Trời đã lo liệu kỹ bản tâm.
Đức, lời đều được thâm trầm,
Khiến cho xem xét chẳng nhầm mảy may.
Việc lành dữ giải bày phân biệt,
Mãi dạy người thưởng phạt nghiêm trang.
Làm vua của một đại bang
Dưới trên thân mật dịu dàng yêu thương.*

*Rồi đến bậc Văn vương sáng suốt,
Đức thì không trách được điều nào,
Phúc trôi đã nhận đôi dào
Để truyền con cháu nối nhau đời đời*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 度 *đạc*, có thể đo lường mọi vật và đo lường nghĩa lý. 黜 *mạch*, truyện *Xuân thu* và *Nhạc ký* đều viết. 莫 *mạc*, ý nói lạng lẽ thanh tịnh. 克明 *khắc minh*, có thể xem xét việc phải trái. 克類 *khắc loại*, có thể phân biệt lành dữ. 克長 *khắc trưởng*, dạy dỗ người không mỗi chán. 克君 *khắc quân*, thưởng thì khánh, phạt thì uy. Nói thưởng thì không sai, cho nên người ta cho là khánh, phạt thì không lạm, cho nên người ta cho là uy. 順 *thuận*, thương yêu hoà nhã, khắp nơi đều phục tùng. 比 *tỷ*, trên dưới thân mật nhau. 比于 *tỷ vu*, đến, đến nơi. 悔 *hối* (đọc *huý* cho hợp vận), để oán hận lại.

Nói Thượng đế đã kềm chế được lòng của Vương Quý, khiến cho có mực thước để lễ nghĩa được đo lường, và lời nói đức hạnh được trầm lắng, khiến lời trái lẽ không được chen vào, cho nên đức hạnh của Vương Quý đã gồm được sáu điều ấy. Đến Văn vương thì đức hạnh đã hoàn toàn không còn điều gì hờn trách được nữa, cho nên mới nhận được phúc lộc của Trời mà truyền cho con cháu.

CHƯƠNG V

帝謂文王	49. Đế vị Văn vương
無然畔援	50. Vô nhiên bần viện.
無然歆羨	51. Vô nhiên hân tiền
誕先登于岸	52. Đản tiên dăng vu ngạn
密人不恭	53. Mật nhân bất cung.
敢距大邦	54. Cảm cự đại bang
侵阮徂共	55. Xâm Nguyên tồ Cung
王赫斯怒	56. Vương hách tư nộ
爰整其旅	57. Viêm chỉnh kỳ lữ
以按徂旅	58. Dĩ át tồ lữ
以篤周祜	59. Dĩ đốc Chu hộ
以對于天下	60. Dĩ đối vu thiên hạ

Dịch nghĩa

49. Thượng đế bảo Văn vương:

50. Chớ bỏ đây, theo đó như thế

51. Chớ tham muốn như thế

52. Hãy làm to rộng đức hạnh trên để sớm đạt đến mức cao siêu của đạo lý

53. Người nước Mật không cung kính,

54. Dám trống lại nước to.

55.Đem quân tràn đến nước Cung để xâm phạm nước
Nguyễn .

56. Văn vương nổi cơn giận dữ

57.Bèn chinh đồn quân lũ

58.đem quân ra ngăn binh nước Mật tiến sang

59.Để hồng phúc nhà Chu thêm đầy

60.Để đáp lại lòng của thiên hạ

Dịch Thơ

Cùng Văn vương Trời đã bảo rõ:

Chớ phụ đây, theo đó thế ni.

Chớ tham như thế làm gì

Đến cao siêu nhất, đức thì mở mang

Người nước Mật ngang tàng chẳng kính

Với nước to lại định chống nhau

Đất Cung quân cứ tràn vào

Văn vương nổi giận xiết bao uy hùng!

Rồi quân đội dốc lòng tu chỉnh

Dem quân ra tiến đánh trận ngay

Nhà Chu hồng phúc thêm đầy

Đáp lòng thiên hạ những ngày chờ mong

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 帝謂文王 Đế vị Văn vương. Thượng đế bảo Văn vương, bày ra lời của Trời bảo Văn vương như nói ở phần sau đây. 無然 vô nhiên, như nói không thể được như thế. 畔 bản, lìa bỏ. 援 viện, nắm lấy. Bản viện là nói buông cái này mà bắt cái kia. 歆 hân, phát động của lòng ham muốn. 羨 tiển, thương mến. ý nói buông lỏng tâm tinh theo vật dục. 岸 ngạn (đọc nghiêng, cho hợp vật), mức cùng tột của đạo lý. 密 Mật, nước Mật Tu, nước chư hầu của họ Cật, nay ở Ninh châu. 阮 Nguyễn, tên nước, nay ở Kinh châu. 徂 tô, đi. 共 Cung, tên đất ở nước Nguyễn, là Cung Trì ở Kinh châu ngày nay. 其旅 kỳ lữ, binh đội của nhà Chu. 按 át, ngăn. 徂旅 tô lữ, nói quân nước Mật đến đánh đất Cung. 祐 hộ, phúc. 對 đối, đáp lại

Lòng người có chỗ bỏ chỗ theo, có chỗ tham muốn đã khiến người ta phải yếu đuối, cứ xuôi theo dòng vật dục mà không thể vượt khỏi thoát lên bờ. Văn vương thì không có hai điều ấy, cho nên đã sớm hiểu biết mà tự giác để đến mức cùng tột của đạo lý con người. Vì Trời thật đã khiến thế chẳng phải sức người có thể đạt đến được.

Cho nên người nước Mật không biết cung kính dâm trái mệnh lệnh, tự tiện dấy binh xâm phạm nước Nguyễn, tràn đến đất Cung. Văn vương liền nổi cơn giận dữ, chinh đồn binh đội, đem quân ra ngăn đón lại, để hồng phúc của nhà Chu thêm dày mà đáp lại ý muốn của thiên hạ bốn phương. Vì đó là nhân việc đáng giận mà giận dữ lên, đầu

tiên chưa có lòng bỏ kẻ này, theo kẻ nọ hay tham muốn gì.
Đó là lần đầu tiên Văn vương ra chinh phạt.

CHƯƠNG VI

依其在京
侵在阮疆
陟我高岡
無矢我陵
我陵我阿
無飲我泉
我泉我池
度其鮮原
居岐之陽
在渭之將
萬邦之方
下民之王

- 61. Y kỳ tại kinh,
- 62. Xâm tại Nguyễn cương.
- 63. Trắc ngã cao cương,
- 64. Vô thử ngã lăng,
- 65. Ngã lăng ngã a,
- 66. Vô ẩm ngã tuyền,
- 67. Ngã tuyền ngã trì,
- 68. Độ kỳ tiên nguyên
- 69. Cư Kỳ chi dương,
- 70. Tại Vị chi tương,
- 71. Vạn bang chi phương,
- 72. Hạ dân chi vương.

Dịch nghĩa

- 61. Văn vương an nhiên ở kinh đô nhà Chu,
- 62. Còn quân đội thì từ cương giới nước Nguyễn tiến ra xâm phạt nước Mật.
- 63. Quân đội tiến lên sống núi cao của ta,
- 64. Không có ai dàn binh ở gò của ta,

65. Gò của ta, nông của ta,
66. Không có ai uống nước ở suối của ta,
67. Ở suối của ta, ở ao của ta.
68. Mưu độ lấy vùng binh nguyên tươi tốt ấy mà dời đô sang.
69. Ở phía nam núi Kỳ,
70. Ở một bên sông Vị,
71. Để muôn nước hướng về
72. Làm vua cả thiên hạ nhân dân.

Dịch thơ

*Ở kinh đô Văn vương yên lặng,
Quân từ nước Nguyễn thẳng tiến sang.
Sơn cương cứ tiến băng ngang,
Núi gò thì chẳng ai dàn binh ra,
Nên gò đều của ta cả đấy.
Suối ta chẳng ai lấy uống vào,
Của ta tất cả suối ao,
Đồng bằng tươi tốt, dời mau kinh thành,
Phía nam núi Kỳ, kinh đô ấy,
Một bên sông Vị chảy sát kê,
Hầu cho muôn nước hướng về,
Khắp trong thiên hạ yên bề đế vương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 依 y, dáng bình an. 京 *kinh* (đọc cương cho hợp vận), kinh đô nhà Chu. 矢 *thỉ*, bày ra. 鮮 *tiên*, lành. 將 *tương*, ở một bên. 方 *phương*, hướng về.

Nói Văn vương an nhiên ở kinh đô nhà Chu, mà quân đội được chinh bị để ngăn được người nước Mật, bèn từ cương giới nước Nguyễn tiến ra đã xâm phạm nước Mật. Những sông núi đã vượt lên tức là sông núi của ta, và không ai dám dàn binh ở bờ gò, uống nước ở suối để chống cự với ta cả. Cho nên mới xem xét địa thế vùng cao nguyên mà dời đô về đây. Gọi là Trình ấp, vào thời nhà Hán, nơi ấy là đất An lăng huyện Phù phong, nay tại huyện Hàm dương, phủ Kinh triêu.

CHƯƠNG VII

帝謂文王

73. Đế vị Văn vương:

予懷明德

74. Dư hoài minh đức,

不大聲以色

75. Bất đại thanh dĩ sắc,

不長夏以革

76. Bất trường hạ dĩ cách,

不識不知

77. Bất thức bất tri,

順帝之則

78. Thuận đế chi tắc,

帝謂文王

79. Đế vị Văn vương:

詢爾仇方

80. Tuân nhĩ cữu phương,

同爾兄弟

81. Đồng nhĩ huynh đệ,

以爾釣援
與爾臨衝
以伐崇墉

82. Dĩ nhĩ câu viên,
83. Dĩ nhĩ lâm xung,
84. Dĩ phạt Sùng dung.

Dịch nghĩa

73. Thượng đế bảo Văn vương rằng:
74. Ta thương nhớ người có đức rạng rỡ như người,
75. Công đức phải ngấm ngấm vì diệu không lộ ra ở
thanh âm và dung sắc.
76. Không được lớn lên rồi thay đổi tính tình,
77. Không được làm khôn làm biết,
78. Chỉ thuận theo phép tắc của Thượng đế mà thôi.
79. Thượng đế lại bảo Văn vương rằng:
80. Hãy mưu tính đánh kẻ thù, nước Sùng của người
đi
81. Hãy hợp với những nước bạn của người,
82. Lấy thang mây của người,
83. Và những lâm xa, xung xa của người ra,
84. Để phá thành nước Sùng vậy.

Dịch thơ

Cùng Văn vương, Trời đã bảo rõ:
Ta thương người rạng rỡ đức lành,

Ngắm ngắm chẳng lộ dung thanh.
 Lớn lên không được tính tình đổi thay,
 Không được lam khôn hay làm biết,
 Phép của Trời mãi miết tuân thôi.
 Dạy Văn vương, lại tiếp lời:
 Hãy mau đánh kẻ thù người, nước Sùng.
 Những nước bạn hợp chung cả lại,
 Những thang mây thì hãy đem ra,
 Cùng lâm xa với xung xa,
 Phá thành Sùng quốc để mà dẹp yên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 予 dư, ta, đặt ra lời của Trời tự xưng. 懷 hoài, thương nhớ. 明德 minh đức, cái đức rạng rỡ của Văn vương. 以 dĩ như. 與 dĩ là cùng, với. 夏 hạ. 革 cách, chưa rõ nghĩa là gì. 則 tắc, phép tắc. 仇方 cừu phương, bên địch, nước thù. 兄弟 huynh đệ, nước thân thiện như anh em với nhau. 鈞援 câu viên, cái thang có móc, để móc vào tường mà leo lên thành, gọi là vân thê (thang mây). 臨 lâm là lâm xa, một loại binh xa để từ phía trên tràn xuống phía dưới. 衝 xung là xung xa, một loại binh xa để từ một bên xung phong đột kích vào. Lâm xa và xung xa là khí cụ để tấn công thành trì. 崇 Sùng, tên nước Sùng, nay ở huyện Hộ, thuộc phủ Kinh Triệu. 墉 dung, tường thành. Theo sách *Sử ký*: Sùng hầu tên Hồ gièm pha ông Tây Bá với vua

Trụ. Vua Trụ bèn giam ông Tây Bá (Văn vương) ở Dữu Lý, bầy tôi của ông Tây bá là bọn Hoàng Yên tin gái đẹp, vật lạ, ngựa hay đem dâng lên vua Trụ. Vua Trụ mới tha ông Tây Bá, ban cho cung tên (để đi chinh chiến) và búa phủ việt (để giết kẻ có tội) để chuyên đi chinh chiến. Nói rằng gièm pha ông Tây Bá là Sùng hầu Hồ. Ông Tây bá được tha trở về. Ba năm sau, ông Tây Bá đánh Sùng hầu Hồ mà lập ra Phong ấp.

Nói rằng Thượng đế thương nhớ Văn vương, mà nói cái đức phải thâm trầm vi diệu, không lộ ra ở hình dáng dấu tích gì, lại có thể không làm khôn làm khéo để tuân theo lẽ trời. Cho nên lại bảo Văn vương chinh phạt nước Sùng. Lữ thị nói rằng: Đây nói cái công đức của Văn vương rất ngấm ngấm không hiểu rõ ra hình tích, chỉ đồng một thể như trời mà thôi. Tuy hưng binh đánh nước Sùng, thật đó là thuận theo phép tắc của Trời, chớ chẳng phải do ý riêng mình vậy.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi truyện. 長 trưởng, lớn. 夏 hạ như. 周夏 chư hạ. Trung quốc, nước Tàu. Trường hạ, người Trung Quốc lớn lên. 革 cách, biến đổi. 不長夏以革 bất trường hạ dĩ cách, không được lớn lên rồi biến đổi tính tình khác lúc thơ ấu.

CHƯƠNG VIII

臨 衡 閑 閑

85. Lâm xung nhàn nhàn

崇 墉 言 言

86. Sùng dung ngôn ngôn

執訊連連
攸馘安安
是類是禡
是致是附
四方以無侮
臨衝荦荦
崇墉仡仡
是伐是肆
是絕是忽
四方以無拂

87. Cháp tấn liên liên.
88. Du quắc an an.
89. Thị loại thị mạ,
90. Thị trí thị phụ.
91. Tứ phương dĩ vô vũ.
92. Lâm xung phát phát.
93. Sùng dung ngật ngật.
94. Thị phạt thị tứ.
95. Thị tuyết thị hốt.
96. Tứ phương dĩ vô phát.

Dịch nghĩa

85. Tấn công đột kích bằng lâm xa và xung xa một cách thung dung hoà hoãn.

86. Thành nước Sùng lớn lao vọi vọi.

87. Bắt quân giặc để tra hỏi liên liên.

88. Quân nào không chịu đầu hàng mới giết và cắt vành tai trái một cách thận trọng không khinh suất bạo tàn.

89. Trước khi xuất quân thì có cúng tế cáo báo với thần linh, khi đến đất giặc thì có cúng tế người đầu tiên đặt ra quân pháp,

90. Là để quân giặc quay về mà phụ thuộc vào mình.

91. Cho nên trong bốn phương không ai dám khinh mạn nữa.

92. Lâm xa và xung xa của Văn vương rất dồi dào và hùng tráng.

93. Thành nước Sùng thì vui vợi lớn lao.

94. Hễ không hàng phục thì Văn vương mới xua quân chinh phạt.

95. Vận mệnh nước Sùng sẽ dứt sẽ tiêu tan.

96. Bốn phương không còn ai dám trái nghịch nữa.

Dịch thơ

Lâm xa với xung xa lẫn tới

Thành nước Sùng vui vợi lớn lao.

Tù binh tra hỏi liên nhau,

Cắt tai đem giết tên nào chẳng tuân.

Đi và đến ân cần tế cúng,

Để giặc đều hưởng ứng quay về,

Bốn phương khinh mạn chẳng hề.

Lâm, xung xe trận chinh tể nhiều đông.

Lớn lao thành nước Sùng vui vợi.

Không hàng thì xua tới đẹp an.

Nước Sùng vận mệnh tiêu tan.

Bốn phương trái nghịch làm cần dám đâu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 閑閑 *nhân nhân* (đọc *hiên hiên* cho hợp vận), từ từ chậm chậm. 言言 *ngôn ngôn*, cao lớn. 連連 *liên liên*, liên tiếp nối nhau. 馘 *quắc*, cắt vành tai. Theo quân pháp, quân địch bị bắt mà không hàng phục thì bị giết và bị cắt vành tai phía tả. 安安 *an an* (đọc *yên yên* cho hợp vận), không khinh bạo. 類 *loại*, cúng tế Thượng đế khi sắp ra quân. 禡 *mạ*, đến đất để chinh phạt mà cúng tế người đầu tiên đã bày ra quân pháp, tức là nói Hoàng đế và Xi vương. 致 *tri*, gọi người ta đến với mình. 附 *phụ*, khiến người ra đến phụ thuộc vào nước mình. 芴芴 *phất phất*, dáng cương thịnh. 屹屹 *ngật ngật*, dáng mạnh mẽ bên chắc. 肆 *tứ*, xua quân tới. 忽 *hốt* (đọc *huất* cho hợp vận), diệt. 拂 *phất*, trái nghịch. Truyện *Xuân thu* nói rằng: Văn vương đánh nước Sùng, ba tuần (30 ngày) mà không hàng phục được, bèn lui về, sửa sang việc giáo hóa rồi trở ra chinh phạt lại. Vua nước Sùng vẫn dựa vào thành lũy, nhưng tự biết mình không địch nổi mới chịu đầu hàng. (*Xuân thu Tả truyện*, Lỗ Hy công năm thứ 19).

Nói lúc khởi đầu Văn vương chinh phạt nước Sùng, tấn công và chiến đấu thung dung không gấp rút, cúng tế cáo với các thần linh để khiến quân giặc quy phụ vào mình thì bốn phương đều không ai là không thuận tùng. Ôi! lúc bắt đầu tấn công và chiến đấu một cách hoà hoãn thung dung, chẳng phải là sức không đủ, chẳng phải biểu thị mình yếu đuối, mà là để người ta biết quy phụ vào mình để được an toàn vậy. Đến khi cuối cùng người ta không

chịu đầu hàng Văn vương mới xua quân tiêu diệt, thì đây là kẻ bị trời giết không thể nào giữ lại được, và kết tội người mới có cơ vậy. Đây là nói việc dùng binh của Văn vương.

Thiên Hoàng hĩ có 8 chương, mỗi chương 12 câu.

Chương I, chương II nói Trời đã khiến Thái vương. Chương III, chương IV nói Trời khiến Vương Quý. Chương V. Chương VI nói Trời khiến Văn vương đánh nước Mật. Chương VII, chương VIII nói Trời khiến Văn vương đánh nước Sùng.

BÀI THỨ 248

CHƯƠNG I

靈臺

經始靈臺

經之營之

庶民攻之

不日成之

經始勿亟

庶民子來

Linh đài. (Văn vương 8)

1. Kinh thủy Linh Đài.

2. Kinh chi doanh chi.

3. Thử dân công chi

4. Bất nhật thành chi.

5. Kinh thủy vật cực.

6. Thử dân tử lai.

Dịch nghĩa

1. Đo đất bắt đầu làm Linh đài.

2. Đo rồi đóng cọc để làm nền.

3. Nhân dân đến làm lụng lo xây cất
4. Không hết ngày mà làm xong.
5. Văn vương bảo: Chớ làm gấp vội.
6. Nhân dân tự dất nhau đến làm mà không cần phải gọi.

Dịch thơ

*Làm Linh đài bắt đầu đo nhẩm.
 Đã đo rồi thì cắm trụ liền.
 Nhân dân làm lụng xây lên
 Một ngày không hết hiển nhiên dựng thành.
 Vua bảo: Chớ làm nhanh vội vã.
 Dân không cần gọi, đã đến ngay.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 靈 *linh*, đo lường. 靈臺 *Linh đài* (đọc đi cho hợp vận), đài do Văn vương làm ra. Gọi *linh* là ý nói cái đài ấy hốt nhiên mà thành như do thần linh làm ra. 營 *doanh*, đóng trụ để định vị trí mà xây cất. 功 *công*, làm. 不日 *bất nhật*, không hết ngày. 亟 *cức*, gấp.

Trong nước có cái đài để xem khí âm dương biến chuyển mà xét biết là tai hại hay tốt lành, thường ra đấy mà xem xét thiên văn để tiết chế sự lao nhọc hay sự nhàn rỗi. Cái đài của Văn vương vừa mới đo và đóng cọc thì nhân dân đã đến làm, cho nên không hết ngày mà xong. Tuy lòng của Văn vương sợ dân chúng phiền nhọc, mới răn

dạy là chớ làm gấp rút. Mà lòng dân thì vui thích ra công như con cái xua vào làm việc cho cha mẹ, không cần kêu gọi là tự đến.

Mạnh tử nói rằng Văn vương dùng sức lực của dân làm dài làm hồ mà lòng dân hân hoan vui thích, mới gọi cái dài ấy là *Linh dài*, gọi cái hồ ấy là *Linh chiều*, là nói về bài thơ này, (Sách *Mạnh tử*, Lương Huệ vương chương cú thượng).

CHƯƠNG II

王在靈囿

麋鹿攸伏

麋鹿濯濯

白鳥嚶嚶

王在靈沼

於仞魚躍

7. Vương tại Linh hựu

8. U lộc du phục,

9. U lộc trạc trạc,

10. Bạch diểu hạc hạc.

11. Vương tại Linh chiều

12. Ô nhận ngư dước!

Dịch nghĩa

7. Vua ở trong vườn Linh hựu

8. Thấy hươu đực hươu cái nhón như yên ổn.

9. Con hươu đực con hươu cái trợn mắt đầy đà.

10. Con chim trắng sạch sẽ tinh anh.

11. Vua ở trong hồ Linh chiều.

12. Ôi! thấy cá đầy đầy nhảy tung tăng.

Dịch thơ

Vườn Linh hựu vua đang ở đấy.
Hươu đực và hươu cái thành thoi.
Hươu đều trơn mượt tốt tươi.
Con chim lông trắng sáng ngời tinh anh.
Vua hiện đang trong Linh chiếu ấy.
Ôi! cá đều đầy dẫy tung tăng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 靈囿 *Linh hựu* (đọc úc cho hợp vận), dưới đài có vườn thú để ngăn riêng mà nuôi chim thú. 麋 *u*, con hươu cái. 伏 *phục*, ở yên nơi không bị ai làm kinh động. 濯濯 *trạc trạc*, dáng mập béo tươi mượt. 騞騞 *hạc hạc*, dáng trong trắng sạch sẽ. 靈沼 *Linh chiếu*, trong vườn thú Linh hựu có cái hồ gọi là Linh chiếu. 沕 *nhận*, đây, Cá đầy nhiều mà nhảy tung lên, ý nói cá nhiều mà được nơi thích hợp.

CHƯƠNG III

虞業維樅

蕢鼓維鏞

於論鼓鐘

於樂辟塵

13. Cự nghiệp duy thông.

14. Phần cổ duy dung.

15. Ô! luân cổ chung.

16. Ô! lạc Bích ung.

Dịch nghĩa

13. Dựng trụ và bắc cây ngang làm nơi treo chuông trống.
14. Có trống to và chuông to.
15. Ôi! để đem chuông trống hoà lòng người cho hợp luân lý,
16. Ôi! để làm vui chốn nhà học Bích ung củ thiên tử.

Dịch thơ

*Dựng trụ bắc cây ngang xong xả,
Trống chuông to treo đã huy hoàng,
Trống chuông hoà hợp luân thường,
Làm vui thiên tử học đường Bích ung.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 虞 初, dựng cây lên để treo chuông khánh, thanh gỗ ngang gọi là cây tuần. 業 nghiệp, miếng ván to ở trên thanh gỗ tuần có khắc hình răng cửa để trang sức. 樅 thông, chỗ treo chuông khánh trên thanh gỗ nghiệp, lấy màu sắc sơn vẽ làm thanh gỗ sừng nha, hình dáng khum khum gỗ lên. 蕢 phần, cái trống to dài 8 thước, mặt trống rộng 4 thước, bụng ở giữa trống phình to rộng hơn một phần ba (1/3) nữa. 鏞 dung, cái chuông to. 論 luân, luân lý, nói hợp luân lý. 辟 bích đồng với 璧 bích, là ngọc bích, tròn và có lỗ ở giữa. 壺 ung, cái hồ. Bích ung là

nhà học của thiên tử, nơi thành lễ đại xạ (thi bắn trước khi cúng tế), có nước chảy vòng chung quanh cái gò cao giống như hình viên ngọc bích để ngăn người xem không thể vượt qua đến gần, cho nên gọi là bích ung.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|------------------------|
| 於論鼓鐘 | 17. Ôi! luân cổ chung, |
| 於樂辟靡 | 18. Ôi! lạc Bích ung. |
| 鼙鼓逢逢 | 19. Đà cổ bông bông |
| 朦朧奏公 | 20. Mông tấu tấu công, |

Dịch nghĩa

17. Ôi! để làm chuông trống hoà lòng người cho hợp luân lý.
18. Ôi! để làm vui nhà học Bích ung của thiên tử.
19. Tiếng trống bằng da kỳ đà nghe hoà dịu.
20. ấy là nhạc sư mù mắt đang tấu khúc.

Dịch thơ

*Cho luân lý hoà cùng tiếng trống,
Chôn Bích ung vang động vui hoà,
Dịu êm tiếng trống kỳ đà,
Nhạc sư đang tấu rõ ra người mù.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鼉 鼉, con kỳ đà, giống như con kỳ, không các kè, dài hơn trượng, da có thể dùng bịt trống. 逢逢 碰碰, hoà. 朦 朦, có trông con mắt mà không trông thấy. 瞶 瞶, đui không có trông con mắt. Đời xưa đều dùng người mù làm nhạc sư, vì người mù rất thính tai, thẩm xét thanh âm rất giỏi. 公 公, công việc. Nghe tiếng trống bằng da kỳ đà thì biết nhạc sư đang tấu nhạc.

Thiên Linh dài có 4 chương, 2 chương 6 câu và 2 chương 4 câu.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Hai chương đầu mừng cái vui của Văn vương được có dài, có hồ và chim thú, hai chương sau mừng cái vui của Văn vương có trống có chuông, đều thuật lại lời của dân chúng mừng vui.

BÀI THỨ 249

CHƯƠNG I

下武
下武維周
世有哲王
三后在天
王配于京

Hạ Vũ. (Văn vương 9)
1. Hạ Vũ duy Chu.
2. Thế hữu triết vương.
3. Tam hậu tại thiên.
4. Vương phối vu kinh

Dịch nghĩa

1. Văn vương và Vũ vương đã tạo ra nhà Chu,
2. Đời có vua hiền trí như Thái vương và Vương Quý.
3. Ba vua đã thăng lên hợp cùng Trời.
4. Vũ vương nối ngôi ở Hạo kinh.

Dịch thơ

*Nhà Chu, Văn, Vũ vương khai sáng,
Có vua hiền trí rạng trên đời.
Ba vua thăng hợp cùng Trời.
Vũ vương kinh Hạo nối ngôi huy hoàng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 下 hạ, ý nghĩa chưa rõ là gì. Hoặc nói rằng chữ 下 hạ đáng là chữ 文 Văn, ý nói Văn vương và Vũ vương thật đã tạo ra nhà Chu. 哲王 triết vương, vua hiền trí, thông thường gọi Thái vương và Vương Quý. 三后 tam hậu, ba vua Thái vương, Vương Quý và Văn vương. 在天 tại thiên, đã mất mà tinh thần thăng lên hợp với Trời. 王 vương, Vũ vương 配 phối, đối, nói lên nối ngôi để đối với ba vua trước. 京 kinh (đọc cương cho hợp vận), kinh đô ở đất Hạo

CHƯƠNG II

王配于京
世德作求
永言配命
成王之孚

5. Vương phối vu kinh,
6. Thế đức tác cầu.
7. Vĩnh ngôn phối mệnh,
8. Thành vương chi phu.

Dịch nghĩa

5. Vũ vương nối ngôi ở Hạo kinh.
6. Phối hợp được cái đức trải qua nhiều đời của tiên vương.
7. Nói rằng mãi mãi hợp với lẽ trời.
8. Để thành cái đức tin của vua trong thiên hạ.

Dịch thơ

Ở Hạo kinh Vũ vương nối nghiệp,
Đức tiên vương phối hiệp đời đời,
Nói rằng mãi hợp lẽ trời,
Tạo thành đức tin rạng ngời của vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Nói Vũ vương xứng đáng tiếp tục cái đức của tiên vương và nói rằng mãi mãi hợp với lẽ trời, cho nên tạo thành đức tin của bậc vua chúa khắp trong thiên hạ. Nếu mà tạm hợp rồi tan lìa, tạm được rồi mất lìa thì không đáng để thành cái đức tin ấy.

CHƯƠNG III

成王之孚

下土之式

永言孝思

孝思維則

9. Thành vương chỉ phụ

10. Hạ thổ chỉ thức

11. Vĩnh ngôn hiếu tư

12. Hiếu tư duy tắc.

Dịch nghĩa

9. Vũ vương đã tạo thành cái đức tin

10. Để làm phép tắc dưới cõi thế gian.

11. Nói mãi là phải nhớ đến đạo hiếu.

12. Đạo hiếu được nhớ mãi ấy đáng làm phép tắc.

Dịch thơ

Đức tin kia Vũ vương thành đạt.

Để làm nên phép tắc cõi này.

Nói rằng đạo hiếu nhớ hoài.

Đáng làm phép tắc, hiếu ray nhớ luôn.

Chú giải của Chu hy

Chương này thuộc phú. 式 thức, 則 tắc đều là phép tắc.

Nói Vũ vương sở dĩ tạo thành được cái đức tin để làm phép tắc trong bốn phương bởi vì nói mãi rằng phải nhớ đến đạo hiếu không bao giờ quên. Cho nên cái đạo hiếu ấy

có thể làm phép tắc vậy. Nếu có lúc bị quên lãng đi thì đạo hiếu thành ra giả dối, sao đáng làm phép tắc được?

CHƯƠNG IV

媚思一人

應侯順德

永言孝思

昭哉嗣服

13. My tư nhất nhân,

14. ứng hầu thuận đức.

15. Vĩnh ngôn hiếu tư.

16. Chiêu tai tự phục.

Dịch nghĩa

13. Thiên hạ chỉ thương mến kính trọng có một người, ấy là Vũ vương.

14. Đã đáp ứng Vũ vương, vì Vũ vương đã thuận theo lòng nhân đức.

15. Vũ vương nói mãi rằng phải nhớ đạo hiếu.

16. Thì rõ ràng thay! Vũ vương đã nối tiếp được sự nghiệp của tiên vương.

Dịch thơ

Thiên hạ chỉ mến thương người ấy,

Hưởng ứng vì thuận mãi lòng nhân.

Nói rằng nhớ hiếu song thân.

Kế thừa xứng đáng vô ngần rõ thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.媚 *my*, thương. 一人 *nhất nhân*, một người, nói Vũ vương.應 *ứng* (như chữ ứng trong câu *phi ứng hê chi*), ứng đáp lại.侯 *hầu*, chỉ.服 *phục* (đọc *bắc* cho hợp vận), công việc.

Nói nhân dân trong thiên hạ đều thương mến kính trọng Vũ vương làm thiên tử. Mà sở dĩ nhân dân đã đáp ứng việc ấy, chỉ vì Vũ vương hành động thuận theo lòng nhân đức. Vũ vương đã nói mãi rằng phải nhớ đạo hiếu. Thì rõ ràng thay! Vũ vương đã nói tiếp được sự nghiệp của tiên vương.

CHƯƠNG V

昭茲來許
繩其祖武
於萬斯年
受天之祜

- 17. Chiêu tư lai hử
- 18. Thằng kỳ tổ vũ.
- 19. Ơ vạn tư niên
- 20. Thụ thiên chi hộ

Dịch nghĩa

- 17. Rạng rõ thay! Nếu đời sau
- 18. Noi theo dấu của tổ tiên.
- 19. Thì có thể trong muôn năm
- 20. Nhận mãi phúc lộc của trời.

Dịch thơ

*Rạng rỡ thay! Nếu đời sau mãi
Dấu tổ tiên noi lấy chăm chăm.
Thì rằng có thể muôn năm,
Phúc trời nhận mãi gọi dầm bên lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.昭茲 *chiêu tư*, tiếp theo câu trên mà nói.茲 *tư* và 哉 *tai*, hai tiếng nghe rất gần nhau vì ngày xưa thông dụng như thế.來 *lai*, đời sau.許 *hử* như chữ 所 *sở*.繩 *thăng*, kế tiếp.武 *vũ*, dấu vết.

Nói cái đạo của Vũ vương rạng rỡ như thế, nếu đời sau noi theo dấu được thì có thể hưởng được phúc lộc của trời lâu dài mà không mất.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|-----------------------|
| 受天之祐 | 21. Thụ thiên chi hộ, |
| 四方來賀 | 22. Tứ phương lai hạ. |
| 於萬斯年 | 23. Ư vạn tư niên |
| 不遐有佐 | 24. Bất hà hữu tá? |

Dịch nghĩa

21. Nhận mãi phúc lộc của trời,
22. Được thiên hạ ở bốn phương đến châu mà chúc mừng.

23. Trong muôn năm ở ngôi thiên tử

24. Há lại không được giúp đỡ hay sao?

Dịch thơ

Mãi nhận lấy trời ban lộc phúc.

Khắp bốn phương đến chúc đến châu,

Muôn năm vương nghiệp bền lâu.

Há không được giúp đỡ vào hay chẳng?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 賀 hạ là triều hạ, vào châu để chúc mừng vua. 遐 hà đồng với 何 hà là sao? 佐 tá, giúp đỡ. ếp là nói *Há bất hữu trợ hồ?* Sao lại chẳng được giúp đỡ?

Thiên Hạ Vũ có 6 chương, mỗi chương 4 câu.

Hoặc nghi rằng bài thơ này vì có chữ. 成王 thành vương phải là vào thời Khang vương trở về sau. Nhưng khảo tìm ý tứ của lời văn, e rằng nên nghe theo thuyết xưa. Vả lại văn thể của bài thơ này cũng có sự thông liên chặt chẽ giữa thiên trước và thiên sau, chẳng phải có sự lầm lẫn đâu.

BÀI THỨ 250

CHƯƠNG I

文王有聲

Văn vương hữu thanh.

(Văn vương 10)

文王有聲
逌駿有聲
逌求厥寧
逌觀厥成
文王烝哉

1. Văn vương hữu thanh,
2. Duật tuần hữu thanh.
3. Duật cầu quyết ninh,
4. Duật quan quyết thành.
5. Văn vương chứng tai!

Dịch nghĩa

1. Văn vương có tiếng tăm.
2. Mà công đức của Văn vương còn to tát hơn tiếng tăm ấy nữa.
3. Vì mong cho thiên hạ được an ninh.
4. Mà thấy được sự thành công của Văn vương.
5. Văn vương đáng bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Văn vương danh tiếng dôi dào.
Nhưng công đức lại lớn lao vô ngần.
Mong thiên hạ chúng dân yên lặng.
Mà thành công thấy đặng rõ ràng,
Đáng làm vua thật Văn vương!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 通 *duật*, ý nghĩa chưa rõ, nghi đồng với 聿 *duật* là tiếng mở lời ở đầu câu 駿 *tuấn*, to 烝 *chưng*, vua.

Bài thơ này nói về việc Văn vương dời sang đất Phong, và Vũ vương dời sang đất Hạo, mà chương đầu suy cần cội ra mà nói rằng: Văn vương có tiếng tăm, mà công đức của Văn vương còn hơn tiếng tăm ấy nữa, vì mong cầu thiên hạ được an ninh mà thấy được sự thành công của Văn vương. Công đức của Văn vương như thế, thì Văn vương được tin là đáng làm vua lắm thay!

CHƯƠNG II

文王受命

有此武功

既伐于崇

作邑于豐

文王烝哉

6. Văn vương thụ mệnh,

7. Hữu thủ vũ công.

8. Ký phạt vu Sùng,

9. Tác ấp vu Phong.

10. Văn vương chưng tai!

Dịch nghĩa

6. Văn vương nhận lãnh mệnh trời,

7. Mới có cái vũ công ấy,

8. Đã đánh nước Sùng,

9. Lại dời đô về đất Phong.

10. Văn vương đáng là bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Văn vương thiên mệnh nhận xong,
Cho nên mới có vũ công thế này,
Nước Sùng, đã ra tay chinh phạt.
Dời kinh đô sang đất Phong rồi.
Văn vương xứng đáng hỏi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 伐崇 phạt Sùng, đánh nước Sùng, việc này đã thấy ở thiên *Hoàng hĩ* (bài thứ 247). 作邑 tác ấp, dời đô. 豐 Phong, đất Phong là đất của nước Sùng, nay ở phía tây nam đất Đỗ Lăng thuộc Hộ huyện.

CHƯƠNG III

築城伊減
作豐伊匹
匪棘其欲
逌追來孝
王后烝哉

11. Trú thành vu hức,
12. Tác Phong y thất.
13. Phỉ cực kỳ dục,
14. Duật truy lai hiếu,
15. Vương hậu chứng tai!

Dịch nghĩa

11. Y theo cái hào cũ mà xây thành,

12. Làm đô ấp ở đất Phong rất xứng với bức thành (không xa xỉ, không lớn lao, chỉ lớn hơn của chư hầu và nhỏ hơn của thiên tử).

13. Chẳng phải gấp hoàn thành ý nguyện của mình,

14. Mà chỉ để noi theo cái chí của tiên vương để tỏ lòng hiếu kính.

15. Văn vương đáng là bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Thành theo hào cũ mà xây,

ấp Phong rất xứng hợp thay với thành!

Chẳng phải để đạt nhanh ý định,

Chỉ tỏ lòng hiếu kính kế thừa.

Văn vương đáng bậc làm vua!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 馭 賦, cái hào, cái ao quanh thành. Đất vuông 10 dặm thì dựng thành, bên thành có hào nước sâu 8 thước, rộng 8 thước. 匹 丈, xứng với nhau. 棘 棣, gấp. 王后 vương hậu, vua, chỉ Văn vương.

Nói Văn vương xây thành ở ấp Phong, dựa theo cái hào cũ làm ranh giới mà xây dựng lên. ấp xây dựng lên để ở cũng xứng với bức thành không xa xỉ lớn lao. Lo xây dựng như thế cũng không phải là muốn gấp hoàn thành ý

muốn của mình, mà đặc biệt là để noi theo chỉ của tổ tiên để tỏ sự hiếu kính của mình.

CHƯƠNG IV

王公伊濯

維豐之垣

四方攸同

王后維翰

王后烝哉

16. Vương công y trạc,

17. Duy Phong chi viên,

18. Tứ phương du đồng,

19. Vương hậu duy hàn.

20. Vương hậu chứng tai!

Dịch nghĩa

16. Công nghiệp của Văn vương rất rạng rỡ.
17. Vì đã xây dựng bức tường thành ở ấp Phong.
18. Thiên hạ bốn phương cùng đồng nhau quy tụ về đây.
19. Và lấy Văn vương làm rường cột.
20. Văn vương đáng là bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Văn vương công nghiệp hiển vinh,
Vì xây nên bức tường thành ấp Phong,
Khắp bốn phương tụ đông về đây,
Rường cột thì chọn lấy Văn vương
Làm vua đáng mặt phi thường!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 公 công, công nghiệp. 濯 trạc, rõ ràng sáng tỏ.

Công nghiệp của vua sở dĩ rõ ràng sáng tỏ vì đã xây dựng nên bức tường thành ở ấp Phong, thiên hạ bốn phương đều quy tụ về đây và lấy Văn vương làm rường cột.

CHƯƠNG V

豐水東注

維禹之績

四方攸同

皇王維辟

皇王烝哉

21. Phong thủy đông chú,

22. Duy Vũ chi tích.

23. Tứ phương du đồng,

24. Hoàng vương duy bích.

25. Hoàng vương chưng tai!

Dịch nghĩa

21. Sông Phong chảy về phương đông,

22. Đó là công trình của ông Vũ

23. Thiên hạ bốn phương nhờ đây mà đồng cùng nhau quy tụ về,

24. Và nhận Vũ vương làm vua.

25. Vũ vương đáng bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Sông Phong chảy thẳng về đông,

Vũ xưa thành tựu nên công trình này,
 Bốn phương được nhờ ngay quy tụ,
 Nhận là vua bậc Vũ vương rồi.
 Vũ xương xứng đáng hỡi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 豐水 *Phong thủy*, sông Phong chảy về phía đông bắc, ngang qua phía đông ấp Phong, nhập vào sông Vị rồi đổ vào sông Hoàng Hà, 績 tích, công nghiệp. 皇王 *hoàng vương*, vua, hiệu của bậc vua gồm thâu cả thiên hạ, chỉ Vũ vương, 辟, *bích* vua.

Nói sông Phong chảy về hướng đông, đó là công trình của ông Vũ. Cho nên thiên hạ ở bốn phương nhờ đấy mà đồng cùng nhau quy tụ về để nhận Vũ vương là vua. ấy là lúc Vũ vương chưa dựng kinh đô ở đất Hạo.

CHƯƠNG VI

鎬京辟靡

自西自東

自南自北

無思不服

皇王烝哉

26. Hạo kinh Bích ung

27. Tự tây tự đông

28. Tự nam tự bắc

29. Vô tư bất phục

30. Hoàng vương chứng tai!

Dịch nghĩa

26. Lập nhà học ở Bích ung ở Hạo kinh để việc học hành.

27. Từ phương tây, từ phương đông,

28. Từ phương nam, từ phương bắc.

29. Không ai không thành tâm từng phục,

30. Vũ vương đáng là bậc vua thay!

Dịch thơ

Ở Hạo kinh lập Bích ung,

Từ phương tây đến phương đông xa gần,

Từ phương nam đến lẫn phương bắc,

Chẳng ai không chân thật phục tùng.

Vũ vương đáng bậc cứu trùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鎬京 Hạo kinh, kinh đô ở đất Hạo do Vũ vương dựng lên, ở phía đông sông Phong, cách ấp Phong 25 dặm. Trương tử nói rằng: Nhà Chu từ ông Hậu Tắc ở đất Thai, ông Công Lưu ở đất Bân, Thái vương ở ấp Kỳ, rồi Văn vương dời về ấp Phong, đến Vũ vương ở đất Hạo, đương lúc bấy giờ nhân dân quy tụ theo ngày thêm đông đảo, đất không thể nào chứa cho đủ, cho nên không thể nào không dời đi nơi khác được. 辟離 Bích ung,

nhà học của thiên tử; có nước chảy vòng quanh cái gò cao giống như hình viên ngọc bích tròn có lỗ ở giữa, để ngăn người xem không được đến gần (lời giải đã thấy ở chương IV thiên *Linh đài*, bài thứ 248). Trương tử nói rằng: Bích ung ở Linh đài là nhà học của Văn vương. Bích ung ở Hạo kinh là nhà học của Vũ vương, đến đây mới là nhà học của bậc thiên tử. 無思不服 *Vô tư bất phục*, không ai là không thành tâm từng phục, phục từng chân thật từ tâm hồn, chứ không phải phục từng vì sợ sức mạnh. Mạnh tử nói rằng: Không được thiên hạ thành tâm từng phục, mà mình được làm vua cả thiên hạ, thì chưa có bao giờ.

Đây nói Vũ vương dời về ở Hạo kinh, lo giới trau việc học hành và thi hành nghi lễ mà tự nhiên được thiên hạ phục tùng.

CHƯƠNG VII

考卜維王	31. Khảo bốc duy vương
宅是鎬京	32. Trạch thị Hạo kinh.
維龜正之	33. Duy quy chính chi,
武王成之	34. Vũ vương thành chi.
武王烝哉	35. Vũ vương chưng tai!

Dịch nghĩa

31. Vũ vương bốc mai rùa mà khảo xét
 32. Việc về ở Hạo kinh ấy
 33. Được mai rùa quyết định cho việc ấy.

34. Vũ vương bèn dựng đô ấp ở đây.

35. Vũ vương đáng là bậc làm vua thay!

Dịch thơ

Vũ vương xem bói đành rành

Xem về việc ở Hạo kinh thế nào,

Mai rùa đã dùng vào giải quyết,

Vũ vương bèn kiến thiết xong xuôi,

Vũ vương xứng đáng hỏi ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 考 khảo, kê khảo. 宅 trạch, ở. 正 chính (đọc chính cho hợp vận), quyết 成之 thành chi, làm đồ ấp mà ở.

Trương tử nói rằng: Đây nói về người đã mất, thuật lại sự nghiệp của người ấy mà nói.

CHƯƠNG VIII

豐水有芑

36. Phong thủy hữu khí,

武王豈不仕

37. Vũ vương khí bất sĩ?

詒厥孫謀

38. Di quyết tôn mưu,

以燕翼子

39. Di yển dục tử.

武王烝哉

40. Vũ vương chứng tai!

Dịch nghĩa

36. Sông Phong có cỏ khỉ.
37. Vũ vương há lại không có công việc để lo lắng hay sao?
38. Truyền một mưu kế lâu dài cho cháu,
39. Để cho con được yên ổn hiếu kính,
40. Vũ vương đáng là bậc làm vua thay!

Dịch thơ

*Sông Phong cỏ khỉ dồi dào.
Vũ vương há chẳng việc nào để lo?
Kế mưu dài truyền cho đứa cháu,
Để cho con hiếu thảo yên nơi.
Vũ vương xứng đáng hỏi ôi!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 芑 *khỉ*, tên một thứ cỏ. 仕 *sĩ*, việc 詒 *di*, truyền lại, để lại 燕 *yến*, yên. 翼 *dực*, kính. 子 *tử* (đọc *tỉ* cho hợp vận), con, chỉ Thành vương.

Hạo kinh ở hạ lưu sông Phong, cho nên mới lấy đó mà khởi húng. Nói sông Phong còn có cỏ khỉ, thì Vũ vương há lại không có việc để lo lắng hay sao? Để lại mưu kế lâu dài cho cháu, và để con được yên ổn hiếu kính, ấy là công việc lo lắng của Vũ vương. Mưu lo cho cháu, thì con sẽ được an nhàn vô sự. Hoặc nói rằng là thuộc phú. Nói ở bên bờ sông Phong, cây cỏ tươi tốt rườm rà. Vũ vương há lại không

muốn có công việc để lo lắng ở đây hay sao? Nhưng vì muốn truyền lại một mưu kế lâu dài cho cháu, để con được yên ổn hiếu kính, cho nên không thể nào không dời đô đi nơi khác được.

Thiên Văn vương hữu thành có 8 chương, mỗi chương 5 câu

Bài thơ này lấy công nghiệp vũ bị mà khen Văn vương. Đến Vũ vương thì nói "Nhận Vũ vương là vua, không có ai là không thành tâm từng phục" mà thôi. Vì rằng Văn vương đã tạo lập mối khởi đầu để Vũ vương chỉ tiếp tục mà kết thúc không khó khăn gì, để thấy rõ Văn vương là về văn chẳng phải là không đầy đủ về vũ bị. Còn Vũ vương gồm được thiên hạ chẳng phải chỉ dùng sức mạnh để lấy được đâu

Văn vương chi thập có 10 thiên, 66 chương, 414 câu.

Theo *Trịnh phả*: Từ nay trở về trước là thơ trong thời Văn vương và Vũ vương, từ đây trở về sau là thơ trong thời Thành vương và Chu công.

Nay xét theo câu đầu thiên *Văn vương* (bài thứ 241) nói "*Văn vương tại thượng*", thì rõ là không phải thơ trong thời Văn vương. Lại có câu nói "*Vô niệm nhĩ tổ*", thì rõ không phải thơ trong thời Vũ vương. Thiên *Đại minh* và thiên *Văn vương hữu thành* đều nói cả Văn vương và Vũ vương, chẳng phải chỉ nói về một người mà thôi, thì làm sao nhận là làm vào thời Văn vương và Vũ vương được? - Vì rằng thơ chính nhĩ đều là thơ vào thời Thành vương và Chu công trở về sau. Mà phần *Văn vương chi thập* này đều

là những thơ kể lại công đức của Văn vương và Vũ vương, cho nên lời phả mới dự theo đây mà làm.

2. SINH DÂN CHI THẬP.

(Mười bài thuộc thơ Sinh dân)

BÀI THỨ 251

CHƯƠNG I

生民	Sinh dân. (Sinh dân I)
厥初生民	1. Quyết sơ sinh dân
時維姜嫄	2. Thì duy Khương nguyên.
生民如何	3. Sinh dân như hà?
克禋克祀	4. Khắc ân khắc tự,
以弗無子	5. Dĩ phát vô tử.
履帝武敏歆	6. Lý đế vũ mẫn hân.
攸介攸止	7. Du giới du chỉ,
載震載夙	8. Tái chấn tái tức (túc).
載生載育	9. Tái sinh tái dục.
時維后稷	10. Thì duy Hậu Tắc.

Dịch nghĩa

1. Người nhà Chu đầu tiên sinh ra

2. Là do nàng Khương Nguyên.
3. Sinh ra người ấy như thế nào?
4. Nàng Khương Nguyên hết lòng tình thành cúng tế
mà cầu con.
5. Để trừ cái nạn không có con.
6. Nàng Khương Nguyên đập lên cái dấu chân to chỗ
ngón cái của Trời mà thấy kinh động trong thân thể.
7. Rồi từ cái dấu chân to ấy mà đứng giẫm lên,
8. Nàng Khương Nguyên có thai và kính cẩn giữ gìn
tính tình đức hạnh để có ảnh hưởng tốt cho cái bào thai.
9. Rồi nàng sinh ra đứa con, rồi nàng nuôi nấng dưỡng dục,
10. Đứa con ấy là ông Hậu Tắc.

Dịch thơ

*Nhà Chu sinh nở đầu tiên,
Chính là hiền mẫu Khương Nguyên sinh thành.
Thế nào đã hạ sinh người ấy?
Cầu con thành kính mãi Khương Nguyên,
Nạn không con muốn trừ yên.
Dấu chân ngón cái giẫm lên động tình.
Từ lúc giẫm lên hình ngón cái,
Có thai, cung kính mãi chẳng thôi.
Sinh con rồi để dưỡng nuôi,*

Rõ là Hậu Tắc chính người con kia.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 民 dân, người, nói người nhà Chu. 時 thi, là. 姜嫄 Khương Nguyên (đọc Nguân cho hợp vận), dòng dõi Viêm đế, họ Khương, con gái của Hữu Thai thị, tên Nguyên làm thế phi của vua Cao Tân. 禋ân, hết lòng tinh thành. 祀 tự (đọc dĩ cho hợp vận), cúng tế Trời để cầu con. 弗 phát, tức nói. 拔 phát, là cúng tế để trừ nạn không có con, cầu cho có con. Người đời xưa lập cung miếu giao môi để cúng tế mà cầu cho có con. Vì rằng tế Trời ở cõi giao, đồng nội ngoài xa, mà đem thân Tiên môi hợp với thần Biển môi mà tế chung. 媒 môi tức là nói 禰 môi, vị thần để cầu cho có con. Lễ tế môi để cầu cho có con thì lấy ngày chim huyền diệu (chim én) bay đến (tiết xuân phân tháng 2, chim én cảm khí dương bay đến đậu trên nhà người ta), dùng lễ vật thái lao (bò, dê và heo) mà cúng tế. Thiên tử thân đến tế, hoàng hậu dẫn cửu tần theo hầu hạ. (Thiên tử có 5 bậc nội quan trong cung: hoàng hậu, phu nhân, tần, thế phụ, nữ ngự, tất cả 120 người. Những phi tần nào chưa thụ thai thì cầu cho mau có thai). Mới khiến quan thái chúc rót rượu ngọt trao cho những phi tần nào đã thụ thai với vua uống, rồi cho mang cái bao cung, và trao cho cầm cung tên ở trước đàn lễ giao môi. (Cho mang cái bao cung và cầm cung tên là ý mong cho sinh được con trai). 履 lý, dạp giẫm lên. 帝 Đế, Thượng đế. 武 vũ, dấu chân. 敏 mẫn (đọc mỹ cho hợp vận), ngón cái. 歆 hân, động, như kinh dị, thấy kinh động lạ lùng ở trong mình. 介 giới,

to. 震 *chấn*, có thai. 夙 *túc* như 肅 *túc* là kính. Người mẹ sinh con, được một tháng thì ra ở nơi nhà trắc thất (nhà ở một bên). 育 *dục* (đọc *vức* cho hợp vận), nuôi.

Nàng Khương Nguyên ra cúng tế giao môi để cầu con, thấy dấu chân người rất to, mới giẫm lên chỗ ngón cái, bèn thấy kinh động như có người giao cảm. Cho nên từ chỗ dấu chân to và khi đạp giẫm lên, nàng thấy chấn động trong thân thể và có thai. Do đó người đầu tiên của nhà Chu là ông Hậu Tắc bắt đầu sinh ra. Chu công chế lễ, tôn ông Hậu Tắc lên thờ chung với Trời, cho nên làm bài thơ này, để suy căn cội có điềm lành khi mới sinh ra, để thấy rõ là đã nhận mệnh của Trời ban, hẳn nhiên phải có gì lạ hơn với thường dân.

Nhưng cái thuyết *dấu chân to*, các nhà nho đời trước hoặc có người rất nghi ngờ. Trương tử nói rằng: Lúc khởi đầu của trời đất hẳn là chưa từng có loài người trước tiên, thì loài người hẳn nhiên do sự biến hóa dung hợp mà sinh ra. Đó là cái khí của trời đất đã sinh ra loài người.

Tô thị cũng nói: Phàm vật gì đã khác trội hơn những vật bình thường, vật ấy đã nhận lãnh cái khí của trời đất thường thường nhiều hơn, cho nên lúc sinh ra hẳn nhiên hoặc có khi lạ lùng. Con kì lân sinh ra lạ lùng hơn loài chó loài dê. Con giao long sinh ra lạ lùng hơn loài cá loài ba ba. Giống vật hẳn nhiên đã có như thế, thì người thân sinh ra mà lạ lùng hơn người thường thì đáng lấy làm quái lạ hay sao? Lời nói ấy đúng lắm.

CHƯƠNG II

誕彌厥月
先生如達
不坼不副
無咎無害
以赫厥靈
上帝布寧
不康禋祀
居然生子

11. Dẫn di quyết nguyệt
12. Tiên sinh như thát
13. Bất sích bất phách
14. Vô tai vô hại
15. Di hách quyết linh.
16. Thượng đế bất ninh?
17. Bất khang ân tự
18. Cư nhiên sinh tử

Dịch nghĩa

11. Dứt hạn kì mang nặng (trong 10 tháng, tức 9 tháng 10 ngày)

12. Nàng Khương Nguyên sinh dễ lần đầu tiên dễ dàng như dê đẻ

13. Không bị rách không bị nứt,

14. Không bị tai không bị hại gì hết

15. Để thấy rõ ràng có thần linh lạ lùng.

16. Trời há lại chẳng an tâm hay sao?

17. Trời há lại chẳng vui lòng việc làng tình thành cúng tế cầu con hay sao?

18. Mà bỗng dưng khiến nàng sinh ra đứa con này không hợp lẽ tự nhiên của loài người.

Dịch thơ

Thai kia đã đủ tháng rồi
Đầu lòng sinh sản dễ thời như dê
Nàng Khương Nguyên chẳng hề rách nứt
Tai hại thì rõ thật đều không
Rõ ràng linh ứng lạ lùng
Thì trời há chẳng an lòng hay sao?
Chẳng vui lòng việc cầu con ấy?
Mà bỗng dưng sinh trái đạo thường

Chú giải của Chu Hy.

Chương này thuộc phú 誕 誕, tiếng mở ở câu đầu câu, dĩ hết, dứt. Hết cái hạn kì 10 tháng 先生 *tiên sinh*, sinh ra đầu tiên 達 *thát*, con dê nhỏ. Dê con sinh dễ dễ dàng. Không có để lại hoạn nạn gì 坼 *xích*, 副 *phách*, đều có nghĩa là liệt ra, nứt ra. 赫 *hách*, hiển hách 不寧 *bất ninh* là ninh, an ninh, Há chẳng an ninh hay sao? 不康 *Bất khang* là khang, há chẳng an vui hay sao? 居然 *cư nhiên* như 倏 *đồ nhiên*, bỗng dưng.

Phàm người sinh, đẻ, người mẹ ắt phải chịu rách nứt tai hại, mà sinh ra đứa con so(đầu lòng) thì càng khó khăn hơn. Nay nàng Khương Nguyên lần đầu sinh ra ông Hậu Tắc, nàng sinh dễ dễ dàng như dê đẻ, không bị khổ đau vì rách nứt tai hại, thì đã rõ ràng việc linh dị ra rồi. Thượng đế há lại chẳng yên tâm hay sao? há lại chẳng vui lòng

việc ta tình thành cúng tế để cầu con hay sao? Để khiến ta không hợp nhân đạo(không do đạo tự nhiên của loài người sinh ra con cái) mà bỗng dưng sinh ra đứa con này.

CHƯƠNG III

誕真之隘巷

牛羊腓字之

誕真之平林

會伐平林

誕真之寒冰

鳥覆翼之

鳥乃去矣

后稷呱矣

實覃實訏

厥聲載路

19. Đản chí chí ải hạng

20. Ngưu dương phì tự chi.

21. Đản chí chí bình lâm

22. Hội phạt bình lâm.

23. Đản chí chí hàn băng

24. Điều phú dục chi

25. Điều nãi khứ hĩ

26. Hậu tắc cô hĩ

27. Thực đàm thực hu

28. Quyết thanh tái lộ.

Dịch nghĩa

19. Mới đem bỏ con, để bên đường hẹp.

20. Bò dê đến che chỗ mà thương mến.

21. Mới đem bỏ con, để trong rừng nơi đất bằng,

22. Gặp người đốn củi lượm đem đi (để khỏi bị chim thú ăn thịt).

23. Lại đem để Hậu Tắc trên nước đá lạnh buốt,

24. Chim bay đến lấy một cánh đây cho, một cánh lót cho.

25. Thấy có người đến, chim bèn bay đi.

26. Hậu Tắc oa oa khóc lên.

27. Tiếng thật dài và thật lớn,

28. Tiếng khóc tràn khắp nẻo đường.

Dịch thơ

Đem con ra bỏ bên đường,

Bò dê che chở mến thương vô cùng.

Rừng đất bằng lại bỗng đem bỏ.

Gặp tiêu phu đến đó nhặt về.

Bỏ trên nước đá tái tê.

Chim đâu bay đến lót che anh hài.

Thấy người đến, chim bay đi mất.

Lúc bấy giờ Hậu Tắc oa oa,

Tiếng to lại kéo dài ra,

Nẻo đường vang khắp gần xa tiếng người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 隘 ải, hẹp. 腓 *phì*, che chở bảo vệ 字 *tự*, thương yêu. 會 *hội*, gặp. Gặp người đồn củi đem về. 覆 *phú*, che đây. 翼 *dị*, lót. Lấy một cánh mà đây cho, lấy một cánh mà lót cho. 呱 *cô* (đọc cố cho hợp vận), tiếng

khóc. 覃 *đam*, dài. 訐 *hu* (đọc *hú* cho hợp vận), to, lớn, 載 *tái*, đầy. *Tái lộ* là đầy đường, nói tiếng khóc vang dậy khắp nẻo đường.

Không hợp nhân đạo mà sinh ra con (không do vợ chồng ăn ở với nhau theo lẽ thông thường của con người) hoặc cho là điềm không lành, cho nên đem con ra bỏ, mới có việc lạ lùng ấy, vì thế mới lượm con đem về mà nuôi.

CHƯƠNG IV

誕食匍匐

克岐克嶷

以就口食

蓺之荏菹

荏菹旃旃

禾役穰穰

麻麥幪幪

瓜瓞嗒嗒

29. Đản thực bồ bặc

30. Khắc kỳ khắc ngức.

31. Dĩ tựu khẩu thực

32. Nghệ chi nhẫm thúc.

33. Nhẫm thúc bá bá.

34. Hoà dịch toại toại.

35. Ma mạch mông mông.

36. Qua điệt phong phong.

Dịch nghĩa

29. Và thật vào lúc biết bò

30. Hậu Tắc trông đã cao lớn xinh tươi.

31. Và đến lúc biết bưng chén cơm và vào miệng ăn
(6,7 tuổi)

32. Hậu Tắc ưa trồng cây đậu.

33. Thì cây đậu tốt tươi cành lá cất lên cao.
 34. Hậu Tắc trông lúa thì có hàng có dãy tốt đẹp.
 35. Dây gai và lúa mạch được Hậu Tắc trồng lên thì
 tươi tốt rườm rà.
 36. Dưa của Hậu Tắc trồng thì có trái rất sai.

Dịch thơ

*Thật vào lúc đã biết bò,
 Xinh tươi Hậu Tắc lớn to đầy đà,
 Lúc biết bưng tự và ăn lấy,
 Cây đậu thì lại thấy ưa trồng.
 Lá cành cao cất thung dung,
 Lúa trông hàng dãy vô cùng xinh tươi.
 Gai và mạch trông thời chen đặc.
 Dưa trồng lên thì rất trái sai.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 葡萄 bồ bặc, bò cả tay lẫn chân: 岐嶷 kỳ ngức, dáng cao lớn xinh tươi. 就 tựu, hướng vào. 口食 khẩu thực, tự biết ăn, vì là lúc sáu bảy tuổi. 藝 nghệ, trồng. 荏菽 nhâm thúc, thừa đậu to. 旆旆 bá bá, cành mọc cất lên cao. 役 dịch, hàng. 穰穰 toại toại, dáng mạ lên tốt đẹp. 幪幪 mông mông, chen đặc rườm rà. 嗒嗒 phong phong, nhiều trái, có trái rất sai.

Nói ông Hậu Tắc vào lúc biết ăn một mình đã có cái chí lo trồng trọt vị thiên tính như thế. Sách *Sử ký* viết rằng: Ông Khí (Hậu Tắc) lúc còn bé thơ khi giốn chơi ưa trồng gai trồng mạch, thì dây gai và lúa mạch đều tươi tốt. Kịp khi đến tuổi thành thân Hậu Tắc lại ưa việc cày cấy làm ruộng, và được vua nghiêu cử làm chức nông sư.

CHƯƠNG V

誕后稷之穡

有相之道

蒹蕀豐草

種之黃茂

實方實苞

實種實褒

實發實秀

實堅實好

實穎實栗

卽有邨家室

37. Dẫn Hậu Tắc chi sắc

38. Hữu tương chi đạo.

39. Phát quyết phong thảo,

40. Chúng chi hoàng mậu.

41. Thực phương thực bao.

42. Thực chủng thực tộ,

43. Thực phát thực tú,

44. Thực kiên thực hảo,

45. Thực dinh thực lật.

46. Túc hữu Thai gia thất.

Dịch nghĩa

37. Việc ông Hậu Tắc thu gặt

38. Như có thần linh giúp đỡ (rất được mùa).

39. Khởi đầu (ông dạy dân chúng) giẫy cỏ um tùm,

40. Rồi rải hạt lúa vàng tốt đẹp.

41. Hột giống rải đều khắp mầu ruộng, mới lên mầm,
bao vỏ chưa rớt.
42. Mầm đã lên, bao vỏ rớt xuống và cây con lên dài,
43. Cùng vượt lên và bắt đầu ra bông,
44. Rồi trở hột thật chắc, thật tốt đẹp,
45. Gié lúa nặng trĩu quật đầu xuống và không có hột lép.
46. Vì thế ông Hậu Tắc liền được phong ở nước Thai,
được sẵn cả nhà cửa của quê mẹ ở đây.

Dịch thơ

*Việc ông Hậu Tắc gặt vào
Như thần giúp đỡ dồi dào vô song.
Khởi đầu cỏ rậm đồng lo giầy.
Hột lúa vàng đem rải khắp nơi,
Khắp đồng đội vỏ lên rồi,
Vỏ liền rớt xuống, ngọn trời lên cao,
Vượt lên mãi, bắt đầu bông trở,
Chắc lại xinh hột lộ khắp đồng.
Gié không hột lép rủ thông,
Cửa nhà Thai quốc được phong cho liên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 相 tương, giúp. Nói đem hết sức người ra mà giúp. 莠 phát, trĩ, trừ bỏ. 種 chúng, rải ra. 黃茂

hoàng mậu, lúa tốt. 方 *phương*, lúa ra bông, mới kết vỏ mà chưa thành hạt. 苞 *bao* (đọc *bâu* cho hợp vận trắc), lên mầm mà bao vỏ chưa rớt. Đây nói ngâm hạt giống. 種 *chủng*, lên mầm, bao vỏ đã rớt có thể đem trồng. 褒 *tự*, lần lần lên cao. 發 *phát*, đều vượt lên. 秀 *tú*, bắt đầu ra bông. 堅 *kiên*, hạt chắc. 好 *hảo* (đọc *hầu* cho hợp vận), hình dáng và mùi vị rất tốt. 穎 *dĩnh*, hạt nhiều và to rủ thông ngọn xuống. 栗 *lật*, lúa lép. Khi đã gặt về thấy hạt lúa đầy đặn không có lép. 郅 *Thai*, nước Thai, bên mẹ của ông Hậu Tắc. Há lại hoặc giết đi, hoặc dời đi, mà lại còn lấy đất phong cho Hậu Tắc nữa hay sao? (Nói Hậu Tắc lúc sinh ra trái lẽ thường của người ta, thì suýt bị giết, bị dời đi nơi khác. Nhưng ngày sau thành công trong việc canh nông, Hậu Tắc được phong ở nước Thai).

Nói việc Hậu Tắc thu gặt được dồi dào như thế, cho nên vua Nghiêu thấy Hậu Tắc có công với dân, mới phong cho ở nước Thai khiến được cho ở nước nhà của mẹ để giữ việc cúng tế bà Khương Nguyên. Cho nên người nhà Chu cũng đời đời cúng tế bà Khương Nguyên.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi, – 方 *nhất phương*, tận khắp mẫu ruộng (*Phương cực mẫu dã*). Nên theo chú giải của *Mao thi* mới thuận nghĩa ở đoạn này.

CHƯƠNG VI

誕降嘉種
維秬維秠
維糜維芑
恆之秬秠
是穫是畝
恆之糜芑
是任是負
以歸肇祀

47. Dẫn giáng gia chủng,
48. Duy cự duy phi,
49. Duy môn duy khi,
50. Củng chi cự phi,
51. Thị hoạch thị mẫu.
52. Củng chi môn khi,
53. Thị nhâm thị phụ,
54. Dĩ quy triệu tự.

Dịch nghĩa

47. Trời ban xuống cho giống lúa tốt,
48. ấy là giống nếp than, nếp phi,
49. Nếp đỏ, nếp trắng.
50. Khắp nơi đều trồng nếp than nếp phi,
51. Để gặt hái và đổ đồng ngoài mẫu ruộng.
52. Khắp nơi đều trồng nếp đỏ nếp trắng.
53. Để mang trên vai, vác trên lưng,
54. Dem về nhà mà bắt đầu lo việc cúng tế.

Dịch thơ

*Giống thì thứ tốt trời ban,
Có nào nếp phỉ nếp than dồi dào.
Có nếp trắng cùng bao nếp đỏ,
Nếp phỉ, than đây đó đều trông.
Gặt rồi chất lại ngoài đồng.
Nếp thì đỏ trắng đều trông khắp nơi.
Hoặc vai mang, hoặc lưng vác,
Về nhà lo cúng các tổ tiên.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 降 *giáng*, ban xuống giống lúa ấy cho dân. Kinh *Thư* nói: *Tắc giáng bà chủng* là đây. 秬 *cự*, nếp than. 秠 *phỉ*, nếp than thử một vỏ trấu mà hai hột nếp. 糜 *môn*, nếp đỏ. 芑 *khỉ*, nếp trắng 恆 *cằng*, khắp nơi, nói đem trồng khắp nơi 任 *nhâm*, vác trên vai. 負 *phụ* (đọc *phỉ* cho hợp vận), vác trên lưng. Khi lúa đã chín thì gặt lấy và để trong mẫu ruộng, rồi mang vác đem về dùng vào việc cúng tế. Nếp than và nếp phỉ nói việc gặt hái rồi chất đồng trong mẫu ruộng (câu 52 và 51). Nếp đỏ nếp trắng nói việc mang vác đem về (câu 52 và 53). Đó là lời văn nói lẫn lộn đáp đối lẫn nhau, mọi thứ đều được gặt, được đỏ trắng, được mang về nhà. 肇 *triệu*, bắt đầu. Hậu Tắc bắt đầu nhận nước vừa được phong liền làm vị chủ tế, lo ngay việc cúng tế, cho nên nói. 肇祀 *triệu tự* là bắt đầu lo việc cúng tế.

CHƯƠNG VII

誕我祀如何

或春或榆

或籩或蹂

釋之叟叟

烝之浮浮

載謀載惟

取簫祭脂

取羝以拔

載燔載烈

以與嗣歲

55. Dẫn ngã tự như hà?

56. Hoặc thung hoặc du,

57. Hoặc bả hoặc nhu,

58. Thích chi sừ sừ,

59. Chứng chi phù phù.

60. Tái mưu tái duy,

61. Thủ tiêu tế chi,

62. Thủ để dĩ bạt,

63. Tái phiên tái liệt,

64. Dĩ hưng tự tuế

Dịch nghĩa

55. Ta cúng tế như thế nào?

56. Kẻ thì đem nếp ra giã, kẻ thì tuôn hốt ra,

57. Kẻ thì sàng sảy, kẻ thì đập lúa để co mà xay giã nữa,

58. Kẻ thì vo gạo nghe sóc sách,

59. Kẻ thì nấu bay hơi lên phù phù.

60. Rồi thì bói chọn ngày tốt và ăn chay giữ mình sạch sẽ,

61. Lấy cỏ thơm hợp với mỡ sa nướng lên cho thơm mà

tế,

62. Bắt con dê đực làm thịt tế thần đường sá,

63. Rồi đặt lên lửa hay lụi thành xôi mà nướng,

64. Cho năm sau mùa màng được hưng thịnh nối theo năm qua.

Dịch thơ

Ta thì cúng tế ra sao?

Kẻ đem nếp giã, người cào hết ngay,

Kẻ sàng sảy, kẻ giày đập nữa,

Sóc sách nghe vo rửa gạo rồi,

Phù phù đem nấu bay hơi,

Bói tìm ngày tốt kịp thời ăn chay,

Mỡ, cỏ thơm nướng ngay làm lễ,

Dê đực thì cúng tế thần đường.

Nướng nguyên hay lụi xôi ngang,

Năm sau hưng thịnh mùa màng nối theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 我祀 *ngã tự*, ta cúng tế. Tiếp theo chương trên mà nói việc cúng tế của ông Hậu Tắc. 榆 *du*, hột gạo đã giã rồi trong cối ra. 簸 *bả*, sảy mà bỏ cám ra. 蹂 *nhu*, đập lúa lấy hột để tiếp tục công việc xay giã. 釋 *thích*, vo gạo. 甕 *sưu sưu*, tiếng vo gạo nghe kêu sóc sách. 謀 *mưu*, lựa ngày tốt và chọn người tế. 惟 *duy*, đều lo ăn chay và giữ mình sạch sẽ. 蕭 *tiêu*, cỏ thơm. 脂 *chi*, mỡ

sa chỗ dùm ruột. Lễ tế ở tông miếu lấy cỏ thơm hợp với mỡ sa mà nướng, khiến cho mùi thơm bay khắp trong nhà. 羝 *đê*, dê đực. 拔 *bạt* (đọc *bội*), lễ tế thân đường sá, 燔 *phiên*, nướng trên lửa. 烈 *liệt* (hoặc đọc *lệ*), lụi thành xâu mà nướng. Bốn thứ ấy đều là công việc cúng tế, để cho mùa màng năm sau được hưng thịnh mà tiếp tục năm qua. 浮浮 *phù phù*, tiếng hơi nước phun ra phù phù.

CHƯƠNG VIII

卽歲于豆
于豆于登
其香始升
上帝居歆
胡臭亶時
后稷肇祀
庶無罪悔
以迄于今

65. Ngang thình vu đậu,
66. Vu đậu vu dâng.
67. Kỳ hương thủy thăng,
68. Thượng đế cư hâm.
69. Hồ xú đản thì?
70. Hậu Tắc triệu tự.
71. Thứ vô tội hối,
72. Di hất vu kim,

Dịch nghĩa

65. Ta đựng những lễ phẩm ấy trong cái tô bằng gỗ,
66. Trong cái tô bằng gỗ và trong cái tô bằng sành,
67. Thì mùi thơm bắt đầu bốc lên.
68. Trời liên yên lặng hưởng thụ lấy mùi thơm ấy.

69. Sao mà mùi thơm ấy thật là hợp thời đúng lúc như vậy?

70. Từ khi ông Hậu Tắc bắt đầu cúng tế

71. Thì gần như không có tội lỗi gì đối với Trời,

72. Cho đến ngày hôm nay.

Dịch thơ

Trong tô gỗ ta đã bày,

Tô sàng tô gỗ đều đầy lễ dâng,

Đã bắt đầu thơm lừng rồi đấy,

Trời lặng êm hưởng lấy vị mùi,

Thơm sao đúng lúc hợp thời?

Bắt đầu Hậu Tắc tế Trời về sau

Gần như chẳng lỗi nào cả đấy,

Cho nên nay vẫn mãi kính thờ.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 印 ngang, ta. 豆 đậu, cái tô bằng gỗ, để đựng rau cải làm dưa mà dâng lên cúng tế. 登 dâng, cái tô bằng sành đựng canh thịt. 居 cư, yên. 歆 hân, quỷ thần hưởng lấy hơi thơm bay lên. 胡 hồ, sao? 臭 xú, thơm. 亶 đản, tin thành. 時 thì (đọc *thĩ* cho hợp vận trắc), đúng lúc hợp thời. 庶 thứ, gần. 迄 hất, đến.

Chương này nói việc cúng tế tổ tiên chung với Trời. Khi mùi thơm bắt đầu bay lên thì Trời đã yên lặng hưởng dụng, nói việc cảm ứng của Trời rất mau lẹ khi mùi lên. Thế thì sao lại chỉ có việc dâng cúng mùi thơm, phải tin là rất đúng lúc nữa chứ. Vì rằng từ ông Hậu Tắc bắt đầu cúng tế, thì gần như không có tội lỗi gì, cho đến bây giờ. Tăng thị nói rằng: Từ ông Hậu Tắc bắt đầu cúng tế cho đến nay, trước sau nối nhau nơm nớp lo âu, chỉ phải làm lỗi một lần nào mà đắc tội với Trời. Xét lại hàng mấy trăm năm qua, thấy rằng cái lòng kính thờ ấy không biến đổi, cho nên nói là "gần như không có tội lỗi gì cho đến hôm nay". Đây là ý nói người nhà Chu đời đời vẫn dụng tâm thờ kính Trời như thế mãi.

Thiên Sinh dân có 8 chương, 4 chương 10 câu và 4 chương 8 câu.

Bài thơ này chưa rõ sự ứng dụng của nó ra sao? Há lại sau lễ tế Trời cũng có lễ nhận phúc và ban rượu thịt nữa chăng? Theo thuyết xưa, chương III có 8 câu, chương IV có 10 câu. Nay theo chương III phải là 10 câu, chương IV phải là 8 câu, thì 4 chữ *khứ, cố, hú, lộ* hiệp vận với nhau, để trọn cái ý thơ là "tiếng khóc vang khắp nẻo đường", thế hành văn mới thông suốt. Và 8 chương của bài thơ này đều lấy chương 10 câu và chương 8 câu chen lẫn nhau có thứ tự. Hơn nữa từ chương II trở về sau và chương VII trở về trước, mỗi đầu chương đều có chữ 誕 *đản* cả.

BÀI THỨ 252

CHƯƠNG I

行葦

Hành vĩ. (Sinh dân 2)

敦彼行葦

1. Đôn bỉ hành vĩ,

牛羊勿踐履

2. Ngưu dương vật tiển lý.

方苞方體

3. Phương bao phương thể,

維葉泥泥

4. Duy diệp nề nề.

戚戚兄弟

5. Thích thích huynh đệ,

莫遠具爾

6. Mạc viễn cụ nhĩ,

或肆之筵

7. Hoặc tứ chi diên,

或授之凡

8. Hoặc thụ chi kỷ,

Dịch nghĩa

1. Cỏ vĩ bên đường đầy rậm.
2. Bò dê chớ giẫm đạp lên.
3. Hột cỏ vĩ vừa lên mầm chưa rút bao vỏ và vừa lên cây thành hình,
4. Thì lá non sẽ mềm trơn mượt.
5. Các anh em thân mến,
6. Chớ rời xa mà hãy gần gũi nhau.
7. Hoặc có trải đệm,
8. Hoặc trao ghế cho ngồi.

Dịch thơ

Bên đường cỏ vĩ rậm chen,
Bò dê chờ giẫm đạp lên tung hoành.
Mầm còn vỏ lên thành hình thể,
Lá non mềm xiết kẻ vuốt tươi.
Anh em thân mến những người.
Hãy gần gũi mãi, chớ rời tách xa,
Hoặc có đem trải ra kính cẩn.
Hoặc ghé trao cần thận mời ngồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 敦 đoan, dáng tụ hợp lại, lúc cây cỏ duỗi thẳng ra mà mọc lên. 行 hành, đường đi. 勿 vật, lời răn đừng, chớ. 苞 bao, còn vỏ chưa nứt ra. 體 thể, thành hình thể. 泥泥 nề nề, dáng mềm mại trơn mượt. 戚戚 thích thích, thân mến. 莫 mạc như, 勿 vật là chớ. 具 cụ, đều đủ. 爾 nhĩ đồng với. 邇 nhĩ, gần. 肆 tứ, trần bày ra.

Nghĩ rằng đây là bài thơ về sau buổi tế mà đãi đằng yến ẩm bực trưởng thượng cha, anh và người già cả. Cho nên nói cỏ vĩ bên đường dây rậm, bò dê chớ giẫm đạp lên, thì hột cỏ vĩ vừa lên mầm chưa rớt bao vỏ xuống và vừa thành hình thể, sẽ lên lá non mềm trơn mượt. Các anh em thân mến chớ rời xa mà hãy gần gũi nhau, thì ắt có trải đem, hoặc có trao ghé cho ngồi.

Đây nói lúc bắt đầu mở cuộc ăn uống bày tiệc, cái ý ân cần đôn hậu và hoà vui đã lộ ra ngoài lời nói. Người đọc hãy hiểu rõ điều ấy.

CHƯƠNG II

肆筵設席

9. Tứ diên thiết tịch,

授几有緝御

10. Thụ kỷ hữu tập ngự

或獻或酢

11. Hoặc hiến hoặc tạc.

洗爵奠斝

12. Tẩy tước diên giả.

醢醢以薦

13. Thảm hải dĩ tiến.

或燔或炙

14. Hoặc phiến hoặc chích

嘉殽脾脰

15. Gia hào tỳ tịch,

或歌或詠

16. Hoặc ca hoặc ngac.

Dịch nghĩa

9. Lót đệm rồi trải chiếu,

10. Trao ghế cho ngồi và có người thay nhau hầu hạ ở một bên.

11. Hoặc chủ mời khách uống rượu, hoặc khách mời lại chủ.

12. Chủ rửa chén rót rượu mời khách, khách nhận chén rượu.

13. Lấy mắm thịt mà dâng lên.

14. Hoặc thịt nướng, hoặc gan nướng.
15. Món ăn ngọt như lá lách, thịt ở miệng.
16. Hoặc ca theo tiếng đàn, hoặc đánh trống.

Dịch thơ

Đệm bày ra, chiếu trải lên,
 Ghế trao, hầu hạ thay phiên chẳng rời.
 Chủ mời khách, khách mời lại chủ,
 Rửa chén xong, bưng rượu đặt bên.
 Hãy bưng mâm thịt dâng lên.
 Món gan, thịt nướng hãy liên bày ra.
 Lách với môm đều là ngon thật,
 Trống đánh lên, hoặc hát theo đàn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 設席 *thiết tịch* (đọc *tước* cho hợp vận). trải thêm một lớp chiếu lên trên tấm đệm (để tỏ ý kính trọng người già cả). 續 *tập*, tiếp nối nhau. 御 *ngự* (đọc *ngã* cho hợp vận), hầu hạ ở bên cạnh. Có người cứ thay đổi tiếp nối nhau mà hầu hạ, nói không thiếu người sai khiến. 獻 *hiến*, chủ dâng rượu cho khách uống. 酢 *tạc*, khách mời lại chủ. Chủ nhân lại rửa chén rót rượu mời khách, khách nhận lấy đặt xuống chiếu mà không bưng lên. 罍 *giả*, chén rượu. Chén rượu đời nhà Hạ gọi trán, đời nhà Ân gọi giả, đời nhà Chu gọi tước. 醢 *thảm*, món mắm

thịt, thịt ướp có nhiều nước. 醢 *hải*, mắm thịt. 燔 *phiên*, món thịt nướng. 炙 *chích*, cha (đọc *trước* cho hợp vận), món gan nướng. 脍 *kịch*, thịt trên miệng. 歌 *ca*, hát theo tiếng đàn cầm sắt. 詈 *ngạc*, chỉ đánh trống suông mà thôi.

Nói việc hầu hạ, thù tạc, ăn uống, ca nhạc linh đình.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|------------------------|
| 敦弓既堅 | 17. Điều cung ký kiên, |
| 四鍬既鈞 | 18. Tứ hầu ký quân. |
| 舍矢既均 | 19. Xả thủ ký quân. |
| 序賓以賢 | 20. Tự tân dĩ hiền. |
| 敦弓既句 | 21. Điều cung ký cẩu |
| 既挾四鍬 | 22. Ký tiếp tứ hầu. |
| 四鍬如樹 | 23. Tứ hầu như thụ. |
| 序賓以不悔 | 24. Tự tân dĩ bất vụ. |

Dịch nghĩa

17. Cung có chạm vẽ của vua đã mạnh cứng,
18. Bốn cây tên bịt sắt đã đồng nhau.
19. Tên buông ra đều bắn trúng.
20. Lần lượt người có tài được chọn làm tân khách của vua.
21. Cung có chạm vẽ của vua đã giương lên

22. Và đã bắn bốn mũi tên sắt.

23. Bốn mũi tên bắn rất trúng như đã lấy tay mà cầm vào.

24. Lần lượt người có tài được chọn làm tân khách của vua đều kính cẩn không kêu ngạo khinh mạn.

Dịch thơ

Cung của chạm vẽ mạnh thay!

Mũi tên bịt sắt bốn cây thấy đồng.

Tên buông ra đều cùng trúng cả,

Khách của vua chọn quả người tài.

Cung vua giương đã thẳng tay.

Bốn tên bịt sắt ngay liền liền.

Như tay cầm, bốn tên đều trúng.

Khách không kêu, chọn đúng anh hà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 敦 *điêu* đồng với 雕 *điêu* là vẽ khắc. 彫 *điêu* là cây cung có khắc vẽ rất đẹp của thiên tử dùng. 堅 *kiên* như 勁 *kinh* là mạnh mẽ. 鰐 *hầu*, cây tên có mũi sắt và hót lông ở đuôi (cho đầu nặng đuôi nhẹ). 鈞 *quân*, đồng nhau, cân nhau, nói mũi tên chia làm 3 phần, đầu một phần (lại có mũi bịt sắt) cân với đuôi 2 phần, tuy chia 3 phần nhưng nặng đồng nhau, vì đầu mũi có sắt nặng. 舍 *xá*, buông ra, nói mũi tên bắn ra. 均 *quân*, đều

trúng. Người thắng (*kiên* 賢, người thắng đối với người bại) bắn trúng nhiều. Thiên đầu hồ ở sách *Lễ ký* nói rằng: *Mỗ hiền ư mỗ nhược can toàn. cơ tắc viết cơ, quân tắc viết tả hữu quân*, (= Phe này hơn phe kia mấy đôi thẻ. Có lẽ thì nói: có dư thẻ. Nếu hai phe đồng nhau, không bên nào hơn kém thì nói: hai bên đồng nhau). 句 鈎, thông nghĩa với chữ 鈎 鈎 là giường cung cho hết sức dây Lễ thi bắn định phải bắn bốn phát, người ra bắn giắt 3 mũi tên vào dây rịt, còn cầm một mũi tên để tra vào dây cung mà bắn. ở đây nói, ý tiếp tứ hầu là đã cầm bốn cây tên tra vào dây cung, ấy là đã bắn hết 4 phát rồi. 如樹 *như thụ*, nói bắn rất trúng đích như tay cầm mũi tên đến ghim vào đích. 不悔 *bất vụ*, không khinh lờn tức không kinh. ở nước Lỗ có lời dạy các đệ tử chơi đầu hồ rằng: Chớ khinh mạn, chớ kiêu ngạo, chớ đứng nghiêng, chớ nói chuyện nhảm. Hoặc nói rằng: Chớ lấy việc mình bắn trúng mà sỉ nhục người bắn trượt. Thi bắn thì lấy người bắn trúng nhiều làm có tài hơn, lấy việc không khinh nhục người làm đức hạnh của mình.

Nói đã ăn uống và thi bắn làm vui.

CHƯƠNG IV

曾孫爲主

酒醴爲醕

酌以大斗

以祈黃耆

黃耆台背

25. Tặng tôn vi chủ,

26. Tửu lễ vi nhủ

27. Chúc dĩ đại, đấu,

28. Dĩ kỳ hoàng cầu.

29. Hoàng cầu thai bồi!

以引以翼
壽考維祺
以介景福

30. Dĩ dẫn dĩ được
31. Thọ khảo duy kỳ
32. Dĩ giới cảnh phúc.

Dịch nghĩa

25. Vua đứng ra làm chủ tế
26. Rượu ngọt rất ngon
27. Rót bằng cái đấu to,
28. Để giúp người già sống lâu thêm.
29. Người già thì lưng đã trở đồi mồi,
30. Công dắt dẫn mà giúp đỡ nhau,
31. Để sống lâu tốt đẹp
32. Để hưởng phúc to

Dịch thơ

Vua làm chủ tế đứng ra,
Lễ dùng rượu ngọt rất là ngon thay!
Bằng đấu to rót ngay ra sẵn
Cho người già uống đặng sống lâu.
Lưng già lốm đốm sạm màu,
Thì cùng dắt dẫn giúp nhau đồng tình,
Để sống được tốt lành lâu mãi,
Để cùng nhau hưởng lấy phúc to.

Chú giải của dịch giả

Chương này thuộc phú. 曾孫 *tằng tôn*, người chủ tế tự xưng (cháu chắt đời sau đứng ra cúng tế tổ tiên đời trước). Nay cúng tế xong, mới ăn uống, cho nên nhân đây người chủ tế tự xưng là *tằng tôn*. 醺 *nhũ* (đọc *nẩu* cho hợp vận), cái đầu to có cán dài ba thước. 祈 *kỳ*, cầu. 黃耆 *hoàng cầu* (đọc *củ* cho hợp vận), tiếng gọi người già (xem lại bài 177). 以祈黃耆 *dĩ kỳ hoàng cầu*, cũng như 以介眉壽 *dĩ giới my thọ* là để giúp người già sống được lâu (xem lại thiên Thất nguyệt, bài thứ 154). Bài văn khắc ghi trên đó vua có câu: *Dạng kỳ vạn thọ. Dụng kỳ my thọ. Vĩnh mệnh đa phúc. Dụng kỳ my thọ, Vạn nên vô cương.* (= Để cầu được sống muôn tuổi. Để cầu được sống lâu. Mệnh sống mãi nhiều phúc. Để cầu sống lâu. Muôn năm không giới hạn) cũng đều là một loại ấy, 台 *dài*, cá dài. Người già thì trên lưng có những đốm đen như trên lưng con cá dài. 弓 *dẫn*, dất. 翼 *dực* phụ giúp. 祺 *kỳ*, tốt lành.

Đây là lời cầu chúc, muốn người hãy uống rượu ấy để được sống lâu, lại cùng dẫn dất giúp đỡ nhau để hưởng tuổi thọ tốt đẹp và phúc lớn.

Thiên Hành vĩ có 4 chương, mỗi chương 8 câu.

Theo *Mao thi* thì bài thơ này có 7 chương, 2 chương 6 câu và 5 chương 4 câu. Theo *Trịnh thị* thì bài thơ này có 8 chương, mỗi chương 4 câu. Theo *Mao thi*, chương đầu lấy 4 câu khởi hứng vào 2 câu, mà không thành văn lý; chương II không hiệp vận. Theo *Trịnh thị*, chương đầu có khởi

hứng, mà không có khởi hứng vào đâu cả. Thế thì đều lằm
cả, nay đính chính lại như thế,

BÀI THỨ 253

CHƯƠNG I

既醉
既醉以酒
既飽以德
君子萬年
介爾景福

Ký tuý. (Sinh dân 3)
1. Ký tuý dĩ tửu,
2. Ký bão dĩ đức,
3. Quân tử vạn niên,
4. Giới nhĩ cảnh phúc.

Dịch nghĩa

1. Đã say vì rượu,
2. Đã no vì ân huệ,
3. Mong vua được sống muôn năm,
4. Trời sẽ ban cho ngài phúc lớn.

Dịch thơ

Đã say vì thức rượu nồng.
Lại vì ân huệ no lòng xiết bao!
Muôn năm vua sống, mong sao
Được trời ban thưởng dồi dào phúc to.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 德 đức, ân huệ. 君子 quân tử, nói vua. 爾 nhĩ, ngài, cũng là chỉ vua.

Đây là bài thơ mà bậc phụ huynh dùng để đáp lại bài thơ *Hành vĩ*. Nói đã hưởng việc ăn uống và ân huệ trọng hậu, bậc phụ huynh mong vua được phúc như thế.

CHƯƠNG II

既醉以酒

爾殽既將

君子萬年

介爾昭明

5. Ký tuý dĩ tửu,

6. Nhĩ hào ký tương,

7. Quân tử vạn niên

8. Giới nhĩ chiêu minh,

Dịch nghĩa

5. Đã say vì rượu

6. Thịt đã dâng đến cùng ăn

7. Mong vua sống muôn năm,

8. Trời sẽ khiến cho ngài được rạng rỡ lớn lao,

Dịch thơ

Vì men rượu đã say sưa.

Thịt thì mâm đã vơi đưa lên dùng,

Muôn năm vua thọ hăng mong,

Khiến ngài rạng rỡ vô cùng lớn lao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 殺 hào, con thịt đặt trong mâm. 將 *tương*, đem đi đến, cũng là ý bùng mà tiến dâng lên. 昭明 *chiêu minh* (đọc mang cho hợp vận) như 光大 *quang đại*, rạng rỡ lớn lao.

CHƯƠNG III

昭明有融

膏朗令終

令終有俶

公尸嘉告

9. Chiêu minh hữu dung.

10. Cao lãng lệnh chung.

11. Lệnh chung hữu xúc,

12. Công thi gia cáo.

Dịch nghĩa

9. Ngài được rạng rỡ tốt mực.

10. Đức của ngài cao minh thì ngày sau ngài được chết lành.

11. Cái chết lành của ngài trong ngày sau, thì nay đã bắt đầu rồi.

12. Người đồng của vua lấy những lời phúc đức ấy báo cho vua biết.

Dịch thơ

Ngài đã rạng rỡ xiết bao!

Đức thời sáng rạng, ngày sau chết lành.

Thiện chung nay đã tiến hành,

Người đồng lấy đó rành rành bảo vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 融 *dung*, rất sáng, sáng láng dồi dào. Truyện *Xuân thu*, năm Lỗ Chiêu công thứ 5 chép rằng: *Minh nhi vị dung* (mới sáng, chưa thật sáng). 朗 *lãng*, trong sáng. 令終 *lệnh chung*, cái chết lành vì già bệnh, chớ không phải vì tai nạn thành linh. Thiên *Hồng phạm* trong kinh Thư gọi là *khảo chung mệnh* (già mà mệnh chung, đến tuổi già mà chết). Bài văn khắc trên đồ xưa chép là *lệnh chung, lệnh chung* (cái chết lành vì già bệnh) là đây. 俶 *xúc*, bắt đầu. 公尸 *công thi*, quân thi, người đồng của vua, để thần giáng xuống nhập vào. Vua nhà Chu gọi là vương, mà người đồng của vua lúc cúng tế chỉ gọi là *công thi*, ấy là dựa theo lệ xưa. Cũng như vua Tần đã xưng là hoàng đế, mà con trai con gái của vua tần còn gọi là công tử công chúa. 嘉告 *gia cáo* (đọc *cốc* cho hợp vận), lấy lời tốt lành mà bảo cho, gọi là lời phúc đức. Vì rằng muốn chết được lành thì phải làm lành khi còn đang sống (lúc sống làm lành thì không có tai họa, lúc chết mới được lành). Nay hễ là chưa chết, mà đã có cuộc sống lành (thì cái chết ắt lành), cho nên người đồng của vua lấy đó mà bảo cho biết.

CHƯƠNG IV

其告維何

邊豆靜嘉

13. Kỳ cáo duy hà?

14. Biên đậu tĩnh gia.

朋友攸攝

攝以威儀

15. Bằng hữu du nhiếp,

16. Nhiếp dĩ uy nghi.

Dịch nghĩa

13. Lời dạy bảo của người đồng như thế nào ?

14. Lễ vật đựng trong tô đĩa đều tinh khiết và ngon lành

15. Các bằng hữu tân khách thì đều chấp tay sẵn sàng giúp đỡ

16. Chấp tay uy nghi, rất vừa ý của tổ tiên thánh thần

Dịch thơ

Lời ra sao của người đồng?

Lễ đây tô đĩa sạch trong ngon lành.

Khách đều tay chấp đứng quanh.

Uy nghi tay chấp kính thành tổ tiên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 靜嘉 庭 家, đã thanh khiết lại đẹp đẽ, 朋友 bằng hữu, chỉ những tân khách phụ giúp việc cúng tế, (lời giải thuyết đã thấy ở thiên Sở từ bài thứ 215). 攝 nhiếp, chấp tay, đứng chấp tay để chờ có việc gì thì giúp đỡ.

Người đồng của vua bảo rằng việc cúng tế của ngài, lễ vật trong tộ đĩa dâng lên đã tinh khiết lại ngon lành, các bằng hữu phụ giúp đều có uy nghi, rất vừa ý tổ tiên thần thánh.

Từ đây cho đến cuối thiên đều là thuật lời của người đồng dạy bảo.

CHƯƠNG V

威儀孔時	17. Uy nghi khổng thì,
君子有孝子	18. Quân tử hữu hiếu tử.
孝子不匱	19. Hiếu tử bất quĩ,
永錫爾類	20. Vĩnh tích nhĩ loại.

Dịch nghĩa

17. Về uy nghi rất hợp thời đúng lúc,
18. Vua (quân tử) lại có người con đích ra bưng dọn.
19. Lòng hiếu thuận của người con đích ấy dồi dào không cùng.
20. Thì đáng ban cho ngài mãi mãi những phúc lành.

Dịch thơ

*Về uy nghi rất hợp thời.
Vua sai con đích đến nơi dọn vào.
Hiếu thì không dứt dồi dào
Người thì rất đáng ban trao phúc lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 孝子 hiếu tử (đọc tử cho hợp vận), con đích của chủ nhân Theo Nghi lễ, sau khi cúng tế thì có người con đích của chủ nhân bưng dọn những lễ vật đã đặt lên cúng. 匱 quĩ, hết. 類 loại, tốt, lành.

Nói uy nghi của ngài đã đứng đắn lại có con đích ra bưng dọn. Lòng hiếu của người con đích thì chân thành và dồi dào không dứt, thì thánh thần đáng ban cho ngài mãi mãi những phúc lành.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Vua đã hiếu thuận, mà con đích lại cũng hiếu thuận, thì cái lòng hiếu thuận ấy có thể nói là dồi dào lai láng không cùng.

CHƯƠNG VI

其類維何

21. Kỳ loại duy hà?

室家之壺

22. Thất gia chi khố.

君子萬年

23. Quân tử vạn niên

永錫祚庸

24. Vĩnh tích tộ dụng.

Dịch nghĩa

21. Những phúc lành ban cho như thế nào?

22. Nhà của cung thất được sâu xa nghiêm chỉnh.

23. Vua (quân tử) sống được muôn năm.

24. Ban mãi phúc lộc cho con cháu của ngài.

Dịch thơ

*Phúc lành ban xuống thế nào?
Cửa nhà cung thất đều sâu và dài.
Muôn năm vua được sống dài,
Phúc ban con cháu của ngài bền lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 壺 *khổn* (đọc *khẩn* cho hợp vận), đường ở trong cung, ý nói sâu xa và nghiêm chỉnh, 祚 *tộ*, phúc lộc. 庸 *dụng*, con cháu. Phúc lành ban cho thì không gì lớn lao hơn thế.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|------------------------|
| 其庸維何 | 25. Kỳ dụng duy hà? |
| 天被爾祿 | 26. Thiên bị nhĩ lộc. |
| 君子萬年 | 27. Quân tử vạn niên. |
| 景命有僕 | 28. Cảnh mệnh hữu bộc. |

Dịch nghĩa

25. Con cháu sẽ ra thế nào?
26. Trời sẽ lấy phúc lộc bảo bọc che chở ngài.
27. Vua (quân tử) sống được muôn năm.
28. Mệnh trời sẽ quy phụ vào ngài.

Dịch thơ

Cháu con ngài sẽ ra sao?

Phúc trời đùm bọc dài lâu cho ngài.

Muôn năm vua được sống dài,

Mệnh trời quy phụ vào ngài vẻ vang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 僕 bọc, phụ thuộc vào.

Nói sẽ khiến ngài có con cháu nối theo thì trước hết phải khiến ngài được lộc của trời bảo bọc để mệnh trời quy phụ vào ngài, rồi chương sau mới nói đến việc con cháu.

CHƯƠNG VIII

其僕維何

29. Kỳ bọc duy hà?

聲爾女士

30. Ly nhĩ nữ sĩ.

聲爾女士

31. Ly nhĩ nữ sĩ.

從以孫子

32. Tùng dĩ tôn tử.

Dịch nghĩa

29. Mệnh trời quy phụ vào ngài như thế nào?

30. Trời ban cho ngài người vợ hiền tài đẹp đẽ.

31. Ban cho ngài người vợ hiền tài đẹp đẽ,

32. Và tiếp theo Trời ban cho ngài con cháu hiền tài.

Dịch thơ

Mệnh trời quy phụ thế nào?

Vợ hiền đẹp để ban trao cho ngài,

Ban cho vợ đẹp hiền tài,

Tiếp theo con cháu lâu dài giỏi giang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 聲 ly, cho. 女士 nữ sĩ, người phụ nữ có đức hạnh của kẻ sĩ, nói sinh ra người thục nữ đẹp để để làm vợ ngài. 從 từ, nối tiếp theo, nói lại sinh con cháu hiền giỏi.

Thiên Kỳ tuy có 8 chương, mỗi chương 4 câu.

BÀI THỨ 254

CHƯƠNG I

鳧鷖

Phù Y. (Sinh dân 4)

鳧鷖在涇

1. Phù y tại Kinh.

公尸來燕來寧

2. Công thi lai yến lai ninh.

爾酒既清

3. Nhĩ tửu ký thanh,

爾殽既馨

4. Nhĩ hào ký hình,

公尸燕飲

5. Công thi yến ẩm,

福祿來成

6. Phúc lộc lai thành.

Dịch nghĩa

1. Chim le chim diệc ở sông Kinh.
2. Người đồng của vua đến ăn uống, đến an vui với vua.
3. Rượu uống của ngài đã trong,
4. Món ăn của ngài đã thơm,
5. Người đồng của vua được ăn uống,
6. Thì phúc lộc được tựu thành.

Dịch thơ

*Chim le chim diệc sông Kinh.
Người đồng ăn uống thích tình an vui.
Rượu của ngài rót mời trong vắt,
Món ăn thì thơm ngát lên hơi,
Người đồng đã uống ăn rồi,
Thì bao phúc lộc xong xuôi tựu thành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鸛 phù, chim le, loài chim nước như con vịt. 鷺 y, con diệc, cò xám. 涇 Kinh, tên con sông kinh. 爾 nhĩ, ngài, tiếng của người hát chỉ chủ nhân mà nói. 馨 hình, mùi thơm nghe ra xa.

Đây là thú vui ăn uống trong buổi lễ đãi người đồng của vua được bày ra ngay hôm sau lễ cúng tế. Cho nên nói chim phù, chim y thì ở con sông Kinh. Người đồng của vua

thì đến yến ẩm, đến an vui với vua. Rượu uống thì trong, món ăn thì thơm, được người đồng của vua ăn uống thì phúc lộc được tựu thành.

CHƯƠNG II

鸕鷀在沙

7. Phù y tại sa.

公尸來燕來宜

8. Công thi lai yến lai nghi.

爾酒既多

9. Nhĩ tửu ký đa,

爾殽既嘉

10. Nhĩ hào ký gia.

公尸燕飲

11. Công thi yến ẩm,

福祿來爲

12. Phúc lộc lai vi

Dịch nghĩa

7. Chim le chim diệc ở trên bãi cát.

8. Người đồng của vua đến ăn uống, đến để được vua đãi dàng xứng đáng.

9. Rượu uống của ngài đã nhiều,

10. Món ăn của ngài đã ngon.

11. Người đồng của vua được ăn uống.

12. Thì phúc lộc sẽ đến giúp thêm cho ngài nữa.

Dịch thơ

Diệc, le bãi cát đậu giăng.

Người đồng ăn uống đãi đằng xứng thay!

Rượu mời khách của ngài nhiều thật.

Thầy đều ngon thực vật của ngài.

Người đồng ăn uống no say,

Giúp thêm phúc lộc cho ngài đều ban.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 爲 vi (đọc hóa cho hợp vận), giúp vào.

CHƯƠNG III

鳬鷺在渚

13. Phù y tại chử.

公尸來燕來處

14. Công thì lai yến lai xử.

爾酒既滑

15. Nhĩ tửu ký tử,

爾殽伊脯

16. Nhĩ hào y phủ.

公尸燕飲

17. Công thì yến ẩm,

福祿來下

18. phúc lộc lai hạ.

Dịch nghĩa

13. Chim le chim diệc ở trên cồn giữa sông.

14. Người đồng của vua đến ăn uống, đến để được vua lưu ở đấy.

15. Rượu uống của vua đã lọc trong,

16. Món ăn của vua thì có thịt khô,
17. Người đồng của vua được ăn uống.
18. Thì phúc lộc được ban xuống cho ngài

Dịch thơ

Trên cồn le điệu đậu đầy
 Người đồng ăn uống, lưu ngay lại rồi.
 Đã lọc kĩ rượu môi trong vắt
 Có thịt khô những thức dọn chung
 Được cho ăn uống người đồng
 Thì bao phúc lộc ban xong cho ngài

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng 渚 *chử*, cồn đất nổi lên cao giữa sông Tử, rượu đã lọc cạn.

CHƯƠNG IV

鳧鷖在渚
 公尸來燕來宗
 既燕于宗
 福祿攸降
 公尸燕飲
 福祿來崇

19. Phù Y tại tùng
20. Công thi lai yến lai tông
21. Kỳ yến vu tông
22. Phúc lộc du dáng
23. Công thi yến ẩm
24. Phúc lộc lai sùng

Dịch nghĩa

19. Chim le chim diệt ở ngã ba sông
20. Người đồng của vua đến ăn uống, đến để được vua tôn trọng.
21. Đã ăn uống ở nhà tông miếu,
22. Thì phúc lộc xẻ giáng xuống cho ngài.
23. Người đồng của vua được ăn uống.
24. Thì phúc lộc sẽ chồng chất lên cao.

Dịch thơ

*Diệt le ở ngã ba sông
Uống ăn tôn trọng, người đồng vẻ vang.
Chốn lòng miếu rõ ràng ăn uống,
Phúc lộc đều giáng xuống cho ngài,
Người đồng ăn uống no say,
Phúc vua chồng chất vun đầy lên cao.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 潏 *tùng*, vàm sông, ngã ba sông 宗 *tông* (câu 20), tôn trọng 宗 *tông* (câu 21), tông miếu, miếu thờ tiên vương 崇 *sùng*, chồng chất lên cao.

CHƯƠNG V

- | | |
|--------|--------------------------------|
| 鳧鷖在臺 | 25. Phù y tại môn. |
| 公尸來止熏熏 | 26. công thi lai chỉ huân huân |
| 旨酒欣欣 | 27. Chỉ tửu hân hân |
| 燔炙芬芬 | 29. Phiến chích phân phân |
| 公尸燕飲 | 28. Công thi yến ẩm |
| 無有後艱 | 30. Vô hữu hậu gian |

Dịch nghĩa

25. Chim le chim diết ở nơi ghềnh đá.
26. Người đồng của vua đến đây hoà thuận vui tươi.
27. Rượu ngon uống vui vẻ
28. Thịt nướng thịt lụi thơm tho
29. Người đồng của vua được ăn uống ,
30. Thì ngày sau không có hậu hoạn gian nan.

Dịch thơ

*Trênh dềnh le diết đậu chung
Đến mà vui thuận, người đồng của vua.
Rượu ngon rót vui đùa cùng uống,
Thịt lụi và thịt nướng thơm nồng,
Được cho ăn uống người đồng,
Sẽ không hậu hoạn và không tai nạn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 疊 *môn*, nước chảy ngang dãy núi, hai bờ có núi cao như cái cửa. 熏熏 *huân huân* (đọc *mân mân*), hoà vui. 欣欣 *hân hân*, vui vẻ. 芬芬 *phân phân*, thơm tho.

BÀI THỨ 255

CHƯƠNG I

假樂

假樂君子
顯顯令德
宜民宜人
受祿于天
保佑命之
自天申之

Gia lạc. (Sinh dân 5)

1. Gia lạc quân tử.
2. Hiển hiển lệnh đức,
3. Nghi dân nghi nhân.
4. Thụ lộc vu thiên,
5. Bảo hộ mệnh chi,
6. Tự thiên thân chi.

Dịch nghĩa

1. Vua đẹp vui,
2. Đức tốt của vua rạng rỡ
3. Thích hợp với dân và quan chức,
4. Cho nên vua mới hưởng được lộc của trời,
5. Trời đã bảo hộ, giúp đỡ, dạy bảo vua,

6. Trời đã tự ân cần hành động như thế mãi lắm lần đối với vua nữa.

Dịch thơ

Nhà vua đẹp đẽ vui tươi.

Lại còn đức tốt rạng ngời đẹp thay!

Thích hợp với dân hay quan tước,

Lộc trời vua hưởng được dồi dào,

Trời phù hộ, dạy, giúp vào,

Tự trời hành động biết bao nhiêu lần!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 假 gia tức. 嘉 gia là đẹp. 君子 quân tử (đọc tắc), chỉ vua. 民 dân, thường dân, 人 nhân, quan tại chức 申 thân, một lần nữa.

Nói cái đức của vua đã thích hợp với nhân dân và quan chức, cho nên vua mới hưởng được lộc trời. Mà đối với vua, Trời vẫn hằng qua lại lại thương mến đoái trông mãi không chán. Đã bảo hộ vua, đã giúp đỡ vua, đã dạy khiến vua, Trời lại còn ân cần hành động như thế mãi lắm lần đối với vua.

Nghi đó là lời người đồng của vua dùng để đáp lại thiên Phù y.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|---------------------------|
| 干祿百福 | 7. Can lộc bách phúc. |
| 子孫千億 | 8. Tử tôn thiên đức, |
| 穆穆皇皇 | 9. Mục mục hoàng hoàng, |
| 宜君宜王 | 10. Nghi quân nghi vương, |
| 不愆不忘 | 11. Bất khiên bất vong, |
| 率由舊章 | 12. Suất do cựu chương. |

Dịch nghĩa

7. Thiên tử cầu lộc thì được trăm phúc.
8. Con cháu đông nhiều số ngàn số ức,
9. Đều cung kính đẹp đẽ,
10. Đều làm chư hầu hoặc làm thiên tử,
11. Đều không có tội hoặc có lỗi gì cả,
12. Đều noi theo phép tắc xưa của tiên vương.

Dịch thơ

*Lộc cầu, trăm phúc được liền.
Cháu con thì số ức thiên vô cùng,
Lại đẹp đẽ khiêm cung tất cả
ở ngôi vương hoặc giả chư hầu,
Đều không tội lỗi tí nào,
Noi theo phép tắc, dựa vào tiên vương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 穆穆 *mục mục*, kính. 皇皇 *hoàng hoàng*, đẹp. 君 *quân*, chư hầu. 王 *vương*, thiên tử. 愆 *khiên*, tội, lỗi. 率 *suất*, noi theo. 舊章 *cựu chương*, điển chương, hình pháp, chính trị, lễ nhạc của tiên vương.

Nói thiên tử câu lộc thì được trăm phúc, cho nên con cháu được đông nhiều đến số ngàn số ức. Con đích thì làm thiên tử con thứ thì làm chư hầu, không ai là không cung kính đẹp để để tuân theo phép tắc của tiên vương.

CHƯƠNG III

威儀抑抑

德音秩秩

無怨無惡

率由群匹

受福無疆

四方之綱

13. Uy nghi ức ức.

14. Đức âm trật trật.

15. Vô oán vô ố,

16. Suất do quần thất,

17. Thụ phúc vô cương,

18. Tứ phương chi cương,

Dịch nghĩa

13. Uy nghi con cháu của vua đều thận trọng kín đáo.

14. Tiếng tăm tốt đẹp thì có đều đều.

15. Con cháu của vua không có lòng tư riêng oán ghét.

16. Để có thể nhiệm dụng những bậc hiền tài,

17. Cho nên đều hưởng được lộc dồi dào không giới hạn.

18. đều làm nên giếng mối cho thiên hạ trong bốn phương.

Dịch thơ

*Uy nghi thận trọng kín thâm,
Đều đều hằng có tiếng tăm tốt lành,
Con cháu không riêng tình ghét oán,
Nhiệm dụng người tài cán cao sâu,
Phúc thì vô hạn dồi dào.
Làm nên giếng mối, trông vào bốn phương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.抑抑 ước ước, thận trọng kín đáo.秩秩 trật trật, được đều đều.匹 thất, loại.

Nói con cháu của vua có uy nghi và tiếng tăm đẹp đẽ, lại không có lòng tư riêng oán ghét để nhiệm dụng người hiền tài cho nên đều có thể hưởng được phúc lộc dồi dào không giới hạn và làm giếng mối cho thiên hạ khắp bốn phương.

Chương này và chương sau đều là lời khen tặng hâm mộ con cháu của vua.

Hoặc nói 無怨無惡 vô oan vô ố, là không bị người ta oán ghét.

CHƯƠNG IV

之綱之紀	19. Chi cương chi kỷ,
燕及朋友	20. Yến cập bằng hữu.
百辟卿士	21. Bách bách khanh sĩ
媚于天子	22. Mỹ vu thiên tử
不解于位	23. Bất giải vu vị,
民之攸壑	24. Dân chi du hí.

Dịch nghĩa

19. Vua chăm sóc việc nước được ổn định.
20. Thì các bề tôi nhờ đấy mà được bình yên..
21. Hàng trăm bậc chư hầu và quan khanh sĩ
22. Đều thương mến vua,
23. Không lười biếng trong chức vị của mình,
24. Thì dân chúng được yên ổn nghỉ ngơi.

Dịch thơ

*Vua chăm ổn định việc công.
Bề tôi nhờ đó mà hòng được an,
Trăm chư hầu và quan khanh sĩ
Đều mến thương chuộng vị vua mình,
Chẳng lười chức vị đã dành
Thì dân chúng được yên lành nghỉ ngơi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 燕 衎, yên. 朋友 bằng hữu (đọc vĩ cho hợp vận), cũng là nói các bề tôi. 解 giải, làm biếng. 壑 hý, nghỉ ngơi.

Nói vua giữ gìn bốn phương được trật tự (cương kỷ) thì các bề tôi nhờ đó mà được yên ổn, và hàng trăm chư hầu cùng quan khanh sĩ đều thương mến vua. Tất cả chỉ mong không lười biếng trong chức vị của mình để nhân dân được yên ổn nghỉ ngơi.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Làm vua cho bề tôi được yên, thì bề tôi thương mến vua. Đấy bề trên và người dưới giao cảm nhau thì thời hanh thông (thời của quỷ Thái). Trong thời hanh thông ấy, những việc đáng lo đều bị lười biếng phớt bỏ không chăm sóc đến mà thôi. Bài thơ này sở dĩ kết thúc bằng việc quan lại không lười nhác trong chức vị của mình để dân chúng được yên ổn nghỉ ngơi là vì vừa khen tặng thì lại phải quy định vào phép tắc mới được. Vì đó là cái ý của ông Cao Dao khi nói tiếp. *Nãi canh tái ca viết: Nguyên thủ minh tai! Cổ quang lương tai! Thứ sự khang lai!* (= Ông Cao Dao tiếp tục ý trên mà nói rằng: Vua sáng suốt hiểu biết người thay! Bề tôi phò tá trung với chức vị thay! Mọi việc đều thành công thay! (Thiên ích Tắc mô trong kinh Thư).

Nhân dân lao nhọc hay nhân dật ở dưới thì chủ yếu quan hệ nơi quan chức ở trên. Quan ở trên mà nhân dật thì dân ở dưới phải lao khổ. Quan ở trên mà lao nhọc, thì dân

ở dưới được nhân dật. Quan mà không lười nhác trong chức vị của mình, thì do đó dân được yên ổn nghỉ ngơi.

Thiên Gia lạc có 4 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 256

CHƯƠNG I

公劉	Công lưu. (Sinh dân 6)
篤公劉	1. Đốc Công Lưu
匪居匪康	2. Phỉ cư phỉ khang
迺場迺疆	3. Nãi dịch nãi cương,
迺積迺倉	4. Nãi tịch nãi thương,
迺裹餼糧	5. Nãi quả hẫu lương
于橐于囊	6. Vu thác vu nang,
思輯用光	7. Tư tập dụng quang,
弓矢斯張	8. Cung thỉ tư trương,
干戈戚揚	9. Can qua thích dương,
爰方啓行	10. Viên phương khải hành.

Dịch nghĩa

1. Ông Công Lưu đôn hậu
2. Chẳng chịu ở yên nhàn rảnh.

3. Bèn lo cày cấy đồng ruộng
4. Bèn lo chất trữ vừa bổ,
5. Bèn lo chứa đồ ăn và cốm, cơm khô
6. Vào bao vào bị.
7. Lo hoà hiệp với nhân dân cho nước nhà dặng rạng rỡ.
8. Lo giương cung tên,
9. Lo cầm thuẫn giáo rìu búa,
10. Rồi bắt đầu mở đường dời đô về đất Bân.

Dịch thơ

Công Lưu đôn hậu lắm thay!
 Vì dân chẳng chịu một ngày ở không.
 Lo mọi việc ngoài đồng cày cấy,
 Bèn vội lo trữ lại vựa bồ,
 Chứa vào vật thực cơm khô,
 Vào bao vào bị mọi đồ phòng xa,
 Hoà với dân, nước nhà vinh hiển,
 Lại lo giương cung tiễn sẵn sàng,
 Búa rìu giáo thuẫn cầm mang,
 Dời đô đã vội mở đường về Bân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 篤 篤, đây, đôn hậu. 公劉 Công Lưu là chất (tầng tôn) của Hậu Tắc, việc này đã thấy ở

phần lịch sử nước Bân. 居 *cư*, ở yên. 康 *khang*, ninh. 場 *dịch*, 綱 *cương*, bờ ruộng. 積 *tích*, chất đống ngoài trời. 銕 *hầu*, ăn. 糧 *lương*, cơm khô, cốm. 橐 *thác*, cái túi không có đáy. 囊 *nam*, cái túi có đáy. 輯 *tập*, hoà. 戚 *thích*, cái rìu. 揚 *dương*, cái búa lớn. 方 *phương*, bắt đầu.

Thuyết xưa trong *Mao thi* nói rằng: Thiệu Khang công cho rằng Thành vương sắp cầm quyền chính phải đem việc dân mà khuyến giới Thành vương, cho nên mới ca vịnh công việc của ông Công Lưu để bảo cho Thành vương biết. Nói rằng. Đôn hậu thay! ông Công Lưu đối với dân. Khi còn ở trong vùng Tây Nhung, Công Lưu không dám ở an nhàn, lo cày cấy đồng ruộng, lo chất chứa vựa bồ. Lúc đã giàu và mạnh, mới vào bao vào bịt đồ ăn và cốm, lo hoà hiệp với nhân dân cho quốc gia được vinh hiển, rồi sau Công Lưu mới trang bị cung tên rìu búa, bắt đầu mở đường đời đô về nước Bân, cũng không ra ngoài cương vực đất nước được phong.

CHƯƠNG II

篤公劉

11. Đốc Công Lưu

于胥斯原

12. Vu tư tư nguyên.

既庶既繁

13. Ký thứ ký phiến,

既順迺宣

14. Ký thuận nãi tuyên,

而無永歎

15. Nhi vô vĩnh thán.

陟則在巘

16. Trắc tắc tại nghiễn.

復降在原
何以舟之
維玉及瑤
鞞琫容刀

17. Phục giáng tại nguyên,
18. Hà dĩ chu chi?
19. Duy ngọc cập đao,
20. Tinh bổng dung đao.

Dịch nghĩa

11. Ông Công Lưu đôn hậu
12. Liên xem xét cánh đồng bằng ấy để cho dân ở.
13. Dân chúng đã nhiều đã đông.
14. Đã yên ổn mà ở khắp nơi,
15. Và không có than thở nữa (vì nhớ chỗ xưa).
16. Trên ngọn núi thì Công Lưu leo lên,
17. Dưới đồng bằng thì Công Lưu đi xuống,
18. Lấy gì mà cho Công Lưu đeo?
19. Chỉ có ngọc và ngọc đẹp.
20. Cùng cây đao có cái bao trang sức đẹp đẽ.

Dịch thơ

*Công Lưu đôn hậu tuyệt vời!
Để cho dân ở, xét soi cánh đồng.
Nay đã rất nhiều đông dân chúng
Đã yên lành mà sống khắp nơi,*

Không còn than thở nên lời.

Núi cao, đến ngọn ngai thời trèo lên,

Dưới đồng bằng ngai liền xuống đấy.

Tặng ngai đeo thì lấy thứ nào?

Chỉ là những thứ ngọc dao,

Vỏ ngoài trang sức, cây đao huy hoàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.胥 tư, xem xét.庶 thứ, nhiều, nói người ở đông nhiều.順 thuận, yên.宣 tuyên, khắp nơi, nói ở khắp nơi.無永歎 vô vĩnh thán (đọc than cho hợp vận), không than thở mãi nữa, tức là được yên nơi chỗ mới, không còn nhớ chỗ ở xưa nữa.巘 nghiễn (đọc nghiễn cho hợp vận), ngọn núi.舟 chu (đọc chao cho hợp vận), mang đeo.鞞 tính, cái bao đao.琫 bồng, phần trang sức trên cây đao.容刀 dung đao, cây đao mang để trang sức cho đẹp người. Hoặc nói dung đao như 容臭 dung xú là cái bao đựng hương liệu cho thơm tho. Hay nói cái bao có trang sức thì để cây đao vào.

Nói ông Công Lưu đến đất Bân, muốn xem xét cuộc đất để ở, mới mang kiếm và ngọc ấy, lên xuống từ ngọn núi đến đồng bằng.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Với các phục sức mang gươm đeo ngọc như thế mà Công Lưu đích thân làm công việc lao nhọc lên xuống núi đông như thế ấy lại sợ dĩ được là đôn hậu với dân vậy ư?

CHƯƠNG III

篤公劉

逝彼百泉

瞻彼溇原

迺陟南岡

乃覲于京

京師之野

于時處處

于施廬旅

于時言言

于時語語

21. Đốc Công Lưu

22. Thệ bĩ Bách tuyến,

23. Chiêm bĩ phổ nguyên,

24. Nãi trắc nam cương,

25. Nãi cầu vu kinh,

26. Kinh sư chi dã

27. Vu thì xử xử,

28. Vu thì lư lữ,

29. Vu thì ngôn ngôn,

30. Vu thì ngữ ngữ.

Dịch nghĩa

21. Ông Công Lưu dôn hậu

22. Đến vùng Bách tuyến kia,

23. Thì ngó ra khoảng đồng bằng rộng rãi kia,

24. Bèn leo lên sống núi nam,

25. Thì ngó ra cái gò cao

26. Chỗ đồng nội của đất kinh đô

27. Thì làm nhà mà ở nơi ấy,

28. Thì cho khách ngụ ở nơi đấy,

29. Nói những việc đáng nói ở đây,
30. Bàn những điều đáng bàn ở đây.

Dịch thơ

*Công Lưu đôn hậu vô cùng!
Bách tuyến vùng nọ thung dung đến rồi,
Đồng rộng rãi trông vời khoảng ấy,
Sông núi nam leo mãi đến cùng,
Gò cao kia đứng ngắm trông,
Chỗ đồng nội lại nhằm vùng đất kinh,
Thì làm nhà ở quanh nơi ấy,
Cho khách cư ngụ lại tạm thời,
Nói lên việc đáng thốt lời.
Luận điều đáng luận cũng nơi ấy mà.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 溥 溥, to. 觀 覷, thấy. 京 京 (đọc cương cho hợp vận), gò cao, 師 師, nhiều người. 京 師 京 師, núi cao được người ở đông. Đồng thị nói rằng: Chỗ được gọi là 京 師 bắt đầu ở đây, về sau dựa theo đấy gọi chỗ đóng đô là 京 師, 時 時, nơi ấy. 處 處 處 處, nhà ở. 盧 盧, ở trọ. 旅 旅, khách ở trọ 言 言, nói thẳng. 語 語, bàn luận việc khó khăn.

Chương này nói việc lo tính dựng ấp mà ở. Từ dưới mà trông, thì đến Bách tuyên mà ngó ra khoảng đồng bằng rộng rãi. Từ trên mà trông, thì leo lên sống núi nam mà ngó ra cái gò cao. Dựng nhà lên ở đấy, cho trú ngụ tân khách ở đấy, nói những việc đáng nói ở đấy, bàn những điều đáng bàn ở đấy, không có sự gì mà không làm ở đấy cả.

CHƯƠNG IV

篤公劉

于京斯依

踳踳濟濟

俾筵俾几

既登乃依

乃造其曹

執豕于牢

酌之用匏

食之飲之

君之宗之

31. Đốc Công Lưu

32. Vu kinh tư y.

33. Thương thương tế tế.

34. Tỷ diên tỷ kỷ.

35. Ký đẳng nãi y.

36. Nãi tháo kỳ tào,

37. Cháp thử vu lao,

38. Chúc chi dụng bào

39. Tự chi ẩm chi,

40. Quân chi tông chi.

Dịch nghĩa

31. Ông Công Lưu đôn hậu

32. Đã ở yên ổn nơi kinh đô.

33. Các quan bề tôi đều có uy nghi.
34. Vua mới khiến bày đệm bày ghế cho các bề tôi ấy.
35. Các bề tôi đã bước lên đệm, hoặc đã tựa ghế mà ngồi.
36. Người ta mới đến chỗ nuôi những bày súc vật.
37. Bắt con heo ở trong chuồng làm món ăn.
38. Lấy cái bầu làm chén rót rượu
39. Cho các bề tôi ăn uống.
40. Để ông Công Lưu vẫn làm vua (như hồi ở đất Thái) và làm chủ tế.

Dịch thơ

Công Lưu đôn hậu vô song!
Đã yên ổn sống ở trong kinh kỳ.
Các bề tôi uy nghi tử tế.
Mới khiến bày đệm ghế khắp nơi.
Bước vào đệm, tựa ghế ngồi.
Người ta liền đến chỗ nuôi những bày,
Bắt con heo làm ngay các thứ,
Trái bầu làm chén cứ rót vào.
Bề tôi ăn uống cùng nhau,
Làm vua, chủ tế bấy lâu là ngài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 依 y (đọc y cho hợp vận), yên. 踰踰 *thương thương tế tế*, đáng các bề tôi có uy nghi. 俾 *tý* khiến, khiến người ta vì tân khách mà bày đệm bày ghế để ngồi. 登 *đăng*, lên trên đệm mà ngồi. 依 y (đọc y cho hợp vận), tựa vào ghế mà ngồi. 曹 *tào*, chỗ nuôi những bày súc vật. Bắt con heo làm món ăn, dùng vỏ trái bầu khô làm chén uống rượu. ấy là lấy việc chất phác mà tiết kiệm. 宗 *tông*, tôn lên làm chủ. Con cháu dòng đích làm chủ những cuộc cúng tế tổ tiên, được người trong họ tôn lên làm chủ tế.

Chương này nói cung thất đã làm xong mà cúng tế làm lễ hoàn thành để bày tiệc ăn uống uỷ lạo các bề tôi, để làm vua những bề tôi ấy và làm chủ trong lễ cúng tế ấy.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Vua đã cho ăn uống mà định một chế độ thông thường để gồm thuộc trọn cả nhân dân về mình, trên thì đều gồm cả vào vua, dưới thì đều gồm cả vào tông tộc. - Vì rằng ngày xưa khi kiến quốc lập tông, việc ấy phải cùng lo. Nước Sở bắt con vua rợ nhưng man, rồi định áp lập tông để dụ những dân lưu lạc nhưng man lại. Tức là việc ấy.

CHƯƠNG V

篤公劉

41. Đốc Công Lưu

既溥既長

42. Ký phổ kỹ trường.

既景迺岡

43. Ký ảnh nãi cương,

相 其 陰 陽
觀 其 流 泉
其 軍 三 單
度 其 隰 原
徹 田 爲 糧
度 其 夕 陽
幽 居 允 荒

44. Tướng kỳ âm dương,
45. Quan kỳ lưu tuyền.
46. Kỳ quân tam đơn.
47. Độ kỳ thấp nguyên
48. Triệt điền vi lương,
49. Độ kỳ tịch dương,
50. Bân cư doãn hoang.

Dịch nghĩa

41. Ông Công Lưu don hậu
42. Đất khai khẩn đã nhiều đã dài.
43. Đã đo bóng mặt trời để định hướng bốn phương,
bèn lên trên sống núi cao trông xuống mà xem xét,
44. Xem xét lẽ thích nghi về âm dương (sáng tối, ấm lạnh).
45. Xem xét mối lợi về sông ngòi tươi mát khắp vùng
46. Quân đội có ba hạng.
47. Phân định những ruộng chỗ ẩm thấp và ruộng ở
đồng bằng.
48. Phân khu để đánh thuế lấy lương thực cho quân đội.
49. Phân định những ruộng đất ở phía tây trái núi
50. Cho nên đất đai của dân nước Bân ở thật là rộng rãi.

Dịch thơ

Công Lưu đồn hậu thật là!
Đất khai khẩn đã dài và mệnh mông!
Lên núi cao ánh hồng đỏ xét,
Lẽ sáng mờ, nóng rét điều hoà.
Sông ngòi lượn tươi xét qua.
Còn về quân ngũ, có ba hạng rồi.
Định ruộng đồng, ruộng nơi ẩm thấp.
Phân thành khu thuế, lập quân lương.
Phân vùng ruộng phía tịch dương.
Đất đai Bán quốc phi thường rộng xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蒲 phổ, rộng. Nói khi đã giấy trừ cỏ dại, mở mang khai khẩn, đất đai đã rộng và đã dài. 景 ảnh, xét bóng mặt trời để định rõ hướng bốn phương. 岡 cương (sống núi), lên trên núi cao để trông. 相 tướng, xem xét. 陰陽 âm dương, xét việc thích nghi về hướng ra ánh sáng, hay quay vào bóng tối cùng khí lạnh khí ấm. 流泉 lưu tuyến, mối lợi về sông ngòi tươi mát vùng ấy. 三單 tam đơn (đọc điển cho hợp vận), chưa rõ là gì. 徹 triệt, khu ruộng. Ruộng một tỉnh điển 井田 có 900 mẫu, 8 nhà riêng lo cày cấy phân minh mỗi nhà 100 mẫu, rồi cùng nhau lo dưỡng công điền, cày thì chung sức mà làm, thu gặt thì

tính theo mẫu mà chia cho nhau. Phép thuế ruộng đời nhà Chu bắt đầu từ đây, về sau Chu công dựa theo đây mà sửa sang. 夕陽 tịch dương, mặt phía tây của trái núi. 允 doãn, tin 荒 hoang, to.

Đây nói phân biệt lễ thích nghi của cuộc đất để trao đất đai cho dân đã dời đi theo mà cấy cấy, định sắc thuế nộp để nuôi quân và phép đánh thuế, lại phân định những ruộng ở mặt phía tây trái núi để mở mang cho rộng. Đất đai của người nước Bân vì thế mà càng rộng.

Chú giải của Dịch giả

Mao thi – 三單 nhất tam đơn, ba hạng. Quân đội chỉ ra làm ba hạng

CHƯƠNG V

篤公劉

于豳斯館

涉謂爲亂

取厲取鍛

止基迺理

爰眾爰有

夾其皇潤

邀其過潤

止旅迺密

51. Đốc Công Lưu

52. Vu Bân tư quán

53. Thiệp Vị vi loạn,

54. Thủ lệ thủ đoán,

55. Chỉ cơ nãi lý.

56. Viên chúng viên hữu.

57. Giáp kỳ Hoàng giản,

58. Tổ kỳ Qua giản.

59. Chỉ lữ nãi mật,

Dịch nghĩa

51. Ông Công Lưu đôn hậu
52. Lập quán xá cho khách ngụ ở nước Bân.
53. Dùng thuyền để đi ngang qua dòng sông Vị.
54. Lấy đá lấy sắt.
55. Đã ở yên nơi ấy bèn lo việc đồng ruộng.
56. Thì người thêm đông, của thêm nhiều.
57. Có nhà ở theo hai bờ sông Hoàng,
58. Có nhà ở dồn lên nguồn sông Qua.
59. Dân chúng đến ở đầy thêm trù mật.
60. Lại phải đến phía ngoài sông Nhuế mà ở nữa.

Dịch thơ

Công Lưu đôn hậu vô ngân!
Lập nên quán xá nước Bân xong rồi,
Trên sông Vị, thuyền xuôi qua lại
Chở đá và sắt lấy đem dùng,
Ở yên, lo việc ruộng đồng.
Của thêm nhiều mãi, người đông tăng hoài.
Bờ sông Hoàng nhà đầy san sát.
Nguồn sông Qua, thấy cát lăm căn,

Ở thêm trù mật dân gian

Phía ngoài sông Nhuế ở lan nữa rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 館 quán, nhà để khách ngụ. 亂 loạn, thuyền xấn ngang dòng nước mà lướt qua. 厲 lệ, đá mài dao. 鍛 đoán, sắt. 止 chỉ, ở. 基 cơ, định. 理 lý là. 疆理 cương lý, lo việc ruộng nương, phân ranh giới, phân biệt lẽ thích nghi của cuộc đất. 眾 chúng, đông người. 有 hữu (đọc vĩ cho hợp vận), tiên của đầy đủ. 遡 tố, hướng về. 皇 Hoàng, 過 Qua là tên hai con sông. 芮 Nhuế, tên sông, từ phía tây bắc núi Ngô sơn chảy ra, hướng về phía đông nhập vào sông Kinh. Quan chức phương trong Chu lễ viết là 芮 Nhuế, 鞠 cúc, ở phía ngoài bờ nước.

Chương này kể gộp từ đầu đến cuối, nói từ lúc mới đến chưa ở yên, phải đi ngang qua dòng sông để lấy vật liệu, dùng thuyền qua lại lấy đá lấy sắt để làm cung thất. Đã ở yên nơi ấy, bèn lo việc ruộng đồng, thì ngày ngày thêm đông đảo, giàu có. Có nhà ở theo hai bờ khe, có nhà ở dồn lên phía trên nguồn. Dân chúng đến dùng ở đây mà ngày ngày thêm trù mật, lại phải đến phía ngoài sông Nhuế mà ở nữa. Cho nên đất đai của nước Bân càng ngày càng rộng.

Thiên Công Lư có 6 chương, mỗi chương 10 câu.

BÀI THỨ 257

CHƯƠNG I

洞酌	Huýnh chức. (Sinh dân 7)
洞酌彼行潦	1. Huýnh chức bĩ hành lão,
挹彼注茲	2. Ấp bĩ chú tư.
可以饋	3. Khả dĩ phân xĩ.
豈弟君子	4. Khải đệ quân tử
民之父母	5. Dân chi phụ mẫu.

Dịch nghĩa

1. Ra phía xa múc nước mưa ở rãnh nước chảy bên đường kia (để chứa vào lu).
2. (Chờ lắng cạn) rồi múc từ đáy mà đổ vào đây.
3. Thế mà còn dùng để nấu các thức ăn được.
4. Vua vui vẻ và dễ dàng
5. Để đáng bậc cha mẹ của dân.

Dịch thơ

*Nước mưa múc rãnh bên đường,
Múc từ bên nọ đổ sang bên này.
Còn dùng nấu đủ đây các thức*

Vua dễ dàng và thực vui tươi.

Đáng làm cha mẹ dân rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 洞 *huỳnh*, xa. 行潦 *hành lão*,
rãnh nước mưa chảy ở bên đường. 饋 *phân*, nấu cơm vút, đã
nấu chín lại đổ nước vào nấu thêm một lần nữa.

xỉ, rượu và đồ ăn. 君子 *quân tử*, chỉ vua.

Thuyết xưa ở sách *Mao thi* cho là Thiệu Khang công
răn Thành vương. Nói ra phía xa chỗ rãnh nước mưa chảy
bên đường kia mức nước (đổ vào lu, chờ nước đã lắng cặn)
rồi mức từ lu kia mà đổ vào đấy, thế mà còn có thể dùng
để nấu rượu và đồ ăn. Huống chi bậc vua quân tử vui vẻ
và dễ dàng há lại không làm được cha mẹ của dân hay
sao? *Mao thi* nói rằng: *Khải* là vui để gắng dạy dân, *dễ* là
dễ dàng cho dân an vui, vì người dân đều có cha tôn kính,
có mẹ thân mến cả. Lại nói: Những điều gì mà dân ưa, thì
vua phải ưa theo; những điều gì mà dân ghét, thì vua phải
ghét theo; đấy là gọi cha mẹ của dân.

CHƯƠNG II

- | | |
|-------|-----------------------------|
| 洞酌彼行潦 | 6. Huỳnh chước bử hành lão, |
| 挹彼注兹 | 7. ấp bử chú tư, |
| 可以濯盥 | 8. Khả dĩ trạc lôi. |
| 豈弟君子 | 9. Khải đệ quân tử, |

民之攸歸

10. Dân chi du quy.

Dịch nghĩa

6. Ra phía xa mức nước mưa ở rãnh nước chảy bên đường kia (để chứa vào lu).

7. (Chờ lắng cặn) rồi mức từ đáy mà đổ vào đây.

8. Thế mà còn dùng để rửa cái lọ mà cúng tế được.

9. Vua vui vẻ và dễ dàng.

10. Để được dân quy phụ vào.

Dịch thơ

Nước mưa mức rãnh đằng xa,

Mức từ bên nọ đổ qua bên này.

Dùng rửa lọ để bày cúng tế,

Vua vui tươi lại dễ dàng thay!

Được dân quy phụ theo đây.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 濯 trạc, rửa.

CHƯƠNG III

酌彼行潦

11. Huýnh chúc bĩ hành lão,

挹彼注茲

12. áp bĩ chú tư.

可以濯漑

13. Khả dĩ trác cái.

豈弟君子

14. Khải đệ quân tử,

民之攸壻

15. Dân chi du hỷ.

Dịch nghĩa

11. Ra phía xa mức nước mưa ở rãnh nước chảy bên đường kia (để chứa vào lu).

12. (Chờ lắng cạn) rồi mức từ đáy mà đổ vào đây.

13. Thế mà còn dùng để rửa sạch mọi vật được.

14. Vua vui vẻ và dễ dàng.

15. Để dân được yên ổn nghỉ ngơi.

Dịch thơ

Rãnh xa mức nước mưa rào,

Mức từ bên nọ đổ vào bên đây.

Còn dùng rửa đủ đầy mọi vật,

Vua vui tươi lại thật dễ dàng,

Để dân yên nghỉ rảnh rang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 漑 cái (đọc ký cho hợp vận), cũng là rửa. 壻 hỷ, nghỉ ngơi.

Thiên Huýnh chúc có 3 chương, mỗi chương 5 câu.

BÀI THỨ 258

CHƯƠNG I

卷阿	Quyên a. (Sinh dân 8)
有卷者阿	1. Hữu quyên giả a,
飄風自南	2. Phiêu phong tự nam.
豈弟君子	3. Khải đệ quân tử
來游來歌	4. Lai du lai ca,
以矢其音	5. Dĩ thi kỳ âm.

Dịch nghĩa

1. Có cái gò cao uốn quanh,
2. Gió từ phương nam thổi vào.
3. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng
4. Đến du ngoạn, đến ca vịnh ở đây,
5. Để bày tỏ lời nói của mình,

Dịch thơ

*Cái gò cao lại uốn quanh
Từ nam gió đã lướt nhanh thổi vào,
Vua dễ dàng xiết bao vui tính!
Đến ngoạn du ca vịnh nơi này,
Để cho lời được tỏ bày.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 卷 *quyển*, cong 阿 *a*, cái gò to.
豈弟君子 *khải đế quân tử*, chỉ vua. 矢 *thỉ*, trần bày ra.

Bài thơ này theo thuyết xưa ở *Mao thi*, cũng do Thiệu Khang công làm ra. Nghi rằng Thiệu Khanh công đi theo Thành vương dạo chơi ca vịnh ở trên gò quanh, mới dựa theo lời ca vịnh của vua mà làm bài thơ này để răn.

Chương này kể hợp chung lại để mở đầu.

CHƯƠNG II

伴 俛 爾 游 矣

6. Phán hoán nhĩ du hĩ,

優 游 爾 休 矣

7. Ưu du nhĩ hưu hĩ,

豈 弟 君 子

8. Khải đế quân tử,

俾 爾 彌 爾 性

9. Tỷ nhĩ di nhĩ tính

似 先 公 曾 矣

10. Tự tiên công tù hĩ.

Dịch nghĩa

6. Ngài nhàn hạ đi dạo chơi,

7. Ngài nhàn hạ nghỉ ngơi,

8. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng.

9. Khiến cho ngài được trọn tuổi thọ

10. Giống như các tiên vương đều được thiện chung vậy.

Dịch thơ

Vua thanh nhàn đi dạo chơi,
Và vua nhàn hạ nghỉ ngơi thoả lòng,
Vua vui tươi và cùng dễ tính,
Khiến sống tròn số mệnh thọ trường,
Thiện chung giống các tiên vương,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 伴俟 *phán đoán*, 優游 *ưu du*, là ý nhàn hạ rảnh rang. 爾 *nhĩ*, 君子 *quân tử*, đều là chỉ vua. 彌 *di*, hết, dứt. 性 *tính* như. 命 *mệnh*, tính mệnh. 曾 *tù*, hết dứt.

Nói ngài đã nhàn hạ rảnh rang. Lại gọi và báo cho vua biết, nói là để khiến cho ngài trọn được tuổi thọ, giống như các tiên vương đã khởi đầu cuộc sống lành thì được cái chết lành.

Từ đây đến chương IV đều hết sức nói về tuổi thọ và phúc lộc dồi dào để mở rộng lòng vua cho cảm động vui mừng.

Từ chương V trở về sau mới báo cho vua biết những lý do đã khiến được như thế.

CHƯƠNG IV

爾土宇畎章

11. Nhĩ thổ vũ phân chương,

亦孔之厚矣

12. Diệc khổng chi hậu hĩ,

豈弟君子

13. Khải dễ quân tử,

俾爾彌爾性

14. Tỷ nhi di nhi tính,

百神爾主矣

15. Bách thần nhi chủ hĩ.

Dịch nghĩa

11. Lãnh thổ của ngài đã lớn lao rạng rỡ,

12. Phúc lộc cũng rất trọng hậu rồi.

13. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng.

14. Để khiến ngài trọn được tính mệnh thọ trường,

15. Để ngài làm chủ tất cả trăm vị thần.

Dịch thơ

Đất vua rạng rỡ lớn lao.

Phúc thì trọng hậu dồi dào lắm thay!

Vua dễ dàng và hay vui tính.

Khiến sống tròn thọ mệnh của mình,

Để làm chủ các thành linh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 版章 *phân chương*, lớn lao rạng rỡ. Hoặc nói là 版章 *bản chương* như bản đồ. Nói đất đai lãnh thổ của ngài đã lớn lao rạng rỡ, phúc lộc đã rất

trọng hậu rồi, lại để khiến ngài suốt đời làm chủ các quý thần trong trời đất núi sông.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|------------------------------|
| 爾受命長矣 | 16. Nhĩ thụ mệnh trường hĩ, |
| 弗祿爾康矣 | 17. Phát lộc nhĩ kang hĩ. |
| 豈弟君子 | 18. Khải đệ quân tử, |
| 俾爾彌爾性 | 19. Tỷ nhĩ di nhĩ tính, |
| 純嘏爾常矣 | 20. Thuần giá nhĩ thường hĩ. |

Dịch nghĩa

16. Ngài nhận mệnh trời lâu dài,
17. Ngài sống yên với phúc lộc .
18. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng.
19. Để khiến ngài trọn được tính mệnh thọ trường.
20. Phúc lớn thì ngài được hưởng luôn luôn.

Dịch thơ

*Mệnh trời vua nhận dài lâu.
Sống nhiều phúc lộc xiết bao yên lành!
Vua vui vẻ tính tình dễ dãi.
Khiến sống lâu cho loại mệnh trường.
Phúc to vẫn hưởng thường thường.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 萑 phát. 嘏 giá đều là phúc. 常 thường, thường hưởng được.

CHƯƠNG V

有馮有翼

有孝有德

以引以翼

豈弟君子

四方爲則

21. Hữu bằng hữu đức,

22. Hữu hiếu hữu đức,

23. Di dân dĩ đức.

24. Khải đế quân tử,

25. Tứ phương vì tắc.

Dịch nghĩa

21. Có người hiền tài để vua dựa vào, và có người hiền tài để giúp đỡ vua.

22. Người hiền tài có hiếu và có đức,

23. Để dắt dẫn vua, để phò tá vua ở hai bên.

24. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng.

25. (Ngài trau dồi đức hạnh) để làm phép tắc cho bốn phương noi theo.

Dịch thơ

Người tài giúp, vua dựa vào.

Kẻ thì hiếu, người đức cao hiền tài.

Để phò, dắt ở hai bên cạnh.
Vua vui tươi mà tính dễ dàng.
Để làm phép tắc bốn phương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 馮 bằng, nói có thể để cho dựa vào được. 翼 đức, nói có thể phụ giúp được. 孝 hiếu, nói người phụng thờ được cha mẹ. 德 đức, nói hợp với lòng công bằng nhân đạo của mình. 引 dẫn, đi trước mà dắt. 翼 đức, ở hai bên mà giúp đỡ.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Nết hạnh của người hiền tài không phải chỉ ở một mối, tất nhiên phải nói là có hiếu và có đức là tại làm sao? - Vì rằng người ta chủ yếu là phải thường ở chung với người từ thiện, đôn hậu và chân thật, để có thể làm phấn khởi lòng thiện lên và hàm dưỡng đức tính, nên được lòng nóng nảy và tiêu diệt lòng tà vạy, thánng ngày hằng cải hóa thật sự, chớ không phải chỉ ở trong lời nói mà thôi.

Nói được người hiền tài để giúp đỡ cho mình như thế, thì hằng ngày lo trau giồi đức hạnh, để thiên hạ trong bốn phương lấy đó làm phép tắc.

Từ đây trở về sau mới nói rõ lý do đã đem đến phúc lộc ở chương trên.

CHƯƠNG VI

- | | |
|---------|-----------------------------|
| 顛 顛 卬 卬 | 26. Ngung ngung ngung ngung |
| 如 圭 如 章 | 27. Như khuê như chương. |
| 令 聞 令 望 | 28. Lệnh vấn lệnh vọng. |
| 豈 弟 君 子 | 29. Khải đệ quân tử |
| 四 方 爲 綱 | 30. Tứ phương vi cương, |

Dịch nghĩa

26. Vua tôn nghiêm
27. Thuần khiết như ngọc khuê ngọc chương,
28. Có tiếng tăm tốt đẹp, có uy nghi đáng được trông theo (mà bắt chước).
29. Ngài (vua) vui vẻ và dễ dàng.
30. Làm giếng mối cho thiên hạ bốn phương.

Dịch thơ

*Đức vua thì rất nghiêm trang
Sạch trong như ngọc khuê chương khác gì.
Có tiếng tốt uy nghi gương mẫu.
Vua vui tươi trung hậu dễ dàng.
Làm giếng mối khắp bốn phương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 顒顒印印 *ngung ngung ngung ngung*, tôn nghiêm 如圭如章 *như khuê như chương*, thuần khiết trong sạch như ngọc khuê ngọc chương. 令聞 *lệnh vãn*, tiếng tăm tốt đẹp. 令望 *lệnh vọng* (đọc *vương* cho hợp vận), uy nghi đáng được trông theo mà bắt chước.

Tiếp theo chương trên nói đã được người hiền tài để dựa vào để giúp đỡ và được người có hiếu có đức dắt dẫn, phò tá, vua mới được như thế, để thiên hạ trong bốn phương lấy đó làm giềng mối.

CHƯƠNG VII

- | | |
|--------|----------------------------|
| 鳳凰于飛 | 31. Phụng hoàng vu phi, |
| 翩翩其羽 | 32. Huý huý kỳ vũ, |
| 亦集爰止 | 33. Diệc tập viên chỉ, |
| 藹藹王多吉士 | 34. ái ái vương đa cát sĩ. |
| 維君子使 | 35. Duy quân tử sử, |
| 媚于天子 | 36. Mỹ vu thiên tử. |

Dịch nghĩa

31. Chim phụng hoàng bay,
32. Tiếng cánh vỗ nghe sâm sập,
33. Rồi đậu lại ở nơi đáng đậu,

34. Vua có những bực hiền sĩ rất nhiều.
 35. Những hiền sĩ ấy đều để vua sai khiến,
 36. Đều yên chiều thiên tử để tận chức vụ của mình.

Dịch thơ

*Tung bay vun vút phượng hoàng,
 Cánh khua sầm sập nghe vang lưng trời,
 Rồi đậu lại ở nơi thích đáng,
 Vua có tài cán rất đáng,
 Để vua tùy ý sai dùng,
 Mến chiều vua để làm xong chức mình.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鳳凰 *phụng hoàng*, loài chim linh diệu, con trống gọi phụng, con mái gọi hoàng. 翩翩 *huý huý*, tiếng cánh bay. Trình thị chú trong *Mao thi* cho là nhân lúc ấy chim phụng hoàng bay đến, cho nên lấy đó mà tỷ dụ, lý hoặc đúng như thế. 藹藹 *ái, ái*, đông nhiều. 媚 *my*, thương chiều theo.

Chim phụng hoàng bay thì cánh khua sầm sập và đậu ở nơi đáng cho nó đậu. Bực hiền sĩ của vua rất đông nhiều, đều để cho vua sai khiến và đều yêu chiều vua.

Đã nói quân tử rồi lại nói thiên tử, cũng như nói *Vương vu xuất chinh, Dĩ tà thiên tử*.

CHƯƠNG VIII

鳳凰于飛	37. Phụng hoàng vu phi,
翩翩其羽	38. Huý huý kỳ vũ,
亦傳于天	39. Diệc phụ vu thiên.
藹藹王多吉士	40. ái ái vương đa cát nhân,
維君子命	41. Duy quân tử mệnh,
媚于庶人	42. My vu thứ nhân.

Dịch nghĩa

37. Chim phụng hoàng bay,
38. Tiếng cánh vỗ nghe sầm sập.
39. Rồi bay cao sát trời,
40. Vua có những người hiền rất nhiều,
41. Những người hiền ấy đều để vua sai bảo,
42. Cùng yêu chiều dân chúng.

Dịch thơ

*Lướt bay vun vút phụng hoàng.
Cánh khua sầm sập nghe vang một vùng.
Rồi đến tận trời không, bay sát.
Trang hiền nhân vua rất có nhiều.
Để vua sai bảo mọi điều*

Và cùng kết dạ yêu chiều muôn dân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 媚于庶人 *mị vu thứ nhân*, yêu chiều nhân dân.

CHƯƠNG IX

- | | |
|---------|----------------------------------|
| 鳳 凰 鳴 矣 | 43. Phụng hoàng minh hĩ |
| 于 彼 膏 岡 | 44. Vu bỉ cao cương, |
| 梧 桐 生 矣 | 45. Ngô đồng sinh hĩ |
| 于 彼 朝 陽 | 46. Vu bỉ triêu dương. |
| 華 華 萋 萋 | 47. Bồng bồng thê thê. |
| 離 離 喈 喈 | 48. Ung ung giê giê (giai giai). |

Dịch nghĩa

43. Chim phụng hoàng kêu
44. ở trên sông núi cao kia.
45. Cây ngô đồng mọc lên
46. ở mặt phía đông trái núi kia.
47. Cây ngô đồng mọc lên um tùm rậm rạp.
48. Tiếng chim phụng hoàng nghe kêu dịu hoà.

Dịch thơ

Kêu lên lạnh lạnh phụng hoàng

Ở trên sông núi nghe vang một vùng.

Đã mọc lên ngô đồng rồi đấy

Ở phía đông núi ấy vươn ra.

Ngô đồng tươi tốt rườm rà.

Phụng hoàng kêu tiếng dịu hoà xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc tử, lại khởi hứng ở việc chương sau. 朝陽 *triêu dương*, mặt núi phía đông. Tính chim phụng hoàng nếu chẳng phải là cây ngô đồng thì không đậu nếu chẳng phải là hạt tre thì không ăn. 莘莘萋萋 *bổng bổng thê thê*, cây ngô đồng mọc rậm rạp. 離離喈喈 *ung ung giai giai* (đọc *giê giê* cho hợp vận), tiếng chim phụng hoàng kêu hoà dịu.

CHƯƠNG X

君子之車

49. Quân tử chi xa

既庶且多

50. Ký thứ thả đa,

君子之馬

51. Quân tử chi mã

既閑且馳

52. Ký nhà thả trị.

矢詩不多

53. Thỉ thi bất đa

Dịch nghĩa

49. Xe của vua
50. Đã đông lại nhiều.
51. Ngựa của vua
52. Đã luyện tập thuần thục và chạy nhanh
53. Thơ trần bày ra không nhiều (chỉ có bấy nhiêu mà thôi)
54. Để ca theo nối lời của vua.

Dịch thơ

*Đấy là xe của vua đi.
Rộn ràng tấp nập số thì nhiều đông.
Ngựa của vua đem dùng ngân ấy.
Phi rất nhanh và lại luyện thuần.
Không nhiều thơ đã phô trần
Nối lời vua để ân cần ca vang.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Tiếp theo việc khởi hứng ở chương trên: Cây ngô đồng um tùm, thì tiếng chim phụng hoàng hoà điệu. Xe ngựa của vua đã đông nhiều và luyện tập thuần nhả, ý như muốn nói rằng: Xe ngựa cũng đủ để đãi các bậc hiền sĩ trong thiên hạ. Vua mến bậc hiền sĩ,

không ngại số hiền sĩ đông nhiều. 遂歌 *toại ca*, bèn ca, vì là nối lời của vua mà ca theo, cũng giống như sách kinh *Thư* ở thiên *ích Tắc mô* nói: *Nãi canh tái ca* (= Ông Cao Dao tiếp theo ý trên mà nói rằng: - Xem lại chương IV thiên *Gia lạc*, bài thứ 255).

Thiên Quyển a có 10 chương, 6 chương 5 câu và 4 chương 6 câu.

BÀI THỨ 259

CHƯƠNG I

民勞	Dân lao. (Sinh dân 9)
民亦勞止	1. Dân diệp lao chỉ
汔可小康	2. Hết khả tiểu khang.
惠此中國	3. Huệ thử trung quốc,
以綏四方	4. Dĩ tuy tứ phương.
無縱詭隨	5. Vô túng quỷ tùy,
以謹無良	6. Dĩ cần vô lương,
式遏寇虐	7. Thức át khấu ngược.
僭不畏明	8. Thâm bất uy minh
柔遠能邇	9. Như viễn năng nhĩ,
以定我王	10. Dĩ định ngã vương

Dịch nghĩa

1. Dân chúng cùng đã đau khổ
2. Mong được bình yên
3. Thì vua nên thương xót người nơi kinh đô,
4. Để làm cho thiên hạ ở bốn phương được yên ổn.
5. Vua chớ hồ đồ nghe bừa, không suy xét,
6. Để cho kẻ vô lương biết kinh sợ kiểm thúc lấy mình
7. Để chặn ngăn những tham quan ô lại dỏm trò cướp bóc bạo ngược đối với dân chúng.
8. Những tham quan ô lại ấy đã từng không kiêng sợ lẽ cao minh của trời.
9. Hễ vua làm cho người ở xa được yên ổn, người ở gần được thuận hoà theo.
10. Thì nhà Chu của ta được vững vàng yên định.

Dịch thơ

*Đã lao khổ lắm rồi dân chúng.
Đều cầu cho được sống an bình.
Vua nên thương dân ở kinh,
Cho dân bốn phía an bình ấm no.
Đừng nghe lời hồ đồ cần dỡ,
Đưa vô lương kinh sợ giữ thân.
Cướp giành bạo ngược, chặn ngăn,*

Lê trời sáng tỏ lấm lẩn sợ chi.

Ở xa yên, gần thì hoà thuận.

Nhà Chu ta mệnh vận an bình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 汙 *hất*, mong. 中國 *trung quốc* kinh sư. 四方 *tứ phương*, nước Trung quốc, nước Tàu. 京師 *kinh sư*, kinh đô là căn bản của nước Tàu. 詭綏 *quỹ tuy*, không đoái đến việc phải trái mà nghe bừa theo. 謹 *cẩn*, ý kiểm thúc, 儆 *thảm*, nhiều lần. 明 *minh*, lẽ cao minh sáng suốt của trời. 柔 *nhu*, yên. 能 *năng*, thuận tập theo.

Lời giải thuyết của bài tự trong *Mao thi* cho đây là bài thơ của Thiệu Khang công châm biếm Lê vương. Nay được khảo xét lại, thì đây chỉ là lời khuyên răn, chưa phải tất nhiên chuyên vào Lê vương mà làm ra. Nhưng cái ý sâu cảm việc đương thời cũng thấy rõ được.

Tô thị nói rằng: Người ta chưa có bao giờ vô cớ mà nghe theo một cách càn bừa kẻ khác. Chỉ có bọn người vô lương, đua nịnh làm cho vua vui thích mà lén lăm quyền để làm việc cướp bóc bạo ngược, thì dám làm việc ấy. Cho nên đừng có không đoái đến phải trái mà nghe càn theo người, thì kẻ vô lương sẽ kinh sợ, kẻ cướp bóc bạo ngược không biết kiêng nể sẽ dứt. Rồi sau mới làm cho người ở xa được yên ổn, người ở gần được thuận hoà, thì vương thất mới vững vàng yên định.

Mục công tên Hồ, dòng dõi của Khang công. Lệ vương tên Hồ, cháu 7 đời của Thành vương.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|-------------------------|
| 民亦勞止 | 11. Dân diệp lao chỉ |
| 汔可小休 | 12. Hết khả tiểu hưu. |
| 惠此中國 | 13. Huệ thử trung quốc. |
| 以爲民述 | 14. Dĩ vi dân cầu. |
| 無縱詭隨 | 15. Vô túng quỷ tuy, |
| 以謹愆恤 | 16. Dĩ cẩn hôn nao. |
| 式遏寇虐 | 17. Thức ác khấu ngược |
| 無俾民憂 | 18. Vô tỵ dân ưu. |
| 無棄爾勞 | 19. Vô khí nhĩ lao, |
| 以爲王休 | 20. Dĩ vi vương hưu. |

Dịch nghĩa

11. Dân chúng cũng đã đau khổ
12. Mong được nghỉ ngơi.
13. Thì vua nên thương xót người ở kinh đô,
14. Để cho dân chúng tụ tập lại (khỏi phải tan tát tha hương).
15. Vua chớ nghe bừa không suy xét.

16. Để cho kẻ ồn ào hay cãi lấy biết kinh sợ mà kiểm thúc lấy mình.

17. Để chặn ngăn tham quan ô lại đỡ trò cướp bóc bạo ngược đối với dân chúng.

18. Dừng khiến dân phải sầu khổ.

19. Vua chớ bỏ những công lao rạng rỡ lúc đầu tiên của vua (vua nên tiếp tục chính sách tốt ấy).

20. Để làm nên cái thành công tốt đẹp của vua.

Dịch thơ

Đã lao khổ lắm rồi dân chúng.

Mong nghỉ ngơi được sống thanh bình.

Nên thương dân ở kinh thành.

Cho dân đoàn tụ yên lành sống chung.

Chớ nghe bừa mà không suy xét,

Kẻ ồn ào phải biết giữ thân,

Bạo tàn cướp bóc, chặn ngăn,

Đừng nên xui khiến muôn dân khổ sầu.

Công dân lặn lúc đầu chớ bỏ.

Để thành công rạng rỡ đẹp thay!

Chú giải của Chu Hy.

Chương này thuộc phú. 逮 逮 cầu, tụ lại. 憫 憫 hôn nao (đọc nu cho hợp vận) 譁譁 hoa hoa là ồn ào tranh giành. 勞

lao, công lao. Nói chớ bỏ công lao trước của ngài. 休 *hưu*, đẹp.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 民亦勞止 | 21. Dân diệp lao chỉ |
| 汔可小息 | 22. Hất khả tiểu tức. |
| 惠此京師 | 23. Huệ thử kinh sư, |
| 以綏四國 | 24. Dĩ tuy tứ quốc. |
| 無縱詭隨 | 25. Vô túng quỷ tùy, |
| 以謹罔極 | 26. Dĩ cần vông cực, |
| 式遏寇虐 | 27. Thức át khấu ngược, |
| 無俾作慝 | 28. Vô tỵ tác thắc, |
| 敬慎威儀 | 29. Kính thận uy nghi, |
| 以近有德 | 30. Dĩ cận hữu đức. |

Dịch nghĩa

21. Dân chúng cũng đã lao khổ
22. Mong được nghỉ ngơi.
23. Thì vua phải thương xót người ở kinh đô,
24. Để làm yên ổn những nước chư hầu ở bốn phương.
25. Vua chớ hồ đồ nghe bừa theo,

26. Để cho kẻ làm những việc vô cùng ác độc biết kiêng sợ mà kiểm thúc lấy mình.

27. Để ngăn chặn những tham quan ô lại dờ trờ cướp bóc bạo ngược đối với dân chúng.

28. Vua chớ khiến làm điều ác độc,

29. Vua phải cung kính thận trọng và uy nghi,

30. Để gần được người hiền đức,

Dịch thơ

Đã lao khổ lắm rồi dân chúng

Mong nghỉ ngơi được sống thanh bình.

Nên thương người ở đế kinh.

Chư hầu đều được yên lành bốn phương.

Chớ nghe bừa không lường không xét,

Kẻ ác vô cùng biết giữ thân,

Cướp giành bạo ngược chặn ngăn.

Chớ xui làm việc bạo tàn độc cay.

Phải uy nghi miệt mài thận trọng,

Để gần người trọng vọng đức tài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 罔極 vô cùng cực, vô cùng, người làm việc vô cùng ác độc. 有德 hữu đức, người có đức.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------|
| 民亦勞止 | 31. Dân diệp lao chỉ |
| 汙可小惕 | 32. Hất khả tiểu khí. |
| 惠此中國 | 33. Huệ thử trung quốc, |
| 俾民憂泄 | 34. Tỷ dân ưu dị. |
| 無縱詭隨 | 35. Vô túng quỷ tùy, |
| 以謹醜厲 | 36. Dĩ cẩn xú lệ, |
| 式遏寇虐 | 37. Thức át khấu ngược. |
| 無俾政敗 | 38. Vô tỷ chính bại. |
| 戎雖小子 | 39. Nhung tuy tiểu tử, |
| 而式弘大 | 40. Nhi thức hoàng đại. |

Dịch nghĩa

31. Dân chúng cũng đã lao khổ
32. Mong được nghỉ ngơi.
33. Thì vua phải thương xót người ở kinh đô,
34. Khiến nỗi sầu khổ của dân được lánh xa tiêu trừ.
35. Vua chớ hồ đồ nghe bừa theo.
36. Để cho những kẻ làm ác biết kinh sợ mà kiểm thúc lấy mình,

37. Để ngăn chặn tham quan ô lại dõ trò cướp bóc bạo ngược đối với dân chúng.

38. Chớ khiến chính đạo phải hư hỏng.

39. Ngài tuy là còn non trẻ.

40. Những việc làm của ngài rất to rộng (ngài nên cẩn thận).

Dịch thơ

Đã lao khổ quá rồi dân chúng.

Mong nghỉ ngơi mà sống yên lành.

Phải thương người ở kinh thành.

Điều dân sâu khổ tan lành trừ đi.

Chớ nghe bùa không suy không xét,

Bọn ác ôn phải biết giữ thân,

Bạo tàn cướp bóc chặn ngăn.

Chớ xui chính đạo lần lần hỏng đi.

Vua hôm nay vẫn tuy trẻ tuổi,

Việc vua làm quá đôi lớn lao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 惕 *khí*, nghỉ ngơi. 泄 *di*, đi. 厲 *lệ*, ác. 政敗 *chính bại* (đọc bị), chính đạo bị hư hỏng. 戎 *nhung*, ngài.

Nói ngài tuy là non trẻ, nhưng việc làm của ngài rất rộng lớn, không thể không cẩn thận được.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|--------------------------|
| 民亦勞止 | 41. Dân diệp lao chi |
| 汔可小安 | 42. Hât khả tiểu an. |
| 惠此中國 | 43. Huệ thử trung quốc, |
| 國無有殘 | 44. Quốc vô hữu tàn. |
| 無縱詭隨 | 45. Vô túng quỷ tùy, |
| 以謹繾綣 | 46. Dĩ cẩn khiển khuyển, |
| 式遏寇虐 | 47. Thức át khấu ngược. |
| 無俾正反 | 48. Vô tỳ chính phản. |
| 王欲玉女 | 49. Vương dục ngọc nữ, |
| 是用大諫 | 50. Thị dụng đại gián. |

Dịch nghĩa

41. Dân chúng cũng đã đau khổ
42. Mong có thể được yên ổn
43. Thì vua phải thương xót người ở kinh đô
44. Trong nước sẽ không có điều tàn bạo nữa.
45. Vua chớ hồ đồ nghe bừa theo,
46. Để khiến cho kẻ tiểu nhân bấu víu vào vua biết
kinh sợ mà kiểm thúc lấy mình,

47. Để năng chặn tham quan ô lại đỡ trò cướp bóc bạo ngược đối với dân chúng.

48. Chớ khiến chúng làm nên việc trái lẽ chính đáng.

49. Vua muốn yêu quý những quan chức các ngài như ngọc báu.

50. Cho nên ta mới dùng lời thơ này để khuyên răn các ngài một cách lớn lao vậy.

Dịch thơ

Đã lao khổ lắm rồi dân chúng

Đều cầu cho được sống yên lành.

Phải thương người ở thần kinh,

Bạo tàn trong nước phải đình dứt ngay.

Chớ nghe bừa không hay suy xét,

Nịnh bám vào điều biết giữ thân.

Bạo tàn cướp bóc chặn ngăn.

Những điều trái đạo thì cần chớ xui.

Vua yêu quý các người như ngọc.

Ta dùng thơ để dốc khuyên can.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 緜緜 khiến khuyến, những đứa tiểu nhân cố kết bên vua. 正反 chính phản, ngược lại với chính. 玉 ngọc, ý yêu quý như ngọc. Nói vua muốn coi

những quan chức các ngài như ngọc yêu quý, cho nên ta lấy cái ý của vua mà can gián một cách lớn lao các ngài hãy sửa mình. Đó là mượn cái ý của vua mà khuyên răn.

Thiên Dân lao có 5 chương, mỗi chương 10 câu.

BÀI THỨ 260

CHƯƠNG I

板

Bản. (Dân sinh 10)

上帝板板

1. Thượng đế bản bản,

下民卒瘁

2. Hạ dân tốt dần.

出話不然

3. Xuất thoại bất nhiên,

爲猶不遠

4. Vì do bất viễn.

靡聖管管

5. Mỹ thánh quản quản.

不實於亶

6. Bất thực ư đản.

猶之未遠

7. Do chi vị viễn?

是用大諫

8. Thị dụng đại gián.

Dịch nghĩa

1. Trời làm trái đạo thông thường,
2. Cho nên dân hèn đều phải chịu bệnh hoạn.
3. Lời vua nói ra không hợp lý.

4. Mục tính của vua không lâu dài.
5. Vua cho là không còn thánh nhân nữa, rồi buông lung làm càn không đoái cậy vào đâu cả.
6. Việc tốt đẹp thì vua không thực hành với lòng tin tưởng.
7. Há rằng những mưu tính ấy chưa được lâu dài hay sao?
8. Cho nên mới dùng lời này mà cực lực khuyên can vua.

Dịch thơ

*Trời làm trái đạo thông thường.
 Dân hèn bịnh hoạn thâm thương đầy trời.
 Không hợp lý những lời vua thốt,
 Mưu của vua chẳng cốt dài lâu.
 Thánh không, chẳng tựa vào đâu.
 Chẳng hề thực hiện việc nào đẹp hay.
 Há lại chưa lâu dài mưu kế?
 Mới dùng lời này để khuyên can.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 板板 bản bản, trái ngược. 卒 tốt, tận hết, 殫 đản, bịnh. 猶 do, mưu. 管管 quản quản, không có nơi để nương tựa. 亶 đản, thành thật đáng tin.

Bài tựa ở sách *Mao thi* cho đây là bài thơ của Phàm Bá châm biếm Lệ vương. Nay khảo xét ý tứ của bài thơ thì

cũng cho là giống như thiên trước (*Dân lao*), nhưng mà lời trách có thâm thiết hơn.

Chương này, đầu tiên nói Trời làm trái đạo thông thường để khiến dân chúng đều bịnh hoạn. Mà lời của ngài nói ra đều không hợp lý, việc mưu tính của ngài lại không lâu dài, tâm của ngài cho là không còn có bậc thánh nhân nữa. Rồi ngài buông lung làm càn không còn đoái cây vào đâu cả. Những việc tốt đẹp thì ngài lại không thực hành với lòng tin tưởng. Há lại những mưu đồ ấy chưa được lâu dài mà phải như thế hay sao?

Đời loạn là do người tạo ra, mà nói là do trời làm trái đạo thường, đó là lời không thể đổ tội cho ai khác được.

CHƯƠNG II

天之方難

9. Thiên chi phương nạn.

無然憲憲

10. Vô nhiên hiến hiến

天之方蹶

11. Thiên chi phương quỵ,

無然泄泄

12. Vô nhiên dị dị.

辭之輯矣

13. Từ chi tập hĩ

民之洽矣

14. Dân chi hạp hĩ.

辭之懌矣

15. Từ chi dịch hĩ

民之莫矣

16. Dân chi mạc hĩ.

Dịch nghĩa

9. Lúc trời vừa gieo tai nạn,
10. (Quan chúc các ngài) chớ vui vẻ hớn hở như thế (mà hòa theo).
11. Lúc trời vừa làm cho nước nhà nghiêng đổ,
12. (Quan chúc các ngài) chớ bê trễ biếng lười (mà không khuyên can vua).
13. Những lời hoà nhã (đúng với đạo lý của tiên vương).
14. Thì dân đều hợp ý.
15. Những lời vui đẹp (đúng theo đạo lý của tiên vương)
16. Thì dân đều yên lòng.

Dịch thơ

*Lúc vừa gieo xuống tai trời,
Chớ hòa như thế thành thời vui hoà.
Lúc trời làm nước nhà nghiêng ngửa,
Chớ nhác lòng chẳng lựa lời khuyên
Lời hoà nhã của tổ tiên,
Thì dân đều hợp ý liền khắp nơi.
Của tiên vương những lời đẹp dễ
Thì dân đều vui vẻ yên lòng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 憲憲 *hiên hiên* (đọc *hiên hiên* cho hợp vận), vui vẻ hớn hở. 蹶蹶 *quỷ, động*. 泄泄 *dị dị*, như 沓沓 *đạp đạp* là ý chậm chạp lười nhác. Mạnh tử nói: *Sự quân vô nghĩa, tiến thoái vô lễ, ngôn tắc phi tiên vương chí đạo giả, do đạp đạp dã.* (= Kể thờ vua không tròn nghĩa vụ, khi ra làm quan hay khi lui về dân đều chẳng theo lễ phép, thốt lời thì trái đạo lý của tiên vương, ấy là kẻ lười biếng không lương tâm. - *Mạnh tử, Ly lâu thương cú thương*), 輯輯 (đọc *tạp* cho hợp vận), hoà nhã. 洽 *hạp*, hợp. 懌 *dịch* (đọc *dược* cho hợp vận) vui 莫 *mạc*, định.

Lời hoà nhã mà vui đẹp thì ắt là lấy đạo lý của tiên vương mà nói, cho nên dân chúng không ai là không hợp ý, không ai là không yên lòng.

CHƯƠNG III

我雖異事

17. Ngã tuy dị sự,

及爾同僚

18. Cập nhĩ đồng liêu.

我即爾謀

19. Ngã tức nhĩ mưu.

廳我囂囂

20. Thính ngã kiêu kiêu.

我言維服

21. Ngã ngôn duy phục,

勿以爲笑

22. Vật dĩ vi tiếu.

先民有言

23. Tiên dân hữu ngôn.

Dịch nghĩa

17. Tôi tuy là làm phận sự khác.
18. Nhưng đối với ông là bạn đồng liêu.
19. Cho nên tôi đến mưu tính với ông.
20. Ông tỏ vẻ tự đắc (không thêm quan tâm đến) khi nghe tôi nói.
21. Điều tôi nói là việc khẩn cấp trong hiện tại,
22. Xin ông chớ cho là việc đáng buồn cười.
23. Người hiền đời trước có câu rằng:
24. Hữu sự người ta còn hỏi đến anh đốn củi thay!

Dịch thơ

*Tôi tuy phận sự khác xa
Nhưng cùng ngài vốn thật là đồng liêu.
Tôi bèn tới đem điều mưu tính.
Ngài tự cao khinh khỉnh nghe tôi.
Việc thì khẩn cấp hiện thời.
Xin ngài chớ bảo buồn cười lắm thay!
Người xưa có câu này, xin kể:
Hữu sự còn hỏi kẻ tiểu phu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 異事 dị sự, không đồng chức vị. 同僚 đồng liêu, cùng là bề tôi của vua. Truyện *Xuân thu* nói rằng: *Đồng quan vi liêu*. (= Cùng đồng quan với nhau gọi là liêu - *Xuân thuỷ tả truyện*, Lỗ Văn công năm thứ 7), 即 tức, đến. 囂囂 kiêu kiêu, dạng tự đắc không nghe lời ai. 服 phục, sự việc. 我言維服 ngã ngôn duy phục như nói: Việc mà ta nói lại là việc cần kíp của ngày hôm nay. 先民 tiên dân, người hiền tài đời trước. 芻蕘 sơ nhiêu, người đốn củi. Người đời xưa có việc còn hỏi đến anh đốn củi, hướng chỉ hôm nay là bạn đồng liên với nhau.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-----------------------------|
| 天之方虐 | 25. Thiên chi phương ngược. |
| 無然謔謔 | 26. Vô nhiên hước hước. |
| 老夫灌灌 | 27. Lão phu quán quán. |
| 小子嘒嘒 | 28. Tiểu tử kiêu kiêu. |
| 匪我言耄 | 29. Phỉ ngã ngôn mạo, |
| 爾用憂謔 | 30. Nhĩ dụng ưu hước. |
| 多將熇熇 | 31. Đa tương hạo hạo |
| 不可救藥 | 32. Bất khả cứu dược. |

Dịch nghĩa

25. Lúc trời vừa gieo điều bạo ngược,
26. Các ông cột dừa như thế,
27. Lão đây thành khăn bảo cho biết.
28. Hạng tuổi trẻ các ông lại kiêu ngạo không tin.
29. Chẳng phải lão đây tuổi tác hồ đồ
30. Mà các ông đem việc đáng lo buồn làm trò đùa cợt
31. Đến khi việc đáng lo buồn càng nhiều như lửa
cháy bùng bùng.
32. Thì không còn cứu trị được nữa.

Dịch thơ

*Trời vừa giao xuống bạo tai,
Dừng nên đùa cợt thế này ngài ơi!
Ta thành khăn đem lời ra bảo.
Trẻ không tin kiêu ngạo thờ ơ.
Lão không tuổi tác hồ đồ.
Chớ đem ưu lự làm trò đùa chơi.
Lắm việc buồn đến hồi bùng cháy.
Thì không còn chữa chạy kịp đâu*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 諍 *hước*, đùa cợt mà làm cho người ta nhục nhã. 老夫 *lão phu*, tiếng của nhà thơ tự

xưng. 濯濯 *quán quán* như. 款款 *khảo khảo* là đáng thành thật khẩn thiết. 嶢嶢 *kiểu kiểu* (đọc *cước cước*), đáng kiêu ngạo. 耄 *mạo* (đọc *mạo*), già mà ngu độn tối tăm. 煢煢 *khảo khảo*, (đọc *hác*). cháy bùng lên.

Tô thị nói rằng: Bực tuổi tác biết là việc không xong, mới đem hết lòng thành khẩn mà bảo cho biết, bị người trẻ tuổi không tin mà kiêu ngạo cho nên nói rằng: Chẳng phải ta già lẫn mà nói bậy, hạng trẻ tuổi các ông lấy việc đáng lo buồn làm trò đùa cợt. Nay việc đáng lo buồn chưa đến mà lo cứu chữa ngay, thì còn có thể cứu chữa được. Nếu chờ cho việc đáng buồn ấy càng nhiều thì sẽ như lửa cháy bùng bùng, không thể nào cứu chữa được nữa.

CHƯƠNG V

天之方憊

33. Thiên chi phương tể.

無爲夸毗

34. Vô vi khoa tỷ.

威儀卒迷

35. Uy nghi tốt mê.

善人載尸

36. Thiện nhân tái thi.

民之方殿屎

37. Dân chi phương điển hy

則莫我敢葵

38. Tác mạc ngã cảm quỳ.

喪亂蔑資

39. Táng loạn miệt tư,

曾莫惠我師

40. Tăng mạc huệ ngã sư.

Dịch nghĩa

33. Lúc trời vừa nổi cơn giận dữ,
34. Các ông chớ tăng bốc hòa theo vua,
35. Để uy nghi của vua đều mê loạn.
36. Bề tôi hiền lương thì không dám nói, không dám
làm, chịu trơ trơ như xác đồng lúc cúng tế.
37. Dân chúng vừa sầu khổ thở than,
38. Thì không ai dám dò xét cho ta vì sao mà phải đến như
thế.
39. Dân chúng vì táng loạn chết lần mà kêu than,
40. Cũng chẳng ai đã từng thương xót cứu giúp cho
bọn dân chúng ta cả.

Dịch thơ

*Trời vừa giận dữ thì uy,
Chớ nên dua nịnh hòa gì mây may,
Uy nghi vua ngày ngày mê loạn,
Trơ xác đồng ngao ngàn tôi hiền,
Dân vừa than thở sầu phiền.
Nào ai đã dám xét liền cho ta.
Táng loạn chết dân đa than thở.
Ta, nào ai giúp đỡ xót thương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 憐 *tê* (đọc *tê* cho hợp vận), giận. 夸 *khoa*, khoe. 毗 *tý*, phụ vào, hùa vào. Đối với người, đưa tiểu nhân nếu không lấy lời nói dốc mà khoa trương khen tặng, thì cũng lấy lời a dua mà hùa theo. 尸 *thi*, không nói và không làm gì cả, chỉ ăn uống như xác đồng mà thôi. 殿屎 *diến hy*, thở than. 葵 *quý* đo. 蔑 *miệt*, diệt mất. 資 *tư* (đọc *tê* cho hợp vận) đồng với 咨 *tê* là tiếng than. 惠 *huệ*, thuận. 師 *sư*, dân chúng.

Rắn bọn tiểu nhân không được khoa trương khen tặng và hùa phụ theo, khiến cho uy nghi nghiêm chỉnh của vua phải rối loạn còn tôi hiền lương thì không làm nên được gì.

Lại nói dân vừa sầu khổ thở than, nhưng không ai dám xem xét tại sao lại ra như thế. cho nên dân phải táng loạn chết mất đi, mà rốt cuộc cũng không ai thương xót cứu giúp được dân chúng tôi cả.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|--------------------------|
| 天之牖民 | 41. Thiên chi dũ dân, |
| 如壘如篴 | 42. Như huyền như trì, |
| 如璋如圭 | 43. Như chương như khuê, |
| 如取如擯 | 44. Như thủ như huê. |
| 擯無曰益 | 45. Huê vô viết ích |
| 牖民孔易 | 46. Dũ dân khổng dị, |

民之多辟

47. Dân chĩ đa tịch,

無自立辟

48. Vô tự lập tịch.

Dịch nghĩa

41. Trời mở mang lòng dân, giáo hóa dân rất dễ dàng,
42. Như tiếng bầu như tiếng sao hoà hợp nhau,
43. Như ngọc chương như ngọc khuê khi hợp lại khi
phân ra.
44. Như lấy hay nhất món đồ.
45. Và chớ nói có ích lợi gì
46. Việc giáo hóa dân rất được dễ dàng như thế.
47. Dân chúng đã có lắm điều tà vạy.
48. Thì vua chớ tự làm điều tà vạy nữa để làm gương.

Dịch thơ

*Dạy dân, Trời dễ dàng thay!
Như bầu như sáo hoà hài vang vãn,
Như khuê, chương khi phân khi hợp,
Như lấy và thu thập vật chi.
Chớ làm có ích lợi gì
Dạy dân như thế thật thì dễ thay!
Lắm điều tà dân hay mất phải,
Vua chớ nên tà vạy làm gương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 闢 廬 (cửa sổ), mở mang giáo hóa, như nói Trời mở mang lòng dân, giáo hóa nhân dân. Cái bầu thồi lên thì ống sáo hoá lại. Ngọc khuê chẻ đôi thì thành hai viên ngọc chương. Hai viên ngọc chương hợp lại thì thành một viên ngọc khuê. Lấy thì có, nhặt thì được, không phải phí công khó nhọc gì, đều là nói việc dễ dàng. 辟 tịch, tà vậy, không chính đáng.

Nói Trời mở mang lòng dân dễ dàng như thế, dễ thấy rõ rằng người trên giáo hóa kẻ dưới cũng dễ dàng như thế.

Nay dân chúng đã làm nhiều điều bất chính, thì chính quyền há lại có thể làm nên việc bất chính nữa để dắt dẫn dân chúng hay sao?

CHƯƠNG VII

价人維潘

大師維垣

大邦維屏

大宗維翰

懷德維寧

宗子維城

無俾城壞

無獨斯畏

49. Giới nhân duy phiên,

50. Đại sư duy viên.

51. Đại bang duy bình.

52. Đại tông duy hàn.

53. Hoài đức duy hành.

54. Tông tử duy thành.

55. Vô tỵ thành hoại

56. Vô độc tư úy.

Dịch nghĩa

49. Người có đạo đức lớn thì làm bờ rào.
50. Dân chúng đông đảo thì làm bức tường.
51. Nước chư hầu to mạnh thì làm bình phong.
52. Nhà có quyền thế mạnh mẽ thì làm cột trụ.
53. Hề lo trau dồi đức hạnh thì được an ninh.
54. Bà con đồng họ thì làm bức thành.
55. Chớ khiến cho thành phải hư đổ.
56. (Thành mà hư đổ, mọi thứ đều đổ theo, vua phải sống một mình). Chớ sống một mình là điều đáng sợ.

Dịch thơ

*Những người đức lớn làm rào.
Tường là dân chúng đông bao khắp nơi.
Làm bình phong ấy thời nước mạnh.
Thế gia làm cột chánh vững vàng.
Trau dồi đức hạnh an khang.
Bà con đồng họ đảm đang bức thành,
Thành, chớ khiến tan tành đổ nát.
Sống một mình nghĩ thật sợ thay!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 价 giới, to lớn, người có đức hạnh lớn lao. 藩 phiên, bờ rào. 師 sư, dân chúng. 垣 viên,

tường. 大邦 *đại bang*, nước to, nước mạnh. 屏 *bình*, cái bình phong để ngăn che. 大宗 *đại tông*, thế gia đại tộc, những gia tộc có quyền thế mạnh mẽ nối đời. 翰 *hàn*, thân cây, thân cột. 宗子 *tông tử*, bà con một họ.

Nói sáu điều ấy (bờ rào, bức tường, bình phong, thân cột, an ninh, bức thành) đều là để vua nhờ dựa vào mà được yên ổn, để trau dồi căn bản cho có đạo đức. Người có đức thì được năm thứ (bờ rào, bức tường, bình phong, thân cột, bức thành) giúp đỡ. Còn nếu không có đức thì bà con thân thích sẽ phản nghịch lại và thành trì sẽ hư đổ. Nếu thành trì hư đổ thì bờ rào, bức tường, bình phong, thân cột đều đổ theo mà trơ lại còn vua ở một mình. Vua mà ở một mình thì không có ai che chở giúp sức, thì những việc đáng kinh sợ sẽ đến.

CHƯƠNG VIII

敬天之怒

57. Kính thiên chi nộ

無敢戲預

58. Vô cảm hí dự

敬天之渝

59. Kính thiên chi du

無敢馳驅

60. Vô cảm trì khu

昊天曰明

61. Hạo thiên viết minh

及爾出王

62. Cập nhĩ xuất vương (vãng)

昊天曰旦

63. Hạo thiên viết đán

及爾游衍

64. Cập nhĩ du diễn

Dịch nghĩa

57. Khi trời giận dữ thì phải cung kính
58. Chớ dám vui chơi
59. Khi trời biến động thì phải cung kính
60. Chớ dám ruổi dung phóng tứ
61. Trời gọi là sáng suốt
62. Vua đi ra đến đâu, thì trời cũng nom theo.
63. Trời gọi là sáng suốt
64. Vua đi chơi phóng tứ ở đâu, thì Trời cũng nom theo

Dịch thơ

*Khi trời giận phải khiêm cung
Thì xin chớ dám để lòng vui chơi
Phải cung kính lúc trời biến động
Chớ dám lo phóng túng duỗi rong
Trời thì sáng suốt vô cùng
Nơi nào vua đến, trời trông theo liền
Trời sáng suốt vô biên rõ thật
Nom theo vua phóng dật vui chơi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 渝 du, biến 王 vương (vãng) đồng với 往 vãng là đi, nói bước ra để đi đến. 且 đán, cũng là sáng. 衍 diễn (đọc diển) ý phóng túng rộng rãi.

Nói trí thông minh sáng suốt của Trời không chỗ nào là không thấu đến, cho nên không chỗ nào là không cung kính được. Việc làm trái đạo thông thường, gieo tai nạn, làm nghiêng đổ nước nhà, gieo điều bạo ngược và nổi cơn giận dữ đều do Trời đã hờn trách mà biến động.

Quá lắm mà không cung kính Trời, thì cũng biết rằng Trời cũng có ngày sẽ xem xét chúng ta vậy chăng?

Trương tử nói rằng: Trời ở khắp mọi vật mà không rời ra được (sách *Trung dung*), cũng như lòng nhân ở khắp mọi việc, không có việc nào là không có lòng nhân ấy. Lê nghi có ba trăm điều, uy nghi có ba ngàn thức (sách *Trung dung*). Không có một việc nào là không có lòng nhân ấy. Trời gọi là sáng suốt, vua ra đi đến đâu thì Trời cũng nom theo. Trời gọi là sáng suốt, vua ra đi chơi rong ruổi ở đâu thì Trời cũng nom theo. Không có một vật nào mà Trời không có ở vào đây.

Thiên Bản có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

Sinh dân chí thập có 10 thiên 61 chương, 433 câu.

THI KINH QUYỂN 7

1. CHI THẬP.

(Mười một bài thuộc thơ *Đăng*)

BÀI THỨ 261

CHƯƠNG I

蕩

Đăng.

蕩蕩上帝

1. Đăng đăng Thượng đế

下民之辟

2. Hạ dân chi bích.

疾威上帝

3. Tật uy Thượng đế.

其命多辟

4. Kỳ mệnh đa tịch.

天生烝民

5. Thiên sinh chưng dân,

其命匪謏

6. Kỳ mệnh phỉ thâm.

靡不有初

7. Mỹ bất hữu sơ,

鮮克有終

8. Tiển khắc hữu chung.

Dịch nghĩa

1. Ông Trời to rộng
2. Là vị chúa tể của nhân dân trong thiên hạ
3. Ông Trời ấy lại bạo ngược,
4. Mệnh lệnh của Trời ban xuống có lắm điều tà vạy bất chính.
5. Trời sinh ra dân chúng,
6. Mà mệnh lệnh của Trời cũng chẳng đáng tin.
7. Lúc ban đầu mệnh lệnh của Trời không bao giờ có điều chẳng lành.
8. Nhưng loài người lại ít kẻ lấy đạo lành để sống cho trọn.

Dịch thơ

*To rộng thay ấy ông Trời!
Chính là chúa tể mọi người thế gian.
Ông Trời ấy bạo tàn khốc liệt.
Lệnh của Trời lắm việc vạy tà.
Chúng dân Trời đã sinh ra.
Lệnh Trời chẳng đáng tin qua nữa rồi.
Lúc ban đầu lệnh Trời đẹp đẽ.
Sống trọn lành ít kẻ noi theo.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蕩蕩 *đăng đăng*, dáng to rộng. 辟 *bích*, vua. 疾威 *tật uy* như bạo ngược. 多辟 *đa tịch*, nhiều tà vậy, bất chính. 烝 *chưng*, dân chúng. 謀 *thâm*, tin.

Nói ông Trời to rộng này là chúa tể của nhân dân trong thiên hạ. Nay ông Trời bạo ngược này lại xuống mệnh lệnh có lắm điều tà vậy bất chính, vì sao vậy thay? - Vì rằng sinh ra nhân dân, nhưng mệnh lệnh của Trời cũng có điều không đáng tin nữa. Vì là những mệnh lệnh của Trời ban xuống lúc đầu không bao giờ có điều chẳng lành, mà loài người lại ít kẻ lấy đạo lành để sống cho trọn. Cho nên sảy đến cuộc loạn ly to tát để khiến cho mệnh lệnh trời cũng không có thể trọn, như đã bạo ngược mà lại còn lắm điều tà vậy nữa. Vì đó là lời lúc đầu tiên oán trách Trời, mà cuối cùng thì tự phân giải ra như thế.

Lưu Khang công nói rằng: Nhân dân nhận lấy ở trong khoảng trời đất mà sống, gọi đó là mệnh sống. Người hiền năng thì lấy phúc đức nuôi dưỡng cái mệnh sống, còn kẻ không hiền năng thì lấy tai họa phá hoại cái mệnh sống, là nói việc đó.

CHƯƠNG II

文王曰咨

咨女殷商

曾是彊禦

9. Văn vương viết tư:

10. Tư nữ Ân Thương!

11. Tăng thị cường ngự,

曾是倍克

12. Tằng thị bầu khắc,

曾是在位

13. Tằng thị tại vị,

曾是在服

14. Tằng thị tại phục

天降惛德

15. Thiên giáng thao đức.

女興是力

16. Nhữ hưng thị lực.

Dịch nghĩa

9. Văn vương than thở rằng:

10. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!

11. Thường là kẻ bạo ngược,

12. Thường là kẻ bóc lột của dân,

13. Hằng được chức vị.

14. Hằng được phục vụ làm việc.

15. Cho nên Trời mới giáng xuống cái đức khinh mạn ấy để hại dân.

16. Chính vua đã xúi những kẻ tham bạo ấy cố sức làm ra vậy.

Dịch thơ

Thốt lời than thở Văn vương:

Đáng than vua Trụ ân Thương như Ngài!

Thường bề tôi giỏi tài bạo ác,

Thường là người đeo vạc dân gian

Từng trao cho những chức quan,
 Từng cho phục vụ bình an một đời.
 Đức khinh mạn được Trời ban mãi,
 Xúi tham quan ô lại gắng thêm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đây đặt ra lời nói của Văn vương. 咨 *tư*, than thở. 殷商 ân *Thương*, nói vua Trụ. 彊禦 *cường ngự*, bề tôi bạo ngược. 倍克 *bân khắc*, bề tôi bóc lột của dân. 服 *phục* (đọc *bắc* cho hợp vận), việc, sự. 愆 *thao*, kiêu ngạo. 興 *hưng* khởi lên. 力 *lực*, rán sức.

Nhà thơ biết Chu Lê vương sắp mất, cho nên làm bài thơ này mượn lời của Văn vương đã than thở cho vua Trụ nhà Ân.

Nói bọn bề tôi bạo ngược lột của dân ấy được chức vị mà làm việc, cho nên trời giáng xuống cái đức khinh mạn để hại dân. Nhưng không phải chính vua tự đã làm ra như thế, lại do vua đã hưng khởi bọn người tham bạo ấy cố sức làm nên.

CHƯƠNG III

文王曰咨

17. Văn vương viết tư:

咨女殷商

18. Tư nữ Ân Thương!

而秉義類

19. Nhi bình nghĩa loại,

彊禦多愆

20. Cường ngự đa truy.

流言以對

21. Lưu ngôn dĩ đối.

寇攘式內

22. Khẩu nhượng thức nội,

侯作侯祝

23. Hầu trở hầu chú

靡屆靡究

24. Mỹ giới mỹ cứu.

Dịch nghĩa

17. Văn vương than thở rằng:

18. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!

19. Vua phải dùng người lương thiện,

20. Mà trái lại vua cứ dùng kẻ bạo ngược nhiều oán thù.

21. Bọn chúng dùng những lời đồn đãi vô căn cứ để ứng đối.

22. Cho nên bọn ăn cướp trộm cắp được dùng ở trong triều đình.

23. Chỉ gây những oán hờn phỉ báng.

24. Không bao giờ cùng, không bao giờ dứt.

Dịch thơ

Văn vương than thở nên lời:

Đáng than vua Trụ của đời Ân Thương!

Phải dùng người hiền lương chính đạo,

Trái lại dùng hung bạo lắm thù.

Dùng lời đồn ứng đối nhau.

Nên quân trộm cướp đây trào hỏi ôi!

Chỉ gây mãi những lời phỉ báng

Không hề cùng lại chẳng dứt đầu.

Chú giải của Dịch giả

Chương này thuộc phú. 而 *nhĩ*, cũng là ngài, chỉ vua. 義 *nghĩa*, thiện, lành. 慰 *truy* (đọc *đội* cho hợp vận), oán. 流言 *lưu ngôn*, lời phao đồn không căn cứ. 侯 *hầu*, duy, chỉ. 作 *trở*, là 作祝 *trở chú*, vì oán hờn mà phỉ báng.

Nói vua đáng lẽ phải dùng người lương thiện, mà trái lại vua dùng những kẻ bạo ngược nhiều oán thù này. Bọn chúng dùng những lời đồn đãi vô căn vứ để ứng đối. Thế thì những bọn trộm cướp đoạt cấp lên lút trái lại được dùng ở triều đình. Cho nên gây ra những oán hờn phỉ báng liên miên không cùng không dứt.

CHƯƠNG IV

文王曰咨

25. Văn vương viết tư:

咨女殷商

26. Tư nữ Ân Thương!

女無咎于中國

27. Nữ bào hao vu Trung Quốc

斂怒以爲德

28. Liễm oán dĩ vi đức.

不明爾德

29. Bất minh nhĩ đức,

時無背無側

30. Thì vô bối vô trắc.

爾德不明

31. Nhĩ đức bất minh,

以無陪無卿 32. Di vô bồi vô khanh.

Dịch nghĩa

25. Văn vương than thở rằng:

26. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!

27. Vua rất uy hùng dũng mãnh ở nước Trung quốc,

28. Vua làm lắm điều oán hận mà lại cho là nhân đức

29. Đức hạnh của vua không được sáng tỏ,

30. Vì quan ở phía sau và ở hai bên vua lúc nào cũng không được người đứng dẫn hiền lương.

31. Đức hạnh của vua không sáng tỏ,

32. Vì quan cận thân, quan khanh sĩ không được người xứng đáng.

Dịch thơ

Thốt lời than thở, Văn vương:

Đáng than vua Trụ ân Thương lắm rồi!

Vua uy hùng ở nơi Trung quốc,

Lấy oán làm hạnh đức nét na.

Đức vua chẳng được sáng loà,

Vì quan hầu cận chẳng là hiền lương.

Đức vua chẳng tỏ tường chói rạng,

Cận thân, khanh sĩ chẳng xứng người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 無佻 *bào hao*, đáng khí thế mạnh mẽ, 斂怨爲德 *liễm oán vi đức*, làm lắng dịu oán hận mà trái lại tự cho là nhân đức, 背 祐 phía sau. 側 祐, ở bên cạnh. 陪 祐, bọc pho.

Nói bề tôi công khanh ở trước ở sau, bên tả, bên hữu đều không xứng chức vị, như không có người.

CHƯƠNG V

- | | |
|--------|-------------------------------|
| 文王曰咨 | 33. Văn vương viết tư: |
| 咨女殷商 | 34. Tư nữ Ân Thương! |
| 天不湏爾以酒 | 35. Thiên bất miễn nhĩ dĩ tửu |
| 不義從式 | 36. Bất nghĩa tùng thức. |
| 既愆爾止 | 37. Kỳ khiên nhĩ chỉ. |
| 靡明靡晦 | 38. Mỹ minh mỹ hối |
| 式號式呼 | 39. Thức hào thức hô. |
| 俾晝作夜 | 40. Tỷ trú tác dạ. |

Dịch nghĩa

33. Văn vương than thở rằng:
34. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!
35. Trời chẳng khiến vua say mê uống rượu.

36. Việc say sưa bất nghĩa ấy vua cứ noi theo mà dùng mãi.
 37. Say sưa như thế thì hình dung cử chỉ của vua đã
 lỗi
 38. Không kể gì sáng hay tối, ngày hay đêm.
 39. Say rượu thì vua gào vua la,
 40. Vua lấy ngày làm đêm không lo việc chính trị triều
 đình nữa.

Dịch thơ

*Thốt lời than thở, Văn vương:
 Đáng than vua Trụ ân Thương xiết nào!
 Mê say rượu Trời đâu xui khiến.
 Bất nghĩa kia tiến triển dùng hoài.
 Hình dung cử chỉ lỗi thay!
 Kể gì sáng tối cùng ngày hay hôm.
 Vua say rượu om xòm gào thét.
 Ngày làm đêm chẳng thiết việc triều.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 涵 miễn, uống rượu say mà sắc diện biến đổi. 式 thức (đọc thứ cho hợp vận), dùng. Nói Trời chẳng khiến vua say mê trong men rượu, mà say rượu là việc bất nghĩa thì vua cứ noi theo mà dùng mà uống mãi. 止 chỉ, hình dung cử chỉ.

CHƯƠNG VI

- | | |
|--------------------|-----------------------------|
| 文王曰咨 | 41. Văn vương viết tư: |
| 咨女殷商 | 42. Tư nữ Ân Thương! |
| 如蜎如蜎 | 43. Như diều như đường. |
| 如沸如羹 | 44. Như phị như canh. |
| 小大近喪 | 45. Tiểu đại cận tang. |
| 人尚乎由行 | 46. Nhân thượng hồ do hành. |
| 內 ^𠂔 于中國 | 47. Nội ty vu Trung quốc |
| 覃及鬼方 | 48. Đàm cập quỷ phương. |

Dịch nghĩa

41. Văn vương than thở rằng:
42. Đáng than vua Trụ nhà Ân Thương ngài!
43. Vua gào la như tiếng ve kêu.
44. Tâm trí của vua quay cuồng rối loạn như canh nóng sôi sùng sục.
45. Từ lớn đến nhỏ, từ vua đến tôi cơ hồ như đã tiêu tàn.
46. Thế mà người ta vẫn noi theo lối ấy mà đi.
47. Khiến người người đều oán giận từ ở trong nước Trung quốc.
48. Ra đến những nước man rợ phương xa.

Dich thơ

Thốt lời than thở, Văn vương:
Đang than vua trụ ân Thương như ngài!
Như ve kêu vua rầy la hét,
Trí quay cuồng giống hệt canh sôi.
Tiêu tàn lớn nhỏ, vua tôi
Vẫn theo đường ấy mà noi đến cùng.
Cõi Trung quốc từ trong đều oán.
Ra đến vùng rợ màn phương xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 蝸 蠓 蝓 蝓 đều là con ve,
ý nói ve kêu. 如沸如羹 như phi như canh (đọc lương cho
hợp vận) đều là ý rối loạn như canh nóng sôi sùng sục, kẻ
nhỏ người lớn cơ hồ đều mất hết cả, thế mà còn theo đường
ấy mà đi mãi không biết sửa đổi nữa. 戾 ty, giận. 覃 đàm,
lan ra đến. 鬼方 quý phương, nước rợ ở phương xa. Nói từ
gần mà lan ra đến xa, không ai là không oán giận.

CHƯƠNG VII

文王曰咨	49. Văn vương viết tư:
咨女殷商	50. Tư nữ Ân Thương!
匪上帝不時	51. Phỉ Thượng đế bất thì,

殷不用舊

52. Ân bất dụng cựu.

雖無老成人

53. Tuy vô lão thành nhân,

尙有典刑

54. Thượng hữu điển hình,

曾是莫廳

55. Tăng thị mạc thính,

大命以傾

56. Đại mệnh dĩ khuynh.

Dịch nghĩa

49. Văn vương than thở rằng:

50. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!

51. Không phải trời đã tạo ra thời buổi chẳng lành này

52. Mà tại nhà Ân không dùng đúng phép tắc cũ của tiên vương.

53. Tuy không có bậc hiền tài bề tôi cũ,

54. Nhưng phép tắc xưa vẫn còn,

55. Mà vua thường chẳng chịu nghe theo.

56. Cho nên mệnh trời tọ tát của nhà Ân phải nghiêng đổ.

Dịch thơ

Thốt lời than thở, Văn vương:

Đáng than vua Trụ ân Thương xiết nào!

Buổi chẳng lành Trời nào tạo lấy.

Phép cũ tiên vương lại chẳng dùng.

*Tôi hiền tài cũ dẫu không,
Nhưng mà giếng mới phép công còn truyền.
Thường vua chẳng gặng chuyên nghe lấy.
Mệnh nhà ân to phải đổ nghiêng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 老成人 *lão thành nhân*, bề tôi cũ 典刑 *điển hình*, phép tắc xưa.

Nói không phải Trời đã tạo ra thời buổi chẳng lành ấy, mà chỉ vì nhà Ân không dùng phép tắc xưa của tiên vương để lại mới gây ra cái hoạ này. Tuy không có những bề tôi cũ (như ông Y Doãn) để cùng lo nền chính trị xưa của tiên vương, nhưng mà phép tắc xưa vẫn còn cổ thể noi theo mà nắm giữ. Vua lại chẳng nghe theo mà dùng, cho nên mệnh Trời to tát của nhà Ân phải nghiêng đổ mà không thể cứu vãn được.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|-------|--------------------------|
| 文王曰咨 | 57. Văn vương viết tư: |
| 咨女殷商 | 58. Tư nữ Ân Thương! |
| 人亦有言 | 59. Nhân diệp hữu ngôn! |
| 顛沛之揭 | 60. Diên báichi kiết, |
| 枝葉未有害 | 61. Chi diệp vị hữu hại, |
| 本實先撥 | 62. Bản thực tiên bạt, |

殷鑒不遠

63. Ân giám bất viễn

在夏后之世

64. Tại Hạ hậu chi thế.

Dịch nghĩa

57. Văn vương than thở rằng:

58. Đáng than cho vua Trụ nhà Ân Thương ngài!

59. Người xưa có lời rằng:

60. Cây bị tróc gốc bật lên,

61. Cành lá cũng chưa bị tổn thương,

62. Vì gốc rễ thật đã bị đứt trước rồi (nên thân cây mới nổi theo mà ngã).

63. Nhà Ân xem gương chẳng xa

64. ở thời vua Kiệt nhà Hạ.

Dịch thơ

Thốt lời than thở Văn vương:

Đáng than vua Trụ ân Thương ngậm ngùi!

Người thuở xưa có lời đã nói:

Những thân cây tróc khỏi gốc đi,

Lá cành chưa tổn thương gì,

Gốc đã bật trước, thân thì ngã sau,

ân xem gương chẳng xa nào

Ở thời Hạ Kiệt nhìn vào mà trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 顛沛 *điên bài*, trốc gốc mà ngã. 揭 *kiết*, dánh bị nhỏ bung gốc lên. 撥 *bạt* (đọc *biết* cho hợp vận) như 絕 *tuyệt* là dứt, dứt. 鑒 *giám*, xem xét. 夏后 *Hạ hâu*, vua Kiệt nhà Hạ.

Nói cây to mà bị trốc gốc bật lên, cành lá chưa bị chặt phá tổn thương, nhưng khi gốc rễ thật đã bị lìa dứt trước, rồi sau thân cây ấy mới nổi theo mà trốc ngã.

Tô thị nói rằng; Việc suy tàn của nhà Thương, nhà Chu nhằm vào lúc phép tắc chưa bị phế bỏ, chư hầu chưa làm phản, rợ bốn phương chưa dấy loạn, mà vua lại khởi đầu làm việc bất nghĩa để tự mình dứt bỏ mệnh trời, không ai có thể cứu vãn được. Ngày hôm nay chính cũng giống như thế. Nhà Ân thì xem gương nhà Hạ, vì đây là lời của Văn vương than thở cho vua Trụ nhà Ân. Rồi nhà Chu lại xem gương nhà Ân, cũng có thể biết được.

Thiên Dăng có 8 chương, mỗi chương 6 câu.

BÀI THỨ 262

CHƯƠNG I

抑

Ức. (Dăng 2)

抑抑威儀

1. Ức ức uy nghi

維德之隅

2. Duy đức chỉ ngu.

人亦有言
靡哲不愚
庶人之愚
亦纖維疾
哲人之愚
亦維斯戾

3. Nhân diệc hữu ngôn:

4. Mỹ triết bất ngu.

5. Thứ nhân chi ngu

6. Diệc chức duy tật.

7. Triết nhân chi ngu

8. Diệc duy tư lệ.

Dịch nghĩa

1. Cái uy nghi ở ngoài nghiêm mật
2. Chỉ là cái đức hạnh vương vấn ở trong.
3. Người ta cũng có lời nói rằng:
4. Không phải là bậc hiền triết thì không giả dạng ngu dại.
5. Cái ngu của thường dân
6. Chủ yếu là có bệnh ngu thật sự.
7. Còn cái ngu của người hiền triết
8. Cũng có điều trái ngược với thông thường (không phải vì có bệnh ngu thật sự).

Dịch thơ

*Uy nghi nghiêm mật ở ngoài
Trong lòng đức hạnh vuông ngay sẵn rồi.
Người ta cũng có lời thường nói:
Chẳng giả ngu chẳng phải triết nhân.
Cái ngu của kẻ thường dân
Chuyên là cái bịnh ngu dần thật thôi.
Còn cái ngu của người hiền triết
Cũng có điều trái việc thông thường.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 抑抑 鬱鬱, nghiêm mật. 隅
ngu, góc rềm. Trịnh thị nói rằng: Người mà nghiêm mật ở
uy nghi, thì đức hạnh nghiêm chính, cho nên người hiền
ngày xưa, hễ đạo thi hành, thì lòng phẳng lặng, có thể xem
bề ngoài mà biết trong lòng, như phép chế cung thất, hễ ở
trong ngay ngắn thì ở ngoài có góc cạnh 哲 *triết*, trí. 庶 *thứ*,
dân chúng. 織 *chức*, chủ yếu. 戾 *lệ*, trái ngược.

Vệ Vũ công làm bài thơ này, khiến người ta hằng ngày
đọc ở kề bên cạnh để tự răn mình.

Nói cái uy nghi ở ngoài nghiêm mật là cái đức hạnh
vuông vắn ở trong. Hễ có đức hạnh của bậc hiền triết, thì
hẳn là có uy nghi của bậc hiền triết vậy.

Nhưng nay người mà được gọi là triết, lại chưa hằng
có cái uy nghi nghiêm mật ấy, thế thì những kẻ ấy không

phải là hiền triết nên không làm ra dáng ngu dại. (Quốc gia có đạo đức thì làm kẻ trí quốc gia không có đạo đức thì làm kẻ ngu. Đời bạo ngược thì người hiền giả dạng làm kẻ ngu dại). Ôi! cái ngu của dân chúng bình thường thì do bẩm sinh tự nhiên, hẳn là có cái bệnh ngu thật sự không đáng là lạ lùng. Còn người hiền triết mà ngu thì ngược lại thông thường (người hiền triết trong thời bạo ngược làm kẻ ngu dại vì sợ tai vạ chớ không phải vì có bệnh ngu ngốc).

CHƯƠNG II

無競維人

四方其訓之

有覺德行

四國順之

訏謨定命

遠猶辰告

敬慎威儀

維民之則

9. Vô cạnh duy nhân

10. Tứ phương kỳ huấn chi?

11. Hữu giác đức hạnh,

12. Tứ quốc thuận chi.

13. Hu mô định mệnh,

14. Viễn do thời cáo,

15. Kính thận uy nghi,

16. Duy dân chi tắc.

Dịch nghĩa

9. Chẳng muốn làm bậc hùng mạnh hay sao

10. Để thiên hạ trong bốn phương noi theo mà học?

11. Hễ có đức hạnh ngay thẳng và lớn lao

12. Thì được các nước trong bốn phương thuận tùng theo.

13. Lo một mưu kế lớn lao và quy định hiệu lệnh của mình,
14. Mưu đồ một phương kế lâu dài và truyền bá cáo hợp thời để răn dạy dân chúng.
15. Kính trọng lấy uy nghi của mình,
16. Rồi mới làm nên phép tắc chung cho toàn dân chúng được.

Dịch thơ

Chẳng ham hùng mạnh hay sao
 Bốn phương thiên hạ nhìn vào cùng noi?
 Hễ có đức sáng soi thẳng - thẳng,
 Nước bốn phương đều hân thuận từng.
 Kế to, hiệu lệnh định xong.
 Mưu xa, thời lệnh mọi vùng truyền đi,
 Kính trọng lấy uy nghi tốt đẹp,
 Mới làm nên khuôn phép toàn dân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 競 *cạnh*, mạnh mẽ. 覺 *giác*, ngay thẳng lớn lao. 訐 *hu*, to lớn. 謨 *mô*, mưu. 訐謨 *hu mô* là dặt mưu, nói không phải mưu lo cho một thân mình, mà là mưu lo để có cả thiên hạ. 定 *định*, xem xét rồi quyết định, không sửa đổi nữa. 命 *mệnh*, hiệu lệnh. 猶 *do*, mưu đồ. 遠謀 *viễn mưu*, nói không phải mưu kế cho một thời,

mà mưu kế cho lâu dài. 展 thời, thời buổi. 告 cáo (đọc các cho hợp vận), răn dạy. 展告 thời cao, bá cáo hợp thời đúng lúc. 則 tắc, phép tắc.

Nói về cái tính (lý) của trời đất, thì loài người là quý hơn hết. Cho nên hễ trọn được nhân đạo thì được bốn phương noi theo mà học. Hễ có đức hạnh ngay thẳng lớn lao, thì được các nước ở bốn phương thuận tùng theo. Cho nên ắt phải lo một mưu kế lớn lao, và quyết định hiệu lệnh của mình, mưu đồ một phương kế lâu dài và truyền bá những bố cáo hợp thời, kính trọng lấy uy nghi của mình, có thể rồi sau mới có thể làm phép tắc chung cho cả thiên hạ.

CHƯƠNG III

- | | |
|-----------|-----------------------------|
| 其 在 于 今 | 17. Kỳ tại vu kim |
| 興 迷 亂 于 政 | 18. Hưng mê loạn vu chính, |
| 顛 覆 厥 德 | 19. Diên phúc quyết đức, |
| 荒 蕩 于 酒 | 20. Hoang dam vu tửu. |
| 女 雖 蕩 樂 從 | 21. Nữ tuy dam lạc tùng, |
| 弗 念 厥 紹 | 22. Phát niệm quyết thiện? |
| 罔 敷 求 先 王 | 23. Vong phu cầu tiền vương |
| 克 共 明 刑 | 24. Khắc cùng minh hình. |

Dịch nghĩa

17. Việc mình đã làm trong ngày hôm nay là:

18. Chuộng điều mê loạn trong việc chính trị,
19. Làm nghiêm đồ đức hạnh của mình,
20. Hoang mê theo rượu.
21. Người dẫu ham mê theo việc vui chơi.
22. Người chẳng nhớ đến cơ nghiệp phải thừa kế hay sao?
23. Người chẳng chịu suy cầu rộng rãi cái đạo tiên vương đã thi hành.
24. Để có thể nắm giữ pháp luật minh chánh?

Dịch thơ

Hôm nay việc của mình làm:

Loạn mê chính trị mình ham mình dùng.

Đức của mình đã trông nghiêng đổ.

Men rượu thì lại cố mê say.

Vui chơi người cứ miệt mài,

Nối theo cơ nghiệp xưa rày nhớ đâu?

Đạo tiên vương chẳng cầu rộng rãi,

Giữ pháp hình vững chãi anh mình?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: 今 kim, Vệ Vũ công tự nói việc mình đã làm trong ngày hôm nay. 興 hưng, chuộng. 女 nữ, người. Vệ Vũ công sai người đọc bài thơ này để nhắc lại lời sai bảo mình. Về sau hễ nói. 女 nữ, nói 爾 nhĩ, nói

小子 *tiểu tử* đều phỏng theo đây. 湛 *đam*, mê vui theo. Nói vui thích việc hoạn lạc mà noi theo, 紹 *thiệu*, nói cái mới, cái nghiệp để noi kế theo. 敷求先王 *phủ cầu tiên vương*, mong cầu rộng rãi cái đạo tiên vương đã thi hành 共 *cung*, nắm lấy. 刑 *hình*, pháp luật.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|--------------------------------|
| 肆皇天弗尙 | 25. Tứ Hoàng thiên phát thượng |
| 如彼泉流 | 26. Như bĩ tuyến lưu |
| 無淪胥以亡 | 27. Vô luân tư dĩ vong, |
| 夙興夜寐 | 28. Túc hưng dạ my, |
| 洒掃庭內 | 29. Sái tảo đình nội. |
| 維民之方 | 30. Duy dân chi phương. |
| 脩爾車馬 | 31. Tu nhĩ xa mã |
| 弓矢戎兵 | 32. Cung thỉ nhung binh |
| 用戒戎作 | 33. Dụng giới nhung tác |
| 用逖蠻方 | 34. Dụng thích man phương. |

Dịch nghĩa

25. (Vì những ham mê hoạn lạc mà bỏ phế việc chính trị đã kể ở chương trên) cho nên Trời ghét bỏ

26. Như dòng suối chảy xuống dễ dàng kia

27. Mình chớ chìm đắm để cùng chịu diệt vong.
28. Sớm dậy tối nằm,
29. Rưới quét trong chốn cung đình.
30. (Những việc nhỏ mọn như thế mình cũng lo chu đáo) để làm gương mẫu cho nhân dân.
31. Sửa soạn xe ngựa của người
32. Và cung tên binh đội
33. Để dự bị khởi binh
34. Đuổi giặc rợ ra xa.

Dịch thơ

*Cho nên Thượng đế bỏ rơi
 Dễ dàng như suối chảy trôi một dòng
 Chớ chìm đắm để cùng chết đuối.
 Tối đi nằm sáng hãy dậy ra.
 Cung đình rưới nước quét qua,
 Để làm gương mẫu dân ta trông vào.
 Xe ngựa hãy sửa mau tể chĩnh.
 Lấn cung tên binh lính đủ đầy.
 Dự lo để khởi binh ngay.
 Đuổi quân giặc rợ hay dài ra xa.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 弗尙 *phất thượng* (đọc *thương* cho hợp vận), chán mà bỏ. 淪 *luân*, chìm hãm. 胥 *tư* lẫn nhau. 章 *chương*, cái nêu, gương mẫu để cho dân noi theo. 戒 *giới*, dự bị. 戎 *nhung*, binh. 作 *tác* khởi lên. 逖 *thích*, ra xa

Nói đã bị trời ghét bỏ, thì chớ để phải chìm hãm và cùng diệt vong, như dòng suối chảy xuống dễ dàng kia. Cho nên ở trong từ cung thêm kẻ cận. ở ngoài đến vùng man rợ phương xa, việc nhỏ như nằm ngủ, rưới quét thông thường. việc to như xe ngựa quân binh biến động, lo liệu không có việc nào là không chu đáo, phòng bị không có việc nào là không cẩn thận.

Việc lo một mưu kế lớn lao và quy định hiệu lệnh, cũng với việc mưu đồ một phương kế lâu dài và truyền bá những bố cáo hợp thời mà chương II ở trên đã nói đến đây mới thấy rõ.

CHƯƠNG V

質爾人民

謹爾候度

用戒不虞

慎爾出話

敬爾威儀

35. Chất nhĩ nhân dân,

36. Cẩn nhĩ hầu độ,

37. Dụng giới bất ngu,

38. Thận nhĩ xuất thoại,

39. Kính nhĩ uy nghi,

無不柔嘉
白圭之玷
尚可磨也
斯言之玷
不可爲也

40. Vô bất nhu gia,
41. Bạch khuê chi điếm
42. Thượng khả ma dã.
43. Tư ngôn chi điếm
44. Bất khả vi dã.

Dịch nghĩa

35. Đã trị yên nhân dân của người rồi.
36. Cần thận giữ gìn phép độ của chư hầu,
37. Để phòng những hoạn nạn không ngờ,
38. Phải cần thận lời của người nói ra,
39. Phải cung kính lấy uy nghi của người,
40. Không có việc gì là không yên ổn tốt lành.
41. Viên ngọc bạch khuê có chỗ bị sứt mẻ,
42. Thì còn có thể mài cho phẳng được.
43. Lời nói mà có chỗ hư hỏng sai lầm
44. Thì không thể làm gì được, cứu chữa gì được.

Dịch thơ

*Đã yên trị được nhân dân,
Chư hầu pháp độ ăn cần giữ cho,
Phòng hoạn nạn bất ngờ xảy tới,*

Cần thận khi lời nói phát ra,
 Uy nghi cung kính sâu xa,
 Không gì lại chẳng được là đẹp hay.
 Ngọc bạch khuê bị trầy bị mẻ,
 Mài láng trơn có thể thành công.
 Lời sai lầm trót nói xong
 Chẳng làm gì được, răn lòng khắc ghi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 質 *chất*, thành tựu, định yên.
 候度 *hầu độ*, pháp độ mà chư hầu gìn giữ. 虞 *ngu*, lo. 話
hoa (thường đọc *thoại*), nói 柔 *nhu*, yên. 嘉 *gia*, tốt lành. 玷
điểm, bị khuyết, sút mẻ.

Nói đã trị yên nhân dân, giữ gìn pháp độ và đề phòng
 những hoạn nạn không ngờ, lại phải cẩn thận lời nói, vì
 rằng viên ngọc bị sút mẻ còn có thể mài cho bằng được. Lời
 nói mà sai lầm thì không ai có thể cứu chữa được. Lời
 khuyên răn rất thâm thiết, cho nên ông Nam Dung (người
 ở Nam Cung, tự là Tử Dung, học trò của Khổng tử) một
 ngày đọc đi đọc lại ba lần chương này. và được Khổng tử
 đem cháu gái, con của người anh, gả cho.

CHƯƠNG VI

- | | |
|------|---------------------|
| 無易由言 | 45. Vô dị do ngôn, |
| 無曰苟矣 | 46. Vô viết cẩu hĩ, |

莫捫朕舌	47. Mạc môn trâm thiết.
言不可逝矣	48. Ngôn bất khả thệ hĩ,
無言不讎	49. Vô ngôn bất thù.
無德不報	50. Vô đức bất báo,
惠于朋友	51. Huệ vu bằng hữu,
庶民小子	52. Thử dân tiểu tử,
子孫繩繩	53. Tử tôn thằng thằng,
萬民靡不承	54. Vạn dân mỹ bất thừa,

Dịch nghĩa

45. Chớ khinh dễ lời nói,
46. Chớ nói câu thả,
47. Vì rằng không có ai nắm cái lưỡi của ta lại được.
48. Lời nói không được buông thốt bừa ra.
49. Không có lời nào nói ra mà không được đáp lại.
50. Không có cái ơn đức nào mà không được báo đền.
51. Thi ân huệ cho bạn bè,
52. Cho dân chúng hèn mọn.
53. Thì con cháu của người sẽ đông đảo không dứt.
54. Và muôn dân không ai là không vâng theo.

Dịch thơ

Những lời nói chớ khinh khi,
Chớ nên câu trả nói gì với ai,
Vì chẳng thể nắm ngay lưỡi đặng.
Nói buông lung thì chẳng có nên,
Không lời nào chẳng đáp liền.
Không ơn gì chẳng báo đền xong xuôi.
Thì ân huệ cho người đồng bạn.
Hoặc là thi cho hạng hạ dân,
Cháu con đông đảo vô ngần,
Muôn người trong nước đều vâng theo cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 易 di, khinh dễ. 捫 môn, nắm lấy. 逝 thệ (đọc chiết cho hợp vận), đi 離 thù, đáp lại. 承 thăng (quen đọc thừa), phụng thừa, vâng theo.

Nói chớ nên khinh dễ lời nói, vì rằng không có ai nắm cái lưỡi của mình lại được. Cho nên lời nói từ nơi dễ dàng mà đến chỗ sai lầm, cho nên mình phải thường nắm giữ lời nói chớ có buông lung.

Vả lại theo lẽ trong thiên hạ, không có lời nào nói ra mà không được đáp lại, không có cái đức nào mà không được báo đền. Nếu người thi ân huệ cho bạn bè và cho dân chúng hèn mọn, thì con cháu của người sẽ dồi dào đông

đạo, và muôn dân không ai lại không thừa phụng vâng theo. Đây là những hiệu quả của sự cẩn thận thốt lời.

CHƯƠNG VII

視爾友君子	55. Thị nhĩ hữu quân tử,
輯柔爾顏	56. Tập nhu nhĩ nhan,
不遐有愆	57. Bất hà hữu khiên?
相在爾室	58. Tương tại nhĩ thất
尚不愧于屋漏	59. Thượng bất quý vu ốc lậu
無曰不顯	60. Vô viết bất hiển
莫予云觀	61. Mạc dư vân cầu,
神之格思	62. Thần chi cách tư
不可度思	63. Bất khả đạc tư,
矧可射思	64. Thần khả dịch từ.

Dịch nghĩa

55. Trông vua làm bạn với người quân tử,
56. Thì dung sắc của vua nhu hoà.
57 (Vua lo lắng xét mình rằng:) Ta chẳng có lỗi gì hay sao?
58. Trông vua lúc ở trong nhà
59. Cũng rất đứng đắn không thẹn với góc xó tối tăm,
60. Chớ nói chỗ tối tăm không rõ ràng.

61. Không có ai trông thấy ta,
 62. Quỷ thần đến với ta lúc nào
 63. Ta không thể dò biết được,
 64. Huống chi lại có thể chán nản không cung kính được.

Dịch thơ

*Vua cùng quân tử kết giao,
 Sắc vua thì thấy xiết bao nhu hoà!
 Vua tự xét: Há ta chẳng lỗi?
 Vua ở nhà cứ mãi nhìn trông
 Xó nhà cũng chẳng thẹn thùng.
 Chớ rằng góc tối lại không tỏ tường,
 Ta chẳng có ai thường theo dõi,
 Các quỷ thần lui tới lúc nào
 Ta không dò biết được đâu,
 Huống không cung kính hay sao cho đành?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 輯 tập, hoà. 遐 hà đồng với. 何 hà là sao? 愆 khiên, tội 尙 thượng, mong 屋漏 ốc lậu, góc tây bắc trong nhà 覲 cấu, xem, thấy. 格 cách (đọc các cho hợp vận), đến 度 đặc, dò 矧 thân, huống chi 射 dịch (đọc được cho hợp vận) đồng với. 斁 dịch là chán.

Nói lúc vua làm bạn với người quân tử thì dung sắc nhu hoà, ý giữ gìn lo lắng thường thường như tự xét lấy mình rằng: há lại mình chẳng đến nỗi có lỗi hay sao? - Đó là tình ý của người thường chỉ lo sửa mình ở nơi sáng tỏ, không ai là không như thế.

Nhưng xem lúc vua ở một mình trong nhà cũng đứng đắn, ngõ hầu không thẹn với góc xó tối tăm, như thế mới đáng.

Chớ nói chỗ này không phải nơi rõ ràng sáng tỏ, chẳng có ai trông thấy ta được, mặc cho ta tự tiện buông lung, mà phải biết quỷ thần rất huyền diệu, không có vật nào là không ở vào, cho nên quỷ thần đã đến như thế, chúng ta không thể lấy gì mà dò biết được. Chỗ không sáng tỏ rõ ràng, quỷ thần cũng đến, cho nên ta phải lo sợ có điều lỗi lầm, phương chi lại có thể chán nản mà không kính hay sao? Đây là nói không những phải sửa mình lúc ở ngoài mà mình lại phải giới răn cẩn thận và kính sợ lúc ở nơi người ta không trông thấy mình, không nghe được mình.

Tử Tư nói rằng: Người quân tử chẳng hành động mà người ta đều kinh, chẳng nói ra mà người ta đều tin. Lại nói: Ôi! Quỷ thần hiển hiện thật sự, nhưng rất vi diệu không trông thấy được, sự thật ấy không thể nào che giấu, là như thế.

Đây là cái công phu lớn lao lo trau giồi cho tâm được chính đính, cho ý được chân thành mà Vệ Vũ công đã đạt được, thì Vệ Vũ công cũng là môn đồ của bậc thánh hiền.

CHƯƠNG VIII

辟爾爲德
俾臧俾嘉
淑慎爾止
不愆于儀
不僭不賊
鮮不爲則
投我以桃
報之以李
彼童而角
實虹小子

65. Bích nhĩ vi đức,
66. Tý tang tý gia,
67. Thục thận nhĩ chỉ,
68. Bất khiên vu nghi,
69. Bất tiếm bất tặc,
70. Tiển bất vi tắc,
71. Đầu ngã di dào,
72. Báo chi dĩ lý,
73. Bĩ đồng nhi giác
74. Thục hồng tiểu tử.

Dịch nghĩa

65. Vua làm nên bậc đức hạnh,
66. Khiến được lành được tốt,
67. Cho dung mao cử chỉ của vua được hiền thực cần
thận,
68. Cho nên uy nghi không có lỗi lầm,
69. Không có điều gì sai, không có điều gì hại,
70. Thì ít có ai chẳng lấy đó làm phép tắc để bắt chước
theo.

71. (ấy là lẽ tất nhiên, cũng như người) ném tặng cho ta quả đào,

72. Thì ta sẽ báo đáp lại người ấy quả lý.

73. Ồ con thú con mà tìm sừng

74. Lời nói ấy thật chỉ làm rối loạn vua mà thôi.

Dịch thơ

Bực hiền đức, vua trở thành,

Cho nên khiến đã tốt lành xiết chi!

Dung chí của vua thì kính cần,

Uy nghi không lầm lẫn mảy may,

Không điều hại không điều sai,

Để làm phép tắc ít ai chẳng dùng.

Tặng ta đào, ném tung một quả,

Thì lý kia vội vã đáp ngay.

Tìm sừng ở thú con này

Làm vua rối loạn rõ thay thật là!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 俾 *bích*, vua, chỉ Vệ Vũ công. 止 *chỉ*, dung mạo và cử chỉ. 僻 *tiếm*, sai. 賊 *tắc*, hại. 則 *tắc*, phép tắc. 童 *đồng*, thú còn tơ chưa mọc sừng. 虺 *hồng*, rối loạn.

Đã khuyên răn việc trau dồi đức hạnh, lại nói hễ làm việc nhân đức thì được người ta bắt chước theo, cũng như

lẽ tất nhiên hễ người ném tặng cho mình quả đào, thì mình sẽ đáp lại cho người ấy quả lý.

Người kia nói bất tất phải trau giồi đức hạnh mà cũng có thể thu phục được người. ấy là ở dê con, bò con (chưa ra sừng) mà tìm sừng. Nói như thế chỉ làm rối loạn vua mà thôi. há lại nghe được hay sao?

CHƯƠNG IX

荏 染 柔 木

75. Nhâm nhiễm nhu mộc

言 繚 之 絲

76. Ngôn măn chi ty.

溫 溫 恭 人

77. Ôn ôn cung nhân

維 德 之 基

78. Duy đức chi cơ.

其 維 哲 人

79. Kỳ duy triết nhân

告 之 話 言

80. Cáo chi thoại ngôn,

順 德 之 行

81. Thuận đức chi hạnh

其 維 愚 人

82. Kỳ duy ngu nhân

覆 謂 我 僭

83. Phúc vị ngã tiếm.

民 各 有 心

84. Dân các hữu tâm.

Dịch nghĩa

75. Cây dẻo dai mềm dịu

76. Nói có thể căng dây vào làm cung.

77. Người ôn hoà cung kính
78. Là nền tảng của đức hạnh.
79. Còn những bậc hiền triết.
80. Được bảo cho những lời hay đẹp của ngày xưa,
81. Thì thuận theo đức hạnh.
82. Còn những kẻ ngu độn
83. (Nếu được đem lời mà dạy bảo) thì trái lại cho ta là không đáng tin.
84. Mỗi người đều có lòng dạ khác nhau.

Dịch thơ

*Đẻo mềm cây nọ xiết bao,
Lấy dây có thể căng vào làm cung!
Người ôn hoà vô cùng khiêm kính
Là tảng nền đức hạnh dồi dào.
Còn trang hiền triết thanh cao
Lời xưa hay đẹp được trao cho rồi,
Thì đức hạnh thuận xuôi theo mãi.
Còn những người dân dại ngu si
Cho ta chẳng đáng tin gì.
Mỗi người lòng dạ đều thì khác nhau.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 荏染 *nhãm nhiễm*, dáng mềm dịu. 柔木 *nhu mộc*, cây dẻo dai. 繆 *mâu*, sợi dây, lấy dây căng vào để làm cung. 話言 *thoại ngôn*, lời hay đẹp của người xưa. 覆 *phúc*, ngược lại. 僭 *tiếm*, không tin. 民各有心 *dân các hữu tâm*, nói lòng dạ của mọi người không giống nhau, kẻ ngu người trí khác nhau rất xa.

CHƯƠNG X

- | | |
|--------|--------------------------------|
| 於乎小子 | 85. Ô hô tiểu tử! |
| 未知臧否 | 86. Vị tri tang bỉ. |
| 匪手攜之 | 87. Phỉ thủ huề chi, |
| 言示之事 | 88. Ngôn thị chi sự. |
| 匪面命之 | 89. Phỉ diện mệnh chi, |
| 言提其耳 | 90. Ngôn đề kỳ nhĩ. |
| 借曰未知 | 91. Tá viết vị tri, |
| 亦既抱子 | 92. Diệc ký bào tử. |
| 民之靡盈 | 93. Dân chi mỹ doanh, |
| 誰夙知而莫成 | 94. Thuỳ túc tri nhi mộ thành? |

Dịch nghĩa

85. Hỡi ôi! nhà vua ngài!

86. Lại chưa biết lành dữ phải trái
 87. Chẳng những người ta đã lấy tay nắm đất cho.
 88. Mà lại lấy việc mà bảo cho nữa.
 89. Chẳng những người ta đã tận mắt dạy cho,
 90. Mà còn vạch tai mà nói rõ cho nữa.
 91. Giả như nói vua còn bé thơ chưa hiểu biết.
 92. Nhưng nay vua đã trưởng thành, đã có con bồng
 trên tay rồi (có còn nhỏ nữa đâu):
 93. Người mà không tự cho mình hiểu biết đầy đủ (thì
 phải học hỏi).
 94. Thì có ai hiểu biết sớm mà thành tựu muộn chẳng?

Dịch thơ

*Hỡi ôi! Ngài bực làm vua!
 Dữ lành, phải trái lại chưa biết gì.
 Chẳng những tay đất đi cần thận,
 Dem việc ra tường tận bảo ngay.
 Lại đã tận mắt chỉ bày,
 Mà còn căn kẽ vạch tai bảo cùng.
 Giá bảo vua trẻ trung chưa rõ.
 Hiện đã bồng con nhỏ trên tay.
 Người không nhận hiểu đủ đây,
 Ai còn hiểu sớm, muộn ngày thành chăng?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Chẳng những đã lấy tay nắm đất cho, mà lại còn lấy việc bảo cho nữa. Chẳng những đã tận mặt dạy cho, mà lại còn vạch tai mà nói rõ cho nữa. Thế thì việc dạy bảo cho hiểu biết đã rõ ràng và thâm thiết. Giả như nói vua chưa có trí thức, chưa hiểu biết được, thì nay vua đã trưởng thành có con bồng trên tay rồi, vua phải có trí thức chớ. Người ta mà nếu không tự cho mình là hiểu biết đầy đủ, thì có thể nhận chịu lời răn dạy của người khác, thì há lại có hạng người đã hiểu biết sớm mà lại thành tựu muộn hay sao?

CHƯƠNG XI

昊天孔昭

95. Hạo thiên không chiếu

我生靡樂

96. Ngã sinh mỹ lạc.

視爾夢夢

97. Thị nhĩ mộng mộng,

我心慘慘

98. Ngã tâm thảm thảm.

誨爾諄諄

99. Hối nhĩ chuân chuân,

廳我藐藐

100. Thính ngã mạc mạc.

匪用爲教

101. Phỉ dụng vi giáo,

覆用爲虐

102. Phục dụng vi ngược.

借曰未知

103. Tá viết vị tri,

亦聿既虐

104. Diệc duật ký mạo.

Dịch nghĩa

95. Ông Trời rất sáng suốt
96. (Biết rõ) ta sống chẳng đặng vui
97. Trông tâm ý của vua rối loạn u mờ,
98. Mà lòng ta sầu lo.
99. Ta chỉ bảo vua rất rõ ràng rành rẽ,
100. Nhưng vua lại lơ đãng mà nghe ta.
101. Chẳng dùng lời ta chỉ bảo để dạy dân,
102. Lại dùng lời ta chỉ bảo để bạo ngược dân,
103. Giả như nói vua không hiểu biết,
104. Thì đến già vua cũng thế, cũng không biết được.

Dịch thơ

*Thông minh sáng suốt ông Trời
Biết ta sống chẳng an vui thế này.
Trong tình ý vua hay loạn ám,
Thì lòng ta sầu thảm bồi hồi.
Dạy vua cần kẻ rạch ròi,
Vua thì lơ đãng nghe lời của ta.
Lời ấy chẳng đem ra dạy bảo.
Lại đem dùng ngược bạo dân ngay.
Nói vua chẳng biết chẳng hay,
Đến già cũng vẫn thế này biết chi.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 夢夢 *mông mông*, không rõ ràng, tâm ý rối loạn. 慘慘 *thảo thảo* (đọc *thác thác*), đáng ưu lo, 諄諄 *chuân chuân*, hiểu biết thuần thục rõ ràng. 藐藐 *mạc mạc*, không lưu tâm. 耄 *mạo* (đọc *mạc* cho hợp vận), già 80 hay 90 tuổi gọi là mạo. Quan sử gọi thời 95 tuổi của Vệ Vũ công.

CHƯƠNG XII

- | | |
|------|----------------------------|
| 於乎小子 | 105. Ô hô! tiểu tử |
| 告爾舊止 | 106. Cáo nhĩ cựu chỉ. |
| 聽用我謀 | 107. Thính dụng ngã mưu, |
| 庶無大悔 | 108. Thứ vô đại hối. |
| 天方艱難 | 109. Thiên phương gian nan |
| 曰喪厥國 | 110. Viêt táng quyết quốc. |
| 取譬不遠 | 111. Thủ tỷ bất viễn: |
| 昊天不忒 | 112. Hạo thiên bất thắc. |
| 回輻其德 | 113. Hồi duật kỳ đức, |
| 俾民大棘 | 114. Tỷ dân đại cực. |

Dịch nghĩa

105. Hỡi ôi! Nhà vua ngài!

106. Ta đem phép tắc xưa mà nói cho vua rõ.
 107. Nếu vua chịu nghe và dùng mưu chước của ta.
 108. Thì may ra không có điều hối hận lớn lao.
 109. Trời vừa gieo những tai ương gian khổ xuống
 110. Để tiêu diệt đất nước này.
 111. Ta lấy tỷ dụ nói vua nghe không xa vời khó hiểu:
 112. Lẽ trời không bao giờ sai.
 113. Nếu đức của vua cứ tà vạy bất chính
 114. Thì khiến dân phải nguy khốn nặng nề (thì việc
 mất nước sẽ tất nhiên vậy).

Dịch thơ

*Hỡi ôi ngài bậc làm vua!
 Bảo cho được biết phép xưa cả rồi,
 Mưu ta nếu nghe lời tương tận.
 May ra không hối hận lớn lao.
 Trời gieo hoạn nạn khổ đau
 Để mà tiêu diệt cho mau nước này.
 Tỷ dụ không xa, bày vua rõ:
 Lẽ của trời chẳng có sai chi.
 Đức vua tà vạy mê si
 Khiến dân phải chịu khốn nguy nặng nề.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 舊 *cựu*, điển chương cũ của tiên vương. Hoặc nói cựu là lâu. 止 *chỉ*, tiếng đệm ở sau câu. 庶 *thứ*, may ra. 悔 *hối*, hận. 忒 *thắc*, sai. 繇 *duật*, tà vạy. 棘 *cức*, gấp.

Nói vận trời vừa xoay những tai nạn ấy cho để tiêu diệt nước này. Những tỷ dụ của ta đem ra nói cho vua biết há lại xa vời khó hiểu hay sao? Xem việc hoạ phúc của đạo trời không hề sai lầm thì biết được việc diệt vong ấy.

Nay vua cứ noi theo đức hạnh tà vạy bất chính để khiến dân chúng phải khốn khổ, thì nước này phải tiêu táng là việc tất nhiên rồi.

Thiên ước có 12 chương, 3 chương 8 câu và 9 chương 10 câu.

Trong Sở ngữ của sách Quốc ngữ, quan tả sử ý Tương nói rằng: Vua Vệ Vũ công tuổi đã 95 còn lo khuyên răn việc nước mà nói rằng: Từ bậc quan khanh trở xuống đến bậc sư trưởng sĩ, nếu còn ở tại triều đình, thì chớ nói rằng ta đã già mà bỏ ta, sớm tối phải cung kính để răn dạy ta. Lúc Vệ Vũ công ngồi trên xe binh, thì có lời khuyên can của quan lữ bộ (coi về khí giới binh xa của vua), lúc đứng ở buổi chiều thì có phép tắc của quan sử, lúc ngồi dựa ghế thì có lời can gián của quan tụng huân, lúc nghỉ ngơi ở trong phòng thì có lời răn của quan tiết ngự hầu cận, lúc lâm sự thì có lời dẫn dắt của quan cổ (nhạc thái sử) và quan sử (thái sử), lúc nhàn cư thì có lời tụng của quan sử, công; quan sử không chép sai, quan mù coi nhạc không đọc sai để dạy can vua. Cho nên làm lời

giới răn trong thiên ước để tự khuyên răn mình. Đến khi chết, Vệ Vũ công được gọi là Duệ Thánh Vũ công.

Vĩ Chiêu nói rằng: ý đọc ước tức là thiên này. Đồng thị nói rằng: Hầu Bao nói Vệ Vũ công tuổi đã 95 mà còn khiến người hàng ngày đọc bài thơ này mà không bao giờ lìa ra ở một bên.

Như thế thì phần giải thuyết ở bài tự trong *Mao thi* cho đây là lời châm biếm Lê vương thì lắm.

BÀI THỨ 263

CHƯƠNG I

桑柔	Tang nhu. (Đăng 3)
苑彼桑柔	1. Uất bỉ tang nhu,
其下侯甸	2. Kỳ hạ hầu tuần.
捋采其劉	3. Loát thái kỳ lưu,
瘼此下民	4. Mạc thử hạ dân.
不殄心憂	5. Bất diễn tâm ưu
倉兄填兮	6. Sưởng hướng diễn hê.
倬彼昊天	7. Trác bỉ hạo thiên
寧不我矜	8. Ninh bất ngā cằng?

Dịch nghĩa

1. Cây dâu mềm rậm lá kia,

2. Dưới cây dâu khắp nơi đều có bóng mát.
3. Khi cây dâu bị lật phá hết lá.
4. Dân chúng ẩn bóng dưới cây dâu phải bịnh hoạn.
5. Lòng người quân tử phải lo buồn
6. Đau xót lâu dài mãi không thôi.
7. Ông Trời kia đáng tỏ
8. Sao lại chẳng thương xót dân chúng ta?

Dịch thơ

*Cây dâu mềm mại rậm đầy
 Dưới tàng bóng mát phủ đầy khắp nơi.
 Khi cây dâu đến hồi lật lá
 ẩn bóng cây, dân đã bịnh đau.
 Lòng người quân tử ưu sầu
 Xót xa bi thảm dài lâu khổ lòng.
 Ông Trời kia vô cùng sáng tỏ
 Sao không thương, thấu rõ dân ta?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc ty. 苑 uất, rậm rạp um tùm. 旬 tuần, khắp nơi. 劉 lưu, tàn hại. 殄 diển, tuyệt dứt. 倉兄 sưởng huống, đồng với. 倉怳 sưởng huống là ý bị thương đau xót. 填 diển, chưa rõ là gì. Thuyết xưa trong sách Mao thi cho là đồng với chữ. 陳 trần. 塵 trần, có lẽ ý nói lâu

ngày. Hoặc nghi đồng với chữ. 癘 *diên*, nghĩa là bịnh. Nhưng trong thiên *Thiệu môn* (bài thứ 271), hai chữ 填 *điền* và 癘 *diên* đều có cả, lại e rằng chưa phải là thế. Nay để khuyết nghĩa. 倬 *trác*, dáng sáng tỏ rõ ràng.

Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi*, đây là bài thơ của Nhuế bá châm biếm Lệ vương mà làm ra. Truyện *Xuân thu* cũng nói là thơ của Nhuế Lương Phu, thì là thuyết ấy.

Lấy cây dâu mà ví. Cây dâu là thứ cây mà lá rất dồi dào, nhưng đến khi bị hái, một buổi sáng bỗng sạch cả lá, không còn lá để héo vàng lần lần rụng nữa, cho nên lấy đó ví với lúc cường thịnh của nhà Chu như lá dâu dồi dào, bóng mát không chỗ nào là không lan khắp. Đến khi Lệ vương phóng túng làm điều bạo ngược để cơ nghiệp đã tự thành phải bại hoại, vương thất nhà Chu bỗng vùi điều tàn như cây dâu đã bị lật lá, dân chúng vì mất bóng mát của cây dâu mà phải chịu lấy bịnh tật. Cho nên người quân tử lo buồn mãi mãi không dứt trong lòng, quá buồn thương mà đến nỗi phải bịnh, bèn kêu Trời mà bày tỏ.

CHƯƠNG II

四牡騤騤

9. Tứ mẩu quỳ quỳ.

於旄有翩

10. Dư triệu hữu phiên.

亂生不夷

11. Loạn sinh bất di

靡國不泯

12. Mỹ quốc bất dân.

民靡有黎

13. Dân mỹ hữu lê,

其禍以熾

14. Cụ hoạ dĩ tận.

於乎有哀

15. Ô hô hữu ai!

國步斯頻

16. Quốc bộ tư tần.

Dịch nghĩa

9. Xe bốn ngựa đực chạy không dừng.
10. Cờ dư cờ triệu phát phối lướt mau.
11. Loạn lạc sinh ra mãi không yên.
12. Không có nước nào là không bị tiêu tan.
13. Dân chúng không còn giữ được tính mệnh nữa.
14. Đều bị tai hoạ, còn sống sót chỉ vài người như tro tàn.
15. Hỡi ôi! đáng thương xót thay!
16. Kải vận của quốc gia đã nguy cấp lắm.

Dịch thơ

*Chiếc xe bốn ngựa không dừng.
Cờ dư cờ triệu tung bừng lướt nhanh.
Mãi chẳng yên phải sanh loạn rồi.
Không nước nào được khỏi tiêu tan.
Nhân dân tính mệnh chẳng an.
Mắc vòng tai hoạ, tro tàn khác đâu.
Rõ thật đáng xót đau ôi hỡi!
Vận quốc gia đã tới khẩn nguy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 夷 *di*, bình yên. 泯 *dân*, tiêu diệt. 黎 *lê*, đen, nói đầu đen. 具 *cụ*, đều. 燼 *tân*, tro tàn. 步 *bộ*, bộ vận. 頻 *tần*, gấp rút.

Vào thời loạn lạc của Lệ vương, thiên hạ phải chinh chiến không dặng nghỉ ngơi, cho nên dân chúng thấy xe, ngựa, cờ dư, cờ triệu mà khổ não chán ghét.

Từ đây đến chương IV đều là lời oán về việc chiến chinh.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|--------------------------|
| 國步蔑資 | 17. Quốc bộ miệt tư! |
| 天不我將 | 18. Thiên bất ngã tương. |
| 靡所止疑 | 19. Mỹ sở chỉ ngật. |
| 云徂何往 | 20. Vân tô hà vãng? |
| 君子實維 | 21. Quân tử thực duy |
| 秉心無競 | 22. Bỉnh tâm vô cạnh, |
| 誰生厲階 | 23. Thuỳ sinh lệ giai? |
| 至今爲梗 | 24. Chí kim vi cạnh. |

Dịch nghĩa

17. Khi vận nước nhà nguy vong rồi!
18. Trời không nuôi dưỡng ta.

19. Không có chỗ nào ở yên được.
20. Nói vua thì biết đi đâu?
21. Nếu vua thật đã
22. Giữ lòng không tranh đoạt,
23. Thì ai đã tạo ra nguồn gốc của môi hoạ ấy?
24. Khiến đến bây giờ phải đau đớn.

Dịch thơ

Nguy vong vận nước than ôi!
Trời cao đã chẳng dưỡng nuôi ta đành!
Không chỗ nào thật tình yên ổn.
Nói ra đi, biết chốn nào đây?
Nếu vua thật đã thế này:
Giữ lòng chân chính, chẳng gây tranh giành.
Gốc hoạ, ai tạo thành ra thế?
Khiến bây giờ xiết kẻ đón đau!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蔑 *miệt*, tiêu diệt. 資 *tư*, tiếng than. 將 *tương* (đọc *tưởng* cho hợp vận trắc), dưỡng. 疑 *ngật* (đọc *nghi*), định. 徂 *tổ*, cũng là đến. 競 *cạnh* (đọc *cường* cho hợp vận), tranh. 厲 *lệ*, oán. 梗 *cảnh* (đọc *cảng* cho hợp vận). bình.

Nói nước sắp nguy vong, Trời không nuôi dưỡng ta, ở không có chỗ yên định, đi không có nơi đi. Nhưng nếu vua không có lòng tranh giành thì ai thật đã làm nên nguồn gốc của mối hoạ ấy, khiến bây giờ phải đau đớn ư? Vì nói rằng tai hoạ có nguồn gốc mà nguồn gốc từ đấy tai hoạ đưa đến đã xa xôi rồi vậy.

CHƯƠNG IV

憂心殷殷
念我土宇
我生不辰
逢天俾怒
自西徂東
靡所定處
多我覯瘡
孔棘我圉

25. Ưu tâm ân ân
26. Niệm ngã thổ vũ.
27. Ngã sinh bất thời,
28. Phùng thiên đản nộ,
29. Tự tây tổ đông
30. Mỹ sở định xứ,
31. Đa ngã cấu dân.
32. Khổng cức ngã ngữ.

Dịch nghĩa

25. Lòng buồn rười rượi
26. Khi nhớ đến quê hương của ta ở.
27. Ta sinh ra không gặp thời.
28. Gặp lúc trời nổi cơn thịnh nộ.
29. Từ phía tây đi sang phía đông

30. Không có chỗ nào ở yên được.
 31. Ta thấy người bệnh tật rất nhiều.
 32. Biên thủy của nước ta rất nguy cấp.

Dịch thơ

*Nỗi lòng rười rượi buồn thương,
 Mỗi khi ta nhớ quê hương ngậm ngùi.
 Ta sinh không gặp thời đã rõ,
 Gặp Trời đang thịnh nộ dùng dùng.
 Từ phương tây đến phương đông,
 ở yên vô sự thì không chỗ nào.
 Ta không thấy quá nhiều bệnh tật.
 Biên thủy ta thì rất khôn nguy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 土 thổ, quê hương. 宇 vũ, ở. 辰 thân, thời, lúc, thời 俚 dân, đây, hậu 觀 cấu, thấy 瘡 dân, bệnh. 棘 cức. 圉 ngữ, biên thủy, hoặc nói là chống ngự. Nhiều thay ta thấy người bệnh tật! Nguy cấp thay ở biên thủy của ta!

CHƯƠNG V

爲謀爲毖

亂況斯削

33. Vi mưu vi bí,

34. Loạn huống tư tước.

告爾憂恤
誨爾序爵
誰能執熱
逝不以濯
其何能淑
載胥及溺

35. Cáo nhĩ ưu tuất,
36. Hối nhĩ tự tước.
37. Thuỳ năng chấp nhiệt
38. Thệ bất dĩ trạc?
39. Kỳ hà năng thực?
40. Tái tư cập nịch.

Dịch nghĩa

33. Vua mưu tính và cẩn thận không đúng phép,
34. Cho nên loạn lạc nảy nở và tự làm cho mình suy kém.
35. Báo cho vua biết những điều đáng lo buồn đau xót.
36. Dạy cho vua đạo lý phân biệt kẻ hiền tài.
37. Ai có thể cầm vật nóng.
38. Mà không đi rửa tay?
39. Ai có thể làm yên lành lại được
40. Hay đành cùng nhau chịu chìm mất vật thôi?

Dịch thơ

Mưu toan cẩn thận chẳng nhằm.
Loạn lai nảy nở, tự làm kém suy.
Việc đáng buồn đau thì cho biết.
Dạy cho vua phân biệt hiền tài.

Nâng cầm vật nóng những ai
Thế mà lại chẳng rửa tay cho đành?
Ai làm được yên lành trở lại
Hay cam chìm mất mãi mà thôi?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 毖 bí (đọc tất cho hợp vận), cẩn thận. 況 huống, nảy lớn. 序爵 tự tước, đặt phân biệt người hiền và chẳng hiền. 執熱 chấp nhiệt, tay nắm vật gì nóng

Tô thị nói rằng: Vua há lại chẳng mưu tính và cẩn thận hay sao? Nhưng vua không mưu tính và cẩn thận đúng theo đạo lý, cho nên loạn lạc mới phát khởi và tự làm cho mình suy kém. Cho nên mới đem những điều đáng lo buồn mà báo cho và đem cái đạo lý phân biệt người hiền tài mà dạy cho. Lại nói: Ai có thể cầm vật nóng mà không lấy nước rửa tay? Người hiền tài có thể làm dứt loạn lạc, cũng như nước rửa có thể giải được sức nóng. Nếu không thế thì ai có thể làm cho yên lành lại được, hay sẽ cùng nhau chịu chìm mất mà thôi?

CHƯƠNG VI

如彼溯風

41. Như bĩ tố phong

亦孔之僂

42. Diệc khổng chi ái,

民有肅心

43. Dân hữu túc tâm,

莽云不逮

44. Phanh vân bất đãi,

好是稼穡
力民代食
稼穡維寶
代食維好

45. Hảo thị giá sắc,
46. Lực dân đại thực,
47. Giá sắc duy bảo
48. Đại thực du hảo.

Dịch nghĩa

41. (Người quân tử sống trong thời bạo loạn) như kẻ
kia đi ngược gió.
42. Bị ngộp hơi không thở được.
43. Dân chúng tuy có lòng muốn tiến tới,
44. Nhưng khiến cùng nói rằng: Không thể đạt tới được.
45. Tốt hơn là trở về cấy gặt.
46. Ra sức làm việc với dân để thay thế bổng lộc mà ăn.
47. Việc cấy gặt rất quý báu
48. Thay thế bổng lộc mà ăn rất tốt.

Dịch thơ

*Như đi gió ngược hơi ôi!
Thật không thở được ngộp hơi vô cùng.
Dân chúng tuy có lòng tiến tới
"Không đạt thành" cùng nói với nhau
Ta về cấy gặt cho mau,
Cùng dân làm việc, thay vào đồng lương.*

*Việc cấy gặt thì thường quý trọng
Thay đồng lương mà sống tốt lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溯 *tổ*, hướng tới. 優 *ái* nghen cổ. 肅 *túc*, tiến tới. 莽 *phanh*, khiến.

Tô thị nói rằng: Người quân tử thấy cơn loạn lạc của Lệ - vương, buồn chán như người đi ngược gió, phải ngộp hơi không thở được, tuy có lòng muốn tiến tới nhưng đều khiến mà nói lên rằng: "Đời loạn rồi, chẳng phải chúng ta là người có thể tiến đến được!" Thế rồi cùng nhau lui về cấy gặt, đem hết sức mình ra làm đồng một việc với dân, thay thế bổng lộc để sống mà thôi.

Đương lúc ấy, cái lo âu của bậc ra làm quan còn khổ sở hơn cái lao nhọc của người cấy gặt. Chọ nên nói rằng: Cấy gặt thì quý lắm lấy hoa lợi làm mùa thay bổng lộc của quan mà ăn thì tốt lắm. ý nói tuy làm ruộng khổ nhưng không phải ưu lo.

CHƯƠNG VII

天降喪亂

滅我立王

降此蠹賊

稼穡卒痒

哀恫中國

49. Thiên giáng táng loạn,

50. Diệt ngã lập vương.

51. Giáng thử mâu tặc,

52. Giá sắc tốt dương.

53. Ai thông Trung quốc!

其贅卒荒

54. Cụ chuế tốt hoang.

靡有旅力

55. Mỹ hữu lữ lực

以念穹蒼

56. Dĩ niệm khung thương.

Dịch nghĩa

49. Trời giao xuống loạn lạc táng vong.

50. Để tiêu diệt vua của ta lập nên.

51. Trời lại gieo xuống thứ sâu hại lúa,

52. Để việc cấy gặt của ta phải tổn hại.

53. Đau xót cho nước Trung Quốc!

54. Đều bị liên thuộc vào tai hoạ mà hết sạch chẳng còn gì.

55. Cho nên không còn sức lực.

56. Để lo nghĩ đến tai hoạ của trời nữa.

Dịch thơ

Trời gieo vong táng loạn ly.

Vua ta thành lập, diệt đi cho rồi.

Sâu hại lúa thì trời gieo mãi.

Cấy gặt ta chịu lấy thiệt thòi.

Xót thay Trung quốc hỡi ôi!

Bị tai hoạ hết sạch rồi còn chi.

Cho nên không còn gì sức cả

Đề nghị lo tai hoạ của trời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 恫 *thông*, đau đớn. 具 *cụ*, đều, cùng. 贅 *chue*, hệ thuộc vào, ý nói nguy. Sách *Xuân thu Công dương truyện* năm Lỗ Tương công thứ 16 chép rằng: *Quân nhược chue lưu nhiên* = vua nếu ở hư vị không có thực quyền như lá cờ phụ thuộc vào cán cờ để người ta cầm mà điều khiển vậy. 綴 *chue* đồng với 贅 *chue* là liên thuộc vào. 卒 *tốt*, hết 荒 *hoang*, trống không. 旅 *lữ* đồng với 膂 *lữ* là xương sống. 穹蒼 *khung thương*, vòm trời xanh, Trời. *Khung* nói về hình thể vòm trời, *thương* nói về màu xanh.

Nói Trời gieo xuống loạn lạc táng vong, hẳn là để tiêu diệt vua của ta lập lên. Trời lại gieo xuống thứ sâu lúa, thì việc cấy gặt của ta lại phải tổn hại, thì hoa lợi làm mùa không thể nào thay thế bằng lộc để ăn nữa. Thương thay cho nước Trung quốc đều nguy hại sạch chẳng còn gì. Thế là nguy khốn đã đến cùng cực rồi, không còn sức đâu mà nhớ đến tai hoạ của Trời nữa.

Bài thơ này làm ra không biết đích xác vào thời nào, nhưng có câu *Diệt ngã lập vương*, thì nghi là sau thời Cộng hoà (thời Chu Lệ vương chạy ra đất Trệ, Thiệu công và Chu công cùng nắm quyền chính được gọi là thời Cộng hoà).

CHƯƠNG VIII

維此惠君

57. Duy thử huệ quân

- | | |
|------|-------------------------|
| 民人所瞻 | 58. Dân nhân sở chiêm, |
| 秉心宣猶 | 59. Bỉnh tâm tuyên do, |
| 考慎其相 | 60. Khảo thận kỳ tướng, |
| 維彼不順 | 61. Duy bỉ bất thuận, |
| 自獨倖臧 | 62. Tự độc tý tang, |
| 自有肺脹 | 63. Tự hữu phế trường. |
| 俾民卒狂 | 64. Tý dân tốt cuồng. |

Dịch nghĩa

57. Vua nầy thuận theo nghĩa lý
 58. Thì được dân ngưỡng trông,
 59. Vì đã nắm giữ được lòng và mưu tính đến mọi nơi.
 60. Biết khảo xét cẩn thận quan chức giúp đỡ mình.
 61. Còn vị vua kia không thuận theo nghĩa lý,
 62. Riêng tự cho mình là giỏi,
 63. Đã có lòng dạ ý kiến riêng tư rồi,
 64. Cho nên đã khiến dân đều mê cuồng rối loạn.

Dịch thơ

*Vua nầy thuận nghĩa xiết bao!
 Được dân chúng đã hướng vào ngưỡng trông,
 Mưu tính khắp, giữ lòng chặt chẽ,*

Xét tận tường những kẻ giúp mình.
 Vua kia chẳng thuận nghĩa tình.
 Tự cho là giỏi dinh ninh la tài,
 ỳ riêng tư giữ hoài trong dạ,
 Khiến chúng dân đều đã loạn cuồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 惠 huệ, thuận, thuận theo nghĩa lý. 宣 tuyên, khắp nơi. 猶 do, mưu. 相 tướng (đọc tương cho hợp vận), phụ giúp. 狂 cuồng, mê hoặc.

Nói vua này thuận theo nghĩa lý được dân tôn trọng ngưỡng trông, vì đã nắm giữ được lòng mình, mưu tính đến khắp mọi nơi, khảo xét lựa chọn những bề tôi giúp đỡ mình; người nào được dân chúng nhìn n hận là hiền tài, rồi sau mới được vua dùng.

Còn vua kia không thuận theo nghĩa lý, vì tự cho mình là giỏi mà không khảo xét mưu kế của mọi người, vì có ý kiến riêng mà không thông hiểu đến ý chí của mọi người, cho nên đã khiến dân hồ đồ ngu muội, đến nỗi phải mê cuồng rối loạn.

CHƯƠNG IX

- | | |
|------|------------------------|
| 瞻彼中林 | 65. Chiêm bỉ trung lâm |
| 甞甞其鹿 | 66. Sần sần kỳ lộc, |
| 朋友已譜 | 67. Bằng hữu dĩ tiếm |

不胥以穀

68. Bất tư dĩ cốc,

人亦有言

69. Nhân diệc hữu ngôn:

進退維谷

70. Tiến thoái duy cốc,

Dịch nghĩa

65. Xem ở trong rừng kia

66. Hươu nai kết thành bày cùng đi chung.

67. Còn bạn bè mà chẳng tin nhau

68. Thì không thể tốt lành với nhau được.

69. Người xưa cũng có lời nói rằng:

70. Thời loạn lạc tới lui đều cùng quẩn.

Dịch thơ

Rừng kia thì hãy nhìn coi

Hươu nai đông đảo thành thời đi cùng,

Lạ chẳng thể tin lòng bè bạn,

Tốt với nhau thì hẳn không rồi.

Người xưa cũng đã có lời:

Trong cơn loạn lạc, tới lui quẩn cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 𪛗𪛗 sẵn sẵn, dáng nhiều con
dùng đi chung. 譖 tiếm (đọc tâm cho hợp vận), không tin.
胥 tư, lẫn nhau. 穀 cốc, tốt lành. 谷 cốc, cùng, dứt.

Xét tận tường những kẻ giúp mình.
Vua kia chẳng thuận nghĩa tình.
Tự cho là giỏi dinh ninh la tài,
ý riêng tư giữ hoài trong dạ,
Khiến chúng dân đều đã loạn cuồng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 惠 huệ, thuận, thuận theo nghĩa lý. 宣 tuyên, khắp nơi. 猶 do, mưu. 相 tương (đọc tương cho hợp vận), phụ giúp. 狂 cuồng, mê hoặc.

Nói vua này thuận theo nghĩa lý được dân tôn trọng ngưỡng trông, vì đã nắm giữ được lòng mình, mưu tính đến khắp mọi nơi, khảo xét lựa chọn những bề tôi giúp đỡ mình; người nào được dân chúng nhìn n hận là hiền tài, rồi sau mới được vua dùng.

Còn vua kia không thuận theo nghĩa lý, vì tự cho mình là giỏi mà không khảo xét mưu kế của mọi người, vì có ý kiến riêng mà không thông hiểu đến ý chí của mọi người, cho nên đã khiến dân hồ đồ ngu muội, đến nỗi phải mê cuồng rối loạn.

CHƯƠNG IX

瞻彼中林

甡甡其鹿

朋友已譜

65. Chiêm bỉ trung lâm

66. Sần sần kỳ lộc,

67. Bằng hữu dĩ tiếm

Nói bạn hữu không tin nhau, không thể tốt lành với nhau, không bằng như loài hươu nai.

Nói trên thì không có vua sáng suốt, dưới thì có những phong tục xấu xa, cho nên tới hay lui đều cùng quần.

CHƯƠNG X

維此聖人	71. Duy thử thánh nhân
瞻言百里	72. Chiêm ngôn bách lý
維彼愚人	73. Duy bỉ ngu nhân
覆狂以喜	74. Phúc cuồng dĩ hỉ
匪言不能	75. Phỉ ngôn bất năng
胡斯思忌	76. Hồ tư tư kỵ?

Dịch nghĩa

71. Chỉ có bậc thánh nhân này

72. Thấy mà nói thì biết trước xa trăm dặm

73. Chỉ có người ngu kia

74. Trái lại ngông cuồng lên và vui mừng

75. Chẳng phải không thể nói ra

76. Nhưng phải kiêng sợ như thế thì làm sao nói ra được?

Dịch thơ

*Chỉ riêng bậc thánh nhân này
Thấy xa trăm dặm khi ngài nói cho
Chỉ có đứa ngu ngơ kia ấy
Ngông cuồng lên trái lại mừng vui
Phải đâu không thể thốt lời
Sợ kiêng như thế nói thời làm sao?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Bậc thánh nhân thì sáng suốt, trước cơ nguy sắp xảy ra, những điều thánh nhân trông thấy mà nói ra thì không có việc xa xôi nào mà không xác đáng. Người ngu không biết tai họa sắp đến nơi, trái lại ngông cuồng lên để vui mừng. nay những người hành sự có lẽ đều như thế. Ta chẳng phải không thể nói ra, nhưng phải kiêng sợ như thế thì làm sao nói ra được? ý nói Vua bạo ngược, người ta không dám can gián.

CHƯƠNG XI

維此良人

弗求弗迪

維彼忍心

是顧是覆

77. Duy thử lương nhân

78. Phất cầu phất địch.

79. Duy bỉ nhẫn tâm

80. Thị cố thị phục.

民之貪亂

81. Dân chi tham loạn

寧爲荼毒

82. Ninh vi đồ độc.

Dịch nghĩa

77. Chỉ có những người hiền lương này

78. Thì chẳng được tìm, chẳng được tiến cử lên dùng.

79. Chỉ có những kẻ nhẩn tâm kia

80. Thì được vua đoái tưởng, được dùng mãi mà thôi.

81. Dân chúng (sống không chịu nổi) mới buông lung trở thành tham tàn bạo loạn.

82. Để cam làm quân độc ác.

Dịch thơ

Còn như những bậc tài hiền

Chẳng hề được kiếm, nhắc lên mà dùng.

Chỉ có kẻ nhẩn lòng kia ấy

Thì được vua dùng mãi chẳng thôi.

Dân tham lam bạo loạn rồi

Đành lòng tất cả làm người ác hung.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 迪 dịch (đọc độc cho hợp vận), tiến tới. 忍 nhẩn, tàn nhẫn. 顧 cố, nhớ đến. 覆 phục, nhiều

lần. 茶 毒, rau độc chất đắng mùi cay, có thể làm chết sinh vật được, cho nên gọi là độc độc.

Nói không tìm người thiện mà tiến cử lên dùng. Những người được vua đoái tưởng dùng mãi không thôi lại là những kẻ tàn nhẫn bất nhân. Dân sống không chịu nổi, cho nên mới buông lung làm những việc tham tàn bạo loạn để cam làm quân độc ác.

CHƯƠNG XII

- | | |
|------|-------------------------|
| 大風有隧 | 83. Đại phong hữu toại, |
| 有空大谷 | 84. Hữu không đại cốc. |
| 維此良人 | 85. Duy thử lương nhân |
| 作為式穀 | 86. Tác vi thức cốc. |
| 維彼不順 | 87. Duy bỉ bất thuận |
| 征以中垢 | 88. Chinh dĩ trung cấu. |

Dịch nghĩa

83. Gió to thổi có đường lối,
84. Vì do trong hang trống to thổi ra.
85. Chỉ có người hiền lương thiện này
86. Dùng việc tốt lành mà làm việc,
87. Chỉ có kẻ trái nghịch kia.
88. Thì đi theo đường lối tối tăm như bầy.

Dịch thơ

*Gió to thổi cũng theo đường
Thổi ra vun vút từ hang to này,
Chỉ có hang người ngay lương thiện
Dùng việc lành liệu biện mà làm.
Chỉ người trái nghịch tham lam
Đi theo đường lối tối tăm bản lầy.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng. 隧 toại, đường lối. 式 thức, dụng. 穀 cốc, lành. 征以中垢 *chính dĩ trung cấu* (đọc *cúc* cho hợp vận), chưa rõ nghĩa là gì. Hoặc nói *chính* là đi, *trung* là ẩn giấu tối tăm, *cấu* là dơ bẩn.

Luông gió to thổi đi cũng có đường lối, vì rằng gió phân nhiều từ trong hang trống thổi ra. Nói như thế để khởi húng cho đoạn văn sau: Những việc làm của quân tử và tiểu nhân cũng đều theo đường lối cả (người hiền thì làm lành, người dữ thì làm ác).

CHƯƠNG XIII

大風有隧

89. Đại phong hữu hũu toại.

貪人敗類

90. Tham nhân bại loại.

廳言則對

91. Thính ngôn tắc đối.

誦言如醉

92. Tụng ngôn như túy,

匪用其良

93. Phỉ dụng kỳ lương,

覆俾我悖

94. Phúc tỵ ngã bội.

Dịch nghĩa

89. Gió to thổi có đường lối.

90. Người tham là loài hư hỏng xấu xa.

91. Nghe lời khuyên bảo của ta thì đứa tham bạo phản đối.

92. Cho nên ta nói ra mà mê loạn như say rượu.

93. Chỉ vì vua chẳng dùng người lương thiện.

94. Trái lại khiến ta phải hôn mê rối loạn như thế này.

Dịch thơ

Theo đường gió lớn thổi ra.

Kẻ tham hư hỏng xấu xa vô cùng.

Nghe ta khuyên, bạo hung phản đối.

Ta nói ra loạn rồi như say,

Vì vua chẳng dụng hiền tài,

Khiến ta mê loạn thế này hội ôi!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 敗類 bại loại như nói. 圯族 bĩ tộc giống hư hỏng xấu xa. Vua khiến kẻ tham làm việc

chính trị, ta cho là kẻ tham lam ấy có thể nghe lời của ta, cho nên ta mới đem lời mà nói với. Nhưng rồi ra cũng biết chúng không thể nghe theo lời ta. Cho nên ta nói mà lòng mê loạn như say rượu, vì vua không dùng người lương thiện, mà trái lại khiến ta phải hôn mê rồi loạn như thế này.

Lệ vương thích Vinh Di công, Nhuế Lương Phu nói rằng: Vương thất nhà Chu sắp suy kém chăng? Ôi! Vinh công tham lợi giành về một mình mà không cẩn thận phòng bị tai hoạ to. Ôi! Mối lợi do muôn vật sinh ra, khắp trời đất đều có chứa đựng, mà nếu có người giành riêng về một mình thì tai hại nhiều vậy.

Bài thơ này nói kẻ tham lam phải chăng là Vinh công ư? Nỗi lo buồn của Nhuế bá đã chẳng phải mới có một ngày.

CHƯƠNG XIV

嗟爾朋友

予豈不知而作

如彼飛蟲

時亦弋獲

既之陰女

反予來赫

95. Ta nhĩ bằng hữu,

96. Dư khĩ bất tri nhi tác?

97. Như bỉ phi trùng,

98. Thì diệc dục hoạch.

99. Ký chi âm nữ,

100. Phản dư lai hách.

Dịch nghĩa

95. Than ôi! hàng bạn hữu các ông đây,
96. Ta há lại không biết việc làm của các ông?
97. Lời ta nói ắt có chỗ trúng, cũng như những con chim bay kia,
98. Cũng có lúc người ta bắn trúng mà bắt được.
99. Ta đến che chở cho các ông,
100. Trái lại các ông đến giận dữ với ta.

Dịch thơ

*Các ngài bạn hữu, than ôi!
Ngài làm, ta chẳng biết rồi hay sao?
Nói trúng như bay cao chim nọ,
Bắn lắm khi trúng nó được ngay.
Ta đi che chở các ngài,
Giận ta hậm hực, ngược thay đấy mà!*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 如彼飛蟲, 時亦弋獲 *như bỉ phi trung, Thì diệc dục hoạch*, ý bảo lời ta nói, hoặc cũng có chỗ trúng, cũng như nói. 千慮而一得 *thiên lự nhi nhất đắc* (= Mưu lo ngàn điều, ắt phải được một điều). 之 *chi*, đi đến. 陰 *âm*, đây che. 赫 *hoạch*, đáng giận dữ.

Ta lấy lời mà bảo cho các ông, ấy là ta đến che chở cho các ông, các ông ngược lại đến giận với ta.

Trương tử nói là: Ta âm thầm đến bảo mật cho các ông, ngược lại các ông nói ta đến khùng bố các ông. Nói như thế cũng thông.

CHƯƠNG XV

民之罔極

職涼善背

爲民不利

如云不克

民之回遘

職競用力

101. Dân chi vông cực,

102. Chức lượng thiện bội

103. Vi dân bất lợi,

104. Như vân bất khắc.

105. Dân chi hồi duật

106. Chức cạnh dụng lực.

Dịch nghĩa

101. Dân chúng tham loạn chẳng cùng,

102. Chỉ do bọn tham quan lấy danh nghĩa ngay thẳng đáng tin, mà sự thật thì khéo làm điều ngang trái.

103. Cứ làm những việc bất lợi cho dân,

104. Như sợ rằng không thắng nổi dân, không đàn áp nổi dân.

105. Dân chúng tà vạy bất chính.

106. Chỉ có bọn tham quan tranh nhau cố sức làm điều bất chính (cho nên dân chúng mới bắt chước theo).

Dịch thơ

*Chẳng cùng, dân chúng tham lam.
Đáng tin mà thật khéo làm trái ngang.
Bất lợi cho dân càng làm tới,
Như sợ không thắng nổi dân gian.
Dân đều bất chính trái ngang.
Tranh điều bất chính tham quan, chỉ vì.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 職 chức, chuyên. 涼 lương, chưa rõ nghĩa là gì. Mao thi truyện, chép lương là bạc, mỏng. Trịnh Huyền đọc ra lương là tin. Nghi rằng giải thuyết của Trịnh Huyền hợp lý, 善背 thiện bội (đọc bắc cho hợp vận), khéo làm việc phản phúc trái ngược. 克 khắc, thắng. 回通 hồi duật, tà vạy bất chính.

Nói dân chúng sợ dĩ đã tham lam rồi loạn mà không biết đến đâu mới dứt, chỉ chuyên vì những hạng quan chức ấy danh nghĩa thì ngay thẳng đáng tin, mà sự thật thì khéo làm điều trái ngược, lại tạo nên những việc bất lợi cho dân, như sợ không thắng nổi dân, nên cố sức làm những việc ấy vạy.

Nói dân chúng sợ dĩ đã tà vạy bất chính cũng do bọn quan chức ấy tranh nhau cố sức làm những điều tà vạy bất chính (cho nên dân chúng mới bắt chước theo).

Nói đi nói lại nhiều lần để tỏ lòng ghét giận sâu xa bọn chúng.

CHƯƠNG XVI

民之未戾

107. Dân chi vị lệ,

職盜爲寇

108. Chức đạo vi khấu.

涼曰不可

109. Lượng viết bất khả.

覆背善詈

110. Phúc bội thiện lệ.

雖曰匪予

111. Tuy viết phi dư,

既作爾歌

112. Ký tác nhĩ ca.

Dịch nghĩa

107. Dân chúng chưa được yên

108. Chỉ vì bọn bề tôi ăn trộm dỏ trò cướp bóc.

109. Việc tin dùng mà đem đứa tiểu nhân cho làm thì không nên.

110. Đến khi phản bội, các ông khéo tạo lời xấu xa để chửi rửa người hiền lành.

111. Tuy các ông bảo những lời nói xấu ấy không phải của mình.

112. Ta cũng đã làm bài ca về các ông rồi vậy.

Dịch thơ

*Chúng dân chưa được yên lành,
Quan liêu ăn trộm bạo hành cướp dân.
Tin dùng lừa tiểu nhân chớ khá,
Phản bội rồi, chửi cả người lành.
Không nhìn phỉ báng của mình,
Bài ca ta cũng làm thành rồi đây.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 戾 lệ, định.

Dân chúng sợ hãi chưa được yên vì có bọn bề tôi ăn trộm đồ trò cướp bóc. Vì rằng việc tin dùng mà đem kẻ tiểu nhân cho làm thì không nên.

Đến khi các ông phản bội, thì các ông khéo tạo những lời nói xấu để chửi rửa người quân tử. Cho nên dung sắc bề ngoài của các ông thì nghiêm trang cứng cỏi, mà trong lòng thì ương hèn nhu - nhược, thật đáng gọi là bọc ăn trộm xoi tướng khoét vách. Nhưng con người của các ông lại tự trang sức đẹp để cho là những lời nói xấy ấy không phải của mình, thì ta đã làm bài ca về các ông rồi. ý nói đã hợp tình và mọi việc đã rõ ràng không còn che giấu đáng nữa.

Thiên Tang như có 16 chương, 8 chương 8 câu và 8 chương 6 câu.

BÀI THỨ 264

CHƯƠNG I

雲漢

Vân hán. (Đăng 4)

倬彼雲漢

1. Trác bỉ Vân hán

昭回于天

2. Chiếu hồi vu thiên!

王曰於乎

3. Vương viết; Ô hô!

何辜今之人

4. Hà cò kim chi nhân

天降喪亂

5. Thiên giáng táng loạn?

飢饉薦臻

6. Cơ cấn tiến trăn.

靡神不舉

7. Mỹ thần bất cử.

靡愛所甿

8. Mỹ ái sở sinh,

圭璧既卒

9. Khuê bích ký tốt,

寧莫我德

10. Ninh mạc ngã thỉnh?

Dịch nghĩa

1. Sông Ngân kia lớn lao thay
2. Chiếu sáng và dờn chuyển ở trên trời!
3. Vua nói rằng: Hỡi ôi!
4. Nhân dân nay có tội tình gì
5. Mà trời gieo xuống việc táng loạn, hạn nắng này?

6. Nạn đói kém cứ đến liên tiếp.
7. Không có vị quý thần nào mà không được cúng tế cầu đảo.
8. Cúng tế thì không tiếc súc vật làm thịt,
9. Ngọc khuê ngọc bích để cúng tế cũng đã dùng hết rồi.
10. Sao mà quý thần chẳng nghe lời cầu đảo của ta (cho mưa được rơi xuống)?

Dịch thơ

*Sông Ngân kia rất là vĩ đại
Chiếu soi dời chuyển mãi trên trời!
Vua đã thốt tiếng: Hỡi ôi!
Nhân dân ta mắc hiện thời tội chi?
Trôi gieo mãi loạn ly nắng hạn,
Đói kém thì lăm nạn tiếp vào.
Tế thần không sót vị nào.
Tiếc gì súc vật để cầu thần linh.
Ngọc khuê bích nay đành hết trọn.
Sao quý thần chẳng đón lời ta?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 雲漢 *Vân hán*, sông Ngân trên trời. 昭 *chiêu*, sáng. 回 *hồi*, chuyển. Nói ánh sáng của sông Ngân tuy theo trời xoay mà di chuyển. 薦 *tiến* đồng với. 荐

tiến là trùng nhiều lần. 臻 *trần*, đến. 靡神不舉 *mỹ thần bất cử*, nói trong nước bị nạn mất mùa thì cầu quỷ thần mà cúng tế, nói trong *bích*, ngọc khuê, ngọc bích để làm lễ cúng thần. 卒 *tốt*, hết. 寧 *ninh*, sao?

Thuyết xưa ở sách *Mao thi* cho là Tuyên vương thừa kế những hung bạo của Lệ vương để lại, trong lòng có chí dẹp loạn, gặp tai họa mà kinh sợ, nằm không yên lẫn qua trở lại lo tu thân theo đức hạnh để tiêu trừ tai họa ấy. Cả thiên hạ mừng cho việc giáo hóa của vua được thi hành trở lại, trăm họ thấy được nỗi ưu lo của vua. Cho nên quan đại phu Nhưng Thúc làm bài thơ này để khen vua.

Nói sông Ngân trên trời, đêm tạnh thì thấy sáng, cho nên mới thuật lại lời của vua ngưỡng trông lên kêu với Trời như thế.

CHƯƠNG II

旱既大甚

蘊隆蟲蟲

不殄禋祀

自郊徂宮

上下奠瘞

靡神不宗

后稷丕克

上帝丕臨

11. Hạn ký thái thậm,

12. Uẩn long trùng trùng.

13. Bất diễn ân tự.

14. Tự giao tổ cung,

15. Thượng hạ diện ế.

16. Mỹ thần bất tông.

17. Hậu tác bất khắc.

18. Thượng đế bất linh.

耗 斂 下 土

19. Hao đố hạ thổ

寧 丁 我 躬

20. Ninh đình ngã cung?

Dịch nghĩa

11. Năng hạ đã quá lắm rồi.
12. Sức nóng chất chứa đầy đây.
13. Việc cúng tế Trời Đất thì không dứt.
14. Từ lễ tế Trời Đất ngoài thành đến lễ tế tổ tiên trong tông miếu.
15. Tế Trời thì bày lễ vật ra, tế Đất thì chôn lễ vật xuống.
16. Không có vị thần nào mà không được tôn kính.
17. Hậu Tắc thì cứu không nổi nạn đói kém.
18. Còn Thượng đế thì không đến hưởng thọ lễ tế.
19. Việc tàn hại dưới cõi thế gian
20. Sao lại phát sinh đúng vào thân ta (vua)?

Dịch thơ

Năng hạn đã vô cùng gay gắt
Sức nóng như chứa chất khắp nơi,
Cúng cầu Thiên Địa không thôi
Tổ tiên tế miếu, Đất Trời tế giao.
Bày hay chôn, cùng cầu Trời Đất.
Không thần nào chẳng thật kinh sùng.

Cứu nàh, Hậu Tắc không xong.

Trời thì không đến hưởng dùng, hỏi ôi!

Còn những việc khắp nơi tàn hại

Đúng thân ta nại mãi phát sinh?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 蘊 *uẩn*, chứa chất. 隆 *long*, thịnh, nhiều. 蟲蟲 *trùng trùng*, khí nóng. 殄 *diễn*, dứt tuyệt. 郊 *giao*, lễ cúng tế Trời Đất. 宮 *cung*, tông miếu. Trên thì tế Trời dưới thì tế Đất, hoặc bày lễ vật ra, hoặc chôn lễ vật xuống (tế Trời thì sắp bày lễ vật ra, tế Đất thì chôn lễ vật xuống. Lễ vật để cúng tế thì có rượu, món ăn, con thịt và ngọc, như ngọc khuê ngọc bích). 宗 *tông*, tôn kính. 克 *khắc*, thắng, hơn. Nói Hậu Tắc muốn cứu tai nạn nặng hạn này mà không thắng nổi. 臨 *lâm* (đọc *lung*, cho hợp vận), đến hưởng lễ tế. Đối với Hậu Tắc (là tổ tiên của nhà Chu) thì lấy lời thân quyến mà nói, còn đối với Thượng đế thì lấy lời tôn kính mà nói. 斃 *đố*, hư, bại. 丁 *đinh*, đương. Sao đúng vào thân ta lại có việc tai hoạ ấy? Hoặc nói: Với những việc hư hao dưới cõi thế sao lại khiến những tai hoạ ấy chống lại với bản thân ta. Nó như thế cũng không.

CHƯƠNG III

旱既大甚

21. Hạn ký thái thậm,

則不可推

22. Tắc bất khả suy.

兢兢業業
如霆如雷
周餘黎民
靡有孑遺
昊天上帝
則不我遺
胡不相畏
先祖于摧

23. Căng căng nghiệp nghiệp.
24. Như đình như lôi.
25. Chu dư lê dân
26. Mỹ hữu kiệt di.
27. Hạo thiên Thượng đế
28. Tác bất ngã di.
29. Hồ bất tương úy?
30. Tiên tổ vu tội.

Dịch nghĩa

21. Nắng hạn đã quá lắm rồi,
22. Thì không thể nào trừ khỏi được nữa.
23. Dân chúng cứ lo sợ nguy cấp
24. Như bị sét bị sấm.
25. Dân chúng còn sót lại của nhà Chu (sau cơn đại loạn thời Lệ vương).
26. Không còn được nửa tấm thân tàn (kẻ tàn tật cũng đều chết hết).
27. Mà ông Trời
28. Lại chẳng muốn ta sống sót nữa.
29. Thì sao lại chẳng cùng kinh sợ?
30. Rồi việc cúng tế tổ tiên cũng không có nữa.

Dịch thơ

Nắng hạn đã đến hồi cùng cực
Không thể nào cứu dứt nữa rồi
Chúng dân kinh cấp bồi hồi
Như nghe sấm sét rùng rờ xiết bao!
Dân nhà Chu người nào sót lại
Nửa tấm thân làm hại cũng không.
Trời cao thâm thẳm, hỏi ôi!
Cho ta sống lại không nữa đành!
Thì sao lại chẳng kinh sợ thế?
Cũng không còn việc tế tổ tiên.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 推 suy (cũng đọc *thôi*), đẩy đi, trừ đi. 競競 *căng căng*, kính sợ. 業業 *nghiệp nghiệp*, nguy. 如霆如雷 *như đình như lôi*, như sét như sấm, nói rất kinh hãi, 予 *kiết*, đáng người không có cánh tay mặt. 遺 *di*, dư. Nói sau cơn đại loạn, dân chúng còn sót lại của nhà Chu không còn nửa tấm thân tàn, mà Trời còn gieo cho tai nạn nắng hạn nữa, khiến ta cũng chẳng đáng còn sống sót. 摧 *thôi*, tiêu diệt. Nói việc cúng tế tổ tiên từ đây sẽ dứt.

CHƯƠNG IV

旱既大甚

31. Hạn ký thái thậm,

則不可沮
赫赫炎炎
云我無所
大命近止
靡瞻靡顧
群公先正
則不我助
父母先祖
胡寧忍予

32. Tắc bất khả tử.
33. Hách hách viêm viêm
34. Vân: Ngã vô sở.
35. Đại mệnh cận chỉ.
36. Mỹ chiêm mỹ cố
37. Quần công tiên chính
38. Tắc bất ngã trợ.
39. Phụ mẫu tiên tổ
40. Hổ năng nhẫn dư?

Dịch nghĩa

31. Nắng hạn đã quá lắm rồi
32. Mà không thể ngăn dứt được nữa.
33. Dân chúng quá khô khan nóng nực
34. Mới nói: Ta không còn chỗ nào mà ẩn tránh nữa.
35. Mệnh sống của nhân dân đã gần dứt rồi.
36. Không còn ai để ngưỡng trông, không còn ai để
đoái tưởng đến mà hy vọng nữa.
37. Chư hầu khanh sĩ đời trước có công được cúng tế
38. Thì không giúp đỡ ta cứu tai nắng hạn.
39. Còn cha mẹ tổ tiên

40. Sao lại đành nhẫn tâm với ta, chẳng thi con cứu đỡ ta?

Dịch thơ

Nắng hạn đã đến hồi tột mức.
Chẳng thể nào ngăn dứt cho xong.
Khô khan nóng bức vô cùng
Nói rằng: ăn tránh ta không chồn nào.
Mệnh của dân lao đao sắp tuyệt.
Không ai nhìn, tha thiết đoái trông
Vua quan đời trước có công
Giúp ta cứu nạn cũng không nữa rồi
Còn tổ tiên đồng thời cha mẹ
Sao nhẫn tâm chẳng thể thi ân?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 沮 tử, dứt 赫赫 hách hách, khí khô nào của nắng hạn. 炎炎 viêm viêm, khí nóng. 無所 vô sở, không chỗ dung thân. 大命近止 đại mệnh cận chỉ, cái chết sắp đến. 瞻 chiêm, ngẩng trông. 顧 cố, đoái trông. 群公 先正 quân công tiên chính, thiên Nguyệt linh ở sách Lễ ký nói là tế cầu mưa mà cúng tế chư hầu khanh sĩ đời trước đã có ích với dân, để cầu được trúng mùa.

Đối với những chư hầu khanh sĩ đời trước thì chỉ nói không thấy được giúp đỡ. Còn đối với cha mẹ tổ tiên thì lấy

việc thi ân mà trông đợi, cho nên nói là sa nước mắt mà nói lên những nỗi niềm ấy.

CHƯƠNG V

旱既大甚

41. Hạn ký thái thậm,

滌滌山川

42. Dịch dịch sơn xuyên

旱魃爲虐

43. Hạn bặt vi ngược

如惓如焚

44. Như đàm như phân.

我心憚暑

45. Ngã tâm dạn thụ.

憂心如正

46. Ưu tâm như huân.

群公先正

47. Quần công tiên chính

則不我聞

48. Tắc bất ngã văn

昊天上帝

49. Hạo thiên Thượng đế

寧俾我遯

50. Ninh tý ngã dộn?

Dịch nghĩa

41. Nắng hạn đã quá lắm rồi,

42. Núi sông đều sạch ráo không còn gì.

43. Thần nắng hạn làm điều bạo ngược

44. Như thiêu như đốt.

45. Lòng ta sợ nắng nóng.

46. Lòng buồn như lửa đốt xốn xang.

47. Chư hầu khanh sĩ đời trước có công được cúng tế
 48. Thì chẳng nghe lời ta cầu đảo.
 49. Còn ông Trời
 50. Sao chẳng cho ta được trốn tránh đi nơi khác?

Dịch thơ

Nắng hạn đã vô ngần hung bạo,
 Núi sông đều sạch ráo khô khan,
 Hạn thần làm việc bạo tàn
 Như thiêu như đốt nguy nan khắp nơi.
 Lòng ta sợ lắm rồi nắng hạn.
 Bứt rứt như lửa ràn tấp lòng.
 Vua quan đời trước có công
 Lời ta khẩn vái cũng không nghe nào.
 Còn Thượng đế trên cao kia ấy
 Chẳng cho ta tránh chạy nữa chẳng?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 滌滌 dịch dịch, nói núi không có cây, sông không có nước như bị rửa trừ sạch. 魃 bat, thần nắng hạn. 愔 đàm, đốt. 憚 đạn, lao khổ kinh sợ. 熏 huân, hơ đốt. 遯 độn (bài đất cho hợp vận), trốn tránh. Nói Trời lại không bằng lòng để ta được trốn tránh đi nơi khác.

CHƯƠNG VI

- | | |
|--------|------------------------------|
| 旱既大甚 | 51. Hạn ký thái thậm. |
| 眴勉畏去 | 52. Mẫn miễn uý khứ. |
| 胡寧瘼我以旱 | 53. Hồ ninh diên ngã dĩ hạn? |
| 僭不知其故 | 54. Thảm bất tri kỳ cố. |
| 祈年孔夙 | 55. Kỳ niên khổng túc. |
| 方社不莫 | 56. Phương xã bất mộ. |
| 昊天上帝 | 57. Hạo thiên Thượng đế |
| 則不我虞 | 58. Tắc bất ngã ngu. |
| 敬恭明神 | 59. Kính cung minh thần |
| 宜無悔怒 | 60. Nghi vô hối nộ. |

Dịch nghĩa

51. Nắng hạn đã quá lắm rồi.
52. Rán sức ra đi thì sợ không biết phải đi đâu.
53. Sao Trời đành dùng nắng hạn để khiến ta phải đau ốm?
54. Vì ta đã từng không hiểu biết duyên cớ (do chính trị hư hỏng mà ra).
55. Tế cầu được mùa thì đã cúng sớm.
56. Tế bốn phương và thần đất thì cúng cũng không trễ

57. Ông Trời

58. Thì chẳng dò hiểu lòng ta

59. Ta đã cung kính phụng thờ thần thánh.

60. Thì nên chớ oán giận ta.

Dịch thơ

Nắng hạn đã vô cùng cấp thiết,

Rán sức đi, chẳng biết đi đâu.

Trời dùng hạn khiến ốm đau.

Vì từng không rõ cứ nào xui ra.

Cần được mùa sớm đã cúng tế.

Phương xa đều chẳng trễ cũng xong.

Trời cao thâm thăm hỏi ông!

Chẳng hề dò hiểu lòng của ta.

Thờ thần thánh ta đã cần thận,

Thì chớ nên hờn giận oán ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 黽勉畏去 *mẫn miễn uý khứ*, ra đi thì không có nơi để đi đến. 癘 疢, bệnh. 僭 *thảm*, nhiều từng. 祈年 *kỳ niên*, tháng đầu xuân cúng tế Trời xin được mùa tháng đầu đông cúng tế mặt trời, mặt trăng và tinh tú xin được mùa năm sau, là đây. 方 *phương*, tế bốn

phương. 社 xã, tế thần đất, 虞 ngu (đọc *ngũ* cho hợp vận trắc), độ dò 悔 hối, hận.

Nói Trời đã từng không dò hiểu lòng ta. Như ta đã cung kính phụng thờ các thần thánh, thì thần thánh nên đừng oán giận ta.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|----------------------------|
| 旱既大甚 | 61. Hạn kỳ thái thậm. |
| 散無友紀 | 62. Tán vô hữu kỷ. |
| 鞠哉庶正 | 63. Cúc tai thứ chính! |
| 疚哉豕宰 | 64. Cửu tai trùng tể! |
| 趣馬師氏 | 65. Thú mã, sư thị. |
| 膳夫左右 | 66. Thiện phu, tả hữu. |
| 靡人不周 | 67. Mỹ nhân bất chu. |
| 無不能止 | 68. Vô bất năng chỉ. |
| 瞻仰昊天 | 69. Chiêm ngưỡng Hạo thiên |
| 云如何里 | 70. Vân như hà lý? |

Dịch nghĩa

61. Năng hạn đã quá lắm rồi.
62. Các bề tôi đều ly tán, không còn kỷ cương gì nữa.
63. Các trưởng quan thì cùng khổ thay!

64. Quan tể tướng thì bịnh hoạn thay!
65. Quan giữ ngựa (thú mã), quan trấn thủ,
66. Quan đầu bếp và các quan tả hữu,
67. Không có vị nào là không cứu giúp dân chúng cùng khổ.
68. Không có vị nào tự nói mình không thể cứu giúp dân chúng được, nhưng lại không cứu giúp nữa.
69. Ngẩng trông lên trời (mà hỏi:)
70. Làm sao mà khiến ta phải sầu khổ như thế này?

Dịch thơ

Nặng hạn đã vô cùng cấp thiết
Tôi lìa tan, mất hết kỷ cương.
Trưởng quan cùng khổ phi thường.
Còn ngài trủng tể thì đương bịnh nản,
Quan giữ ngựa cùng quan trấn thủ,
Đầu bếp và tả hữu các quan
Không ai chẳng cứu dân gian,
Không ai chẳng thể cứu nản, nhưng không,
Trên trời cao, ngẩng trông mà hỏi:
Sao khiến ta lắm nỗi khổ sầu?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 友紀 *hữu kỷ* như nói 綱紀 *cương kỷ* là trật tự quy tắc Hoặc nói 友 *hữu* nghi là chữ 有 *hữu* là có. 鞠 *cúc* cùng 庶正 *thứ chính*, bậc trưởng của các quan. 疾 *cửu*, bệnh. 冢宰 *trung tế*, bậc trưởng của các quan, tế tướng. 趣馬 *thú mã*, quan coi về ngựa của vua. 師氏 *sư thị*, quan coi việc quân lính đóng giữ của thành của vua. 膳夫 *thiện phu*, quan coi về món ăn của vua.

Gặp năm chẳng lành, lúa thóc không trúng mùa thì quan chăn ngựa không lấy lúa cho ngựa ăn, quan giữ thành cho lính nghỉ hết, đường của vua đi không còn được sửa sang nữa, khi cúng tế thì không còn treo chuông khánh lên mà đánh nữa, quan đầu bếp thì giảm bớt món ăn của vua, các quan tả hữu thì trần liệt ra đây mà chẳng làm gì cả, quan đại phu thì không có gạo mà ăn nữa, kẻ sĩ uống rượu thì không đánh nhạc (*Mao thi*: Sĩ ẩm tửu chi thì bất đắc tác nhạc).

周 *chu*, cứu giúp. 無不能止 *vô bất năng chỉ*, nói các bề tôi không có một người nào tự cho mình là không thể đi cứu giúp nổi, nhưng lại ngưng không đi cứu giúp được. 里 *lý*, ưu sầu, đồng với chữ. 俚 *lý* trong từ ngữ. 無俚 *vô lý* ở sách *Hán thư*, tức là ý nhờ tựa vào (*vô lý* là không thể nhờ cậy vào được).

CHƯƠNG VIII

瞻仰昊天

71. Chiêm ngưỡng Hạo thiên,

- | | |
|---------|----------------------------|
| 有 嘒 其 星 | 72. Hữu huệ kỳ tinh. |
| 大 夫 君 子 | 73. Đại phu quân tử |
| 昭 假 無 贏 | 74. Chiêu cách vô doanh. |
| 大 命 近 止 | 75. Đại mệnh cận chỉ. |
| 無 棄 也 成 | 76. Vô khí nhĩ thành, |
| 何 求 爲 我 | 77. Hà cầu vi ngã, |
| 以 戾 庶 正 | 78. Dĩ lệ thứ chính. |
| 瞻 仰 昊 天 | 79. Chiêm ngưỡng Hạo thiên |
| 何 惠 其 寧 | 80. Hạp huệ kỳ ninh? |

Dịch nghĩa

71. Ngẩng trông lên trời
72. Chỉ có những ngôi sao lấp lánh.
73. Các bậc quân tử đại phu
74. Đã làm sáng tỏ lòng thành, tận lực không còn dư thừa gì nữa, giúp vua cầu đảo.
75. Việc chết mất của dân chúng gần kề.
76. Các quan chớ bỏ những công lao cầu đảo lúc trước (hãy gắng cầu đảo thêm nữa).
77. Vì nào phải là chỉ cầu cho bản thân ta,
78. Mà để yên định các trưởng quan nữa.
79. Ngẩng trông lên trời (vua nói rằng:)

80. Đến bao giờ Trời mới thuận theo lời cầu đảo của ta để cho ta được yên ổn?

Dịch thơ

Ngẩng lên trời mà trông nơi ấy,
Lấp lánh xa những mấy ngôi sao.
Đại phu quân tử xiết bao
Rạng lòng thành kính, sức nào còn dư!
Dân tử vong gần như bách bức.
Công đảo cầu chớ vứt bỏ qua.
Nào riêng cho bản thân ta,
Trưởng quan các vị cũng là bình yên.
Trời cao xa, ngẩng lên mà nói:
Đến bao giờ Trời mới thuận an?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 嘒 huệ, đáng sáng chói. 昭 chiêu, sáng. 假 cách, đến.

Nắng hạn lâu ngày, mới ngẩng lên trời trông mưa, thì chỉ thấy có những ngôi sao sáng lập loè, chưa thấy có một triệu chứng gì có mưa cả. Nhưng các bề tôi đã đem hết lòng tinh thành để giúp vua cầu đảo, làm sáng tỏ lòng thành khẩn cho thấu đến Trời, đến nay đã không còn sức thừa nữa. Tuy nay việc chết mất sắp gần kề, mà không thể bỏ những công lao cầu đảo lúc trước, còn cố gắng hơn nữa

lo việc cầu đảo làm sáng tỏ lòng thành khẩn cho thấu đến Trời, hẳn không phải là cầu cho một mình bản thân ta, mà là để yên định các trưởng quan nữa.

Cho nên nói xong lời ấy, vua lại ngẩng lên trời bày tỏ mà nói rằng: "Quả là đến bao giờ Trời mới thuận theo lời cầu khẩn của ta để cho ta được yên ổn vậy ư?"

Trương tử nói rằng: "Không dám nói thẳng tiếng *mưa* ra là vì quá kinh hãi, vả lại vì không dám phải nói *mưa*".

Thiên Vân hán có 8 chương, mỗi chương 10 câu.

BÀI THỨ 265

CHƯƠNG I

崧 膏

Tung cao. (Đăng 5)

崧 膏 維 嶽

1. Tung cao duy nhạc

駿 極 于 天

2. Tuấn cực vu thiên.

維 嶽 降 神

3. Duy nhạc giáng thần

生 甫 及 申

4. Sinh Phủ cập Thân.

維 申 及 甫

5. Duy Thân cập Phủ

維 周 之 翰

6. Duy Chu chi hàn,

四 國 于 蕃

7. Tứ quốc vu phiên,

四 方 于 宣

8. Tứ phương vu tuyên.

Dịch nghĩa

1. Tung cao là ngọn núi
2. Cao vút đến tận trời.
3. Vì ngọn núi Tung cao đã cho thần giáng xuống
4. Sinh ra Thân bá và Phủ hầu.
5. Thân bá và Phủ hầu
6. Là rường cột của nhà Chu.
7. Là bờ rào cho các nước ở bốn phương.
8. Và truyền bá nền vương hóa ra khắp bốn phương.

Dịch thơ

*Tung - cao kia chính là ngọn núi
Nhô vút lên thấu tới trời cao,
Núi cho thần xuống giáng vào.
Sinh ra Thân bá, Phủ hầu hai ông.
Hai vị Phủ hầu cùng Thân bá
Của nhà Chu thật quả cột rường.
Bờ rào các nước bốn phương.
Phò truyền bốn phía nền vương hoá này.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 崧 tung, núi lớn cao. 嶽 nhạc, núi được tôn quý. Bốn ngọn núi được tôn quý nhất là: Núi

Đại (Thái sơn) ở phía đông, núi Hoắc ở phía nam, núi Hoa ở phía tây, núi Hằng ở phía bắc, là dãy. 駿 *tuấn*, to lớn. 甫 *phủ*. Phủ hầu, tức là người đã làm ra sách luật *Lữ hình* thời Chu Mục vương. Hoắc nói rằng: Đây là người thời Chu Tuyên vương, con cháu của người đã làm ra sách luật *Lữ hình*. 申 *thân*, Thân bá: đều là những nước chư hầu họ Khương. 翰 *hán*, thân cây. 蕃 *phiên* (đọc *phiên*) che chở.

Cậu của Tuyên vương là Thân bá được phong ra ở đất Tạ, Doãn Cát Phủ mới làm bài thơ này để tiễn đưa.

Nói ngọn núi cao vút lớn lao đã ban cái hoà khí linh thiêng xuống để sinh ra Phủ hầu và Thân bá, thật là đã làm nên rường cột để chống đỡ, và bình phong để che đỡ cho nhà Chu hồng ban bố cái đức thấm nhuần ra khắp thiên hạ. Vì rằng tổ tiên của Thân bá là dòng dõi của Thần nông, trong thời Đường Ngu làm chúc tú nhạc (chức quan khanh sĩ coi việc tuần thú của thiên tử trong bốn phương), thống lãnh cả chư hầu trong bốn phương (方嶽 *phương nhạc*, bốn núi ở bốn phương: Đại sơn ở phương đông. Hoắc sơn ở phương nam, Hoa sơn ở phương tây, Hằng sơn ở phương bắc), giữ việc cúng tế các thần ở bốn ngọn núi ấy, hằng lo tròn chức vụ cúng tế của mình mà được các thần bốn ngọn núi ấy thụ hưởng.

Cho nên bài thơ này truy nguồn gốc sở dĩ đã sinh Thân bá, cho nên ngọn núi Tung Cao (ở giữa bốn ngọn núi kia) đã cho thần giáng xuống làm Thân bá và Phủ hầu.

CHƯƠNG II

臺臺申伯

王纘之事

于邑于謝

南國是式

王命召伯

定申伯之宅

登是南邦

世執其功

9. Vĩ vĩ Thân bá,

10. Vương toả chi sự,

11. Vu ấp vu Tạ,

12. Nam quốc thị thức.

13. Vương mệnh Thiệu bá

14. Định Thân bá chi trạch,

15. Đăng thị nam bang,

16. Thế chấp kỳ công.

Dịch nghĩa.

9. Thân bá cố gắng mãi không bao giờ chán nản,

10. Được vua cho thừa kế sự nghiệp của tổ tiên,

11. Đến dựng đô ấp ở nước Tạ,

12. Làm phép tắc khuôn mẫu cho các nước ở phương nam,

13. Vua sai Thiệu bá

14. Lo liệu an định nhà cửa cho Thân bá ở,

15. Để trở thành một nước ở phía nam,

16. Cho công nghiệp ấy thường được gìn giữ đời đời.

Dịch thơ

Thân bá đã luôn luôn gắng gỏi
Được vua cho kế nối tổ tiên,
ấp đô nước Tạ dựng lên
Đáng thành phép tắc cho miền nam bang.
Nay Thiệu bá vua đang sai phái
Của nhà Thân bá hãy đảm đương,
Để thanh một nước nam phương,
Đời đời công nghiệp được thường giữ trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 賡賡 vĩ vĩ, dáng cố gắng mãi. 續 toản nối kế, khiến cho được tiếp tục công việc của đời trước. 邑 ấp, chỗ kinh đô của một nước. 謝 Tạ, đất Tạ nay ở huyện Nam dương thuộc Đặng châu, là đất phía nam của nhà Chu. 式 thức (đọc thử cho hợp vận), khiến chư hầu lấy Thân bá làm phép tắc khuôn mẫu, 召伯 Thiệu ba, Thiệu Mục công tên Hồ. 登 đẳng, thành. 世執其功 thế chấp kỳ công, nối dòng dõi của Thân bá thường giữ được công nghiệp ấy. Hoặc nói là: Hành lễ đại phong là các chức truyền nối đời đời của Thiệu công.

CHƯƠNG III

王命申伯

17. Vương mệnh Thân bá

式是南邦

因是謝人

以作爾庸

王命召伯

徹申伯土田

王命傅御

遷其私人

18. Thức thị nam bang.

19. Nhân thị Tạ nhân

20. Dĩ tác nhĩ dung.

21. Vương mệnh Thiệu bá

22. Triệt Thân bá thổ điền.

23. Vương mệnh phó ngự

24. Thiên kỳ tư nhân.

Dịch nghĩa

17. Vua sai Thân bá

18. Làm phép tắc gương mẫu cho các nước ở phía nam

19. Nhân những dân chúng của ấp Tạ

20. Mà khiến làm thành quách của người.

21. Vua sai Thiệu bá

22. Phân ranh giới ruộng đất cho Thân bá để định việc thuế má.

23. Vua khiến quan thái phó

24. Đem gia nhân của Thân bá đưa sang nước Tạ.

Dịch thơ

Đức vua đã khiến sai Thân bá

Làm phép khuôn cho cả nam phương

Chúng dân ấp Tà sẵn sàng.

Khiến xây thành quách dọc ngang cho người.

Thiệu bá, vua phán lời sai cắt

Định thuế thì ruộng đất phân ranh.

Vua sai thái phó đành rành:

Gia nhân Thân bá khởi hành đưa sang.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 庸 *dung*, bức thành. Nói nhân người ấp Tà mà làm thành một nước. Trịnh thị nói *dung* là công việc, khởi công làm thành một nước. 徹 *triệt*, phân ranh giới để định việc thuế má. 傳御 *phó ngự*, người cầm đầu các bề tôi riêng của Thân bá. 私人 *tư nhân*, gia nhân. 遷 *thiên*, dời, khiến dời sang nước ấy mà ở. Hán Minh đế đưa những chiếc ấn liệt hầu cho các con của Đông Bình vương Thương, rồi lại lấy thủ chiếu đưa quan thái phó để lo liệu (*Tân Hạng thư*, *Liệt truyện*, Đông Bình vương). Vì thế chế độ ngày xưa là như thế

CHƯƠNG IV

申伯之功

25. Thân bá chi công

召伯之營

26. Thiệu bá thị doanh.

有俶其城

27. Hữu súc kỳ thành,

寢廟既成

28. Tẩm miếu ký thành.

既成貌貌
王錫申伯
四牡蹻蹻
鉤膺濯濯

29. Ký thành mạc mạc.
30. Vương tích Thân bá
31. Tứ mẫu kiêu kiêu,
32. Câu ứng trạc trạc.

Dịch nghĩa

25. Việc Thân bá ở vào ấp Tạ
26. Là do Thiệu bá xây cất cho.
27. Bức thành khởi đầu xây dựng lên,
28. Còn tông miếu thì đã làm xong,
29. Tất cả đã làm xong rất sâu rộng.
30. Vua cho Thân bá
31. Bốn con ngựa đực mạnh mẽ,
32. Móc trên đầu và đai ở ngực đều chói lọi.

Dịch thơ

Việc Thân bá ở vào ấp Tạ
Chính do ông Thiệu bá xây lên.
Bức thành khởi dựng đầu tiên.
Kể theo tông miếu cũng liền dựng xong,
Đều sâu rộng vô cùng tất cả.
Vua tặng cho Thân bá, trao ngay

*Bốn con ngựa đực mạnh thay!
Long lanh trang sức móc đai huy hoàng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 俶 súc, bắt đầu làm. 猋猋 mạc mạc, dáng sâu xa. 蹻蹻 kiểu kiểu, dáng mạnh mẽ 濯濯 trạc trạc, dáng sáng chói.

CHƯƠNG V

王遣申伯
路車乘馬
我圖爾居
莫如南土
錫爾介圭
以作爾寶
往近王舅
南土是保

- 33. Vương khiển Thân bá
- 34. Lộ xa thặng mã.
- 35. Ngã đồ nhĩ cư,
- 36. Mạc như nam thổ.
- 37. Tích nhĩ giới khuê
- 38. Dĩ tác nhĩ bảo
- 39. Vãng ký vương cữu,
- 40. Nam thổ thị bảo.

Dịch nghĩa

- 33. Vua đã sai khiển Thân Bá,
- 34. Cho lộ xa (xe của chư hầu đi) và bốn con ngựa.
- 35. Ta lo chỗ ở cho người,

36. Không có chỗ nào tốt như đất miền nam ấy.

37. Ta cho người ngọc giới khuê (thứ ngọc để phong cho chư hầu)

38. Để làm của gia bảo của người.

39. Hãy đi đi, người là cậu của vua,

40. Để đất miền nam được gìn giữ.

Dịch thơ

Thiên tử đã khiến sai Thân Bá,

Ngựa thì trao cho cả lộ xa.

Lo người ở chính do ta,

Không nơi nào tốt hơn là miền nam.

Ngọc giới khuê ta đem cho nữa.

Để làm gia bảo của riêng người,

Cậu vua thì hãy kịp rời.

Cho miền nam ấy kịp thời giữ trông.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 介圭 *giới khuê*, ngọc khuê để phong cho vua chư hầu. 近 *ký*, tiếng đệm vào câu văn.

CHƯƠNG VI

申伯信邁

41. Thân bá tín mại.

王 餞 于 鄆	42. Vương tiễn vu My,
申 伯 還 南	43. Thân bá hoàn nam,
謝 于 誠 歸	44. Tạ vu thành quy,
王 命 召 伯	45. Vương mệnh Thiệu bá
徹 申 伯 土 疆	46. Triệt Thân bá thổ cương,
以 峙 其 糧	47. Dĩ trī kỳ trường,
式 遄 其 行	48. Thức truền kỳ hành.

Dịch nghĩa

41. Thân bá tin lòng mà ra đi.
42. Vua lấy rượu đưa tiễn Thân bá ở đất My.
43. Thân bá trở về nam,
44. Thành thật trở về ấp Tạ.
45. Vua sai khiến Thiệu bá
46. Chinh đồn cương giới đất nước của Thân bá,
47. Chất chứa lương thực ở dọc đường.
48. Để Thân bá đi mau về nước.

Dịch thơ

Thân bá hãy tin lòng rời gót
 Rượu tiễn đưa vua rót đất My
 Về nam Thân bá hãy đi.

Trở về ấp Tạ xiết chí lòng thành.

Vua lại sai đánh rành Thiệu bá

Hãy lo tể chính cả giới cương.

Dặm dài chất chứa đủ lương.

Đề lo Thân bá thuận đường về mau.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 郾 My, đất My nay ở huyện My, phủ Phụng tường, ở phía tây Hạo kinh, phía đông Kỳ Chu, thì nước Thân ở về phía đông nam Hạo kinh. Lúc ấy vua ở Kỳ Chu cho nên mới đưa tiền ở đất My. Nói 信邁 *tín mai* (tin lòng mà đi). 誠歸 *thành quy* (thành thật mà trở về ấp Tạ) để thấy vua đã lăm lăm lưu Thân bá ở lại, nghi rằng Thân bá không quả quyết ra đi lúc khởi hành vì như vậy. 峙 *trĩ*, chứa. 糗 *trương*, lương thực. 遄 *truyền*, mau. Lúc xây dựng trạm nhà chợ (ngày xưa cách 10 dặm có một nhà lư để ăn uống, cách 50 dặm có một nhà thi để chứa thực phẩm để ăn uống) có nơi dừng nghỉ, có chứa lương thực để ăn uống, cho nên có thể khiến Thân bá đi mau không phải dừng lại vì thiếu thốn.

CHƯƠNG VII

申伯番番

49. Thân bá phiên phiên (ba ba).

既入于謝

50. Ký nhập vu Tạ.

徒御暉暉

51. Đồ ngự than than.

- | | |
|------|--------------------------|
| 周邦咸喜 | 52. Chu bang hàm hỉ, |
| 戎有良翰 | 53. Nhung hữu lương hàn. |
| 不顯申伯 | 54. Bất hiển Thân bá? |
| 王之元舅 | 55. Vương chi nguyên cữu |
| 文武是憲 | 56. Văn vũ thị hiến. |

Dịch nghĩa

49. Thân bá đáng người dũng vũ
 50. Đã vào ấp Tạ
 51. Quân binh kẻ đi bộ người đi xe đông đảo.
 52. Nước nhà Chu đều vui mừng
 53. (Nói với nhau rằng:) Nhà vua ngài có được một kẻ
 bề tôi rường cột tốt lành.
 54. Thì chẳng là vinh hiển cho Thân bá hay sao?
 55. Thân bá là người cậu lớn hơn hết của vua
 56. Được các văn nhân vũ sĩ làm phép tắc để noi theo.

Dịch thơ

*Thật dũng vũ đáng người Thân bá
 Đã về nơi ấp Tạ mà vào.
 Đi xe đi bộ đông nhiều
 Nước nhà Chu thật thấy đều mừng vui.*

*Tôi lương cán, vua thời có cả.
 Chẳng hiển vinh Thân bá hay sao?
 Vốn người cậu lớn đương trào
 Văn nhân vũ sĩ trông vào phép khuôn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 番番 *ba ba* (đọc phiên phiên cho hợp vận), dùng dùng vũ. 暉暉 *than than*, đông nhiều. 戎 *nhung*, người, ngài. Khi Thân bá đã vào ấp Tạ, người nhà Chu đều lấy đó làm mừng mà nói với nhau rằng: Nhà vua ngày nay có được một kẻ bề tôi rường cột tốt lành rồi vậy. 元 *nguyên*, lớn hơn hết. 憲 *hiển*, phép tắc. Nói văn nhân hay vũ sĩ đều lấy Thân bá làm phép tắc mà noi theo. Hoặc nói: Thân bá lấy Văn và Vũ vương làm phép tắc.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|------|-------------------------------|
| 申伯之德 | 57. Thân bá chi đức |
| 柔惠且直 | 58. Nhu huệ thả trực. |
| 揉此萬邦 | 59. Nhụ thử vạn bang, |
| 聞于四國 | 60. Văn vu tứ quốc. |
| 吉甫作誦 | 61. Cát Phủ tác tụng, |
| 其詩孔碩 | 62. Kỳ thi khổng thạc, |
| 其風肆好 | 63. Kỳ phong tứ hảo, |
| 以贈申伯 | 64. Dĩ tặng Thân bá. |

Dịch nghĩa

57. Đức hạnh của Thân bá

58. Đã dịu dàng thuận hoà lại chính trực

59. Có thể sửa trị được muôn nước.

60. Tiếng tăm của Thân bá được truyền ra khắp các nước ở bốn phương.

61. Doãn Cát Phủ làm bài thơ này.

62. Bài thơ này rất trọng đại lớn lao,

63. Thanh điệu lại đẹp dễ,

64. Để tặng Thân bá.

Dịch thơ

Còn đức hạnh của ông Thân bá

Vừa dịu dàng hoà nhã thẳng ngay.

Trị yên muôn nước đủ tài.

Tiếng tăm Thân bá truyền ngoài bốn phương.

Doãn Cát Phủ làm chương thơ ấy.

Bài thơ thi trọng đại lớn lao.

Đẹp thay âm điệu thanh cao!

Tặng cho Thân bá mà trao lên ngài.

Chú giải của Chu hy

Chương này thuộc phú. 揉 *nhu*, trị. 吉甫 *Cát Phủ*, Doãn Cát Phủ, quan khanh sĩ của nhà Chu. 誦 *tụng*, lời của nhạc

công thường đọc lên. 碩 *thạc*, to tát, 風 *phong*, tiếng. 肆 *tứ*, toại, bèn, là.

Thiên Tung cao có 8 chương, mỗi chương 8 câu

BÀI THỨ 266

CHƯƠNG I

烝民

Chứng dân. (Đãng 6)

天生烝民

1. Thiên sinh chứng dân

有物有則

2. Hữu vật hữu tắc.

民之秉彝

3. Dân chi bỉnh di,

好是懿德

4. Hảo thị ý đức,

天監有周

5. Thiên giám hữu Chu,

昭假于下

6. Chiêu cách vu hạ.

保茲天子

7. Bảo tư thiên tử,

生仲山甫

8. Sinh Trọng Sơn Phủ.

Dịch nghĩa

1. Trời sinh ra dân chúng

2. Có vật thể có phép tắc.

3. Người dân đã giữ được cái tính thường lành,

4. Thì ưa chuộng cái đức hạnh đẹp dễ.

5. Trời đã trông nom nhà Chu,

6. Đã đem cái đức hạnh tỏ rạng xuống cảm hóa.
7. Trời đã giúp đỡ Thiên tử nhà Chu này.
8. Mới sinh ra bậc hiền tài Trọng Sơn Phủ.

Dịch thơ

Chúng dân Trời đã sinh ra,
 Đủ đầy vật thể cùng là pháp quy.
 Tính thường lành dân thì giữ cả,
 Đức đẹp xinh dân đã chuông trau.
 Trời đã trông đoái nhà Chu,
 Đã đem đức sáng lâu lâu hoá dân.
 Trời đã giúp ân cần Thiên tử
 Mới sinh ra Sơn Phủ hiền tài.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 烝 *chưng*, nhiều đông. 則 *tắc*, phép tắc. 秉 *bỉnh*, nắm. 彝 *di*, thường. 懿 *y*, đẹp. 監 *giám*, xem. 昭 *chiêu*, sáng tỏ. 假 *cách*, đến. 保 *bảo*, giúp đỡ. 仲山甫 *Trọng Sơn Phủ*, tên tự của Phàn hầu.

Chu Tuyên vương sai Phàn hầu Trọng Sơn Phủ xây thành ở đất Tề, nên Doãn Cát Phủ làm bài thơ này để đưa cho Phàn hầu.

Nói Trời sinh dân chúng, có vật thể ấy, thì phải có phép tắc ấy. Vì từ hàng trăm mảnh xương, chín khiêu (2

nhì, 2 mục, 2 ty, 1 khẩu, 1 đại tiện, 1 tiểu tiện), năm tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận) cho đến vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè, không có cái gì là không phải vật thể, mà không thứ gì là không có phép tắc như sự sáng tỏ của mắt thấy, sự rõ ràng của tai nghe, sự cung kính của dáng mạo, sự xuôi thuận của lời nói, vua tôi có nghĩa, cha con có tình thân, là đấy. Cho nên dân chúng đã giữ được tính nết thường lành, thì về tính tình không ai lại không ưa cái đức hạnh đẹp đẽ ấy. Huống chi Trời trông nòm nhà Chu, đã đem cái đức tỏ rạng xuống cảm hoá. Cho nên đã bảo hộ giúp đỡ nhà Chu mà sinh ra kẻ bề tôi hiền tài là Trọng Sơn Phủ, thì sở dĩ đã un đúc được cái khí tính anh để cho cái đức hạnh đẹp đẽ ấy được hoàn toàn, lại không chỉ như kẻ phạm dân mà thôi.

Xưa Khổng tử đọc kinh *Thi* đến bài này liền khen rằng: "Người làm bài thơ này chắc đã hiểu đạo lắm ư!". Cho nên hề có vật thể thì tất nhiên có phép tắc. Người dân đã giữ được cái tính thường lành cho nên ưa chuộng cái đức hạnh đẹp đẽ ấy.

Và Mạnh tử cũng đã dẫn bài thơ này để chứng thực cái thuyết tính vốn lành (Mạnh tử, Vạn chương chương cú hạ). Cái ý chỉ ấy sâu xa, độc giả hãy để tâm suy xét.

CHƯƠNG II

仲山甫之德

柔嘉維則

令儀令色

9. Trọng Sơn Phủ chi đức

10. Nhu gia duy tắc.

11. Lệnh nghi lệnh sắc,

小 心 翼 翼
古 訓 是 式
威 儀 是 力
天 子 是 若
明 命 使 賦

12. Tiểu tâm dực dực,
13. Cổ huấn thị thức,
14. Uy nghi thị lực,
15. Thiên tử thị nhược,
16. Minh mệnh sử phú.

Dịch nghĩa

9. Đức hạnh của Trọng Sơn Phủ
10. Thì dụ dàng giữ đúng theo phép tắc,
11. Uy nghi và dung sắc ở ngoài thì đẹp dễ.
12. Còn trong lòng thì cẩn thận cung kính
13. Lấy lời dạy của tiên vương làm phép tắc.
14. Uy nghi thì lúc nào cũng rần sức giữ gìn,
15. Để ý kiến đúng đắn của thiên tử được thuận theo
(không bị bài bác),
16. Để những mệnh lệnh sáng suốt được truyền bá ra
khắp mọi nơi.

Dịch thơ

*Sơn Phủ đức hạnh uy nghi
Dụ dàng giữ đúng pháp quy vô ngần!
Nghi dung lại bội phần xinh xắn,
Trong lòng thì kính cẩn phi thường*

Làm khuôn phép lời tiên vương.

Uy nghi răn giữ đoan trang vô cùng.

ý vua được thuận từng thích đáng

Mệnh lệnh thì trong sáng truyền ra.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 嘉 *giai*, đẹp. 令 *lệnh*, lành, thiện. 儀 *nghi*, uy nghi, 色 *sắc*, nhan sắc. 翼翼 *dực dực*, dáng cung kính. 古訓 *cổ huấn*, kinh điển của tiên vương để lại. 式 *thức*, phép. 力 *lực*, răn sức. 若 *nhược*, thuận theo. 賦 *phú*, truyền bố ra.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: 柔嘉維則 *nhu gia duy tắc* là dịu dàng đẹp để giữ đúng phép tắc không vượt qua. Không giữ đúng phải vượt ra ngoài phép tắc ấy là nhu nhược không được gọi là dịu dàng đẹp để được. 令儀令色 *lệnh nghi lệnh sắc*. 小心翼翼 *tiểu tâm dực dực*, uy nghi đẹp để, dung sắc hiền lành và cẩn thận cung kính là ý nói hình dáng ở ngoài và tâm tình ở trong đều dịu dàng đẹp để. 古訓是式 *cổ huấn thị thức*. 威儀是力 *uy nghi thị lực*, lời dạy dỗ của tiên vương ngày xưa thì lấy làm phép tắc để noi theo, uy nghi thì lúc nào cũng răn sức giữ gìn là ý nói việc học vấn của Trọng Sơn Phủ vẫn trau dồi tiến tới mãi. 天子是若 *thiên tử thị nhược*. 明命使賦 *minh mệnh sử phủ*, thuận theo ý kiến đúng đắn của thiên tử (không bài bác gièm siểm) để khiến mệnh lệnh sáng suốt được truyền bá ra khắp nơi, là

ói về sự nghiệp của Trọng Sơn Phủ đã dựng nên và
ruyền bá ra.

Chương này kể đầy đủ công đức của Trọng Sơn Phủ.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|------------------------------|
| 王命仲山甫 | 17. Vương mệnh Trọng Sơn Phủ |
| 式是百辟 | 18. Thức thị bách bích, |
| 續戎祖考 | 19. Toàn nhung tổ khảo. |
| 王躬是保 | 20. Vương cung thị bảo. |
| 出納王命 | 21. Xuất nạp vương mệnh. |
| 王之喉舌 | 22. Vương chi hầu thiệt, |
| 賦政于外 | 23. Phú chính vu ngoại. |
| 四方爰發 | 24. Tứ phương viên phát. |

Dịch nghĩa

17. Vua sai Trọng Sơn Phủ
18. Làm khuôn mẫu phép tắc cho hàng trăm chư hầu.
19. Để thừa kế công nghiệp của tổ tiên người.
20. Thân thể của vua nhờ Trọng Sơn Phủ mà được bảo
vệ.
21. Trọng Sơn Phủ giữ việc truyền bá và phúc trình
mệnh lệnh của vua.
22. Trọng Sơn Phủ chính là họng và lưỡi của vua.

23. Mỗi khi chính lệnh truyền ra ngoài

24. Thì bốn phương đều hưởng ứng.

Dịch thơ

Trọng Sơn Phủ được vua sai

Cho trăm hầu quốc, nêu bày phép khuôn.

Nghiệp tổ tiên luôn luôn thừa kế.

Thân của vua bảo vệ tận tình.

Lệnh vua truyền bá phúc trình.

Thật là hòng lưỡi trung thành của vua.

Khi chính lệnh mới vừa truyền xuống

Thì bốn phương đã hưởng ứng liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 式 thức, phép. 戎 nhưng, người, mây. 王躬是保 vương cung thị bảo, nói bảo vệ thân thể của vua. Thế thì Trọng Sơn Phủ làm chúc trủng tế (tể tướng) kiêm chúc thái bảo (để bảo an thiên tử), mà chúc thái bảo lại là chúc truyền nối đời đời vậy chăng? 出 xuất, thừa hành mà truyền bá ra. 納 nạp, đi ra thì hành rồi trở về báo cáo. 喉舌 hầu thiệt, hòng và lưỡi để nói. 發 phát, hưởng ứng mệnh lệnh của vua.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: chức vị của Trọng Sơn Phủ, ở ngoài thì thống lãnh các chư hầu, ở trong thì phụ dưỡng đức hạnh của vua, khi vào triều thì nắm giữ căn bản của

nên chính trị, khi ra ngoài thì trừ hoạch mọi việc trong bốn phương.

Chương này kể đầy đủ chức vị của Trọng Sơn Phủ.

CHƯƠNG IV

- | | |
|-------|------------------------------|
| 肅肅王命 | 25. Túc túc vương mệnh |
| 仲山甫將之 | 26. Trọng Sơn Phủ tương chi. |
| 邦國若否 | 27. Bang quốc nhược bỉ |
| 仲山甫明之 | 28. Trọng Sơn Phủ minh chi. |
| 既明且哲 | 29. Ký minh thả triết, |
| 以保其身 | 30. Dĩ bảo kỳ thân. |
| 夙夜匪解 | 31. Túc dạ phi giải, |
| 以事一人 | 32. Dĩ sự nhất nhân. |

Dịch nghĩa

25. Những mệnh lệnh uy nghiêm của vua
26. Được Trọng Sơn Phủ vâng theo mà thi hành.
27. Vận mệnh nước nhà yên nguy tốt xấu
28. Chỉ có Trọng Sơn Phủ hiểu biết.
29. Trọng Sơn Phủ đã sáng suốt lại thấu đáo mọi việc.
30. Để xuôi thuận theo đạo nghĩa mà giữ thân.
31. Sớm tối Trọng Sơn Phủ không hề lười biếng
32. Để phụng sự một người, ấy là vua nhà Chu vậy.

Dịch thơ

*Lệnh nghiêm vua đã truyền đi,
Trọng Sơn Phủ đã phụng thi lãnh liền
Vận nước nhà nguy yên tốt xấu
Chỉ Trọng Sơn hiểu thấu mà thôi.
Thật ngài thấu đáo sáng soi
Vẫn theo đạo nghĩa mà noi giữ mình
Sớm tối chẳng lờn khinh lười nhác.
Để phụng thờ một bậc: đức vua*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 肅肅 *túc túc*, nghiêm kính. 將 *tương*, vâng theo mà thi hành. 若 *nhược*, thuận. 若否 *nhược bĩ* là 順否 *thuận bĩ* như. 臧否 *lương bĩ* nghĩa là tốt xấu, nên chẳng, được hổng. 明 *minh* (đọc *mang* cho hợp vận), nói sáng suốt về nghĩa lý. 哲 *triết*, nói thấu đáo rõ ràng về một việc gì. 保身 *bảo thân* là xuôi thuận theo đạo nghĩa đạo lý mà giữ thân, không phải xua theo việc lợi và tránh việc hại để cầu thả được yên thân. 解 *giải*, lười biếng.

CHƯƠNG V

人亦有言
柔則如之

33. Nhân diệc hữu ngôn:

34. Nhu tắc như chi,

剛則吐之
維仲山甫
柔亦不茹
剛亦不吐
不侮矜寡
不畏彊禦

35. Cường tắc thổ chi.
36. Duy Trọng Sơn Phủ
37. Nhu diệc bất nhữ.
38. Cường diệc bất thổ.
39. Bất vụ quan quả.
40. Bất úy cường ngự.

Dịch nghĩa

33. Theo thể tục, người ta có lời nói rằng:
34. Gặp cái mềm thì ăn nuốt.
35. Gặp cái cứng thì nhả ra.
36. Chỉ có Trọng Sơn Phủ
37. Gặp cái mềm cũng không ăn nuốt (không hiếp đáp người yếu đuối).
38. Gặp cái cứng cũng không nhả ra (không sợ kẻ mạnh)
39. Cho nên Trọng Sơn Phủ không khinh khi kẻ cô đơn không vợ không chồng.
40. Không kiêng sợ kẻ mạnh bạo.

Dịch thơ

Người ta lại cũng có lời:

Gặp gì mềm yếu thì xơi nuốt vào.

Gặp cái cứng nhả mau tức khắc.
 Chỉ Trọng Sơn Phủ khác thôi nay:
 Gặp mềm chẳng nuốt ăn ngay,
 Cũng không hề nhả ra ngoài bỏ đi.
 Người quan quả, không khi không để
 Chẳng sợ kiêng những kẻ bạo cường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 人亦有言 *nhân diệc hữu ngôn*, lời của thế tục. 茹 *nhữ*, ăn, nuốt. Không, nuốt cái mềm cho nên không khinh khi người lẽ loi không vợ không chồng. Không nhả cái cứng, cho nên không sợ khiếp kẻ mạnh chống đối mình. Ta lấy việc ấy mà xét, thì cái tính dịu dàng đẹp dễ của Trọng Sơn Phủ chẳng thể nói mềm yếu đẹp dễ được. Thì việc Trọng Sơn Phủ đã xuôi theo đạo lý để giữ gìn thân, chưa bao giờ làm sai đạo lý để theo người, có thể thấy rõ được.

CHƯƠNG VI

- | | |
|--------|-------------------------------|
| 人亦有言 | 41. Nhân diệc hữu ngôn: |
| 德輶如毛 | 42. Đức dậu như mao, |
| 民鮮克舉之 | 43. Dân tiển khác cử chi. |
| 我儀圖之 | 44. Ngã nghi đồ chi, |
| 維仲山甫舉之 | 45. Duy Trọng Sơn Phủ cử chi. |

愛莫助之

46. Ái mạc trợ chi.

衰職有關

47. Cối chức hữu khuyết,

維仲山甫補之

48. Duy Trọng Sơn Phủ bổ chi.

Dịch nghĩa

41. Theo thể tục người ta cũng có lời rằng:

42. Đức hạnh nhẹ như cộng lông.

43. Mà dân chúng ít ai có thể thi hành được.

44. Ta mới độ dò xem ai có thể thi hành được,

45. Thì chỉ có Trọng Sơn Phủ thi hành được mà thôi.

46. Ta thương mến ngài mà không giúp đỡ ngài được.

47. Cho đến chức vụ của vua có điều khiếm khuyết sai lầm,

48. Thì chỉ có Trọng Sơn Phủ bổ cứu được mà thôi.

Dịch thơ

Người ta cũng có lời rằng:

Như lông đức thật nhẹ nhàng dễ thay!

Mà dân chúng ít ai đạt tới.

Ta độ dò làm nổi mấy người.

Trọng Sơn Phủ ấy mà thôi

Ta thương mà chẳng trợ bồi mấy may.

Vua nếu có điều sai lầm lỗi,

Trọng Sơn bổ cứu nổi thôi mà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 輶 *dâu*, nhẹ. 儀 *nghi*, dò độ. 圖 *đồ* (đọc *đồ* cho hợp vận), mưu tính. 衰職 *cổn chức*, vương chức, chức vị của vua. Thiên tử mặc áo long *cổn*. Dân chúng không dám nói thẳng là điều khiếm khuyết của vua, mới nói tránh là điều khiếm khuyết của *cổn chức*.

Nói người ta đều bảo đức hạnh rất nhẹ nhàng dễ đem ra thi hành mà người ta lại không ai có thể thi hành nổi. Cho nên ta mới độ dò coi ai có thể thi hành được. Thì chỉ có Trọng Sơn Phủ mà thôi. Cho nên lòng ta thành thật thường mến Trọng Sơn Phủ, mà lại ân hận cho ngài không được ai giúp đỡ. Vì rằng ta thương ngài là cái tính giữ đạo thường và ưa đức hạnh của mình, mà không thể giúp đỡ ngài được, cho nên thi hành được hay không đều do ở Trọng Sơn Phủ mà thôi hẳn là không thể chờ đợi sự gắng đỡ của người ta nữa, mà cũng không phải việc mà người ta có thể giúp đỡ được ngài. Cho đến chức vụ của vua có điều khiếm khuyết sai thất, thì cũng chỉ có một mình Trọng Sơn Phủ là có thể bổ cứu được. Chỉ có bậc đại nhân rồi sau mới sửa được những lỗi lầm trong lòng vua. Chưa bao giờ có người không thể thi hành đức hạnh của mình mà có thể bổ cứu những khiếm khuyết lỗi lầm của vua.

CHƯƠNG VII

仲山甫出祖
四牡業業

49. Trọng Sơn Phủ xuất tổ.
50. Tứ mẩu nghiệp nghiệp.

征夫捷捷

每懷靡及

四牡彭彭

八鸞鏘鏘

王命仲山甫

城彼東方

51. Chinh phu tiệp tiệp,

52. Mỗi hoài mĩ cập.

53. Tứ mầu (bành bành),

54. Bát loan thương thương

55. Vương mệnh Trọng Sơn Phủ

56. Thành bĩ đông phương.

Dịch nghĩa

49. Trọng Sơn Phủ cúng tế thần đường sá mà xuất hành.

50. Bốn con ngựa đực kéo xe rất mạnh mẽ.

52. Mỗi người đều lo rằng làm không kịp việc vua giao phó.

53. Bốn con ngựa kéo xe dong ruổi.

54. Tám cái lạc ngựa khua lên rộn ra.

55. Vua sai Trọng Sơn Phủ.

56. Ra xây thành ở nước Tê phương đông.

Dịch thơ

Trọng Sơn Phủ tế thần đường.

Bốn con ngựa đực dũng cường chạy nhanh.

Quân đi theo mau lẹ cấp thiết,

Cùng lo không kịp việc của vua.

Bốn con ngựa được lướt đùa,
 Trọng Sơn Phủ, vua đang sai gắp
 Ra phương đông xây đắp thành trì

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 祖 tổ, tế thần đường sá để xuất hành. 業業 *ngiệp nghiệp*, dáng mạnh mẽ. 捷捷 *tiệp thiệp*, dáng lanh lẹ. 東方 *đông phương*, nước Tề. *Mao thi truyện* nói: Ngày xưa chư hầu ở vào nơi chật hẹp thì được vua dời nước và định cư ở nơi khác, đó là bỏ đất Bạc Cô mà dời sang ở Lâm Tri, Khổng Dĩnh Đạt nói rằng: Theo sách *Sử ký* Tề Hiến công nhằm vào thời Chu Di vương (-893) thì không hợp đúng với truyện này ở vào thời Tuyên vương (-826). Há rằng Tề Hiến công dời đô từ thời Chu Di vương (-893) đến lúc ấy là thời Chu Tuyên vương (-826) mới bắt đầu hoàn bị thành quách để phòng thủ chẳng (phải trải qua 67 năm)?

CHƯƠNG VIII

四牡騤騤
 八鸞喈喈
 仲山甫祖齊
 式遄其歸
 吉甫作誦
 穆如清風

57. Tứ mẫu quỳ quỳ,
58. Bát loan giê giê (gia giai).
59. Trọng Sơn Phủ tổ Tề.
60. Thức thuyến kỳ quỳ.
61. Cát Phủ tác tụng,
62. Mục như thanh phong.

- 仲山甫永懷 63. Trọng Sơn Phủ vĩnh hoài,
以慰其心 64. Dĩ ủi kỳ tâm.

Dịch nghĩa

57. Bốn con ngựa đực kéo xe dong ruổi,
58. Tám lạt ngựa khua rộn rã.
59. Trọng Sơn Phủ đến nước Tề,
60. Hãy mau trở về.
61. Doãn Cát Phủ làm bài thơ này.
62. Ý tứ sâu xa như làn gió nhẹ nhàng trong sạch.
63. Vì Trọng Sơn Phủ mãi lo lắng,
64. Để an ủi lòng của Trọng Sơn Phủ.

Dịch thơ

*Bốn con ngựa đực ruổi dong,
Lạc đeo tám cái khua rung rộn ràng.
Trọng Sơn Phủ kịp sang Tề quốc,
Và khi xong cấp tốc về ngay.
Bài thơ Doãn Cát làm đây
Nhẹ như gió thoảng, lại đầy ý sâu.
Trọng Sơn Phủ ưu sầu lo lắng,
An ủi người hầu dặng yên lòng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 式遄其歸 *thức thuyền kỳ quy*, không muốn ở lâu phía ngoài. 穆 *mục*, sâu dài. 清風 *thanh phong* (đọc *phâm* cho hợp vận), ngọn gió nhẹ nhàng trong sạch bồi dưỡng vạn vật. Vì Trọng Sơn Phủ đi xa mà có điều lo nghĩ, cho nên Cát Phủ làm bài thơ này để an ủi lòng của Trọng Sơn Phủ vậy. Tăng thị nói rằng: Lo việc binh ở ngoài tuy là chức vụ của Trọng Sơn Phủ nhưng lo bảo vệ thân vua, bổ cứu những khuyết điểm của vua đáng là việc cấp bách hơn hết. Cho nên ra xây thành ở phương đông, Trọng Sơn Phủ vẫn để lòng lo lắng mãi, vì là có điều không an tâm, Doãn Cát Phủ hiểu sâu xa việc ấy, mới làm bài thơ này để bảo Trọng Sơn Phủ mau trở về (chớ ở lâu phương ngoài e có chính biến) để cho Trọng Sơn Phủ yên lòng.

Thiên chứng dân có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 267

CHƯƠNG I

- | | |
|------|-------------------------|
| 韓奕 | Hàn dịch (Dăng 7) |
| 奕奕梁山 | 1. Dịch dịch Lương sơn |
| 維禹甸之 | 2. Duy Vũ điện chi. |
| 有倬其道 | 3. Hữu trác kỳ đạo |
| 韓侯受命 | 4. Hàn hầu thụ mệnh. |
| 王親命之 | 5. Vương thân mệnh chi! |

續戎祖考
無廢朕命
夙夜匪解
虔共爾位
朕命不易
幹不庭方
以佐戎辟

6. Toàn nhung tổ khảo.
7. Vô phế Trẫm mệnh.
8. Túc dạ phi giải.
9. Kiên cung nhĩ vị.
10. Trẫm mệnh bất dịch,
11. Cán bất đình phương,
12. Dĩ tá nhung bích.

Dịch nghĩa

1. Núi Lương sơn to lớn.
2. Vùng núi ấy khi xưa đã được ông Vũ bình trị nạn lụt.
3. Có con đường sáng sửa chạy sang,
4. Để Hàn hầu đến châu, nhận mệnh lệnh của vua.
5. Được vua đích thân phán truyền dạy bảo:
6. Người hãy tiếp nối sự nghiệp của tổ tiên người.
7. Chớ phế bỏ mệnh lệnh của Trẫm.
8. Sớm tối chớ có biếng nhác.
9. Hãy kính cẩn giữ lấy chức vị của người.
10. Mệnh lệnh của Trẫm chớ có đổi thay.
11. Sửa trị những nước không đến châu,
12. Để giúp đỡ vua của người.

Dịch thơ

Núi Lương sơn lớn to cao vút
Hạ Vũ xưa trị lỵ đã xong.
Con đường sáng lạng băng vùng,
Hán hầu thụ mệnh ruổi dung đến châu.
Vua đích thân phân câu truyền dạy:
Nghiep tổ người nối lại từ rầy.
Chớ nên phé lệnh Trẫm sai!
Sớm hôm chẳng thể từ nay biếng lười.
Nhớ kính cầu chúc người rón giữ.
Lệnh trẫm ban thì chớ đổi thay.
Nước không châu, sửa trị ngay.
Để người có thể ra tài giúp vua.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 奕奕 dịch dịch, to lớn. 梁山 Lương sơn, trái núi to ở nước Hán, nay ở huyện Hàn thành thành thuộc Đồng châu. 甸 điện, trị. 倬 trác, dăng sáng sửa. 韓 Hàn, tên nước Hàn. 侯 hầu, tước hầu. Hàn hầu là dòng dõi của Vũ vương. 受命 thụ mệnh, nhận mệnh lệnh của vua vì rằng mãn tang lên ngôi. mặc đồ kẻ sĩ vào yết kiến thiên tử để nghe mệnh lệnh dạy truyền. 續 toản, nối tiếp theo. 戎 nhung, người nói vua cho mệnh lệnh, khiến Hàn bá được nối đời làm chúc hầu. 虔 kiên, kính. 易 dịch

(đọc *dị* cho hợp vận), sửa đổi. 幹 can, sửa trị. 不庭方 *bất đình phương*, những nước chư hầu không đến triều đình châu thiên tử. 辟 *bích*, vua.

Đây là lời giới răn Hàn hầu phải chăm lo chức nghiệp.

Hàn hầu khi mới lên ngôi, đến châu thiên tử, bắt đầu nhận mệnh lệnh của thiên tử mà trở về nước. Nhà thơ làm bài này để tiễn đưa.

Bài tự ở sách Mao thi cũng cho là do Doãn Cát Phủ làm ra, nay không có gì làm bằng cứ.

Thiên sau nói những tên Mục công, Phàm bá đều phỏng theo đây.

CHƯƠNG II

四牡奕奕
孔脩且張
韓侯入覲
以其介圭
入覲于王
王錫韓侯
淑旂綏章
簟茀錯衡
玄衮赤舄
鉤膺鏤錫

13. Tứ mẩu dịch dịch,
14. Khổng tu thả trương,
15. Hàn hầu nhập cận,
16. Dĩ kỳ giới khuê
17. Nhập cận vu vương.
18. Vương tích Hàn hầu
19. Thục kỳ tuy chương.
20. Diệm phát thác hành.
21. Huyền cổn xích tích,
22. Câu ưng lậu dương.

鞞 鞞 淺 幟

條 革 金 厄

23. Khoách khoảng thiển mịch,

24. Điều cách kim ách.

Dịch nghĩa

13. Bốn con ngựa đực to lớn.

14. Rất dài lại to,

15. Đưa Hàn hầu vào châu yết kiến thiên tử.

16. Hàn hầu lấy ngọc khuê

17. Làm lễ yết kiến dâng lên vua

18. Vua ban cho Hàn hầu

19. Cờ kỳ đẹp để gắn lông màu,

20. Xe có đệm vuông bằng tre bông, có cây ách rắn rỏi nhiều màu.

21. áo cotten màu huyền (đen lộn đỏ) và dép đỏ,

22. Dây cương ở hàm thiết ngựa có cái móc, chỗ ngực con ngựa thì có dây đai to, trán ngựa thì có miếng vàng chạm khắc.

23. Cây ngang trên xe thì có đóng da thuộc, cây dọc theo xe thì bịt bằng da cạp.

24. Đầu dây cương có đóng khoen vàng.

Dịch thơ

Quá to lớn bốn con ngựa đực,

Thân đã dài và rất lớn cao.

Đưa về triều kiến, Hàn hầu.
 Ngọc khuê thì đã đem vào sẵn đây.
 Để làm lễ châu ngay thiên tử.
 Nên vua ban các thứ tức thì:
 Gắn lông đẹp để cờ kỳ,
 Chiếc xe phủ đệm, rần rì ách dài.
 áo huyền cổn và hai dép đỏ.
 Ngực móc, đai, trán có miếng dương.
 Bọc da be lẫn cây ngang,
 Đầu cương có đóng khoen vàng xinh xinh.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 脩 *tu*, dài. 張 *trương*, to. 介圭 *giới khuê*, ngọc khuê của thiên tử phong cho cầm để làm lễ triều kiến tặng cho thiên tử để hợp điềm lành cho vua. 淑 *thục*, thiện, lành. 旂 *kỳ*, cờ có hai con rồng treó nhau. 綬章 *tuy chương*, chùm lông chim nhuộm màu, hoặc đuôi bò gắn vào đầu câu trụ cờ để làm biểu chương nêu rõ là bọc hèn hay bọc sang. 鏤 *lâu*, miếng kim thuộc có chạm khắc. 錫 *dương*, đồ trang sức ở trên trán con ngựa, nay là miếng dương lưu. 鞞 *khoách*, da đã sạch lông. 鞞 *khoảng*, cây ngang ở trên xe để dựa vào, ở giữa hai cây thúc, tức là nói ở giữa hai bên be xe, được giữ chặt bằng da sạch lông cho được kiên cố. 淺 *thiển*, da cộp. 幟 *mịch*, phủ lên cây be ở hai bên xe. Chữ còn viết 幟 *mịch*, 幟 *mịch*, lấy da còn lông phủ

lên cây be ở hai bên xe. 條革 *điều cách*, đầu dây cương. 金厄 *kim ách*, lấy kim thuộc làm những khoen đóng chặt vào đầu cương cho đẹp.

Chú giải của Dịch giả

簾莢 *điêm phát*, lấy đệp vuông bằng tre phủ lên. 錯 *thác*, rằn ri nhiều màu. 衡 *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận). Cây ngang ở đầu gọng xe, cái ách. 鉤膺 *câu ưng*, dây cương ở hàm thiết ngựa có cái móc, còn chỗ ngực con ngựa có dây đai to (đều xem lại thiên *Thái khí*, bài thứ 184).

CHƯƠNG III

韓侯出祖
出宿于屠
顯父餞之
清酒百壺
其殽維何
無鼈鮮魚
其簋維何
維荀及蒲
其贈維何
乘馬路車
籩豆有且
侯氏燕胥

25. Hàn hầu xuất tổ.
26. Xuất túc vu Đồ.
27. Hiển phủ tiên chi.
28. Thanh tửu bách hồ.
29. Kỳ hào duy hà?
30. Bào biết tiên ngư.
31. Kỳ tốc duy hà?
32. Duy tuần cập bồ.
33. Kỳ tặng duy hà?
34. Thặng mã lộ xa.
35. Biên đậu hữu thư.
36. Hầu thị yến tư.

Dịch nghĩa

25. Hàn hầu cúng tế thần đường xá ra khỏi kinh kỳ
mà trở về nước.
26. Đi ra dừng trọ ở đất Đồ.
27. Các quan khanh sĩ nhà Chu đều lấy rượu tiến đưa.
28. Rượu trong có đến hàng trăm hồ.
29. Món ăn trong tiệc tiến đưa có những gì?
30. Có con ba-ba nướng và có cá tươi.
31. Món rau thì có những gì?
32. Có măng tre và cộng lác non.
33. Đồ vua tặng cho có những gì?
34. Bốn con ngựa và lộ xa (xe của chư hầu đi).
35. Dĩa tộ bày các món ăn rất nhiều.
36. Để các chư hầu đến châu cùng ăn uống với nhau.

Dịch thơ

*Tế thần đường Hán hầu trở lại
Trọ đất Đồ vừa khỏi kinh kỳ.
Các quan khanh tiên ra đi
Hàng trăm hồ rượu đều thì thứ trong
Món nào giữa tiệc từng để nhấm?
Nào ba ba nướng lẫn cá tươi
Rau thì có món gì rồi?*

Măng tre ngó lác kia thời thiếu chi

Vua đã tặng món gì thế hỏi?

Bốn ngựa kia cùng với lộ xa

Nhiều thay tộ đĩa bày ra

Chư hầu triều kín để mà cùng ăn

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đã triều kiến rồi thì trở về nước. Khi đi phải cúng tế thần đường xá là tôn trọng chốn mình đến. Khi về cũng như lúc đi phải cúng tế thần đường xá nữa. 屠 鄧, tên đất. Hoặc nói 鄧 tức là 杜 鄧, đất phong cho con cháu của đường Nghiêu. 顯父 *hiển phủ*, những quan khanh sĩ của nhà Chu. 簋 藟, món rau. 荀 蕤, măng tre. 蒲 蓍 là bồ nhược, cộng lá non. 且 荼, đáng rất nhiều. 侯氏 *hầu thị*, tiếng để gọi những chư hầu đến châu và yết kiến thiên tử. 胥 胥, cùng nhau. hoặc nói 胥 là tiếng đệm

CHƯƠNG IV

韓侯取妻

37. Hàn hầu thú thê

汾王之甥

38. Phàn vương chi sinh

厥父之子

39. Quê phủ chi tử

韓侯迎止

40. Hàn hầu nghinh chỉ.

于厥之里

41. Vu quê chi lí

百兩彭彭
八鸞鏘鏘
不顯其光
諸娣從之
祁祁如雲
韓侯顧之
爛其盈門

42. Bách lưỡng bành bành
43. Bát loan thương thương
44. Bất hiển kì quang
45. Chư đệ tùng chi
46. Kì kì như vân
47. Hàn hầu cố chi
48. Lạn kì doanh môn

Dịch nghĩa

37. Hàn hầu cưới vợ
38 Người vợ ấy là cháu của Lệ vương (Phân vương)
39. Là con gái của đại phu Quý Phủ .
40. Hàn hầu rước dâu
41. ở bên làng của Quý Phủ
42. Hàng trăm xe ngựa rộn ràng
43. Tám lạc ngựa của mỗi xe khua lên rộn rã.
44. Thì chẳng là vinh hiển rạng rỡ hay sao?
45. Các em gái làm hầu thiếp đều đi theo
46. Bước đi chậm chạp lặng lẽ đông đảo như mây
47. Hàn hầu ngoảnh lại trông.
48. Thấy rực rỡ chiến công chập nức trong cửa nhà

Dịch thơ

Nay hàn hầu đã lo cưới vợ
Nàng ấy là cháu của Phần vương.
Con quan Quý Phủ rõ ràng.
Hàn hầu lo việc rước nàng vu quy.
Lòng Quý Phủ lo đi đến đấy.
Hàng trăm xe đã thấy rộn ràng.
Lạc xe tám cái khua vang.
Chẳng là vinh hiển huy hoàng hay sao?
Em làm thiếp đưa dâu lũ lượt,
Đồng như mây lặng bước thung dung.
Hàn hầu vội ngoảnh lại trông
Rõ ràng chói lọi thấy đông chật nhà.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đây nói Hàn hầu đã triều kiến thiên tử mà trở về bèn làm lễ rước dâu. 汾王 Phần vương, Lệ vương. Lệ vương bị đày ra ở đất Trệ trên bờ sông Phần, cho nên người đương thời gọi Lệ vương là Phần vương, cũng như Cử Giao công (Xuân thu Tả truyện thời Lỗ Chiêu công) và Lê Tỷ công (Xuân thu Tả truyện thời Lỗ Tương công). 蹇父 Quý Phủ, quan khanh sĩ của nhà Chu họ Cật. 諸娣 chư đệ, những hầu thiếp. Chư hầu cưới một lần 9 nàng, hai nước đưa dâu đều có con gái cháu gái đi

theo để làm hầu thiếp. 祁祁 kỳ kỳ, chậm chậm lặng lẽ. 如雲 như vân, nhiều như mây.

CHƯƠNG V

蹶父孔武
靡國不到
爲韓姁相攸
莫如韓樂
孔樂韓土
川澤訏訏
魴鱖甫甫
麀鹿嘒嘒
有熊有羆
有貓有虎
慶既令居
韓姁燕譽

49. Quý Phủ khổng vũ,
50. Mỹ quốc bất đáo.
51. Vị Hàn Cật tương du.
52. Mạc như Hàn lạc.
53. Khổng lạc Hàn thổ.
54. Xuyên trạch hử hử,
55. Phòng tự phủ phủ,
56. U lộc ngũ ngũ,
57. Hữu hùng hữu bi.
58. Hữu miêu hữu hổ.
59. Khánh ký lĩnh cư.
60. Hàn Cật yến dự.

Dịch nghĩa

49. Quý Phủ có thế lực rất mạnh,
50. Không có nước nào là không đến giao thiệp với.
51. Quý Phủ chọn nơi nào xứng đáng mới gả con gái là
nàng Hàn Cật.

52. Không có nơi nào được Quý Phủ ưa thích bằng Hàn hâu.

53. Quý Phủ rất ưa thích đất nước Hàn.

54. Nước Hàn có sông hồ to lớn.

55. Cá phòng cá tự rất lớn con.

56. Nai hươu đông đảo,

57. Có gấu nhỏ gấu to,

58. Có meo rừng có cọp

59. Mừng đã được chỗ ở tốt lành

60. Cho nàng Hàn Cật được yên vui.

Dịch thơ

Quan Quý Phủ thật là thịnh lợi,

Không nước nào chẳng tới kết giao.

Chọn nơi xứng đáng gả trao.

Không ai như thể Hàn hâu được ưa.

Nước Hàn kia đã vừa ý thật,

Có sông hồ đều rất lớn lao,

Cá phòng, tự to xiết bao!

Hươu nai lại cũng dồi dào nhiều đông.

Có gấu to lại cùng gấu nhỏ,

Có cọp và lại có meo rừng.

Chỗ lành để ở đã mừng

Cho nàng Hàn Cật vô chừng yên vui.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 韓姑 Hàn Cật, con gái của quan khanh sĩ Quý Phủ, là vợ của Hàn hầu. 相攸 *tương du*, chọn lựa xem chỗ nào có thể gả được. 訐訐 *hửử*. 甫甫 *phủ phủ* đều là to lớn. 嘖嘖 *ngũ ngũ*, đông nhiều. 貓 *miêu*, mèo, giống mèo như cọp nhưng lông lợt hơn. 慶 *khánh*, vui mừng. 令 *lệnh*, tốt lành. Vui mừng có được chỗ ở tốt lành ấy. 燕 *yên*, yên. 譽 *dự* (đọc *dư* cho hợp vận) vui.

CHƯƠNG VI

- | | |
|-------|--------------------------|
| 溥彼韓城 | 61. Phổ bĩ Hàn thành! |
| 燕師所完 | 62. Yên sư sở hoàn. |
| 以先祖受命 | 63. Dĩ tiên tổ thụ mệnh, |
| 因時百蠻 | 64. Nhân thì bách man. |
| 王錫韓侯 | 65. Vương tích Hàn hầu |
| 其追其貊 | 66. Kỳ Truy kỳ Mịch. |
| 奄受北國 | 67. Yêm thụ bắc quốc, |
| 因以其伯 | 68. Nhân dĩ kỳ bá. |
| 實墉實壑 | 69. Thực dụng thực hác, |
| 實畝實籍 | 70. Thực mẫu thực tịch, |
| 獻其貔皮 | 71. Hiến kỳ tỳ bì, |
| 赤豹黃熊 | 72. Xích báo hoàng bì. |

Dịch nghĩa

61. Thành nước Hàn kia to lớn thay!
62. Đã được dân chúng nước Yên xây cất xong.
63. Vì tổ tiên của Hàn hầu xưa kia chịu mệnh lệnh của vua.
64. Đã cai trị trăm nước rợ.
65. Vua mới cho Hàn hầu
66. Nước rợ Truy nước rợ Mạch để cai trị.
67. Nhận lãnh trọn các nước phía bắc,
68. Khiến làm bá chủ các nước rợ ấy.
69. Lo xây thành đào hào,
70. Lo ruộng đất, lo thuế vụ,
71. Đem cống dâng lên vua những tấm da beo.
72. Những con beo đỏ, những con gấu vàng.

Dịch thơ

*Thành nước Hàn thật là to tát
Dân nước Yên xây cất vừa xong.
Tổ tiên thụ mệnh cứu trùng,
Hàng trăm nước rợ đã cùng trị yên.
Tặng Hàn hầu vua liền cho nước
Rợ Mạch, Truy đều được đem ban.
Lãnh vùng phương bắc hoàn toàn*

Để làm bá chủ trị an một mình.

Đào hào lại xây thành đầy đủ

Việc ruộng nương, thuế vụ lo xong.

Da beo dâng đức cầu trùg,

Những con beo đồ dâng chung gấu vàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溥 *phổ*, to lớn. 奄 *yên*, nước Yên của Thiệu công. 師 *sư*, dân chúng. 追 *Truy*, 貊 *Mạch* đều là nước di địch (rợ ở phương đông là di, ở phương bắc là địch). 墉 *dung*, bức thành. 壑 *hác*, ao quanh thành. 籍 *tịch*, thuế. 貔 *tỳ*, tên thú dữ thuộc loài beo.

Lúc Hàn hầu vừa được phong, Thiệu công làm quan tư không, được vua sai đem dân chúng đắp xây thành ấy. Cũng như việc Thiệu bá đi đắp thành ở đất Tạ, Trọng Sơn Phủ dựng thành ở nước Tề và chư hầu đời Xuân thu xây thành ở nước Hình ở Sở khâu vậy.

Vì tổ tiên của Hàn hầu (là con của Vũ vương) nhân làm bậc trưởng của hàng trăm giống rợ, thiên tử mới đem nước rợ Truy rợ Mạch cho Hàn hầu, khiến cho làm bậc bá của các nước rợ ấy để sửa thành trì, lo ruộng đất, định phép đánh thuế và đem những của sở hữu cống dâng lên thiên tử.

Thiên Hán dịch có 6 chương, mỗi chương 12 câu

BÀI THỨ 268

CHƯƠNG I

江 漢	Giang Hán. (Đăng 8)
江 漢 浮 浮	1. Giang Hán phù phù,
武 夫 滔 滔	2. Vũ phu thao thao.
匪 安 匪 遊	3. Phỉ an phỉ du,
淮 夷 來 求	4. Hoài di lai cầu.
既 出 我 車	5. Ký xuất ngã xa,
既 設 我 旗	6. Ký thiết ngã dư.
匪 安 匪 舒	7. Phỉ an phỉ thư,
淮 夷 來 鋪	8. Hoài di lai phô.

Dịch nghĩa

1. Sông Trường giang sông Hán nước nhiều lai láng.
2. Vũ sĩ đi đánh giặc thuận theo dòng sông mà đi.
3. Không ai dám an vui, không ai dám dạo chơi.
4. Vì phải đi tìm rợ Hoài mà đánh dẹp.
5. Bình xa của ta đã kéo ra,
6. Cờ dư (có vẽ hình chim) của ta đã dựng lên.
7. Không ai dám an vui, không ai dám thư thả,
8. Vì quân đội đã đến bày thành trận để đánh dẹp rợ Hoài đi.

Dịch thơ

Nước sông Hán Trường giang đầy dẫy.
Vũ sĩ đi xuôi mãi theo dòng,
An vui đi dạo đều không.
Tìm Hoài đi để đẹp xong một lần.
Xe binh ta rần rần kéo tới,
Cờ dư ta phát phối dựng lên.
Không ai thư thả lặng yên.
Đánh Hoài đi đã bày nên trận rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 浮浮 phù phù, dáng nước nhiều. 滔滔 thao thao (đọc *thâu thâu* cho hợp vận), dáng xuôi dòng. 淮夷 Hoài di, giống rợ ở sông Hoài. 鋪 phô, trần bày ra. Bày quân đội ra để đánh.

Chu Tuy vương sai Thiệu Mục công đánh dẹp giống rợ ở Hoài - nam. Nhà thơ mới khen tặng việc ấy.

Chương này thuật chung việc ấy. Nói người đi đánh giặc đều không ai dám yên vui, chậm chạp, mà nói rằng: Ta đến đây là tìm và đánh dẹp rợ Hoài di vậy.

CHƯƠNG II

江漢湯湯

武夫洸洸

9. Giang Hán thương thương

10. Vũ phu quang quang,

經營四方	11. Kinh doanh tứ phương.
告成于王	12. Cáo thành vu vương.
四方既平	13. Tứ phương ký bình
王國庶定	14. Vương quốc thứ định.
時靡有爭	15. Thì mỹ hữu tranh,
王心載寧	16. Vương tâm tái ninh.

Dịch nghĩa

9. Sông Trường giang, sông Hán chảy xiết.
10. Vũ sĩ đi đánh giặc hùng dũng,
11. Còn lo đánh dẹp khắp bốn phương nữa.
12. Cấp báo việc thắng trận cho vua biết.
13. Bốn phương đã bình phục.
- *14. Thì vương quốc may ra được yên ổn.
15. Lúc nào không có chiến tranh.
16. Lòng vua mới yên.

Dịch thơ

*Nước sông Hán, Trường Giang chảy xiết
 Vũ sĩ đều oanh liệt hùng cường
 Còn lo đánh dẹp bốn phương.
 Báo tin thắng trận vua tường cho nhanh
 Bốn phương đã yên lành bình phục*

*Thì may ra vương quốc yên bình
Lúc nào không có chiến chinh
Lòng vua mới được an ninh mọi bề*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 洸洸 *quang quang*, dáng dũng
vũ. 庶 *thứ*, may

Chương này nói đã đánh dẹp mà được thành công

CHƯƠNG III

- | | |
|------|-------------------------|
| 江漢之滸 | 17. Giang Hán chi hử |
| 王命召虎 | 18. Vương mệnh Thiệu hồ |
| 式辟四方 | 19. Thức tịch tứ phương |
| 徹我疆土 | 20. Triệt ngã cương thổ |
| 匪疚匪棘 | 21. Phỉ cửu phỉ cực, |
| 王國來極 | 22. Vương quốc lai cực. |
| 于疆于理 | 23. Vu cương vu lý, |
| 至于南海 | 24. Chí vu Nam hải. |

Dịch nghĩa

17. ở trên bờ sông Trường Giang, sông Hán
18. Vua sai Thiệu công Hồ
19. Hãy mở mang bốn phương

20. Sắp đặt lo liệu việc ruộng đất và cương giới của ta.

21. Chẳng phải để vợ vét cho dân khốn khổ chẳng phải để tàn sát cho dân nguy cấp.

22. Mà chỉ là để các nước ấy đến phục tùng vương quốc nhà Chu mà thôi.

23. Cho nên mới khiến lo việc ruộng đất cương giới những vùng ấy.

24. Cho đến biển Nam Hải mới thôi.

Dịch thơ

Bờ sông Hán, Trường Giang mọi chỗ.

Vua đã sai Thiệu Hồ tỏ tường

Mở mang bờ cõi bốn phương.

Liệu lo ruộng đất giới cương tức thì

Chẳng phải khiến dân nguy, khổ nhọc

Chỉ làm cho từng phục mà thôi.

Chỉnh trang cương thổ mọi nơi

Đến vùng Nam hải xa xôi mới đành

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú..虎 Hồ Tên là Thiệu Mục công
辟 tịch đồng với 闢 tịch là mở mang 徹 triệt phẩn đấu làm
tĩnh điền. 疚 cứu, binh 棘 cực, gấp 極 cực ở chính giữa mà

làm tiêu biểu nêu gương ý nói ở trung ương đề bốn phương noi theo làm phép tắc đúng đắn .

Nói vùng sông Trường giang , sông Hán được dẹp yên vua lại khiến Thiệu Mục công mở rộng những đất đã bị xâm chiếm ở bốn phương để chinh định cương giới, chớ không phải để thu vét tài sản cho dân chúng phải khổ, và cũng không phải để tàn sát cho dân chúng phải nguy cấp, mà chỉ để những nước ấy đến từng phục noi theo vương quốc nhà Chu làm phép tắc đúng đắn mà thôi. Cho nên mới khiến lo việc ruộng đất những vùng ấy cho đến biển Nam hải mới thôi

CHƯƠNG IV

王命召虎

25. Vương mệnh Thiệu Hồ

來旬來宣

26. Lại tuần lai tuyên

文武受命

27. Văn vũ thụ mệnh

召公維翰

28. Thiệu công duy hàn

無曰予小子

29. Vô viết dư tiểu tử

召公是似

30. Thiệu công thị tự

肇敏戎公

31. Triệu mẫn nhung công

用錫爾祉

32. Dụng tích nhĩ chí.

Dịch nghĩa

25. Vua sai Thiệu Hồ.

26. Đi khắp nơi mà truyền bá mệnh lệnh của vua.

27. Xưa kia khi Văn vương và Vũ vương nhận mệnh trời gồm thâu thiên hạ

28. Thì chỉ có Thiệu công Thích làm rường cột cho nhà Chu

29. Nay người chớ nói là để phụng sự cho ta.

30. Mà người tự cho là thừa kế sự nghiệp của Thiệu công Thích là tổ tiên người.

31. Người hãy mở rộng công đức của người

32. Thì ta sẽ ban phúc lộc cho người.

Dịch thơ

Đức vua đã sai ông Thiệu Hồ

Mệnh vua, đi khắp chỗ truyền rồi.

Chu Văn Vũ nhận mệnh trời

Thiệu công thật đáng là tôi cột rường

"Cho trăm, người đảm đương" chớ nói

N hiếp tổ tiên kế nối cho là.

Mở mang công đức người ra

Phúc lành bổng lộc thì ta ban liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 甸 tuần, khắp nơi. 宣 tuyên, truyền bá ra. Từ bờ sông Trường Giang, sông Hán mà nói, cho nên gọi 來 lai là đến. 召公 Thiệu công tức là Thiệu

Khang công tên Thích, thủy tổ của Thiệu công Hồ. 翰 hàn tức là 幹 cán nghĩa là thân chính của cây. 予小子 dư tiểu tử (đọc tử cho hợp vận), tiếng của vua tự xưng. 肇 Triệu, mở 戎 nhung, người. 公 công, tức là 功 công nghĩa là công đức.

Lại nói vua sai Thiệu công Hồ đến bờ sông Trường giang, sông Hán lo liệu mọi việc ở khắp nơi để truyền bá mệnh lệnh của vua mà nói rằng: Ngày xưa khi Văn vương và Vũ vương nhận mệnh trời gồm thâu thiên hạ thì chỉ có Thiệu Khang công Thích làm ruộng cật cho nhà Chu. Nay người chớ nói là để phụng sự cho Trẫm, mà người nên tự cho là để thừa kế sự nghiệp của tổ tiên người vậy. Người hãy mở rộng công đức của người, thì trẫm sẽ ban thưởng phúc lộc cho người, như chương sau đây sẽ nói rõ.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|------------------------|
| 釐爾圭瓚 | 33. Ly nhĩ khuê toãn |
| 秬鬯一卣 | 34. Cự sường nhất dậu |
| 告于文人 | 35. Cáo vu Văn nhân |
| 錫山土田 | 36. Tích sơn thổ điền |
| 于周受命 | 37. Vu Chu thụ mệnh |
| 自召祖命 | 38. Tự Thiệu tổ mệnh. |
| 虎拜稽首 | 39. Hồ bái khể thủ |
| 天子萬年 | 40. Thiên tử vạn niên. |

Dịch nghĩa

33. Ban cho người chén ngọc khuê toãn
34. Và một chén rượu nếp than.
35. Trẫm sẽ báo với tổ tiên là Văn vương
36. Việc ban cho người núi sông ruộng đất.
37. Người hãy đến đất Kỳ Chu mà nhận mệnh lệnh.
38. Noi theo chỗ cũ của Thiệu Khang công, tổ tiên
người đã nhận mệnh lệnh.
39. Thiệu Hồ vái tạ cúi đầu sát đất
40. Và chúc vua được sống lâu muôn tuổi.

Dịch thơ

*Ngọc khuê toãn cho người để tặng,
Rượu nếp than đã đựng chén đầy.
Văn vương, Trẫm bảo cho hay
Việc ban sông núi ruộng này cho người.
Đất Kỳ Chu đến nơi nhận lệnh,
Chỗ ngày xưa thụ mệnh Thiệu công.
Cúi đầu Thiệu Hồ bái xong.
Chúc lên muôn tuổi cửu trùng sống lâu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 釐 ly, cho. 旨 dậu, chén. 文人 Văn nhân, tổ tiên có văn đức, nói Văn vương. 周 Chu, đất

Kỳ Chu. 召祖 *Thiệu tổ*, tổ tiên của Mục công, tức là Thiệu Khang công.

Đây kể lại thứ tự lời của vua ban sách mệnh (mệnh lệnh phong cho viết trên thẻ tre). Nói rằng ban cho người chén ngọc khuê toàn và rượu nếp than để người cúng tế tổ tiên người. Lại báo với tổ tiên là Văn vương việc đem sông núi ruộng đất cho Thiệu Hồ, để nước phong cho Thiệu Hồ được rộng thêm. Vì rằng người xưa phong tước cho ai thì vào tông miếu của tổ tiên mà phong, tỏ ý là không dám tự chuyên. Vua lại khiến đến nhận mệnh lệnh ở đất Kỳ Chu, nơi theo chỗ cũ của Thiệu Khang Thích, tổ tiên của Thiệu Hồ đã nhận mệnh lệnh của Văn vương, để tỏ ý sùng ái đặc biệt Thiệu Hồ. Thiệu công Hồ bèn vái tạ cúi đầu sát đất mà nhận sách thư của vua sai khiến. Kể bề tôi chịu ơn vua thì không lấy gì báo đáp được, chỉ nói là mong vua sống được lâu dài muôn tuổi mà thôi.

CHƯƠNG VI

虎拜稽首

41. Hồ bái khể thủ,

對揚王休

42. Đối dương vương hưu.

作召公考

43. Tác Thiệu công khảo

天子萬壽

44. Thiên tử vạn thọ

明明天子

45. Minh minh thiên tử

令聞不見

46. Lịch văn bất dĩ

矢其文德

47. Thi kỳ văn đức,

洽此四國

48. Hạp thử tứ quốc.

Dịch nghĩa

41. Thiệu Hổ vái tạ cúi đầu sát đất,
42. Khen tặng mệnh trời tốt đẹp của vua để đáp lời vua.
43. Làm đồ cúng tế thì có ghi (những lời vua ban để hoàn tất) việc thành công của Thiệu Khang công.
44. Chúc Thiên tử sống lâu muôn tuổi.
45. Bực thiên tử rạng rỡ huy hoàng,
46. Tiếng tốt lẫy lừng mãi không thôi.
47. Khuyên vua lấy văn hóa nhân đức truyền bá ra,
48. Để hòa hợp các nước trong bốn phương.

Dịch thơ

Thiệu Hổ đã rạp đầu bái lễ
Khen ngợi vua tốt để đáp lời,
Tế dâng, công nghiệp ghi rồi .
Muôn năm thiên tử sống đời dài lâu
Bực thiên tử xiết bao lòng lẫy!
Tiếng tốt tỳi đồn mãi chẳng thôi .
Dem văn đức truyền khắp nơi,
Bốn phương các nước cùng vui hợp hòa,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 對 đối, đáp 揚 dương, khen, 休 hưu (đọc hữu cho hợp vận), đẹp 考 khảo (đọc khẩu cho hợp vận), thành. 矢 thì, trần bày ra.

Nói Thiệu Mục công đã nhận ơn ban, bèn khen tặng mệnh trời đẹp đẽ của vua để đáp lời. Làm những vật dụng để cúng tế trong miếu của Thiệu Khang công thì có ghi khắc những lời của vua khi ban cho sách mệnh (mệnh lệnh của vua viết trên thẻ tre) để hoàn tất việc thành công của Thiệu Khang công. Lại lấy việc sống lâu muôn tuổi chúc thiên tử.

Bài văn khắc trên đồ xưa ghi rằng: *Biện bái khê thủ, cảm đối dương thiên tử hưu mệnh, dụng tác trẫm hoàng khảo. Cung bá tôn đối. Biện kỳ mỹ thọ, vạn niên vô cương* = Biện vái tạ cúi đầu sát đất, dám đối đáp khen tặng mệnh trời tốt đẹp của thiên tử, dùng để làm đồ vật cúng tế Cung bá là bề tôi của cha trẫm. Biện sống lâu lông mày mọc ra dài, sống muôn năm không giới hạn.

Những lời ấy thật giống nhau, nhưng lời kia trên đồ cổ thì tự chúc mình sống lâu, còn lời trong bài thơ này thì chúc vua sống lâu.

Rồi lại khen tặng, tiếng tăm tốt đẹp của vua để tiếng mãi không thôi. Lấy văn hoá nhân đức mà khuyên vua, không muốn vua dốc chí vào vũ công. Lòng thương mến vua của người xưa có thể nhận thấy rõ ở đây vậy.

Thiên Giang Hán có 6 chương, mỗi chương có 8 câu.

BÀI THỨ 269

CHƯƠNG I

常武

赫赫明明
王命卿士
南仲大祖
大師皇父
整我六師
以脩我戎
既敬既戒
惠此南國

Thường vũ. (Đăng 9)

1. Hách hách minh minh!
2. Vương mệnh khanh sĩ
3. Nam Trọng thái tổ,
4. Thái sư Hoàng Phủ
5. Chinh ngã lục sư,
6. Dĩ tu ngã nhung.
7. Ký kính ký giới
8. Huệ tử nam quốc.

Dịch nghĩa

1. Uy nghiêm rạng rỡ thay !
2. Vua sai quan khanh sĩ
3. Là Nam Trọng làm đại tướng nối đời có công
4. Kiêm chức thái sư, lấy tên tự là Hoàng Phủ
5. Chinh đồn sáu đạo quân của ta
6. Sửa soạn khí giới của quân sĩ ta
7. Khi quân sĩ ta đã nghiêm chỉnh phòng bị xong xuôi

8. (Thì được mang đi đánh dẹp) để thuận phục nước ở phương nam ấy.

Dịch thơ

*Rất uy nghiêm và cùng vinh hiển
Khanh sĩ này vua khiến sai ra,
Tường Nam Trọng nối công xa,
Tự là Hoàng Phủ, chức là thái sư
Sáu quân ta chỉnh tu chuẩn bị
Sửa soạn ngay binh khí cho xong.
Khi đã nghiêm kính giới phòng
Ra quân thuận phục nước vùng phương nam.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 卿士 *khanh sĩ*, tức là quan Hoàng Phủ. 南仲 *Nam Trọng*, đại tướng quân Nam Trọng (xem lại thiên *Xuất xa*, bài thứ 168). 大祖 *thái tổ*, thủy tổ. 大師 *thái sư*, quan Hoàng Phủ kiêm chức thái sư. 我 *ngã*, ta. Tuyên vương tự xưng là ta. 戎 *nhung* (đọc *nhữ* cho hợp vận) binh khí.

Chu Tuyên Vương tự làm tướng đánh giặc rợ ở Hoài Bắc, sai quan khanh sĩ, gọi là Nam Trọng, tự là Hoàng Phủ, làm thái tổ kiêm chức thái sư, chỉnh đốn sáu đạo quân mang theo, sửa soạn khí giới để trừ loạn Hoài di, thuận phục nước phương nam ấy. Nhà thơ làm bài này để

khen tặng. Bảo tướng quân Nam Trọng là thái tổ là nói Nam Trọng đã nối đời có công mà khen tặng.

CHƯƠNG II

王 謂 尹 氏	9. Vương vị Doãn thị
命 程 伯 休 父	10. Mệnh trình bá Hưu Phủ
左 右 陳 行	11. Tả hữu trần hàng
戒 我 師 旅	12. Giới ngã sư lữ.
率 彼 淮 浦	13. Suất bỉ Hoài phổ
省 此 除 土	14. Tỉnh thử Từ thổ
不 留 不 處	15. Bất lưu bất xử
三 事 就 緒	16. Tam sự tựu tự.

Dịch nghĩa

9. Vua bảo Doãn Cát Phủ
10. Sai ông Trình bá Hưu Phủ (làm chúc tư mã)
11. Đem quân sĩ ở hai bên dàn ra thành hàng liệt,
12. Để răn dạy quân đội của ta xuất chinh
13. Rồi nơi bờ sông Hoài kia
14. Mà xem xét vùng đất Từ châu ấy (hễ có quân phản nghịch thì đánh dẹp)

15. (Lại phải bố cáo cho nhân dân ở Từ Châu được biết rằng :) Quân đội ta không có lưu lại, không có ở lại đây lâu,

16. Để dân chúng được lo việc canh nông ở ba vùng (vùng cao, vùng thấp và vùng đồng bằng)

Dịch thơ

Quan Doãn Cát vua đã truyền dạy

Bầy quân tả hữu thành hàng.

Răn quân trước lúc lên đường xuất chinh.

Bờ sông Hoài tiến hành theo riết

Đất từ Châu xem xét gần xa

Không lưu không ở quân ta

Dân yên làm ruộng khắp ba vùng liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 尹氏 Doãn thị là Doãn Cát Phủ, vì Doãn cát Phủ làm nội sử coi giữ sách mệnh (mệnh lệnh viết trên thẻ tre) sai khiến các quan khanh đại phu. 程伯休父 Trình bá Hưu Phủ, quan đại phu của nhà Chu. 三事 tam sự, chưa rõ là gì, hoặc nói là 三農之事 tam nông chí sự việc tam nông ở vùng đất cao, ở vùng đất thấp và ở vùng đồng bằng.

Nói vua gọi Doãn Cát phủ ra lệnh cho Trình bá Hưu Phủ làm chúc tư mã, khiến Trình Bá Hưu Phủ dẫn binh

bày thành hàng liệt, rồi noi theo bờ sông Hoài mà xem xét vùng đất Từ Châu, vì đó là việc đánh dẹp giặc rợ Hoài Bắc và Từ Châu.

Chương I đã sai Hoàng Phủ, còn chương II này thì lại sai Trình bá Hưu Phủ, vì rằng vua đích thân sai quân thái sư lấy chức tam công mà lo việc quân, rồi khiến quan nội sử sai quan tư mã lấy chức lục khanh mà giúp đỡ vào.

CHƯƠNG III

赫赫業業

有嚴天子

王舒保作

匪召匪遊

徐方敦騷

震驚徐方

如雷如霆

徐方震驚

17. Hách hách nghiệp nghiệp

18. Hữu nghiêm thiên tử

19. Vương thư bảo tác

20. Phỉ thiệu phỉ du

21. Từ phương dịch tao,

22. Chấn kinh Từ phương

23. Như lôi như đình

24. Từ phương chấn kinh

Dịch nghĩa

17. Rạng rỡ lớn lao thay !

18. Thiên tử làm tướng rất uy phong.

19. Quân đội của vua phong thả tiến đi yên ổn.

20. Không gấp rút không chậm chạp

21. Mà vùng đất Từ đã rối loạn

22. Làm kinh động khắp vùng đất Từ . .
 23. Như sấm như sét đánh vang.
 24. Vùng đất Từ đều kinh hoàng chấn động.

Dịch thơ

*Đã rạng rỡ và cùng vĩ đại
 Thiên tử làm tướng lại uy nghi.
 Quán vua yên ổn tiến đi,
 Chẳng hề gấp rút, chậm thì cũng không
 Mà đất Từ trọn vùng loạn rồi.
 Đất Từ thì khắp cõi rung rinh
 Thật như vang nổ lôi đình
 Đất Từ khắp chốn hoảng kinh hãi hùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 赫赫 hách hách, rạng rỡ 業業 nghiệp nghiệp, to lớn. 嚴 nghiêm, uy nghiêm. Khi thiên tử tự làm tướng đi đánh giặc thì uy phong đáng sợ. 王舒保作 vương thư bảo tác, chưa rõ nghĩa là gì. Hoặc nói thư là từ từ chậm chậm, bảo là an, tác là đi. Nói quân đội của vua thư thả chậm chậm mà đi yên ổn. 召 thiệu, cột chặt lại. 遊 du, ngao du 戮 dịch, liên lạc với nhau 騷 tao, nhiễu động, làm kinh động rối loạn.

Từ Chu Di Vương, Chu Lệ vương trở lại thì nhà Chu suy nhược đến đây thì thiên tử nhà Chu tự làm tướng đi đánh dẹp chư hầu nào không chịu đến châu. Lúc quân đội

của vua bắt đầu ra đi thì không mau không chậm, mà nhân dân ở đất Từ đều đã chấn động rồi như bị sấm sét đánh ngay ở trên vậy, không còn rảnh rang mà ở yên nữa.

CHƯƠNG IV

王奮厥武

25. Vương phẫn quyết vũ

如震如怒

26. Như chấn như nộ.

進厥虎臣

27. Tiên quyết hổ thần,

闔如虓虎

28. Hám như hào hổ.

鋪敦淮漬

29. Phô đôn Hoài phần,

仍執醜虜

30. Nhưng chấp xú lỗ.

截彼淮浦

31. Tiệt bỉ Hoài phố,

王師之所

32. Vương sư chi sở.

Dịch nghĩa

25. Vua phẫn khởi uy vũ lên

26. Như sấm sét, như giận dữ

27. Xua những bề tôi dũng mãnh như cọp tiến tới,

28. Cùng hét lên như cọp gầm,

29. Dàn quân nhiều lớp rất dày trên bờ sông Hoài.

30. Tiến đến bắt sống quân giặc làm tù binh.

31. Trên bờ sông Hoài, thật là kiên cố.

32. Chỗ quân đội của vua đóng binh.

Dịch thơ

Vua uy vũ vùng lên phẫn chấn
Như sấm và sét giận bừng lên.
Xua quân hùng hổ hướng tiền
Hét vang như cọp gầm rên khắp nơi.
Quân nhiều lớp sông Hoài đông đặc.
Bất sông liền quân giặc rồi đây.
Thật là kiên cố sông Hoài
Chỗ mà vua đã sắp bày đóng quân.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 進 tiến, đánh trống mà tiến quân. 闕 hám, đáng giận dữ. 虓 hào đáng cọp tự nổi giận. 鋪 phô, bày ra, dàn quân ra. 敦 đôn, đôn hậu, đem quân dàn ra rất dày thành nhiều lớp. 仍 nhưng, đến. Lão tử nói: Nhưng ty nhi nhưng chi. Xắn áo cho lời cánh tay mà đưa đến. 截 tiết, đáng chắc chắn không thể nào xâm phạm được.

CHƯƠNG V

王旅暉暉
如飛如翰
如江如漢

33. Vương lữ than than,
34. Như phi như hàn
35. Như Giang như Hàn.

如山之苞
如川之流
綿綿翼翼
不測不克
濯征徐國

36. Như sơn chi bao,
37. Như xuyên chi lưu.
38. Miên miên dục dục,
39. Bất trắc bất khắc,
40. Trạc chinh Từ quốc.

Dịch nghĩa

33. Quân đội của vua đông đảo vô số.
34. Mau lẹ như chim bay
35. Đông nhiều như nước sông Trường Giang và sông Hán.
36. Vững vàng như chân núi,
37. Ồ ạt như dòng nước chảy không thể nào ngăn.
38. Liên tiếp mãi không bao giờ dứt và có trật tự nghiêm trang.
39. Không thể nào dò biết được, không thể nào đánh thắng nổi.
40. Đi đánh dẹp một cách lớn lao nước Từ.

Dịch thơ

*Quân của vua rõ ràng đông thật
Như chim bay đều rất lẹ làng.
Như sông Hán, như Trường Giang,*

Như là chân núi vững vàng xiết bao!

Ồ à như nước ào ào chảy

Liên tiếp hàng ngũ mãi nghiêm trang,

Không ai thắng, không thể lường.

Xuất chinh Tứ quốc phi thường lớn lao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 暉暉 *than than*, dáng đông nhiều. 漢 hàn, lông. 苞 bao (đọc phân cho hợp vận), cái gốc. 如飛如翰 *như phi như hàn*, mau như bay vút. 如江如漢 *như Giang như Hán*, đông nhiều như nước sông Trường Giang và sông Hán. 如山 *như sơn*, như núi không thể lay động nổi. 如川 *như xuyên*, như sông nước chảy không thể ngăn nổi. 綿綿 *miên miên*, không thể nào dứt tuyệt được. 翼翼 *dực dực*, không thể nào rối loạn được 不測 *bất trắc*, không thể nào dò biết được. 不克 *bất khắc*, không thể nào thắng nổi. 濯 *trạc*, to lớn.

CHƯƠNG VI

王猶允塞

徐方既來

徐方既同

天子之功

四方既平

41. Vương do doãn tắc.

42. Từ phương ký lại.

43. Từ phương ký đồng,

44. Thiên tử chi công.

45. Tứ phương ký bình.

- | | |
|------|--------------------------|
| 徐方來庭 | 46. Từ phương lai đình. |
| 徐方不回 | 47. Từ phương bất hồi. |
| 王曰還歸 | 48. Vương viết hoàn quy. |

Dịch nghĩa

41. Đạo đức của vua đáng tin là có thật sự (không hư ảo).
42. Nước từ đã đến thuận phục.
43. Nước Từ đã dẹp yên rồi.
44. Đó là công lao của thiên tử.
45. Bốn phương đã dẹp yên.
46. Nước từ đã đến châu.
47. Nước Từ không trái nghịch nữa.
48. Vua bảo: Dem quân trở về.

Dịch thơ

*Đạo đức vua đáng tin có thật
 Nên nước Từ đã khuất phục liền.
 Nước Từ bình định đã yên.
 Công lao ấy thật của thiên tử rồi.
 Khắp bốn phương mọi nơi yên định.
 Nước Từ liền vâng lệnh đến châu
 Nước từ chẳng trái nghịch đâu.
 Nên vua ra lệnh: Hãy thu quân về.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 猶 do, đạo đức. 塞 tắc, thật, không hư ảo. 庭 đình, triều đình. 回 hồi, trái nghịch. 還 hoàn, trở về, đem quân trở về. ở thiên trước (*Giang Hàn*, bài thứ 268) Thiệu Mục công thống suất quân đội ra đi chinh phạt rồi trở về báo cáo việc thắng trận thành công, cho nên có chép đầy đủ những lời khen thưởng.

Còn ở thiên này vua thật đã thân hành đi đánh giặc, cho nên ở chương cuối nói đi nói lại việc qui công về thiên tử.

Nói đạo đức của vua rất lớn lao, người phương xa đều mong nhớ, không phải chỉ có uy phong về vũ bị như thế mà thôi. Bài tự ở sách *Hao thi* đã nói nhân đây để mà giới răn, là đây vậy.

Thiên Thường vũ có 6 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 270

CHƯƠNG I

瞻 印

瞻 仰 昊 天
則 不 我 惠
孔 填 不 寧
降 此 大 厲
邦 靡 有 定

Chiêm ngưỡng (Đăng 10)

1. Chiêm ngưỡng Hạo thiên,
2. Tắc bắt ngà huệ.
3. Khổng điền bất ninh.
4. Giáng thử đại lệ.
5. Bang mỹ hữu định.

土民其瘵
蠹賊蠹疾
靡有夷屆
罪罟不收
靡有夷瘳

6. Sĩ dân kỳ trãi .
7. Mâu tặc mâu tật.
8. Mỹ hữu di giới.
9. Tội cố bất thu.
10. Mỹ hữu di trừu.

Dịch nghĩa

1. Ngưỡng trông lên trời.
2. Thì Trời không thuận lòng đoái thương ta.
3. Rất lâu dân chúng không được an ninh,
4. Còn gieo xuống cuộc loạn lạc to tát này.
5. Trong nước mà không được yên ổn.
6. Thì dân chúng phải đau khổ:
7. Bị kẻ tiểu nhân hãm hại như lúa mạ bị giống sâu tàn phá.
8. Cho nên nỗi đau khổ của dân không được dẹp yên và ngăn dứt.
9. Lưới tội lỗi của nhà cầm quyền giăng ra để hãm dân vào vòng tù tội thì không được thu cất dẹp bỏ.
10. Cho nên nỗi đau của dân không được dẹp yên và chữa cho khỏi.

Dịch thơ

Ngẩng lên Trời để nhìn trông,
Thì Trời lại chẳng thuận lòng thương ta.
Chẳng an ninh nay đã lâu lắm
Gieo loạn to rồi rắc liền liền.
Nước mà chẳng được bình yên.
Thì dân phải chịu lụy phiền khổ đau.
Kẻ tiểu nhân một sát tàn phá.
Nỗi khổ đau nào đã dứt ngăn.
Không thu những lưới hãm dân.
Khổ đau chẳng thể trị an được rồi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 填 埏, lâu. 厲 廢, loạn. 療 貳 (đọc trể cho hợp vận), bệnh 蠱 賊 蠱 賊, loài sâu hại lúa mạ. 疾 疢, hại. 夷 殪, bệnh. 厓 紀 (đọc ký). cùng cực. 罟 罟, cái lưới.

Đây là bài thơ châm biếm U vương say mê nàng Bao Tự và dùng hoạn quan để đưa đến loạn lạc.

Phần đầu nói Trời không thuận hoà thương dân mà gieo xuống việc loạn lạc. Đó là lời không thể đổ tội vào ai được cả. Tô thị nói rằng: Nước được yên định, thì nhân dân được phúc lành. Nước không yên định, thì nhân dân chịu điều đau khổ. Cho nên có đứa tiểu nhân làm hại nhân dân,

cũng như những giống sâu làm hại mạ lúa, hình pháp thì bày ra lắm điều để hãm hại dân vào vòng tù tội, cũng như giăng bủa lưới vông ra để chực bắt chim thú.

Tất cả những việc đã khiến nhân nhân đau khổ.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|------------------------|
| 人有土田 | 11. Nhân hữu thổ điền |
| 女反有之 | 12. Nữ phản hữu chi. |
| 人有民人 | 13. Nhân hữu dân nhân, |
| 女覆奪之 | 14. Nữ phúc đoạt chi. |
| 此宜無罪 | 15. Thử nghi vô tội, |
| 女反收之 | 16. Nữ phản thu chi. |
| 彼宜有罪 | 17. Bĩ nghi hữu tội, |
| 女覆脫之 | 18. Nữ phúc thoát chi. |

Dịch nghĩa

11. Người ta có ruộng đất.
12. Thì vua trái lại giành lấy
13. Người ta có nhân dân.
14. Thì vua trái lại giựt lấy.
15. Người này đáng là vô tội.
16. Thì vua trái lại bắt giam.
17. Kẻ kia đáng là có tội,
18. Thì vua trái lại tha cho.

Dịch thơ

Người ta có những thỏ điên,
Thì vua trái lại giành liền, hỏi ôi!
Còn dân chúng của người ta được,
Trái lại vua đã tước đoạt ngay.
Đáng là vô tội người này,
Thì vua trái lại giam đầy người ta.
Còn kẻ nọ đáng là có tội
Trái lại vua tha tội cho liền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 反 *phản*, trái lại. 收 *thu* (đọc *thu* cho hợp vận), câu thúc, bắt giữ. 脫 *thoát*, tha cho.

CHƯƠNG III

- | | |
|-------|------------------------------|
| 哲夫成城 | 19. Triết phu thành thành, |
| 哲婦傾城 | 20. Triết phụ khuynh thành. |
| 懿厥哲婦 | 21. ý quyết triết phụ |
| 爲梟爲鷗 | 22. Vi kiêu vi xi. |
| 婦有長舌 | 23. Phụ hữu trường thiết |
| 維有之階 | 24. Duy lệ chi giai. |
| 亂匪降自然 | 25. Loại phỉ giáng tự thiên. |

生自婦人

匪教匪誨

時維婦寺

26. Sinh tự phụ nhân.

27. Phỉ giáo phỉ hối.

28. Thì duy phụ thị.

Dịch nghĩa

19. Đàn ông có trí thì dựng nên nước nhà.

20. Đàn bà có trí thì nghiêng thành đổ nước

21. Người đàn bà đẹp dễ và có trí kia (chỉ nàng Bao Tự)

22. Chỉ là giống chim cú chim vọ (kêu lên thì sinh ra tai hoạ).

23. Đàn bà mà hay nói hay bàn (dài lưỡi)

24. Chỉ tạo nên những nấc thang đưa đến loạn lạc.

25. Loạn lạc không phải tự trời gieo xuống.

26. Loạn lạc sinh ra từ người đàn bà.

27. Vì lời của đàn bà không phải dễ dạy dỗ được.

28. Thì chỉ có đàn bà và hoạn quan là đáng để răn mình.

Dịch thơ

Đàn ông trí dựng nước nhà

Nghênh thành đổ nước đàn bà trí cao

Đàn bà trí diễm kiều đầy đủ

Chỉ là loại vọ cú mà thôi
Đàn bà bàn nói lắm lời
Tạo nên thang nấc đến nơi ly loạn.
Trời chẳng gieo những gian nan đó.
Vì đàn bà mới có loạn tai.
Lời đàn bà chẳng dạy ai.
Đàn bà quan hoạn phải hay răn mình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thực phú: 哲 *triết*, trí. 城 *thành*, như quốc gia. 哲婦 *triết phụ*, người đàn bà khôn khéo, chỉ nàng Bao Tự 傾 *khuy nh*, nghiêng đổ. 懿 *y*, đẹp. 梟鳴 *kiêu xi*, loài chim có tiếng dữ, kêu lên thì sanh ra tai hoạ. 長舌 *trường thiết* lưỡi dài, hay nói. 階 *giai* (đọc *giê*), nấc thang. 寺 *thị*, hoạn quan.

Nói đàn ông thì địa vị ở ngoài xã hội, làm chủ một quốc gia, cho nên hễ có trí thì có thể dựng nước.

Còn đàn bà thì lấy điều không cần biết việc phải trái của xã hội làm điều phải của mình, không cần gì đến trí cả. Mà hễ đàn bà có trí thì chỉ đi đến việc nghiêng đổ quốc gia mà thôi. Cho nên, Bao Tự, người đàn bà đẹp có trí này, trái lại chỉ là giống chim cú chim vọ (kêu lên ắt có tai hoạ). Vì rằng với việc hay nói bàn của nàng, nàng có thể làm những nấc thang đưa đến tai hoạ được. Nếu như thế thì loạn lạc há lại thật tự trời gieo xuống như chương đầu đã nói hay sao ? Đặc biệt chỉ có đàn bà mà thôi. Vì rằng lời

của đàn bà tuy nhiều mà không có ích lợi gì về việc dạy dỗ hết. Như thế thì đàn bà và hoạn quan há lại đáng được gán gũ hay sao.

Đoạn đầu chỉ nói cái hoạ của đàn bà đã gây ra, câu sau cùng lại nói luôn bọn hoạn quan nữa. Vì rằng đàn bà và hoạn quan, hai hạng người ấy thường dựa vào nhau để làm việc gian tà, người ta không thể nào không kể chúng lại để lấy đó mà răn mình.

Âu dương công thường nói cái hoạ của hoạn quan gây ra còn quá hơn của đàn bà gây ra. Lời của Âu - dương công rất thâm thiết, buộc làm vua có thể nào lại không răn mình hay sao ?

CHƯƠNG IV

鞠人伎忒

29. Cúc nhân chi thắc.

譖始竟背

30. Tiếm thuỷ cánh bội.

豈曰不極

31. Khi viết bất cực ?

伊胡爲慝

32. Y hồ vi thắc?

如賈三倍

33. Như cổ tam bội

君子是識

34. Quân tử thị thức

婦無公事

35. Phụ vô công sự

休其蠶織

36. Hữu kỳ tầm chức.

Dịch nghĩa

29. Chúng hay dò xét đến cùng lời của người ta, chúng sợ bị hại, chúng biến trá vô thường.

30. Chúng lấy lời không đáng tin mà khởi xương, rồi cuối cùng chúng phủ nhận.

31. Há rằng không cùng cực quá đáng rồi à?

32. Mà trái lại chúng bảo sao đáng là tội ác ư?

33. Như việc trử hàng hóa để lời nhiều gấp ba lần

34. Mà người quân tử cũng hiểu biết đến.

35. Đàn bà không có công việc ở triều đình.

36. Lại bỏ việc nuôi tằm dệt vải để tham dự việc triều đình.

Dịch thơ

Xét dò biến trá khó lường

Lời sai đề khởi, sau thường chối xa.

Thì há lại chẳng là cùng cực?

Còn nói là chẳng thực tội sao?

Ba lần lời quá dối dào,

Người quân tử cũng chen vào biết qua.

Việc triều đình, đàn bà không có

Để tham gia đều bỏ cũi tằm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 鞠 cú, cùng tội. 伎 chi, hại. 忒 thắc, biến. 譖 tiếm, không tin. 竟 cánh, rốt cùng. 背 bội (đọc bắc cho hợp vận), phản bội. 極 cực, xong, thôi. 惡 thắc, việc ác. 賈 cổ, chứa trữ hàng hoá lại. 三倍 tam. bội, được lời gấp ba lần, được lời rất nhiều. 公事 công sự, việc của triều đình. 蠶織 tằm chức, việc nuôi tằm và dệt vải là nghề nghiệp của đàn bà.

Nói đàn bà và hoạn quan hay lấy mưu trí dò xét đến cùng lời nói của người ta, mà lòng chúng sợ bị hại cho nên biến trá vô thường. Đã lấy lời bậy bạ không đáng tin mà khởi xướng lên lúc đầu, rồi cuối cùng hoặc có khi không thành hiệu nghiệm ở buổi về sau, thì chúng cũng không tự nhận trở lại lời của chúng là phóng túng, bậy bạ không đáng tin, không có gì là quá đáng cả, rồi ngược lại chúng nói rằng: Sao lại đáng là tội ác ư?

Ôi! Tiên lời của người lái buôn không phải là điều đáng biết của người quân tử. Cũng như việc triều đình không phải là cho đàn bà tham dự. Nay chứa trữ hàng hoá được lời gấp ba mà người quân tử cũng biết vì sao mà thế nữa. Đàn bà không công việc ở chốn triều đình, lại bỏ việc nuôi tằm dệt vải để mưu lo công việc của triều đình, thì há lại không là tội ác hay sao?

CHƯƠNG V

天何以刺

37. Thiên hà dĩ thứ?

何神不富
舍爾介狄
維予胥忌
不弔不祥
威儀不類
人之云亡
邦國殄悴

38. Hà thần bất phú?
39. Xả nhĩ giới dịch,
40. Duy dư tư ky
41. Bất điều bất tường.
42. Uy nghi bất loạn.
43. Nhân chi vân vong.
44. Bang quốc điển tụy.

Dịch nghĩa

37. Trời sao lại trách vua?

38. Thánh thần sao lại chẳng giúp cho vua giàu có hay sao?

39. Vua bỏ qua nạn lớn của rợ dịch không để tâm lo lắng.

40. Mà vua chỉ oán ghét ta (vì lời can gián chính đáng của ta).

41. Vua không thương xót dân chúng khi gặp thời chẳng lành.

42. Uy nghi của vua lại không cẩn thận giữ gìn đẹp đẽ.

43. Người giỏi đều nói bỏ đi trốn tránh,

44. Thì nước nhà sẽ tiêu tụy và tiêu diệt.

Dịch thơ

Sao ông Trời lại trách phiền ?

Sao thần thánh chẳng giúp nên sang giàu?

Nạn rợ địch lớn lao chẳng biết.

Riêng ta, vua oán ghét phi thường.

Dân tai họa, vua chẳng thương.

Uy nghi đẹp đẽ dàng hoàng chẳng trau.

Người tài nói: Cùng nhau ẩn trốn.

Thì nước nhà nguy khốn diệt vong.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 刺 *thích* (đọc *thế* cho hợp vận), trách. 介 *giới*, to. 胥 *tư*, lẫn nhau. 弔 *diếu*, thương xót.

Nói trời sao lại trách vua, thánh thần sao lại chẳng giúp vua cho giàu có hay sao ? Tất cả đều do ở duyên cớ vua tin dùng đàn bà mà ra, thì tất nhiên sẽ có cái tai nạn lớn lao do rợ di địch (rợ ở phương đông là di, ở phương bắc là địch) gây ra. Nay vua bỏ qua những giặc rợ ấy không để tâm lo sợ, trái lại vua lấy những lời chính đáng không kiêng tránh của ta mà oán hờn, là vì sao vậy thay ?

Ôi! Trời gieo xuống những điều chẳng lành là để mong vua sợ mà tự lo tu tỉnh. Nay vua gặp tai biến mà không biết thương xót dân chúng, lại không cẩn thận lấy uy nghi và không được người giỏi giúp đỡ, thì được nhà ắt tiêu tụy và diệt vong là đúng lắm.

Hoặc nói *giới địch* tức là chỉ đàn bà và hoạn quan, cũng như nói 女戎 *nữ nhung* là hoạn đàn bà.

CHƯƠNG VI

天之降罔	45. Thiên chi giáng vông
維其優矣	46. Duy kỷ ưu hĩ
人之云亡	47. Nhân chi vân vong.
心之憂矣	48. Tâm chi ưu hĩ.
天之降罔	49. Thiên chi giáng vông
維其幾矣	50. Duy kỳ cơ hĩ.
人之云亡	51. Nhân chi vân vong.
心之悲矣	52. Tâm chi bi hĩ.

Dịch nghĩa

45. Trời đem tai hoạ giáng bủa xuống nhân gian.
46. Thật là nhiều.
47. Người hiền đều nói bỏ đi trốn tránh.
48. Cho nên lòng ta ưu sầu
49. Trời đem tai hoạ giáng bủa xuống nhân gian.
50. Thật là nạn diệt vong đã gần kề.
51. Người hiền đều nói bỏ đi trốn tránh.
52. Cho nên lòng ta sầu bi.

Dịch thơ

Trời đã giăng bủa nạn tai,
Rõ ràng dồn dập nhiều thay thật là.
Người hiền nói: Bỏ ra trốn tránh
Nên lòng ta thêm chạnh ưu sầu.
Trời đã giăng bủa khổ đau.
Diệt vong nay đã xiết bao gần kề!
Người hiền nói: Ta về ẩn tránh.
Nên lòng ta canh cánh sầu bi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 罔 võng, cái lưới. 優 ưu, nhiều.
幾 ky (thường đọc cơ) gần. Vì rằng tiếp theo ý chương trên
mà nói thêm một lần nữa để cảnh tỉnh vua.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|------------------------|
| 截沸檻泉 | 53. Tất phát hạm tuyên |
| 維其深矣 | 54. Duy kỳ thâm hĩ. |
| 心之憂矣 | 55. Tâm chi ưu hĩ. |
| 寧自今矣 | 56. Ninh tự kim hĩ ? |
| 不自我先 | 57. Bất tự ngã tiên. |
| 不自我後 | 58. Bất tự ngã hậu. |
| 藐藐昊天 | 59. Mạc mạc Hạo thiên |

無不克鞏
無忝皇祖
式救爾後

60. Vô bất khắc củng.
61. Vô thiểm hoàng tổ.
62. Thức cứu nhĩ hậu.

Dịch nghĩa

53. Dòng suối chánh nước tung vọt lên mà chảy ra.
54. Thì nguồn của nó phải sâu.
55. Lòng ta ưu sâu,
56. Há lại chỉ từ buổi hôm nay ?
57. Hoả hoạn ấy không ở vào thời trước ta.
58. Không ở vào thời sau ta (mà lại ở đúng vào thời này ta đang sống).
59. Trời cao xa kia.
60. Không có gì mà không thể củng cố lại được.
61. (Vua phải hối cải), để khỏi nhục tổ tiên.
62. Để cứu vãn được con cháu về sau nữa.

Dịch thơ

Suối dòng chánh nước tung ra.
Thì nguồn của nó ắt là phải sâu.
Lòng ta lại bi sâu hậu tử
Há lại là chỉ buổi hôm nay?
Trước ta không có loạn này,

Cũng không phát hiện những ngày sau ta.

Hỡi ông Trời cao xa lồng lộng !

Không có gì chẳng cúng tổ tiên.

Tu thân khỏi nhục tổ tiên.

Cháu con cứu được sống yên đời đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 截沸 *tất phát* dâng nước sôi tung vọt lên. 檻泉 *hạm tuyền*, dòng suối chánh chảy ra. 獭 獭 *mạc mạc*, dâng cao xa. 輦 *củng* (đọc cổ cho hợp vận), vũng bên.

Nói nước sôi tung vọt lên mà chảy ra, thì nguồn của nó đã sâu vậy. Nỗi ưu sầu của lòng ta cũng chẳng phải mới đến vào buổi hôm nay như thế. Nhưng hoạ loạn cùng cực thì mới đến vào buổi này, vì rằng đã chẳng làm thế nào mà ngăn được.

Chỉ có Trời cao xa, tuy như thờ ơ không để ý gì đến muôn vật và công hiệu thì huyền diệu không thể nào liệu dò mà biết được. Tuy là đáng lúc cực nguy, cực loạn, cũng không có gì là không củng cố lại được. Chu U vương nếu chịu sửa lỗi để tân tiến lên cho khỏi nhục với tổ tiên, thì trời cũng có thể hồi tâm (tha thứ không gieo tai hoạ xuống nữa), tương lai ắt còn có thể cứu vãn được, mà con cháu cũng mong nhờ được phúc lành.

Thiên chiêm ngưỡng có 7 chương, 3 chương 10 câu và 4 chương 8 câu.

BÀI THỨ 271

CHƯƠNG I

召旻	Thiệu mân (Đặng 11)
旻天疾威	1. Mân thiên tạt uy
天篤降喪	2. Thiên đốc giáng táng.
殄我飢饉	3. Diên ngã cơ cấn.
民卒流亡	4. Dân tốt lưu vong.
我居圉卒荒	5. Ngã cư ngữ tốt hoang.

Dịch nghĩa

1. Trời vội thi hành uy lực bạo ngược.
2. Trời lại gieo xuống cuộc táng loạn nặng nề.
3. Khiến cho chúng ta phải đau khổ đói kém.
4. Dân chúng đều lưu lạc chết mất hết.
5. Từ trong nước đến bờ cõi của nước ta đều bỏ hoang (không có ai cày cấy nữa).

Dịch thơ

Trời hành uy ngược khắt khe.
Trời gieo táng loạn nặng nề xiết bao !
Khiến ta đói kém khổ đau.
Chết dân, lưu lạc dãi dầu dân gian.

Cõi bờ trong nước hoang tàn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 篤 篤, đây. 瘖 瘖, bệnh. 卒 卒, dứt. 居 居 ở trong nước, 圉 圉, biên thùy.

Đây là bài thơ châm biếm U vương tin dùng đứa tiểu nhân để đưa đến nạn đói kém nạn xâm đoạt lãnh thổ.

CHƯƠNG II

- | | |
|-------|----------------------------|
| 天降罪罟 | 6. Thiên giáng tội cổ. |
| 蠹賊內訌 | 7. Mâu tặc nội hồng. |
| 昏秣靡共 | 8. Hôn trác mỹ cung. |
| 潰潰回遘 | 9. Hội hội hồi duật. |
| 實靖夷我邦 | 10. Thực tịnh di ngã bang. |

Dịch nghĩa

6. Trời gieo xuống tội hình để chặn bắt nhân dân vào lưới.
7. Bọn sâu dân một nước thì gây rối ở trong.
8. Bọn hoạn quan thì hồng hách (không khiêm cung) ở ngoài.
9. Những bọn ấy đều là những người rối rắm gian tà.
10. Thì thật sự được vua dùng cho cai trị bình định nước ta.

Dịch thơ

Tội hình Trời đã giáng bày
Bọn sâu mọt ở trong gây rối loạn
Ở ngoài hống hách hoạn quan.
Rõ ràng những kẻ tham gian toàn tà
Được dùng cai trị nước ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 誼 hồng, tán loạn, rối rắm. 昏
榘 hôn trác, hoạn quan hôn loạn. 恭 cung, đồng với. 共
cung, là cung kính. Một thuyết khác cho là đồng với 恭
cung là cung chúc, làm tròn chức vụ của mình. 潰潰 hội
hội, rối loạn, lộn xộn. 回遹 hồi duật, tà vạy. 靖 tịnh, trị.
夷 di, bình.

Nói bọn sâu dân mọt nước và bọn hoạn quan đều là
những kẻ rối loạn gian tà, mà vua lại dùng để trị yên nước
ta, sợ dĩ mới đưa đến loạn lạc.

CHƯƠNG III

皋皋訾訾

曾不知其玷

兢兢業業

孔填不寧

我位孔貶

11. Cao cao tử tử.

12. Tăng bất tri kỳ diễm.

13. Căng căng nghiệp nghiệp.

14. Khổng điền bất ninh.

15. Ngã vị khổng biếm.

Dịch nghĩa

11. Bọn tiểu nhân ngoan cố gièm siểm.
12. Mà vua không biết những lỗi lầm ấy.
13. Vua cứ nơm nớp lo âu.
14. Đã lâu trong nước không yên.
15. Ngôi vị của vua ta càng bị sút kém, chẳng khác nào chư hầu.

Dịch thơ

*Tiểu nhân ngoan cố siểm gièm.
Lỗi lầm vua lại chẳng thềm biết chi.
Vua lo nơm nớp sâu bi
Cho nên nước chẳng yên gì từ lâu.
Ngôi vua kém vợ chư hầu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 皋皋 cao cao ý cứng đầu kiêu ngạo. 訾訾 tử tử, lo phỉ báng nói xấu người. 玷 điểm, khuyết điểm. 填 điền, lâu.

Nói việc làm của bọn tiểu nhân ở chức vị là như thế, mà vua không biết những lỗi lầm ấy, đến nỗi phải nơm nớp lo sợ, rất lâu rồi vẫn không yên, mà ngôi vị của vua lại càng thấy bị giáng truất (thấp thỏi như hầu), việc làm đã quá nghiêng ngửa rối loạn như thế.

CHƯƠNG IV

如彼歲旱
草不潰茂
如彼棲苴
我相此邦
無不潰止

16. Như bĩ tuế hạn
17. Thảo bất hội mậu.
18. Như bĩ thê thư
19. Ngã tướng thử bang
20. Vô bất hội chỉ.

Dịch nghĩa

16. Như năm hạn hán kia
17. Cây cỏ đều úa khô không được tươi tốt nữa.
18. Như cây bèo kia bị vớt lên máng trên cây phải khô héo mà chết.
19. Ta xem quốc gia này.
20. Không thể nào không biến loạn được.

Dịch thơ

*Như năm hạn hán đương thì
Cỏ cây tàn úa còn gì tốt tươi.
Như cây bèo máng lên phơi.
Ta đã xem xét nhìn coi nước này
ắt là phải biến loạn ngay.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 潰 hội, toại thành, đạt 棲苴 *thê thư*, những cây cỏ nổi trên mặt nước bị vớt lên máng trên cây cho khô, ý nói khô khan không còn tươi tốt nữa. 相 *tương*, xem. 潰 hội, loạn.

CHƯƠNG V

- | | |
|------|------------------------|
| 維昔之富 | 21. Duy tích chi phú |
| 不如時 | 22. Bất như thì. |
| 維今之疾 | 23. Duy kim chi cửu |
| 不如茲 | 24. Bất như tư |
| 彼疏斯糲 | 25. Bĩ sơ tư bại |
| 胡不自替 | 26. Hồ bất tự thế ? |
| 職兄斯引 | 27. Chức huống tư dẫn. |

Dịch nghĩa

21. Ngày xưa giàu có

22. Không có đau khổ như thế này.

23. Nỗi đau khổ của ngày nay.

24. Cũng không quá lắm như thế này

25. Kẻ tiểu nhân kia như gạo lứt, người quân tử này như gạo trắng, khác nhau xa.

26. Kẻ tiểu nhân sao không bỏ chức vị để nhường cho người quân tử ?

27. Để khiến lòng ta chuyên vì thế mà thất vọng lâu dài.

Dịch thơ

Ngày xưa giàu có dồi dào
Không hề có sự khổ đau thế này.
Nỗi gian khổ của ngày nay
So ra quá lắm như vậy, có đâu.
Trắng và lút hăn khác nhau,
Chức và tước vị tại sao không nhường?
Kéo dài thất vọng đau thương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 時 *thì*, nầy. 疾 *cửu*, bệnh. 疏 *sơ*, gạo thô, gạo nứt, giã chưa trắng. 粳 *bại*, gạo trắng. 替 *thế*, phé. 兄 *huống* đồng với 悅 *huống*, thất vọng. 引 *dẫn*, kéo dài.

Nói ngày xưa giàu có chưa từng đau khổ như thế này. Mà cái đại khổ của ngày nay cũng chưa từng quá lắm như thế này. Đứa tiểu nhân kia với người quân tử như gạo lứt (chưa giã trắng) và gạo trắng, phân biệt khác nhau rõ ràng. Mà sao chẳng từ bỏ chức vị của mình để tránh nhường cho người quân tử ư? Để khiến lòng ta chỉ chuyên về cơ ấy mà đến nông nỗi phải thất vọng mãi không thể nào dứt ra được.

CHƯƠNG VI.

池之竭矣
不云自頻
泉之竭矣
不云自中
溥斯害矣
職兄斯弘
不哉我躬

28. Trì chi kiệt hĩ,
29. Bất vân tự tần.
30. Tuyền chi kiệt hĩ,
31. Bất vân tự trung
32. Phổ tư hại hĩ
33. Chức huống tư hoàng
34. Bất tai ngã cung?

Dịch nghĩa

28. Ao mà cạn nước,
29. Thì không nói vì không có nước ở ngoài bờ chảy tụ vào.
30. Nguồn mà cạn nước,
31. Thì không nói vì không có nước ở trong đất thấm chảy ra.
32. Cái hoạ hại ấy đã to rộng
33. Khiến lòng ta chỉ chuyên vì thế mà thất vọng ngày thêm lớn lao.
34. Thế thì chẳng nguy hại đến thân ta hay sao?

Dịch thơ

*Ao đã cạn nước đi rồi
Không hề nói nước bờ ngoài chẳng vô.*

Nguồn mà dòng nước cạn khô
 Nước không lượm nữa, chẳng cho vì là.
 Hoạ tai ấy đã rộng ra,
 Nên niềm thất vọng lòng ta to dần.
 Hà không nguy hại đến thân ?

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 頻 吟, bờ nước 溲 溲, rộng khắp. 弘 弘, to lớn.

Ao là nơi nước tụ lại. Nguồn là nơi nước chảy ra. Cho nên ao mà cạn là do nước ở ngoài không chảy tụ vào. Nguồn mà cạn là do nước ở trong không tưới chảy ra. ý nói hoạ loạn có nơi phát sinh ra, mà nay thì không nói như thế. Cái hoạ hại ấy cũng đã to rộng rồi, cho nên khiến lòng ta chỉ chuyên vì cố ấy mà đến nỗi phải thất vọng ngay một lớn lao hơn. Ta ưu sầu mà nói rằng: Thế thì chẳng nguy hại đến bản thân ta hay sao?

CHƯƠNG VIII.

- | | |
|---------|-----------------------------------|
| 昔先王受命 | 35. Tích tiên vương thụ mệnh, |
| 有如召公 | 36. Hữu như Thiệu công. |
| 日辟國百里 | 37. Nhật tịch quốc bách lý. |
| 今也日蹙國百里 | 38. Kim dã nhật súc quốc bách lý. |
| 於乎哀哉 | 39. Ô hô ! Ai tai |

維今之人

40. Duy kim chi nhân:

不尙有舊

41. Bất thượng hữu cựu ?

Dịch nghĩa

35. Ngày xưa khi tiên vương nhận mệnh trời,
36. Thì có những bậc như Thiệu công giúp đỡ.
37. Nước được mở rộng ngày ngày hàng trăm dặm.
38. Naynm thu hẹp lại ngày ngày hàng trăm dặm.
39. Hỡi ôi ! Đáng thương thay.
40. Người đời bây giờ !
41. Chẳng còn những bậc có đức hạnh xưa hay sao ?

Dịch thơ

*Tiên vương nhận mệnh trời xong.
Tất nhiên đã có Thiệu công giúp vào.
Ngày trăm dặm nước rộng mau.
Nước nay trăm dặm hẹp thu ngày ngày.
Hỡi ôi ! Thật đáng thương thay
Cho người đang sống thời nay biết nào!
Đức xưa chẳng có hay sao ?*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 先王 tiên vương, Văn vương và vũ Vương. 召公 Thiệu công, Thiệu Khang công 昔 tịch mở rộng 蹙 súc thu hẹp lại .

Trong thời văn vương, Chu công Đán lo việc chính trị ở trong, Thiệu công Thích lo việc chính trị ở ngoài, cho nên thơ của người nhà Chu được gọi là thơ Chu nam. Còn thơ của các nước chư hầu được gọi là thơ Thiệu nam. Bảo ngày ngày mở nước hàng trăm dặm (*Nhật tịch quốc bách lý*) là nói việc giáo hoá của Văn vương từ phương bắc tràn xuống phương nam cho đến khoảng sông Trường Giang sông Hán, những nước phục tùng theo ngày thêm đông đảo. Đến khi vua nước Ngụ nước Nhuế tới hỏi việc tranh chấp cho được công bình (xem lại thiên *Miên*, bài thứ 243, chương IX), thì các nước chư hầu ở bên cạnh nghe tiếng, cùng đưa nhau theo về nhà Chu hơn 40 nước.

Nay nói về thời U vương thì đất nước ngày càng thu hẹp lại, vì rằng có giặc Khuyển Nhung xâm phạm vào kinh kỳ, chư hầu lại làm phản ở ngoài.

Lại than thở đau đớn mà nói rằng: Đời này tuy loạn lạc, há lại chẳng còn những bậc có đức hạnh xưa đáng dùng hay sao ? ý nói vẫn có những bậc đức hạnh ấy mà lại chẳng chịu dùng

Thiên Thiệu mân có 7 chương, 4 chương 5 câu và 3 chương 7 câu.

Nhân chương đầu nói về Mân thiên (ông Trời) và chương chót nói về Thiệu công, cho nên gọi thiên này là *Thiệu mân* để phân biệt với thiên *Tiểu mân* (bài thứ 201).

Đã chỉ thập có 11 thiên, 92 chương, 769 câu.

THI KINH QUYỂN 8

IV - TỤNG 頌

Tụng 頌 là những bài ca phổ nhạc ở trong tông miếu, mà bài đại tự nói là để khen tặng những hình trạng của nền đạo đức dồi dào, đem những thành công của nền đạo đức ấy mà cáo báo với thần minh. Vì rằng chữ 頌 *tụng* và chữ 容 *dung* xưa vẫn thông dụng lẫn nhau. Cho nên bài tự ở sách *Mao thi* lấy lời ấy mà nói.

Thơ Chu tụng có 31 thiên, phần nhiều do Chu công làm ra, nhưng cũng có những bài sau thời Khang vương.

Thơ Lỗ tụng có 4 thiên, thơ Thương tụng có 5 thiên nhân đây mà được nhập chung vào. Tất cả có 5 quyển.

1. CHU TỤNG, THANH MIẾU CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc thơ Chu tụng Thanh miếu)

BÀI THỨ 272

清廟
於穆清廟
肅離顯相

Thanh miếu (Thanh miếu 1)

1. Ô mục thanh miếu
2. Túc ung hiển tướng

濟濟多士

秉文之德

對越在天

駿奔走在廟

不顯不承

無射於人斯

3. Tế tế đa sĩ

4. Bình Văn chi đức

5. Đối việt tại thiên

6. Tuấn bồn tẩu tại miếu

7. Bất hiển bất thừa?

8. Vô dịch ư nhân tư

Dịch nghĩa

1. Ôi sâu xa thay ngôi miếu thanh tịnh của Văn Vương

2. Những công hầu phụ tế đều cung kính ôn hoà và rạng rỡ

3. Người làm việc tham dự lễ tế tấp nập đông đảo

4. Đều giữ theo cái đức của Văn Vương

5. Đã cúng tế Văn Vương là một vị thần ở trên trời.

6. Đã chạy vạy cung phụng Văn Vương nơi tông miếu

7. Thi cái đức của Văn Chương há lại không sáng tỏ.
Không đáng tôn thờ hay sao ?

8. Cái đức ấy không hề bị người chán ghét

Dịch thơ

Hỡi ôi! thanh miếu sâu xa

Chư hầu phụ tế ôn hoà vẻ vang

Đức Văn Vương noi dấu chẳng thôi
Tế như thần ở trên trời
Chạy lo cung phụng giữa nơi miếu đường
Há lại không rõ ràng thờ phụng
Chán ghét thì dân chúng chẳng hề

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 於 ô tiếng than. 穆 *mục*, sâu xa 清 *thanh*, thanh tĩnh. 肅 *túc*, kính. 離 *ung*, hoà hảo. 顯 *hiển*, rõ ràng. 相 *tướng*, giúp đỡ. Nói quan công khanh và chư hầu phụ giúp việc cúng tế. 濟濟 *tế tế*, đông người. 多士 *đa sĩ*, những người làm việc tham dự việc cúng tế. 越 *việt*, ở. 駿 *tuấn*, to và mau. 承 *thừa*, tôn thờ phụng sự. 斯 *tư*, tiếng dèm.

Đây là bài ca phổ nhạc khi Chu công đã dựng xong Lạc ấp để chư hầu về châu, nhân đây mới dẫn chư hầu ra cúng tế Văn vương.

Nói rằng: Ôi! sâu xa thay một ngôi miếu thanh tĩnh này của tổ tiên. Những bậc công hầu phụ tế đều kính cẩn lại hoà thuận. Còn những người làm việc tham dự lễ tế lại không có ai là không gìn giữ thì hành cái đức hoá của Văn vương. Đã cúng tế Văn vương là một vị thần ở trên trời, rồi lại còn chạy vạy mau lẹ lo phụng sự Văn vương là bậc chúa tế trong tông miếu. Như thế thì cái đức của Văn vương há lại không sáng tỏ hay sao? Há lại không đáng

tôn thờ hay sao ? Thì tin rằng cái đức của Văn vương không bao giờ bị nhân dân chán ghét.

Thiên Thanh miếu có một chương 8 câu.

Kinh thư thiên Lạc cáo nói Thành vương ở tại tân ấp (Lạc ấp) mỗi năm vào mùa đông làm lễ cúng tế cho Văn vương một con bò lông đỏ, cho Vũ vương một con bò lông đỏ, thật đúng vào năm Chu công nhiếp chính thứ 7, mà đây là lời hát khi thăng đường ca lên lúc cúng tế.

Thư đại truyện chép rằng: Mỗi khi Chu công thăng đường hát bài *Thanh miếu* thì những người ở trong nếu đã từng gặp Văn vương sẽ giật mình như thấy Văn vương.

Thiên Nạc - ký trong sách *Lễ ký* chép: *Thanh miếu chi sắt chu huyền nhi sơ việt, nhất xướng nhi tam thân, hữu di âm giả hĩ* = Cây đàn sắt đánh bài Thanh miếu có dây bằng tơ luyện độ cho tiếng trầm, có khoét lỗ ở đáy thùng cho tiếng chậm, một người hát lên thì có ba người họa lại, có dư âm cứ ngân lên.

Trình thị nói *chu huyền* là lấy tơ luyện màu đỏ mà xe dây, dây bằng tơ luyện thì có tiếng trầm; *việt* là cái lỗ khoét ở đáy thùng cho tiếng đàn được thông và chậm lại; *xướng* là cất tiếng hát bài thơ *Thanh miếu*; *tam thân* là ba người cùng họa lại.

Nhà Hán dựa theo nhạc nhà Tần. Lúc cúng tế thịt khô lập trường thì hát những bản dâng ca (bài hát ca tụng công đức của tổ tiên trong nhạc phủ), chỉ hát một mình cho nghe rõ tiếng, chớ không cho sáo đàn tấu lên làm át loạn

tiếng người ca, là muốn cho mọi người hiện diện tham dự đều được nghe rõ, cũng như bài hát *Thanh miếu* xưa.

BÀI THỨ 273

維天之命

Duy thiên chi mệnh

(Thanh miếu 2)

維天之命

1. Duy thiên chi mệnh

於穆不已

2. Ô mục bất dĩ !

於乎不顯

3. Ô hô bất hiển

文王之德之純

4. Văn vương chi đức chi thuần ?

假以溢我

5. Hạ dĩ dật ngã?

我其收之

6. Ngã kỳ thu chi,

駿惠我文王

7. Tuấn huệ ngã Văn vương.

曾孫篤之

8. Tăng tôn đốc chi.

Dịch nghĩa

1. Chỉ có đạo của Trời

2. Ôi sâu kín và không dứt !

3. Ôi không rạng rỡ hay sao

+ 4. Cái đức thuần túy của Văn vương?

5. Linh hồn của Văn vương sẽ lấy cái gì để thương xót ta ư?

6. Ta sẽ thu nhận mà thi hành

7. Để làm xuôi thuận một cách lớn lao cái đạo của Văn vương nhà Chu ta.

8. Và con cháu, vua nối nghiệp phải đôn hậu thi hành.

Dịch thơ

Chỉ là có đạo Trời này

Ôi ! không hề dứt, xa dài kín sâu

Ôi! không rạn vỡ hay sao

Văn vương thuần túy đức cao khôn bì?

Xót thương ta lấy đức gì?

Ta thu nhận để thực thi tức thời.

Đạo Văn vương được thuận xuôi

Giống dòng nối nghiệp trau dồi gắng thêm..

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú: *Giảng về câu 1, 2, 3, 4,.*

天命 *thiên mệnh* tức là thiên đạo, đạo trời. 不已 *bất dĩ*, không thôi, ý nói vô cùng. 純 *thuần*, tinh ròng không hỗn tạp.

Đây cũng là bài thơ hát lúc cúng tế Văn vương. Nói cái đạo của Trời vô cùng, còn cái đức của Văn vương thì tinh ròng không hỗn tạp, không xa cách gì với của Trời cả. Nói như thế là để khen tặng cái đức dồi dào của Văn vương.

Tử tư Tử nói rằng: *Duy thiên chi mệnh, Ô mục bất dĩ, cái viết thiên chi sở dĩ vi thiên dã. Ô hô! bất hiển Văn*

vương chi đức chi thuần, cái viết Văn vương chi sở, dĩ vì văn dã, thuần diệc bất dĩ = Ôi! Chỉ cái đạo của Trời là sâu kín mãi mãi không dứt, vì rằng Trời như thế mới đáng là Trời. Ôi ! cái đức thuần túy của Văn vương há chẳng rạng rỡ hay sao ? Vì rằng Văn vương như thế mới đáng là văn (văn hoa đẹp đẽ), cũng thuần túy mãi không dứt. (*Trung dung*).

Trình tử nói rằng: Đạo trời vẫn mãi mãi không dứt. Cái đức của Văn vương thuần túy như đạo trời vẫn mãi mãi không dứt. Hễ thuần túy thì không có lẫn lộn hai chất, không có hỗn tạp. Mãi mãi không dứt thì từ trước đến sau không có gián đoạn.

Giải về câu 5, 6, 7, 8.

何 *hà* (sao?) là 假 *hạ* do thanh âm chuyển biến ra. 恤 *tuất* (thương xót) là 溢 *dật* do chữ bị viết sai. 收 *thu* tức là 受 *thụ* nghĩa là nhận, chịu. 駿 *tuấn*, to lớn. 惠 *huệ*, thuận theo. 曾孫 *tằng tôn*, dòng dõi, những vua nối tiếp theo sau. 篤 *đốc*, dầy hậu.

Nói tinh thần của Văn vương sẽ lấy cái đức gì để thương xót ta ư? Nếu có thì ta phải nhận lấy mà thi hành để làm xuôi thuận một cách lớn lao cái đạo của Văn vương. Và các vua nối tiếp theo sau lại phải thi hành một cách đậm đà dôn hậu và không thể lãng quên được.

Thiên Duy thiên chi mệnh có 1 chương 8 câu.

BÀI THỨ 274

維 清	Duy thanh (Thanh miếu 3)
維 清 續 熙	1. Duy thanh tập hy
文 王 之 典	2. Văn vương chi điển
肇 禋	3. Triệu nhân
迄 用 有 成	4. Hết dụng hữu thành.
維 周 之 禎	5. Duy Chu chi trinh.

Dịch nghĩa

1. Việc đáng làm cho trong sáng để tiếp tục một cách vẻ vang.
2. Là pháp chế của Văn vương để lại.
3. Cho nên từ lúc bắt đầu cúng tế Thượng đế (khi nhà Chu nhận mệnh Trời).
4. Cho đến nay, pháp chế dùng có thành công.
5. Thật là phúc lành của nhà Chu vậy.

Dịch thơ

Sáng trong nối tiếp vẻ vang.
Ấy là pháp chế Văn vương lưu truyền .
Bắt đầu cúng Hoàng thiên Thượng đế.
Cho đến nay pháp chế thành công.
Phúc nhà Chu tốt vô cùng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 清 *thanh*, trong trẻo sáng sủa. 緝 *tập* tiếp tục. 熙 *hy*, sáng 肇 *triệu*, bắt đầu 禋 *ân*, cúng tế. 迄 *hất* đến.

Đây cũng là bài thơ hát lên lúc cúng tế Văn vương.

Nói việc đáng phải làm cho trong sạch rạng rỡ để được tiếp tục vẻ vang là những pháp chế của Văn vương để lại. Cho nên từ lúc bắt đầu cúng tế Thượng đế khi nhà Chu nhận mệnh trời cho đến nay, pháp chế ấy thi hành đã có thành công, thật là một phúc lành của nhà Chu.

Nhưng nghi bài thơ này có bị thiếu sót vài chữ.

Thiên Duy thanh có 1 chương 5 câu.

BÀI THỨ 275

烈 文

Liệt văn (Thanh miếu 4)

烈 文 辟 公

1. Liệt văn bích công,

錫 茲 祉 福

2. Tích tư chỉ phúc,

惠 我 無 疆

3. Huệ ngã vô cương

子 孫 保 之

4. Tử tôn bảo chi.

無 封 靡 于 爾 邦

5. Vô phong mỹ vu nhĩ bang,

維 王 其 崇 之

6. Duy vương kỳ sùng chi.

念 茲 戎 功

7. Niệm tư nhung công,

繼 序 其 皇 之

8. Kế tự kỳ hoàng chi.

無競維人
四方其訓之
百辟其刑之
於乎前王不忘

9. Vô cạnh duy nhân?
10. Tứ phương kỳ huấn chi.
11. Bách bích kỳ hình chi.
13. Ô hô: Tiên vương bất vong.

Dịch nghĩa

1. Chư hầu vẽ vang đã giúp việc cúng tế.
2. Khiến ta được ban phúc lành,
3. Giúp ta được hưởng phúc lành mãi vô cùng,
4. Và con cháu ta được giữ gìn phúc lành ấy mãi.
5. Nếu người không chuyên lợi thái quá ở nước của người,
6. Thì vua phải tôn trọng quý mến người.
7. Lại nhớ công to tát của người,
8. Vua sẽ khiến con cháu người theo thứ tự mà thừa kế được lớn lao rạng rỡ hơn.
9. Chẳng muốn làm bậc hùng mạnh hay sao?
10. Để thiên hạ trong bốn phương noi theo mà học (xem lại câu 9,10 của thiên ước, bài thứ 262).
11. Đức hạnh của Văn vương há lại không rạng rỡ về vang hay sao?
12. Trăm bậc chư hầu đều noi theo bắt trước.
13. Hỡi ơi, những vua đời trước thì người ta chẳng quên.

Dịch thơ

*Chư hầu trợ tế hiển vinh
Khiến ta đã được phúc lành tặng trao
Ta hưởng phúc dồi dào mãi mãi
Con cháu ta giữ lấy lâu dài
Lợi, người không quá lạm thâu
Ắt vua tôn trọng quý cao người hiền
Nhớ công người vẹn tuyền vĩ đại
Con cháu lần nối mãi lớn lao
Chẳng ham hùng mạnh hay sao
Bốn phương thiên hạ chăm vào học chung
Đức Văn Vương há không sáng rực?
Đều học theo, trăm bậc chư hầu
Ôi! vua xưa, chẳng quên đâu*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú
Giảng về câu 1,2,3,4
烈 *Liệt*, sáng 辟公 *bích công*, chư hầu

Đây là bài ca nhạc để hiến cho thư hầu đến giúp việc cúng tế ở trong tông miếu. Nói chư hầu đến giúp việc cúng tế khiến ta được phúc đấy là chư hầu ban cho ta phúc lành

ấy khiến ta hưởng mãi vô cùng và khiến cho con cháu ta giữ gìn mãi mãi.

Giảng về câu 5,6,7,8.

Nghĩa của 封靡 *Phong mỹ* chưa rõ là gì hoặc nói *phong* là chuyên dành lấy mỗi lợi để tự vun bồi cho mình 崇 *Sùng*, tôn kính quý chuộng 戎 *nhung*, to. 皇 *hoàng*, to.

Nói người nếu có thể không chuyên lợi làm giàu riêng cho mình ở nước chư hầu của các người thì vua phải tôn quý người. Lại nhớ người có công to giúp việc cúng tế và ban phúc, vua sẽ khiến cho con cháu người được theo thứ tự mà thừa kế và khiến cho càng to lớn rạng rỡ hơn.

Giảng về câu 9,10,11,12,13.

Lại nói không có gì mạnh hơn loài người, không có gì rạng rỡ vẻ vang hơn đức hạnh. Đức hạnh của tiên vương sở dĩ người ta không thể quên được là vì đã dùng cái đạo ấy. Đó là lời răn và khuyên chư hầu cố gắng

Sách *Trung dung* dẫn hai câu *Bất hiển duy đức, Bách bích kỳ hình chi* (= Đức hạnh của Văn Vương há lại không rạng rỡ hay sao. Mà chư hầu đều noi theo để bắt chước) mà nói rằng: Cho nên người quân tử dốc lòng cung kính thành thật thì tự nhiên thiên hạ được thái bình

Sách *Đại học* dẫn câu *Ô hô! Tiên vương bất vong* (=Hỡi ôi! Văn Vương và Vũ Vương những vua đời trước thì người ta chẳng quên) mà nói rằng : Những bậc quân tử vua đời sau nối theo đều biết mến chuộng hiền tài, biết thân yêu người thân tộc, còn hạ thấp nhân dân chúng thì sung sướng trong những thú vui thuộc phận mình, toại hưởng

những món lợi đã phân đặt cho mình. Cho nên những vua đời trước tuy đã quá cố mà người ta cũng vẫn không quên.

Thiên Liệt văn có 1 chương 13 câu.

Thiên này lấy hai vận công và cương hợp nhau, nếu chưa thăm xét như thế, thì phải đọc ra làm sao? ý là hai chữ ấy cũng có thể dùng lẫn lộn nhau.

BÀI THỨ 276

天作	Thiên tác. (Thanh miếu 5)
天作高山	1. Thiên tác cao sơn
大王荒之	2. Thái vương hoang chi.
彼作矣	3. Bĩ tác hĩ.
文王康之	4. Văn vương khang chi.
彼岨矣岐	5. Bĩ thư hĩ Kỳ.
有夷之行	6. Hữu di chi hành.
子孫保之	7. Tử tôn bảo chi.

Dịch nghĩa

1. Trời dựng lên núi Kỳ sơn
2. Để Thái vương bắt đầu sửa sang khai khẩn.
3. Thái vương đã hoàn thành rồi.
4. Thì Văn vương lại trị yên vùng ấy.
5. Cho nên vùng núi Kỳ sơn hiểm trở kia

6. Có được những đường lộ bằng phẳng.
7. Thì con cháu phải giữ gìn cơ nghiệp ấy mãi.

Dịch thơ

*Kỳ sơn Trời đã dựng bày
Thái vương chinh đón và khai khẩn rồi.
Thái vương hoàn tất xong xuôi.
Văn vương bình trị khắp nơi vững vàng,
Kỳ sơn hiểm trở bỏ hoang
Bây giờ đã có lộ bằng phẳng thay!
Thì con cháu giữ gìn hoài.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 高山 *cao sơn*, nói núi Kỳ sơn. 荒 *hoang*, trị. 康 *khang*, an. 岷 *thư*, ý hiểm trở. 夷 *di*, bằng. 行 *hành* (đọc *hàng* cho hợp vận), đường lộ.

Đây là bài thơ hát lên lúc cúng tế Thái vương. Nói Trời dựng lên núi Kỳ sơn để Thái vương bắt đầu sửa sang khai khẩn. Khi Thái sơn đã hoàn thành thì Văn vương lại định yên vùng ấy. Cho nên vùng núi Kỳ sơn hiểm trở kia được người ta theo về đến ở đông đảo mà có được những đường lộ bằng phẳng, con cháu phải đời đời gìn giữ không được làm mất cơ nghiệp ấy.

Thiên Thiên tác có 1 chương 7 câu.

BÀI THỨ 277

昊天有成命

Hạo thiên hữu thành mệnh.

(Thanh miếu 6)

昊天有成命

1. Hạo thiên hữu thành mệnh

二后受之

2. Nhị hậu thụ chi.

成王不敢康

3. Thành vương bất cảm khang,

夙夜基命宥密

4. Túc dạ cơ mệnh hựu mật.

於緝熙

5. Ô tập hy!

單厥心

6. Đan quyết tâm,

肆其靖之

7. Tứ kỳ tĩnh chi.

Dịch nghĩa

1. Trời đã định thành mệnh lệnh (cho nhà Chu)
2. Để hai vua (Văn vương và Vũ vương) nhận lấy.
3. Thành vương không dám an nhàn toại hưởng.
4. Sớm tối lo tích đức, lo trau giồi cho rộng rãi sâu xa và lặng lẽ kín mật để thừa kế mệnh trời.
5. Ôi! Để thừa tiếp cơ nghiệp vẻ vang (của tiên vương).
6. Thành vương đã thi hành tận tâm,
7. Cho nên trị yên được thiên hạ.

Dịch thơ

Ông Trời đã định thành mệnh lệnh

Để hai vua nhận lãnh mệnh trời.
Thành vương chẳng dám thành thơ
Sớm hôm tích đức trau dồi rộng xa.
Ôi! để nối nghiệp nhà tổ rạc.
Thành vương đã cố gắng thi hành
Trì yên thiên hạ thanh bình.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 二后 *nhị hậu*, hai vua, Văn vương và Vũ vương. 成王 Thành vương, tên Tụng, con của Vũ vương. 基 *cơ*, chông chắt ở dưới để hứng đỡ vật gì ở trên. 宥 *hữu*, rộng rãi sâu xa. 密 *mật*, yên lặng kín mật. 於 *ô*, tiếng than. 靖 *tĩnh*, yên.

Bài thơ này phần nhiều nói cái đức của Thành vương, cho nên ngờ rằng là bài thơ hát lúc cúng tế Thành vương.

Nói Trời đem cả thiên hạ cho nhà Chu được hưng khởi lên. Đã có cái mệnh trời tiền định rồi, Văn vương và Vũ vương mới nhận lấy để Thành vương mới thừa kế theo. Thành vương lại không dám ở yên toại hưởng, sớm tối lo tích đức để thừa kế mệnh trời ấy. Về đức tính, Thành vương lại phải rộng rãi sâu xa và lặng lẽ kín mật để có thể tiếp nối cơ nghiệp vẻ vang của Văn vương và Vũ vương. Thành vương đã tận tâm thi hành cho nên hôm nay đã trị yên được thiên hạ và giữ gìn được thiên mệnh đã nhận lấy.

Trong sách *Quốc ngữ*, Thúc Huống đã dẫn bài thơ này mà nói rằng: ấy là nói về cái đức của Thành vương. Thành

vương đã làm cho Văn vương rạng rỡ, cho Vũ vương vẻ vang. Lấy những lời ấy mà dẫn chứng thì đây hẳn là bài thơ hát lúc cúng tế Thành vương không còn nghi ngờ nữa.

Thiên Hạo thiên hữu thành mệnh có 1 chương 7 câu.

Đây là bài thơ về thời Khang vương trở về sau.

BÀI THỨ 278

我將
我將我享
維羊維牛
維天其右之
儀式刑文王之典

日靖四方
伊嘏文王
既右饗之
我其夙夜
畏天之威
于時保之

Ngã tương. (Thanh miếu 7)

1. Ngã tương ngã hưởng
2. Duy dương duy ngư.
3. Duy thiên kỳ hựu chi.
4. Nghi thức hình Văn vương chi điển,
5. Nhất tĩnh tứ phương.
6. Y giả Văn vương
7. Kỳ hữu hưởng chi.
8. Ngã kỳ túc dạ
9. Ủy thiên chi uy,
10. Vu thì bảo chi.

Dịch nghĩa

1. Ta đem ra để ta dâng lên
2. Bò và dê đã làm thịt mà cúng tế.

3. Kính mong Trời hãy giáng xuống bên hữu những con vật hy sinh ấy.
4. Ta bắt chước theo pháp chế của Văn vương,
5. Để ngày ngày trị yên thiên hạ trong bốn phương.
6. Văn vương, vị thần hay ban phúc ấy.
7. Đã giáng xuống bên hữu, hưởng lấy lễ vật cúng tế rồi.
8. Thì ta trong sớm tối
9. Hằng sợ cái uy của Trời,
10. Để giữ gìn cái ý của Trời và của Văn vương hằng coi sóc đến ta.

Dịch thơ

*Ta đem ra để tế chung
 Bò và dê đã làm xong dâng hoàng.
 Kính mong Trời hiện sang bên mặt.
 Phép Văn vương ta bắt chước ngay.
 Bốn phương yên trị ngày ngày
 Văn vương, phúc lộc thị ngài hay ban.
 Giáng bên hữu để an hưởng lễ.
 Trong sớm hôm ta để lòng thành
 Uy trời mãi khiếp kinh,
 Lòng trên chăm sóc rành rành giữ luôn.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3.

將 *tương*, cung phụng. 享 *hưởng*, dâng lên. 右 *hữu* (đọc *du* cho hợp vận), tôn kính. Ngôi vị của thần quay mặt về hướng đông, đặt ở bên mặt của mâm cỗ để tỏ ý tôn kính.

Đây là bài ca nhạc hát lên lúc tôn trọng cúng tế Văn vương ở minh đường (thanh miếu) để thờ phụng chung với Thượng đế.

Nói đem bò dê dâng lên cúng tế Thượng đế mà nói rằng: Trời có giáng xuống bên mặt những bò dê đã làm thịt cúng tế ấy hay chăng? Vì rằng không dám nói chắc chắn như thế.

Giảng về câu 4,5,6,7.

犧 *nghi*, 式 *thức*, 刑 *hình*, đều là bắt chước. 嘏 *giả*, ban phúc cho.

Nói ta bắt chước pháp chế của Văn vương để trị yên thiên hạ thì Văn vương vị thần này hay ban phúc đã giáng xuống bên mặt ở đây để hưởng lễ vật của ta cúng tế, như thật có để thấy chắc chắn như thế.

Giảng về câu 8,9,10

Lại nói Trời và Văn vương đều đã giáng xuống bên hữu hưởng lấy lễ vật cúng tế của ta, thì ta lại dám trong sớm tối không kinh sợ cái uy của Trời để giữ gìn cái ý của Trời và của Văn - vương hay giáng xuống coi sóc hay sao?

Thiên Ngã tương có 1 chương 10 câu.

Trình tử nói rằng: Vạn vật vốn do Trời sinh ra, còn loài người vốn do tổ tiên sinh ra. Cho nên vào tiết đông chí thì tế Trời và đem tổ tiên cùng tế chung với, vì rằng tiết đông chí là cực âm (âm cực dương sinh), khí chất bắt đầu hồi sinh trở lại.

Vạn vật do Thượng đế thành hình, còn loài người thì do cha mẹ thành hình, cho nên đến tiết cuối thu thì tế Trời và đem cha cúng tế chung với, vì rằng tiết cuối thu là lúc vạn vật hoàn thành.

Trần thị nói rằng: Đời xưa tế Trời ở viên khâu (đắp đàn cao, và tròn tượng hình bầu trời), quét đất sạch sẽ để thi hành lễ tế. Vật dụng thì dùng đồ gốm và cái bầu, thú hy sinh thì dùng bò con nghi lễ thì rất đơn giản. Nhưng ý kiến của thánh nhân thì cho như thế là chưa đủ để tận những nỗi ẩn khuất của tình ý mình, cho nên vào tháng cuối thu có lễ tế trọng đại. 天 *thiên* tức là Thượng đế. Trong lễ tế giao gọi Trời là thiên là để tôn kính Trời, cho nên đem Hậu Tắc mà cúng tế chung. Hậu Tắc là vị tổ tiên xa vời. Dem Hậu Tắc cúng tế chung trong lễ tế giao (tế Trời) cũng là để tôn kính Hậu Tắc.

Trong lễ tế ở minh đường gọi Trời là đế là để thân mến Trời, và đem Văn vương cúng tế chung. Văn vương là vị tổ tiên thân mến. Dem Văn vương cúng tế chung ở minh đường cũng là để thân mến Văn vương.

Tôn kính những bậc đáng tôn kính và thân mến những vị đáng thân mến, đạo nghĩa của nhà Chu hoàn bị vậy.

Nhưng mà lễ tế giao (tế Trời) là lễ tế của thời xưa, còn lễ tế ở mình đường là lễ tế của nhà Chu chế ra, do Chu công lấy nghĩa lý khởi xướng ra.

Lữ thị ở Đông lai nói rằng: Đối với Trời thì chỉ mong Trời hưởng lấy lễ vật cúng tế mà không dám thêm một lời nào cả. Còn đối với Văn vương thì nói bắt chước theo pháp chế của Văn vương để ngày ngày trị yên thiên hạ trong bốn phương. Đối với Trời thì không cần phải tán tụng. Còn bắt chước theo Văn vương là để bắt chước theo Trời vậy.

Cuối chương chỉ nói sợ cái uy của Trời mà không nói đến cái uy của Văn vương là hợp chung cả vào một bậc đáng tôn kính hơn hết. Sợ Trời là sợ Văn vương. Trời và Văn vương là một vậy.

BÀI THỨ 279

時邁

時邁其邦

昊天其子之

實右序有周

薄言震之

莫不震疊

懷柔百神

及河喬嶽

允王維后

Thì mại.(Thanh miếu 8)

1. Thì mại kỳ bang,
2. Hạo thiên kỳ tử chi?
3. Thực hữu tự hữu Chu.
4. Bạc ngôn chấn chi,
5. Mạc bất chấn điệp.
6. Hoài nhu bách thần,
7. Cập hà kiều nhạc
8. Doãn vương duy hậu.

明昭有周
式序在位
載戢干戈
載櫜弓矢
我求懿德
肆于時夏
允王保之

9. Minh chiêu hữu Chu!
10. Thức tự tại vị,
11. Tái trấp can qua,
12. Tái cao cung thí.
13. Ngã cầu ý đức,
14. Tứ vu thì Hạ,
15. Doãn vương bảo chi.

Dịch nghĩa

1. Ta đúng kỳ đi tuần thú các nước chư hầu,
2. Thì Trời có thương ta như con vậy chăng?
3. Trời thật đã tôn trọng và an bày trật tự cho nhà Chu.
4. Cho nên khiến ta vừa chấn động đến,
5. Thì không có chư hầu nào là không kinh động hãi hùng.
6. Ta lại năng vỗ về an ủi trăm vị thần,
7. Cho đến những vị ở nơi sông rộng núi cao
8. Đều tin rằng thiên tử nhà Chu thật đáng là bậc vua của thiên hạ.
9. Rạng rỡ thay cho nhà Chu!
10. Đã làm gương mẫu và định trật tự ngôi vị cho chư hầu tại chức.

11. Đã thu góp giáo và thuẩn lại,
12. Đã cất cung và tên vào bao (vì là đời thái bình không dùng đến nữa).
13. Ta rán trau giồi lấy đức hạnh tốt lành,
14. Để truyền bá ra khắp Trung quốc,
15. Thì tin rằng vua nhà Chu năng giữ được mệnh trời.

Dịch thơ

Đúng kỳ ta đã lo tuần thú.
 Ta như con, Trời nhủ thương không?
 Nhà Chu trật tự tôn sùng.
 Ta vừa chấn động ruổi dung tiến hành,
 Không ai chẳng khiếp kinh chấn động.
 Trăm vị thân ta cũng vô an.
 Núi cao sông rộng chừ thần
 Đều tin thiên tử thánh quân đấy rồi.
 Quả rạng rỡ cho đời Chu thật,
 Nêu mẫu gương tại chức chừ hầu.
 Giáo và thuẩn đã góp thâu.
 Cung tên đã bỏ vào bao cất rồi.
 Ta phải rán trau giồi đức hạnh
 Để truyền lan khắp cảnh Trung hoa
 Mệnh Trời vua giữ lâu xa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2

邁 *mại*, đi. 邦 *bang*, nước của chư hầu. Theo chế độ nhà Chu, mỗi 12 năm thiên tử đi tuần thú các nước chư hầu một lần, làm lễ sai (đốt củi tế Trời), lễ vọng (tế núi sông) để cúng tế và cáo báo với Trời Đất và để chư hầu đều đến châu.

Đây là bài ca nhạc về cuộc tuần thú, gặp gỡ chư hầu và tế cáo Trời Đất của thiên tử.

Nói ta đúng kỳ đi tuần thú các nước chư hầu, thì Trời có thương ta như con hay chẳng vậy thay? Vì rằng là không dám chắc chắn như thế.

Giảng về câu 3,4,5,6,7,8

右 *hữu*, tôn trọng. 序 *tự*, thứ tự. 震 *chấn*, chấn động. 疊 *diệp*, sợ. 懷 *hoài*, vỗ về. 柔 *nhu*, an. 允 *doãn*, tin thật.

Đã thế rồi nói rằng: Trời thật đã tôn trọng nhà Chu, đã an bày có trật tự cho nhà Chu đấy. Cho nên khiến ta vừa dả động đến thì chư hầu trong bốn phương không ai là không kinh hãi chấn động.

Ta lại năng vỗ về an ủi các thần, cho đến những vị ở nơi sông sâu rộng, núi vút cao, không có vị thần nào là không cảm động. Thì tin rằng thiên tử nhà Chu thật là bậc vua của thiên hạ vậy.

Giảng về câu 9,10,11,12,13,14,15.

戔 *tráp*, tụ lại. 囊 *cao*, túi để giấu cất. 肆 *tứ*, trần bày ra. 夏 *Hạ*, nước Tầu.

Lại nói: Rạng rỡ thay nhà Chu của ta! Đã lấy pháp chế thường trách thặng truất để làm gương mẫu, định ngôi thứ trật tự chư hầu đang tại chức, nhà Chu đã đem lại thanh bình, thu góp hết các cung tên giáo thuẫn để không dùng đến nữa, và càng cầu lấy đức hạnh đẹp đẽ truyền bá ra khắp Trung quốc. Thì tin rằng vua nhà Chu năng giữ gìn được mệnh trời.

Hoặc nói rằng: Bài thơ này tức gọi là chương cổ nhạc *Tứ hạ* vì có câu *Tứ vu thì hạ* mà được gọi như thế.

Thiên Thì mại có 1 chương 15 câu.

Sách *Xuân thu Tả truyện*, đời Lỗ Tuyên công năm thứ 12, chép: Xưa khi Vũ vương đã thắng nhà Thương, liền làm bài tụng nói rằng: Ta thu góp hết giáo và thuẫn.

Nhưng Ngoại truyện lại cho là bài tụng của Chu Văn vương. Thì thơ này là vào thời Chu Vũ vương do Chu công làm ra.

Ngoại truyện lại nói: Kim tấu *Tứ hạ*, *Phân*, *ái*, *Cử*, *thiên tử dĩ hưởng nguyên hầu dã*, = Đánh chuông gõ nhịp tấu bài thơ *Tứ hạ*, bài *Phân*, bài *ái*, bài *Cử* để thiên tử cho vị nguyên hầu yến ẩm.

Vì Chiêu chưa rằng: Bài nhạc *Tứ hạ* có một tên nữa là *Phân*, bài nhạc *Thiếu hạ* có một tên nữa là *át*; bài nhạc *Nạp hạ* có một tên nữa là *Cử*, tức đây là ba bài nhạc trong 9 bài cử hạ của *Chu lễ* (Cử hạ: 1. Vương hạ. 2. Tứ hạ. 3.

Chiêu hạ. 4. Nạp hạ. 5. Chương hạ. 6. Tề hạ. 7. Tộc hạ. 8. Cai hạ. 9. Ngao hạ)

Lữ Thúc Ngọc nói rằng: Bài nhạc *Tứ hạ* là thơ *Thi mai*; bài nhạc *Phân* và *át* là thơ *Chấp cạnh*; bài nhạc *Cử* là thơ *Tư vãn*.

BÀI THỨ 280

執競

執競武王

無競維烈

不顯成康

上帝是皇

自彼成康

奄有四方

斤斤其明

鐘鼓喤喤

磬筦將將

降福穰穰

降福簡簡

威儀反反

既醉既飽

Chấp cạnh. (Thanh miếu 9)

1. Chấp cạnh Vũ vương.

2. Vô cạnh duy liệt.

3. Bất hiển Thành Khang?

4. Thượng đế thị hoàng

5. Tự bỉ Thành Khang

6. Yêm hữu tứ phương,

7. Cấn cấn kỳminh

8. Chung cổ hoàng hoàng,

9. Khánh quản thương thương

10. Giáng phúc nương nương,

11. Giáng phúc giản giản,

12. Uy nghi phản phản.

13. Ký tuý ký bảo,

Dịch nghĩa

1. Vũ vương nắm giữ mãi lòng tự cường.
2. Cho nên về công nghiệp của Vũ vương không ai có thể tranh hơn được.
3. Và con cháu của Vũ vương là Thành vương và Khang vương há lại không rạng rỡ hay sao?
4. Những vị ấy cũng là những bậc vua của Trời sai xuống.
5. Từ khi Thành vương và Khang vương ấy
6. Đã thu gom cả thiên hạ bốn phương
7. Thì cái đức càng tỏ rạng.
8. Lúc cúng tế, chuông trống đánh điệu hoà.
9. Khánh và sáo hợp tấu.
10. Thì phúc lộc Trời ban xuống dồi dào.
11. Phúc lộc Trời ban xuống rất lớn lao.
12. Thì uy nghi càng thận trọng.
13. Lúc tế xong cùng nhau ăn uống đã say no rồi,
14. Mà phúc lộc Trời ban cứ qua lại đến mãi không thôi.

Dịch thơ

*Lòng tự cường Vũ vương giữ mãi.
Không ai tranh hơn nổi Vũ vương,*

*Thành, Khang há chẳng hiển dương?
Toán là vua của Trời thường khiến sai.
Từ lúc Thành, Khang hai vua ấy
Đã ra công gồm lấy bốn phương,
Đức càng tỏ rạng phi thường.
Cùng dân lễ tế, trống chuông điều hoà.
Đã hợp khúc khánh và sáo lại.
Phúc lộc trời ban mãi dồi dào.
Phúc trời ban xuống lớn lao.
Uy nghi thận trọng dồi trau miệt mài.
Cúng tế xong, no say ăn uống
Lại qua phúc lộc xuống không ngừng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. Đây là bài thơ hát lúc cúng tế Vũ vương, Thành vương và Khang vương.

Giải về câu 1,2,3,4.

競 *cạnh*, tự cường. Nói Vũ vương nắm giữ mãi lòng tự cường không bao giờ dứt, cho nên công lao của Vũ vương dồi dào, trong thiên hạ không ai tranh hơn với Vũ vương nổi. Thì cái đức của Thành vương và của Khang vương há lại không rạng rỡ hay sao? Những vị ấy cũng là những bậc vua của Trời sai xuống.

Giải về câu 5,6,7.

斤斤 *cẩn cẩn*, rõ ràng tinh tế. Nói cái đức của Thành vương Khanh vương tỏ rạng như thế.

Giải về câu 8,9,10.

皞皞 *hoành hoành*, điều hoà. 將將 *thương thương*, hợp lại. 穰穰 *nhương nương*, nhiều.

Nay nói đánh nhạc để cúng tế mà nhận phúc.

Giải về câu 11,12,13,14.

簡簡 *giản giản*, to lớn. 反反 *phản phản*, kính cẩn thận trọng. 反 *phản*, trở lại. Nói nhận phúc rất nhiều, thì cung kính cẩn thận trọng hơn nữa, cho nên khi đã say đã no mà phúc lộc cứ qua lại đến mãi không chán.

Thiên Chấp cạnh có 1 chương 14 câu.

Đây là bài thơ về thời Chiêu vương trở về sau. Lời giải thuyết của sách *Quốc ngữ* xem lại ở thiên trên (bài thứ 277)

BÀI THỨ 281

思文

Tư văn. (Thanh miếu 10)

思文后稷

1. Tư văn Hậu Tắc

克配彼天

2. Khắc phối bĩ thiên,

立我烝民

3. Lập ngã chưng dân,

莫匪爾極

4. Mạc phỉ nhĩ cực.

貽我來牟

5. Di ngã lai mâu.

帝命率育

6. Đế mệnh suất dục.

無此疆爾界

7. Vô thử cương nhĩ giới,

陳常于時夏

8. Trần thường vu thì hạ.

Dịch nghĩa

1. Hậu Tắc là bậc có văn hóa đạo đức.

2. Đáng được cúng tế chung với Trời kia.

3. Vì ngài đã khiến nhân dân chúng ta có hạt gạo mà ăn

4. Thì hẳn là cái đức cao cả vậy.

5. Hậu Tắc đã truyền cho chúng ta giống lúa tiểu mạch và đại mạch.

6. Ấy là mệnh của Trời khiến đem những giống lúa ấy nuôi dân chúng khắp nơi.

7. Không có phân biệt chỗ này vùng nọ.

8. Mọi nơi đều được truyền bá cái đạo thường khắp nước Trung quốc.

Dịch thơ

Văn đức ấy là thần Hậu Tắc

Cùng với Trời đáng đặt tế chung.

Khiến ta có hạt gạo dùng.

Đức người cao cả vô cùng đáng thay!

Đại, tiểu mạch ban ngay đầy đủ.

*Trời khiến nuôi khắp chỗ chúng dân,
Chỗ này vùng nọ không phân,
Đạo thường truyền bá khắp phần Trung hoa.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 思 *tư*, tiếng đệm ở đầu câu. 文 *văn*, nói có văn hóa đạo đức. 立 *lập* đồng với 粒 *lạp* là hạt gạo. 極 *cực*, cùng tốt, đức hạnh rất tốt mực. 貽 *di*, truyền lại. 來 *lai*, lúa tiểu mạch. 牟 *mâu*, lúa đại mạch. 率 *suất*, khắp nơi. 育 *dục*, nuôi dưỡng.

Nói cái đức của Hậu Tắc thật đáng cúng tế chung với Trời, vì rằng Hậu Tắc đã khiến nhân dân chúng ta được có hạt gạo mà ăn, thì hẳn là cái đức cao cả. Vả lại Hậu Tắc truyền lại cho nhân dân chúng ta giống lúa lai (tiểu mạch) lúa mâu (đại mạch), đó là mệnh lệnh của Trời khiến đem những giống lúa ấy nuôi dưỡng nhân dân. Cho nên không có sự phân biệt vùng xa chỗ gần, nơi này chốn nọ, mọi nơi đều được truyền bá cái đạo thường giữa vua tôi và cha con khắp cả nước Trung hoa.

Hoặc nói rằng bài thơ này tức gọi là bài cổ nhạc *Nạp hạ* (xem lại phần cuối thiên *Thi mại*, bài thứ 279), cũng chỉ vì có chữ *thi Hạ* mà gọi như thế.

Thiên Tư văn có 1 chương 8 câu.

Lời giải thuyết của sách *Quốc ngữ* thì xem ở thiên *Thi mại* (bài 279).

Thiên miếu chi thập có 10 thiên, 10 chương, 95 câu.

2. CHU TỤNG, THẦN CÔNG CHI THẬP.

(Mười thiên thuộc phần thơ *Chu tụng Thần công*)

BÀI THỨ 282

臣工	Thần công. (Thần công ¹)
嗟嗟臣工	1. Ta ta thần công!
敬爾在公	2. Kính nhĩ tại công.
王釐爾成	3. Vương ly nhĩ thành.
來咨來茹	4. Lai tư lai nhũ.
嗟嗟保介	5. Ta ta bảo giới!
維莫之春	6. Duy mộ chi xuân
亦又何求	7. Diệc hựu hà cầu?
如何新畬	8. Như hà tân dư?
於皇來牟	9. Ô hoàng lai mâu!
將受厥明	10. Tương thụ quyết minh.
明昭上帝	11. Minh chiêu Thượng đế
迄用康年	12. Hết dụng khang niên.
命我眾人	13. Mệnh ngã chúng nhân
奄觀銍艾	14. Yêm quan chất ngải.

Dịch nghĩa

1. Hỡi ôi các quan chức!
2. Tại công sở các người phải cung kính.
3. Vua đã ban cho các người những phép tắc nhất định rồi.
4. Các người hãy đến mà mưu tính để làm việc.
5. Hỡi ôi quan phó nông!
6. Chỉ vào khoảng tháng ba cuối xuân này
7. Lại phải làm thế nào?
8. Những công việc ở trong ruộng mới khẩn hai năm và ba năm?
9. Ôi những lúa tiểu mạch và đại mạch sắp chín!
10. Thì có thể gặt lấy món của Trời ban tươi sáng ấy.
11. Nhưng Thượng đế rạng rỡ
12. Sắp đem đến cho ta một mùa lúa trổ dồi dào.
13. Khiến các nông dân của ta
14. Hãy lo đầy đủ cuộc và bữa
15. Để chẳng bao lâu sẽ chợt thấy được số lúa gặt được

Dịch thơ

Nầy tất cả các quan ơi hỡi!
Hãy kính thành khi tới sở công
Pháp quy nhất định ban xong
Đến mà mưu tính để cùng làm ngay,

Quan phó nông các ngài ơi hỡi!
 Cuối xuân nẩy vào lối tháng ba
 Phải làm sao hỡi đây mà
 Ruộng vừa mới khẩn hai ba năm này?
 Ôi! sắp chín mạch hai giống ấy.
 Mùa rục vàng gặt lấy đem vào.
 Ông Trời rạng rỡ xiết bao!
 Cho ta mùa lúa dồi dào vô song.
 Rồi khiến các dân nông ta lại
 Cuốc và bừa đều phải đủ đầy,
 Không lâu lúa gặt thấy ngay.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giải về câu 1,2,3,4.

嗟嗟 ta, ta, than thở lắm lần như thế để giới răn một cách sâu xa. 臣工 thần công, trăm quan trong bọn bề tôi. 公 công, công gia. 釐 ly, ban cho. 成 thành, thành pháp, pháp luật nhất định rồi. 茹 như, độ.

Đây là bài thơ răn nông quan (giữ việc canh nông).

Đầu tiên nói vua đã lấy pháp luật nhất định để ban cho người, người phải đến mà mưu tính lấy.

Giải về câu 5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15.

保介 *bảo giới*, xem thiên *Nguyệt linh* ở sách *Lữ lâm* (*Lữ thị Xuân thu*) có lời giải thích không đồng nhau, nhưng đều là nói về tịch điền (ruộng của vua cày lúc đầu mùa), vì rằng *bảo giới* là quan phó nông. 莫春 *mộ xuân* tháng cuối xuân, tức là tháng ba, theo lịch nhà Hạ lấy tháng giêng làm tháng đầu năm (còn lịch nhà Ân thì lấy tháng 12 làm tháng đầu năm, lịch nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng đầu năm) khi chuôi sao Bắc đẩu chỉ vào thìn (kiến thìn). 畚 *dư*, ruộng khẩn đã ba năm. 於皇 *ô hoàng!* lời than khen. 來牟 *lai mâu*, lúa tiểu mạch và lúa đại mạch. 明 *minh*, món ban cho tươi sáng, nói lúa mạch sắp chín. 迄 *hất*, đến. 康年 *khang niên*, như phong niên, năm được mùa. 衆人 *chúng nhân*, người dân trong đồng ruộng. 庾 *trĩ*, đầy đủ. 錢 *tiển*, cái cuốc. 鎛 *bác*, cái bừa. Cái cuốc và cái bừa đều là khí cụ nhà nông. 鉏 *chất*, lưỡi liềm ngắn để gặt lúa. 艾 *ngải*, gặt lúa.

Đây lại nói những việc khuyên răn. Nói tháng 3 phải lo liệu công việc ở ruộng mới khẩn hai năm và ba năm. Nay phải làm thế nào vậy thay? Những lúa mạch đã sắp chín, thì có thể thu hoạch mùa của Trời ban cho tươi sáng ấy. Nhưng đáng Thượng đế rạng rỡ nầy lại sắp ban cho ta một mùa lúa trũng dồi dào ở khu ruộng mới khẩn hai và ba năm. Cho nên ta khiến nông dân lo đủ dụng cụ để lo liệu công việc ở khu ruộng mới khẩn hai ba năm ấy, thì lại sắp chợt thấy được số lúa thu gặt được.

Thiên Thần công có 1 chương 15 câu.

BÀI THỨ 283

噫嘻

Y hy. (Thần công 2)

噫嘻成王

1. Y hy Thành vương!

既昭假爾

2. Ký chiêu cách nhĩ.

率時農夫

3. Suất thì nông phu

播厥百穀

4. Bá quyết bách cốc,

駿發爾耕

5. Tuấn phát nhĩ tư

終三十里

6. Chung tam thập lý.

亦服爾耕

7. Diệc phục nhĩ canh,

十千維耦

8. Thập thiên duy ngẫu.

Dịch nghĩa

1. Hỡi ôi cần mẫn thay Thành vương!
2. (Bảo điền quan rằng:) Người đã rạng rỡ đưa dân của người đến.
3. Người đem những nông phu ấy
4. Gieo trồng trăm thứ thóc,
5. Lo cày xới lớn lao những ruộng tư của các người.
6. Cho trọn 30 dặm.
7. Hãy lo phục vụ việc cày xới,
8. Mười ngàn người đều bắt cặp mà làm.

Dịch thơ

Ôi Thành vương nhất chuyên cần!
Người đã rạng rỡ đưa dân đến vùng.
Người đã đem đến dân nông
Hàng trăm thứ thóc gieo trồng lên cao.
Ruộng tư cây cối lớn lao.
Ba mươi dặm chẳng chốn nào bỏ không.
Cày cấy phục sự lo xong.
Mười ngàn bắt cặp hợp công mà làm.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 噫嘻 y hy, cũng là lời than. 昭 *chiêu* sáng. 假 *cách*, đến. 爾 *nhĩ*, người, chỉ nông quan. 時 *thì*, ấy. 駿 *tuấn*, to lớn. 發 *phát*, cày. 私 *tư*, ruộng tư. 三十里 *tam thập lý*, 30 dặm đất vuông, đất của một vạn nông phu cày cấy thì bốn bên có sông, ở giữa có 33 dặm lẻ đất vuông. Nói 30 dặm là kể phần chẵn mà nói. 耦 *ngẫu* (đọc *ngĩ* cho hợp vận), hai người cùng cày chung.

Bài này tiếp liền với thiên trên cũng là lời giới răn nông quan. 昭假爾 *chiêu cách nhĩ* như nói hãy đem dân chúng của người đến. Vì rằng Thành vương bắt đầu đặt ra chức điển quan (quan coi việc ruộng nương) và thường sai khiến răn dạy vị quan ấy: Người hãy đem những nông phu ấy cho gieo hàng trăm thứ lúa, khiến chúng cùng cày một lượt những ruộng tư, tất cả đều phục sự việc cày bừa,

muôn người đều bắt cặp mà cày chung, vì rằng đi cày vốn phải dùng hai người cày chung làm một đôi (*Chu lễ* nói rằng: Đồi xưa làm ruộng, khoảnh đất của 1 người nông phu có dòng nước *loại* rộng 2 thước sâu 2 thước, trên bờ dòng nước toại có con đường *kính* để dắt trâu dắt ngựa. Khoảnh đất của 10 người nông phu có dòng nước *câu* rộng 4 thước sâu 4 thước trên bờ dòng nước câu có con đường *chẩn* để giao thông xe to, Khoảnh đất của 100 người nông phu có dòng nước *hức* rộng 8 thước sâu 8 thước, trên bờ, dòng nước hức có con đường *đồ* để giao thông xe 4 ngựa. Khoảnh đất của 1.000 người nông phu có dòng nước *cối* rộng 1 trượng 6 thước sâu 1 trượng 4 thước, trên dòng nước cối có con đường *đạo* để giao thông 2 đường xe. Khoảnh đất của vạn (10.000) người nông phu có sông *xuyên* thiên nhiên, trên bờ sông xuyên có con đường *lộ* để giao thông 3 đường xe). Nay hợp những nông phu của khoảnh đất có dòng sông xuyên thiên nhiên lại mà nói, cho nên bảo cả vạn (10.000) người cùng ra, đồng tâm hợp lực như hợp thành một cặp.

Đây là chức quan canh nông ở nơi làng quê xa lánh, thuộc lại của quan tư giá, có chức vụ trông coi phạm vi 1.000 nông phu. Phép phân đất thành câu thành hức là để dùng phép cống mà đánh thuế (mỗi nông phu lãnh 50 mẫu ruộng để cày cấy, lấy hoa lợi của 5 mẫu đóng thuế cho Nhà nước, tức là thuế 1/10), không có ruộng công, cho nên đều gọi là ruộng tư.

Tô thị nói rằng: Người dân bảo "Hãy mưa xuống ruộng công của ta, rồi đến ruộng tư của ta. "Còn vua thì bảo" Hãy cày lớn lao ruộng tư của các người cho trọn 30 dặm đất

vuông". Giữa bụi trên và kẻ dưới cùng trung thành lẫn nhau, cùng thương mến lớn lao trang nhã như thế.

Thiên Y hý có 1 chương 8 câu.

BÀI THỨ 284

振鷺	Chấn lộ. (Thần công 3)
振鷺于飛	1. Chấn lộ vu phi
于彼西雝	2. Vu bỉ tây ung.
我客戾止	3. Ngã khách lệ chỉ
亦有斯容	4. Diệc hữu tư dung.
在彼無惡	5. Tại bỉ vô ố,
在此無斁	6. Tại khử vô đồ (dịch),
庶幾夕夜	7. Thứ cơ tịch dạ.
以永終譽	8. Dĩ vĩnh chung dự.

Dịch nghĩa

1. Bầy cò san sát cùng bay
2. Ở cái hồ phía tây kia
3. Khách của ta đi đến
4. Có dung mạo đoan trang.
5. Ở ngoài kia thì không bị người oán hờn,
6. Ở đây thì không bị người oán ghét.

7. Mới mong trông sớm tối
8. Giữ gìn được trọn mãi danh dự.

Dịch thơ

Bầy cò san sát cùng bay
Ở trên hồ nọ phía tây là là.
Vừa đi đến khách của ta
Uy nghi dung mạo rất là trang nghiêm.
Ở ngoài không bị cán hiềm,
Ở đây chẳng bị ai gièm ghét đâu.
Cho nên sớm tối mong sao.
Giữ tròn danh dự dài lâu đời đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giải về câu 1,2,3,4.

振 *chấn*, dáng bay thành bầy. 鷺 *lộ*, cò trắng. 雌 *ung*, cái hồ, cái đầm. 客 *khách*, con cháu của Hạ Vũ và của Ân Thang. Con cháu của nhà Hạ được phong ở nước Khỉ, của nhà Thương được phong ở nước Tống, đều làm khách đến châu nhà nhà Chu, khi thiên tử nhà Chu có việc ở tông miếu thì đến cung tế, khi thiên tử nhà Chu có tang thì đến vái lạy.

Đây là thơ về con cháu của Hạ Vũ của Ân Thang đến giúp việc cúng tế.

Nói đàn cò bay ở hồ nước phía tây, đây là những tân khách của ta đến giúp việc cúng tế, dung mạo chỉnh trang, cũng giống như đàn cò trong trắng tinh anh.

Hoặc nói thuộc hứng.

Giảng về câu 5,6,7,8.

彼 *bỉ*, nước Khỉ nước Tống. ở trong nước chư hầu kia thì không có người oán hận, ở đây trong triều nhà Chu cũng không có người chán ghét, được như thế con cháu của hai đời vua trước mới mong trong sớm tối giữ gìn được mãi danh dự ấy.

Trần thị nói rằng: Người không vì ta đã thay đổi mệnh trời (đoạt mất ngôi thiên tử) mà có điều oán ghét ta, là biết mệnh trời hay biến đổi không thường chỉ cho người có đức, ấy là thật lòng thuận phục. Còn ta không vì người bị mất mệnh trời (bị mất ngôi thiên tử) mà có điều chán ghét người, là biết tôn sùng người đạo đức, nòi giống bậc hiền tài, thừa phụng tiên vương, ấy là rất trung hậu.

Thiên Chấn lộ có 1 chương 8 câu.

BÀI THỨ 285

豐年

Phong niên. (Thần công 4)

豐年多黍多

1. Phong niên đa thử đa đồ.

亦有高廩

2. Diệc hữu cao lẫm.

萬億及秭

爲酒爲禮

烝畀祖妣

以洽百禮

降福孔皆

3. Vạn ức cập tỷ.

4. Vi tửu vi lễ,

5. Chưng tỷ tổ tỷ,

6. Dĩ hạp bách lễ,

7. Giáng phúc khổng giai.

Dịch nghĩa

1. Năm được mùa thì có nhiều nếp nhiều lúa,

2. Có vựa lúa cao.

3. Lúa thù vào có số vạn số ức và số tỷ.

4. Làm rượu cay làm rượu ngọt,

5. Để dâng lên cúng tế ông bà,

6. Để lo đầy đủ trăm thứ lễ nghi,

7. Cho nên phúc lộc của thần ban xuống dồi dào và khắp cả.

Dịch thơ

Được mùa lúa nếp dồi dào.

Cho nên đã có vựa cao trĩu dùng,

Lúa muôn ức tỷ thu chung.

Rượu cay rượu ngọt đã cùng gầy ra.

Để dâng cúng tế ông bà,

Lễ nghi trăm thứ lo đã xong xuôi,

Phúc lành ban xuống khắp nơi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 稌 *đỗ*, lúa. Cây nếp chịu nơi cao ráo mà lạnh. Cây lúa chịu nơi ẩm thấp mà nóng. Nếp và lúa đều chín thì trăm thứ thóc không thứ nào là không chín. 亦 *diệc*, tiếng đệm ở đầu câu. Số lần vạn là 1 ức Số ức lần ức là 1 tỷ. 烝 *chưng*, tiến dâng, 畀 *tỳ*, cho 洽 *hạp*, đầy đủ. 皆 *giai* (đọc *kỷ* cho hợp vận), khắp cả.

Đây là bài nhạc ca khi làm lễ cúng tế mùa đông mùa thu để đáp tạ ơn phúc của thánh thần. Vì rằng đó là thuộc lễ tế Điền tổ, Tiên nông (Thần nông), tế khí bốn phương và tế Thần Hậu thổ,

Nói thu gặt mùa màng được nhiều đến nỗi có thể cung cấp việc cúng tế, đầy đủ trăm thứ lễ nghi, cho nên phúc lộc của thần ban cho sẽ dồi dào khắp mọi nơi.

Chú giải của Dịch giả

Số thông thường thì tính 10 phần nhiều hơn.

Một : 1

Mười : 10

Trăm : 100

Ngàn : 1000

Vạn : 10.000

Ức : 100.000
 Triệu : 1.000.000
 Kinh : 10.000.000
 Cai : 100.000.000
 Tỷ : 1.000.000.000

Thiên Phong niên có 1 chương 7 câu

BÀI THỨ 286

有 瞽

Hữu cổ. (Thần công 5)

有 瞽 有 瞽

1. Hữu cổ hữu cổ

在 周 之 庭

2. Tại Chu chi đình.

設 業 設 虞

3. Thiếp nghiệp thiết cự.

崇 牙 樹 羽

4. Sùng nha thụ vũ.

應 田 縣 鼓

5. Ứng điền huyền cổ,

洮 磬 柷 圉

6. Đào khánh xúc ngữ.

既 備 乃 奏

7. Kí bị nãi tấu .

簫 管 備 舉

8. Tiêu bị quản bị cử.

嘒 嘒 厥 聲

9. Hoàng hoàng quyết thanh.

肅 雝 和 鳴

10. Túc ung hoà bình

先 祖 是 聽

11. Tiên tổ thị thính

我 客 戾 止

12. Ngã khách lệ chỉ

Dịch nghĩa

1. Có quan mù đánh nhạc, có quan mù đánh nhạc.
2. Ở tại chiều đình nhà Chu
3. Dựng trụ mà bắt miếng ván ngang có khắc hình đẹp
đẽ.
4. Thanh gỗ sừng nha gỗ lên có kết cấu lông năm màu
rực rỡ.
5. Có trống nhỏ, trống to và trống treo
6. Cùng các loại nhạc khí như trống lắc, khánh, xúc và
ngũ.
7. Đã đầy đủ rồi mới tấu nhạc lên,
8. Ống tiêu ống sáo cùng thổi lên.
9. Thanh âm rộn rã.
10. Thanh nghiêm và hoà hợp.
11. Tổ tiên giáng xuống cùng nghe.
12. Những con cháu của tiên triều làm tân khách của
nhà Chu ta đều đến.
13. Được trông thấy mãi cuộc tấu nhạc ấy.

Dịch thơ

Có quan tấu nhạc người mù.

*Ở trong triều nội nhà Chu đầy rồi.
Bắc ván ngang đồng thời dựng trụ.
Gỗ sùng nha gần đủ sắc lông.
Trống treo, tư nhỏ đặt xong.
Khánh đào, xúc, ngự bày chung từng bưng
Đã đầy đủ vang từng hợp tấu
Thổi tiêu mà thổi sáo trước tiên
Thanh âm rội rã vang lên.
Trang nghiêm hoà hợp nghe rền xiết bao.
Tổ tiên nghe cùng nhau giáng hạ.
Khách nhà Chu cũng đã đến nơi.
Được trông tấu nhạc đời đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2.

警 cổ, quan đánh nhạc mù mắt.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho đây là bài thơ lúc nhà Chu đã thành công bắt đầu làm nhạc, hợp các thứ nhạc khí lại tấu lên ở tông miếu Thái tổ (Văn vương) (*chi ư thái bình thỉ công thành tắc nhạc dĩ hợp chu nhạc khí nhất thì tấu chi*) Hai câu đầu kể chung việc ấy.

Giảng về câu 3,4,5,6,7,8.

廣 *Cự*, dựng cây lên để treo chuông khánh, thanh gỗ ngang gọi là cây tuần 業 *ngiệp* miếng vân to ở trên thanh gỗ tuần có khắc hình răng để trang sức. 崇牙 *sùng nha*, chỗ treo chuông khánh trên thanh gỗ nghiệp lấy màu sắc sơn vẽ làm màu thanh gỗ sùng nha hình dáng khum khum gỗ lên (xem lại chương III thiên *Linh đài* bài thứ 245) 樹羽 *Thụ vu* Gắn lông 5 màu trên thanh gỗ sùng nha 應 *ứng*, cái trống nao, 田 *diễn*, cái trống to. Trịnh thị nói rằng: chữ *diễn* phải viết là cái trống nhỏ, 縣鼓 *huyền cổ*, trống treo lên do nhà Chu chế ra. Nhà Hạ (hạ hậu thị) có túc cổ (trống có chân). Nhà Ân có doanh cổ (trống có cây trụ xuyên vào giữa bụng trống để đứng vững). Nhà Chu có huyền cổ (trống treo). 洮 *đào* như mà cái trống mà nhỏ hơn, có cán bộ ở giữa, hai quai ở hai bên cầm cán mà lắc thì hai quai mà tự đánh vào mặt trống, 磬 *khánh*, cái khánh bằng đá, 柷 *xúc* một loại nhạc khí hình dáng như cái thùng sơn, làm bằng gỗ, giữa có cái giùi cắm ở đáy, cầm mà lắc thì dùi cắm ở hai bên để khởi tấu nhạc, 圉 *ngũ* cũng viết 敔 một loại nhạc khí hình dáng như con cọp nằm trên lưng có 27 cái răng cưa, lấy thanh gỗ dài một thước để đánh vào để chấm dứt âm nhạc, 簫 *tiêu*, ống tiêu do nhiều ống trúc nhỏ kết lại làm thành, 管 *quản*, như ống dịch, gộp hai ống lại mà thổi.

Giảng về câu 9, 10, 11, 12, 13.

我客 *ngã khách*, Tân khách của ta tức là con cháu của Hạ Vũ và của Ân thang, 觀 *quan* xem, 成 *thành* dứt một

bài nhạc, như chữ *thành* trong tiêu thiêu cửu thành là 9 khúc nhạc tiêu thiêu của Vua Thuấn.

Riêng chỉ nói con cháu của hạ Vũ và của Ân thang là cũng như với *Ngu tàn tại vị ngã hữu gia tân* (con cháu của vua Nghiêu Đan) Chu được vua Thuấn đối đãi như bậc tân khách đã an toạ, ta có khách tốt), vì là công lady đó làm dồi dào hơn nữa.

Thiên Hữu cổ có 1 chương 10 câu.

BÀI THỨ 287

潛

Tiềm (Thần công 6)

猗與漆沮

1. Y dư tất thư

潛有多魚

2. Tiềm ngữ đa ngư.

有鰭有鮪

3. Hữu triên hữu vĩ.

鱗鱗鰓鯉

4. Điều thường yển lý,

以享以祀

5. Dĩ hưởng dĩ tự

以介景福

6. Dĩ giới cảnh phúc

Dịch nghĩa

1. Ôi, ở sông Tất sông Thu
2. Chà cây dưới nước có nhiều cá.
3. Có cá triên có cá vĩ
4. Có cá điều có thường cá yển cá lý.
5. Để dâng để cúng ở tông miếu,

6. Để được phúc lớn.

Dịch thơ.

Hỡi ôi! Như Tất hai sông
Các loại cá đã nhiều đông trong nhà.
Có cá trên cũng là cá vĩ
Có các loài điều lý yễn thường
Để dâng lên cúng miếu đường
Được nhiều phúc lộc rõ ràng lớn lao.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 猗興 y dư, tiếng than. 潛 tiêm, chà cây đặt dưới sông. ấy là những chà cây (nhánh cây) chồng chất đặt ở dưới sông để nuôi cá khiến cá có nơi trú ẩn tránh lạnh, nhân đây môi lấy phen rèm vì lại để bắt hết cá. Hoặc nói tiêm là ẩn tránh dưới sâu. 鰈 điều, cá bạch điều. Thiên Nguyệt lệnh trong sách Lễ kí nói : Quý đông mệnh ngư sư thủy ngư, thiên tử thân vung, nãi thưởng ngư, tiên tiến tâm miếu, quý xuân tiếp vĩ vu tâm miếu (= Tháng cuối mùa đông, vua sai quan đánh cá khởi đầu bắt cá vua tự đi đến nơi thưởng thức những cá bắt được mà trước đã dâng cúng ở tông miếu, tháng cuối xuân thì dâng cúng cá vĩ ở tông miếu).

Thiên Tiêm có 1 chương 6 câu

BÀI THỨ 288

離

有來離離
至止肅肅
相維辟公
天子穆穆
於薦廣牡
相予肆祀
假哉皇考
綏予孝子
宣哲維人
文武維后
燕及皇天
克昌厥後
綏我眉壽
介以繁祉
既右烈考
亦右文母

Ung (Thần công 7)

1. Hữu lai ung ung
2. Chí chỉ túc túc,
3. Tương duy bích công
4. Thiên tử mục mục.
5. Ô tiến quảng mẩu
6. Tương du tứ tự .
7. Giả tai hoàng khảo
8. Tuy duy hiếu tử
9. Tuyên triết duy nhân.
10. Văn vũ duy hậu.
11. Yến cập Hoàng thiên,
12. Khắc xương quyết hậu,
13. Tuy ngã my thọ,
14. Giới dĩ phiến chỉ.
15. Kí hữu liệt khảo.
16. Diệt hữu văn mẩu

Dịch nghĩa

1. Có những bậc rất hoà nhã tiến sang.

2. Đi đến rất cung kính.
3. Để giúp việc cúng tiến của thiên tử, ấy là chư hầu.
4. Còn thiên tử thì dung mạo rất uy nghiêm.
5. Ôi! đã dâng lên một con thú đực rất to.
6. Chư hầu giúp ta trình bày các lễ vật cúng tế.
7. Vĩ đại thay cha ta là Vũ vương(hãy hưởng dụng)!
8. Để đứa con được yên lòng.
9. Thông minh tài trí thì trọn đạo làm người.
10. Văn vũ kiêm toàn thì đáng bậc làm vua.
11. Và yên lòng Trời nữa.
12. Có thể giúp con cháu được thịnh vượng.
13. Khiến cho ta được yên ổn sống lâu.
14. Lấy nhiều phúc lộc mà phù giúp vào.
15. Khiến ta tôn kính được Phụ vương (Văn Vương)
16. Và tôn kính được mẫu hậu (Thái Tự).

Dịch thơ

Những vị hoà nhĩ tiến sang

Đến thì cung kính nghiêm trang vô ngần.

Chư hầu đến ân cần phu tế.

Thiên tử thì đáng thể uy linh.

Ôi! dâng thú đực to kênh.

Chư hầu bày lễ linh đình giúp ta.

Vĩ đại thay! xin cha hưởng dụng,
 Để con đây yên bụng thoả tình
 Làm người trọn đạo, thông minh.
 Kiêm toàn văn vũ, vua định xứng ngôi!
 Và cũng yên lòng Trời nữa đấy.
 Giúp con cháu được mãi thịnh giàu,
 Khiến ta yên ổn sống lâu.
 Giúp nhiều phúc lộc ngõ hầu an khang
 Ta tôn kính phụ vương chu đáo.
 Và kính thờ mẫu hậu một lòng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3,4.

離離 *ung ung*, hoà nhã 肅肅 *túc túc*, kính cẩn. 相 *tướng*,
 phụ giúp việc cúng tế. 辟 *bích*, bực công, chư hầu, 穆穆 *mục*
mục, dung mạo uy nghiêm của thiên tử.

Đây là bài thơ của Vũ Vương, nói chư hầu đi đến đều
 hoà nhã lại cung kính để giúp việc cúng tế của ta. Và thiên
 tử có giáng diệu uy nghi.

Giảng về câu 5,6,7,8.

於 ô, tiếng than. 廣牡 *quảng mầu* con thú đực rất to để
 cúng tế, 肆 *trần* bày ra 假 *giả* to lớn. 皇考 *hoàng khảo* (đọc

khẩu cho hợp vận) Văn vương 綏 tuy, an 孝子 hiếu tử, tiếng của Vũ vương tự xưng.

Nói chư hầu hòa nhã cung kính ấy dâng lên con thật to để giúp việc cúng tế của ta. Và Vũ văn vương lớn lao thay! Mong Văn vương hãy hưởng dụng lễ vật ấy để yên lòng đứa con hiếu thảo là Vũ vương.

Giảng về câu 9.10,11,12.

宣 tuyên, thông. 哲 triết, trí 燕 yến, an.

Đây khen tặng ơn đức của Văn vương. Thông minh tài trí thì trọn đạo làm người. Văn Chương vũ bị đều gồm bao thì đầy đủ đức hạnh của bậc làm vua cho nên có thể làm yên lòng người và yên lòng trời, làm thịnh vượng con cháu nối nghiệp về sau.

Tô thị nói rằng: Người nhà Chu lấy việc kiêng húy tên để thờ kính thần thánh Văn vương tên Xương mà bài thơ này lại có câu *Khắc xương quyết hậu* (có chữ *xương*) là tên của Văn vương là tại làm sao? Vì rằng: việc mà nhà Chu gọi là kiêng tên là không lấy cái tên mà gọi lên vậy thôi chứ không bỏ luôn cả chữ (không đọc tên chứ không kiêng viết chữ.) Việc kiêng tên mà bỏ luôn cả chữ ấy là lỗi lầm nhỏ mọn trong *Chu lễ*.

Giảng về câu 13,14,15,16.

右 hữu, là tôn kính mà sách *Chu lễ* đã nói *Hưởng hữu tế tự* là đây. 烈考 liệt khảo như nói *hoàng khảo* là người cha đã chết 文母 văn mẫu (đọc *mỹ* cho hợp vận) là bà Thái Tự mẹ của Vũ Văn vương.

Nói văn vương phù hộ con cháu thịnh vượng, lấy tuổi thọ mà ban cho được yên ổn, lấy nhiều phúc lộc mà phụ giúp vào khiến cho ta (Vũ vương tự xưng) được kính trọng cha mẹ (Văn vương và Thái Tự).

Thiên ung có 1 chương 16 câu.

Thiên Nhạc quan trong sách *Chu lễ* chép : *Nhạc sư cấp triệt suốt học sĩ di ca triệt* (Quan đánh nhạc gần đến lúc dọn đồ ăn xuống thì thống suất con em các quan công khanh đại phu hát lên để dọn đồ ăn xuống). Lời giải thuyết cho rằng tức là bài này.

Sách *Luận ngữ* ở chương *Bát dật* cũng chép *dĩ Ung triệt* (...hát thơ Ung để dọn đồ ăn xuống). Thế thì đây là bài thơ để ca lúc dọn đồ cúng tế xuống, mà cũng được gọi là triệt.

BÀI THỨ 289

載見

載見辟王

曰求厥章

龍旂陽陽

和鈴央央

條革有鵠

休有烈光

率見昭考

以孝以享

Tái hiện (Thần công 8)

1. Tái hiện bích vương
2. Viết câu quyết chương.
3. Long kì dương dương
4. Hoà linh ương ương.
5. Điều cách hữu thương.
6. Hưu hữu liệt quang
7. Suất hiện chiêu khảo.
8. Dĩ hiếu dĩ hưởng,

以介眉壽

永言保之

思皇多祐

烈文辟公

綏以多福

俾緝熙于純

9. Dĩ giới my thọ

10. Vĩnh ngôn bảo chi

11. Tư hoàng đa hộ.

12. Liệt văn bích công

13. Tuy dĩ đa phúc

14. Tỷ tập hy vu thuận hộ.

Dịch nghĩa

1. Thì hầu đến châu thiên tử

2. Nói là để tìm (mà nghe biết) pháp độ của triều đình nhà Chu.

3. (Chỉ thấy) cờ thêu rồng tươi sáng .

4. Lạc trên xe và chuông trên cờ nghe khua vang.

5. Đầu dây cương có bịt vàng khua nhau hoà điệu.

6. Đẹp dễ và chói lợi.

7. Vua dẫn chư hầu đến miếu của Vũ vương.

8. Để cúng tế ,

9. Mà khiến ta được sống lâu.

10. Nói rằng giữ gìn mãi mãi

11. Những phúc lộc to tát dồi dào.

12. Còn chư hầu vẻ vang văn nhã.

13. Thì được sống yên với những phúc lộc dồi dào .

14. Khiến ta được thừa kế và làm vẻ vang cơ nghiệp đã đến những phúc lộc lớn lao.

Dịch thơ

*Đi châu thiên tử, chư hầu.
Rằng tìm pháp độ nhà Chu, nói là.
Cờ thêu rồng sáng loà phát phối
Lạc và chuông inh ỏi kêu vang.
Đâu cương khusa tiếng dịu dàng.
Thật là chói lọi, lại càng xinh tươi
Miếu Vũ vương đến nơi, vua dẫn.
Để cùng nhau cẩn thận tế ngay.
Khiến cho ta được sống dài,
Nói rằng gìn giữ lâu ngày xiết bao.
Những phúc lộc dồi dào vĩ đại!
Chư hầu vẫn nhà lại vẻ vang
Sống yên lắm phúc giàu sang,
Khiến ta nối nghiệp rõ ràng phúc to.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.
Giảng về câu 1,2,3,4,5,6.

載 *tái*, thì tiếng phát lời ở đầu câu 章 *chương*, pháp đô. 旂 *kì*, thú cò có hình hài con rồng giao với nhau. 陽 *dương*, sáng. 和 *hoà* chuông treo ở trước cây dựa trước xe. 鈴 *linh*, chuông treo trên cò kì 央央 *ương ương* 有鶻 *hữu* *thương* đều là tiếng hoà dịu 休 *hưu* *hạp*.

Giảng về câu 7,8.

昭考 *chiếu khảo*, Vũ vương. Theo pháp chế trong miếu, bàn thờ của vị Thái tổ đặt ở giữa, bên tả là chiêu, bên hữu là mục. Trong miếu tả nhà Chu Văn vương được thờ bên phía mục, Vũ vương bên phía chiêu. Cho nên kinh *Thư* nói ở *Mục khảo Văn vương*, và bài thơ này với bài *Phỏng lục* (bài thứ 293) đều gọi Vũ vương là chiêu khảo.

Đây là nói vua thống xuất chư hầu đi cúng tế ở miếu của Vũ vương.

Giảng về câu 9,10,11,12,13,14

思 *tư*, tiếng đệm ở đầu câu. 皇 *hoàng*, to lớn đẹp đẽ.

Lại nói cúng tế để được sống lâu mà hưởng được nhiều phúc ấy là nhờ chư hầu phụ giúp việc cúng tế mà có được như thế, khiến ta được thừa kế và làm rạng rỡ sự nghiệp để đến những phúc lộc rất lớn lao. Vì đó là lời quy công được cho chư hầu, như ý tứ của thiên *Liệt văn* (bài thứ 275).

Thiên Tái hiện có 1 chương 14 câu.

BÀI THỨ 290

有客

Hữu khách (Thần công 9)

有客有客
亦白其馬
有妻有且
敦琢其旅
有客宿宿
有客信信
言授之繫
以繫其馬
薄言追之
左右綏之
既有淫威
降福孔夷

1. Hữu khách, hữu khách
2. Diệc bạch kỳ mã,
3. Hữu thê hữu thử.
4. Đồi trác kỳ lữ,
5. Hữu khách túc túc.
6. Hữu khách tín tín.
7. Ngôn thụ chi chấp
8. Dĩ chấp kỳ mã .
9. Bạc ngôn truy chi.
10. Tả hữu tuy chi.
11. Kỳ hữu dâm uy,
12. Giáng phúc khổng di.

Dịch nghĩa

1. Có khách đến, Có khách đến
2. Cỡi con ngựa bạch .
3. Có vẻ trang nghiêm, có vẻ thận trọng.
4. Đoàn tùy tùng đều là người được lựa chọn đứng dẫn.
5. Có khách đã ở lại một đêm.
6. Có khách đã ở lại thêm một đêm nữa.
7. Trao cho dây cột ngôn

8. Để cột ngựa của người khách ấy lại.
9. Hãy đuổi theo người ấy.
10. Bề tôi ở hai bên đều làm cho người khách ấy yên vui để người khách ấy chịu lưu lại.
11. Người khách ấy đã có phép tắc lớn lao của tiên triều.
12. Cho nên phúc lộc đã ban xuống rất dễ dàng cho người

Dịch thơ

Bổng đà có khách đến đây
Cỡi con ngựa bạch khoan thai trên đường,
Uy nghi thận trọng nghiêm trang.
Tùy tùng chọn kẻ đàn hoàng tài hoa.
Khách vừa ở một đêm qua.
Ở thêm đêm nữa cùng ta chốn này.
Sợi thừng cột ngựa trao ngay.
Buộc con ngựa khách lại đây tức thời.
Khách đi hãy đuổi theo người .
Làm yên vui khách, bề tôi trong trào.
Khách thì phép tắc lớn lao.
Cho nên phúc lộc tặng trao dễ dàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3,4

客 *khách*, Vi tử. Nhà Chu đã diệt nhà Thương, phong cho Vi tử là con cháu của nhà Thương ở nước Tống để cúng tế tổ tiên, và lấy lễ nghi tânkhách đối đãi Vi tử, không giám xem Vi tử như kẻ bề tôi. 亦 *diệc* tiếng đệm ở đầu câu. Nhà Ân chuộng màu trắng, cho nên khi sắm sửa lễ vật phải noi theo lệ xưa của nhà Ân. 且 *thử*, chưa rõ là gì, *Mao thi truyện* giải là đáng kính cẩn thận trọng 敦琢 *đôi trác*, tuyển chọn 旅 *lữ*, những quan Khanh đại phu đi theo Vi tử.

Đây là bài thơ về Vi tử đến tổ miếu để phụ giúp việc cúng tế, mà một đoạn này nói Vi tử bắt đầu đi đến.

Giảng về câu 5,6,7,8

Trợ lại một đêm gọi là 宿 *túc*, trợ thêm một đêm nữa gọi 信 *tín* 繫其馬 *chấp kỳ mã*, cột ngựa lại. ý nói thương mến không muốn Vi tử đi.

Đoạn này nói Vi tử sắp đi.

Giảng về câu 9,10,11,12

追之 *truy chi*, Vi tử đã đi mà đuổi theo để Vi tử trở lại, là ý thương mến Vi tử không thôi. 左右綏之 *tả hữu tuy chi*, kẻ ở hai bên đều làm cho Vi tử yên vui, ý nói sợ dĩ làm Vi tử yên vui để lưu Vi tử lại mà không được. 淫威 *dâm uy*, chưa rõ là gì. Theo thuyết xưa ở sách *Mao thi dâm* là lớn

lao. Nổi theo tiên vương dùng lễ nhạc của thiên tử cho nên gọi là dân uy (phép tắc lớn lao). 夷 *di*, lớn lao.

Một đoạn này nói lưu người ấy ở lại.

Thiên Hữu khách có 1 chương 12 câu.

BÀI THỨ 291

武

於皇武王
無競維烈
允文文王
克開厥後
自武受之
勝殷遏劉
耆定爾功

Vũ (Thần công 10)

1. Ô hoàng Vũ vương!
2. Vô cạnh duy liệt.
3. Doãn văn Văn vương
4. Khắc khai quyết hậu.
5. Tự Vũ thụ chi,
6. Thắng Ân át lư,
7. Chỉ định nhĩ công.

Dịch nghĩa

1. Ôi Vũ vương lớn lao thay!
2. Công nghiệp của ngài không có gì sánh bằng được.
3. Thật do Văn vương có văn đức
4. Đã tạo lập mở ra cho con cháu.
5. Vũ vương nổi theo mà nhận thấy,
6. Đã thắng nhà Ân và ngăn việc tàn sát.
7. Để công nghiệp được an định.

Dịch thơ

Ôi Vũ vương lớn lao thay!
Không có gì sánh kịp công ngài vô biên.
Văn vương vẫn đức vẹn tuyền .
Mở ra cơ nghiệp để truyền đời sau.
Vũ vương nhận lấy tiếp vào,
Thắng Ân n ngăn việc giết nhau hung tàn.
Để cho cơ nghiệp định an,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 於 ô, tiếng than. 皇 hoàng, lớn lao. 遏 át, ngăn. 劉 lưu, giết. 誓 chỉ, đến.

Chu công tưởng tượng công nghiệp của Vũ vương mà làm bản nhạc Đại vũ. Nói công nghiệp của Vũ vương không có gì sánh bằng, thật đã do Văn vương tạo lập ra, rồi Vũ vương nối theo mà nhận lấy đã thắng nhà Ân, ngăn dứt việc tàn sát để công nghiệp được yên định.

Thiên Vũ có 1 chương 7 câu.

Truyện *Xuân thu* cho đây là chương đầu của bài nhạc Đại vũ. Đại vũ là bài nhạc để nhảy múa của Chu công tưởng tượng công lao vũ bị của Vũ vương, hát bài thơ này mà tấu bản nhạc Đại vũ ấy.

Kinh Lễ, chương *Minh đường vi* chép rằng: *Chu con ngọc thích, miêu nhi và Đại vũ* (Cầm cái thuẫn đỏ, cây búa gắn ngọc, mặc áo cồng, đội mũ miện mà múa bản *Đại vũ*)

Nhưng sách *Mao thi truyện* cho bài thơ này là do Vũ vương làm ra, mà trong thiên này đã có tên thụy Vũ vương, thì thuyết này đã làm rồi.

Thần công chi thập có 10 thiên, 10 chương, 106 câu.

3. *CHU TỤNG MÃN DƯ TIỂU TỬ CHI THẬP*

(Mười thiên thuộc thơ Chu tụng Mãn dư tiểu tử)

BÀI THỨ 292

閔予小子

Mãn dư tiểu tử

(Mãn dư tiểu tử)

閔予小子

1. Mãn dư tiểu tử!

遭家不造

2. Tao gia bất tạo,

嬛嬛在疚

3. Quỳnh quỳnh tại cứu.

於乎皇考

4. Ô hô hoàng khảo!

永世克孝

5. Vĩnh thế khắc hiếu.

念茲皇祖

6. Niệm tư hoàng tổ,

陟降庭止

7. Trắc giáng đình chỉ.

維予小子

8. Duy dư tiểu tử

夙夜敬止

9. Túc dạ kính chỉ.

於乎皇王

10. Ô hô hoàng vương!

繼序思不忘

11. Kế tự tư bất vương.

Dịch nghĩa

1. Bình hoạn phận con trẻ ta đây!
2. Gặp việc chẳng lành của gia đình (gặp tang cha).
3. Phải bơ vơ đau buồn.
4. Than ôi Vũ vương cha ta !
5. Suốt đời đã được hiếu thuận.
6. Cha ta hằng nhớ đến Văn vương là ông nội ta.
7. Như thường thấy lên xuống ở chốn triều đình.
8. Còn phận con trẻ ta nay
9. Sớm tối hằng kính cẩn.
10. Hỡi ôi tiên vương (Văn vương và Vũ vương)!
11. Con lo thừa kế giềng mối mà không hề quên lãng được.

Dịch thơ

*Phận con trẻ trong ngay ưu hoạn
Lại gặp tiền tai nạn trong nhà.
Bơ vơ đau khổ xót xa.
Vũ vương hoàng khảo cha ta, hỡi người !
Nhớ ông ta vương vấn chẳng thôi,
Như trong triều mãi thấy người .
Phận làm con trẻ ta thời từ nay
Sớm tối vẫn lòng này kính mến,*

Hỡi ôi! khi nhớ đến hoàng vương.

Con không quên nối nghiệp thường.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3,4,5

Thành vương còn ngày tang, bắt đầu đến châu ở miếu của tiên vương mà làm bài thơ này. 閔 *mẫn*, bệnh. 予小子 *dư tiểu tử*, con trẻ này, tiếng của Thành vương tự xưng ở miếu của tiên vương. 造 *tạo*, thành. 嬛 *quỳnh*, đồng với. 筑 *quỳnh*, cô đơn, ý không nơi nương tựa. 疚 *cửu*, buồn đau. Ông Khuông Hành bảo 筑筑在疚 *quỳnh quỳnh tại cửu* là nói Thành vương đã mất hết lòng mến nhớ, ý khí chưa dặng bình thường vì rằng ấy là để nhận lãnh cơ nghiệp của Văn vương và của Vũ vương và để tôn sùng căn bản của nền giáo hóa lớn lao của tiên vương. 皇考 *hoàng khảo*, Vũ vương. Than thở khen tặng Vũ vương đã suốt đời hiếu thuận.

Giảng về câu 6,7,8,9

皇祖 *hoàng tổ*, Văn vương. Tiếp theo đoạn văn trên, nói Vũ vương hiếu thuận, hằng nhớ tưởng Văn vương, như thường thấy Văn vương lên xuống ở chốn triều đình, cũng như nói vua Thuần hằng thấy vua Nghiêu ở trên tường, ở trong canh.

Sở từ chép: Tam công ấp nhượng, dâng giáng đường chỉ. (Chức Tam công vái chào lên xuống ở miếu đường)

thật giống với thể văn của đoạn này. Mà Khuông Hành dẫn câu này cũng được lời chú của họ Nhan giải rằng: Như thân mình đến triều đình.

Giảng về câu 10,11

皇王 *hoàng vương*, gồm chỉ Văn vương và Vũ vương.

Tiếp theo đoạn văn trên nói: Ta sợ dĩ trong sớm tối phải kính cẩn là lo thừa kế giềng mối này mà không hề quên lãng được.

Thiên Mãn dư tiểu tử có 1 chương 11 câu.

Đây là bài thơ của Thành vương làm lúc mãn tang đến châu ở miếu. Nhưng ngờ rằng đời sau lại cho là bài nhạc của vua nổi ngôi đến châu ở miếu.

Ba thiên sau cũng phỏng theo sau đây;

BÀI THỨ 293

訪落

訪予落止

率時昭考

於乎悠哉

朕未有艾

將予就之

繼猶判渙

維予小子

Phỏng lạc (Mãn dư tiểu tử 2)

1. Phỏng dư lạc chi.

2. Suất thì Chiêu khảo.

3. Ô hô du tai!

4. Trăm vị hữu ngãi.

5. Tương dư tựu chi.

6. Kế do phán hoán.

7. Duy dư tiểu tử

未堪家多難
紹庭上下
陟降厥家
休矣皇考
以保明其身

8. Vị kham gia đa nạn,
9. Thiệu đình thượng hạ,
10. Trắc giáng quyết gia.
11. Hưu hĩ hoàng khảo!
12. Dĩ bảo minh kỳ thân.

Dịch nghĩa

1. Ta phỏng vấn các người ngay từ lúc ban đầu ta nắm chính quyền
2. Thì chỉ nên noi theo cái đạo Vũ vương, cha ta.
3. Hỡi ôi! cái đạo của cha ta cao xa thay!
4. Ta chưa hề làm trọn được .
5. Nhưng rồi ta sẽ cố gắng noi theo
6. Nhưng việc ta nổi chí e sẽ phải phân tán.
7. Chỉ có phận con trẻ ta đây
8. Chưa kham nổi việc nhà khi lắm hoạn nạn,
9. Thì ta cũng nổi theo mà lên xuống ở triều,
10. Và qua lại ở nhà.
11. Cha ta hay đẹp thay!
12. Mong nhờ đó mà thân ta được yên ổn và rạng rỡ vậy thôi.

Dịch thơ

Ta hỏi khi bắt đầu hành chính.
Đạo Vũ vương noi kính mà thôi.
Cao xa đạo ấy hỡi ôi!
Ta chưa làm đặng xong xuôi đủ đây.
Để noi theo ta đây vẫn rán
Kế thừa e phân tán khó thay!
Phận làm con trẻ ta nay
Chưa kham hoạn nạn đã gây trong nhà .
Lên xuống triều đình ta tiếp nối,
Trong nhà thì lui tới không thôi.
Cha ta hay đẹp hỡi ôi!
Chỉ mong nhờ để rạng ngời thân ta.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 訪 phỏng hỏi 落 lạc, bắt đầu 悠 du, xa 艾 ngải, hoàn toàn, tuyệt, dứt, như trong câu Dạ vị ngải (Đêm chưa dứt). 判 phán, phận 渙 hoán, tan. 保 bảo, yên. 明 minh, hiển vinh.

Thành vương đã cháu ở miếu, nhân đây làm bài thơ này, lấy đạo lý hỏi ý các bề tôi. Nói mưu sách lúc bắt đầu của ta là noi theo cái đạo của Vũ vương cha ta. Nhưng cái đạo cha ta cao xa, ta không thể nào theo kịp được, nhưng rồi sẽ khiến ta phải cố gắng để noi theo. Nhưng việc ta nối

tiếp theo cái đạo của tiên vương ấy còn e ngại rằng sẽ phải
rã rời phân tán mà không được hợp thành, thì ta cũng nối
theo mà lên xuống ở triều và qua lại ở nhà, mong được nhờ
vào những điều tốt đẹp của cha ta cho thân ta yên ổn rạng
rỡ mà thôi.

Thiên Phỏng tác có 1 chương 12 câu.

Lời giải thuyết đồng như thiên trên (bài thứ 292)

BÀI THỨ 294

敬之
敬之敬之
天維顯思
命不易哉
無曰高高在上
陟降厥士
日監在茲
維予小子
不聰敬止
日就月將
學有緝熙于光明
佛時仔肩
示我顯德行

Kính chi (Mãn dư tiểu tử 3)

1. Kính chi, kính chi!
2. Thiên duy hiển tư.
3. Mệnh bất dị tai.
4. Vô viết cao cao tại thượng.
5. Trắc giáng quyết sĩ,
6. Nhật giám tại tư.
7. Duy tư tiểu tử.
8. Bất thông kính chi.
9. Nhật tựu nguyệt tương.
10. Học hữu tập hy vu quang minh.
11. Bất thì tử kiên,
12. Thị ngã hiển đức hạnh.

Dịch nghĩa

1. Đáng kính thay! Đáng kính thay!
2. Đạo Trời rất tỏ rạng.
3. Mệnh Trời gìn giữ không phải dễ dàng.
4. Chớ bảo Trời cao ở tận trên không (mà không xem xét đến ta).
5. Trời hằng lên xuống xem việc của ta làm.
6. Ngày ngày vẫn xem xét ở đây.
7. Chỉ phận con trẻ của ta đây (vua tự xưng).
8. Không thông hiểu không kính cần.
9. Mong ngày tháng được thành công tiến bộ.
10. Ta nguyện học tập và tiếp tục mãi mà hiểu rõ để đến trình độ sáng suốt.
11. Ta nhờ các bề tôi giúp đỡ vào trách nhiệm của ta gánh vác.
12. Cho ta được thấy những đức hạnh vẻ vang.

Dịch thơ

Thật đáng kính! Thật là đáng kính!

Đạo trời thì chân chính rõ ràng.

Mệnh trời giữ chẳng dễ dàng.

"Trời cao xa" chớ bảo rằng hời ôi!

Việc ta làm, Trời soi xét mãi.

Trời xuống lên coi thân hàng ngày.
Phận ta con trẻ thân này.
Đã không kính cần, chẳng hay biết gì.
Mong ngày tháng kịp thì tiến bộ
Học nối theo hiểu rõ sáng soi.
Giúp ta gánh vác bề tôi
Cho ta thấy đức sáng ngời để theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3,4,5,6

顯 *hiển*, sáng rõ 思 *tư* (đọc *ti* cho hợp vận) tiếng đệm ở cuối câu 士 *sĩ*, sự việc.

Thành vương nhận lời khuyên của các bề tôi mà thuật lại lời ấy, nói rằng: Đáng kính thay! Đáng kính thay! Đạo Trời rất tỏ rạng giữ gìn mệnh trời không phải là dễ dàng. Chớ bảo Trời cao xa mà không thể xem xét đến ta, mà phải biết rằng Trời thông minh, hiển vinh người thiện, trừng trị kẻ ác, thường như lên xuống ở chỗ ta hành động ngày nào là không đến xem xét ở đấy, cho nên chúng ta không thể nào không kính cần được

Giảng về câu 7,8,9,10,11,12.

將 *tương*, tiến. 佛 *bật* đồng với 弼 *bật* là phụ giúp. 仔肩 *tử kiên*, gánh vác lấy trách nhiệm.

Đây là lời tự mình đáp lại của đoạn văn trên. Nói rằng: Ta thì không thông hiểu và cũng chưa được kính cần, nhưng ta nguyện học theo, hầu ngày tháng được thành công tiến bộ, cứ tiếp tục mãi mà hiểu rõ để đến trình độ sáng suốt. Ta lại nhờ các bề tôi giúp đỡ vào trách nhiệm của ta gánh vác mà cho ta thấy được những đức hạnh hiển rạng vẻ vang, để ta mong có thể theo kịp được.

Thiên Kinh chỉ có 1 chương 12 câu.

BÀI THỨ 295

小 毖

予 其 懲

而 毖 後 患

莫 予 莽 蜂

自 求 辛 螫

肇 允 彼 桃 蟲

拚 飛 維 鳥

未 堪 家 多 難

予 又 集 于 蓼

Tiểu bí. (Mẫn dư tiểu tử 4)

1. Dư kỳ trừng,

2. Nhi bí hậu hoạn?

3. Mạc dư phanh phong,

4. Tự cầu tân thích.

5. Triệu doãn bỉ đào trùng,

6. Phiên phi duy diếu.

7. Vị kham gia đa nạn.

8. Dư hựu tập vu liêu.

Dịch nghĩa

1. Ta răn ngừa những việc gì.

2. Mà cẩn thận ngăn được hậu hoạn?

3. Chớ khiến ta dung dưỡng con ong,

4. Để tự tìm lấy bị độc chích.
5. Lúc khởi đầu cứ tin con chim chiến chiến là bé mãi,
6. Hễ nó bay lên thì hóa thành con chim to.
7. Ta chưa kham việc nhà lắm hoạn nạn,
8. Ta lại ở vào cảnh địa đàng cay đau khổ.

Dịch thơ

Việc gì ta phải ngừa răn.
 Hậu tai cẩn thận chặn ngăn vừng lòng?
 Ta đừng dung dưỡng con ong
 Tự tìm độc chích khốn cùng, ô hay!
 Khởi đầu chim bé tin ngay
 Sẽ thành chim lớn khi bay vầy vùng.
 Chưa kham gia nạn nổi lòng.
 Cảnh tình cay đắng lại cùng vương thân

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 鬱 trùng, có bị thương tổn đến
 mà biết răn chữa, 惑 bí , cẩn thận 莽 phanh, khiến 蜂
 phong, con ong, con vật nhỏ mà có nọc độc 肇 triệu, bắt đầu
 允 doãn, tin 桃 蟲 đào trùng, chim tiêu liêu, chim chiến
 chiến, loài chim nhỏ 拚 phiên, đáng bay. 鳥 điểu, chim to.
 Chim tiêu liêu con hóa thành con diều cho nên lời xưa có
 câu: Tiêu liêu sinh diêu (= chim tiêu liêu sinh ra con diều),

ý nói khởi đầu thì nhỏ mà sau cùng thì to, 蓼 莪, loại cây rất đắng cay; vật cay đắng.

Đây cũng là ý của thơ *Phổ lục* (bài thứ 293). Thành vương tự nói; Ta răn ngừa việc gì mà cẩn thận tránh được hậu hoạn được ư? Khiến con ông được dung dưỡng để rồi mình bị chích, tin con chim chiến chiến cứ bé mãi mà mình không biết rằng nó sẽ hóa thành con chim to. Đó là những điều phải răn ngừa. Vì đó là chỉ việc bội phản của Quan Thúc Tiên và Thái Thúc Độ. Nhưng ta còn trẻ thơ chưa kham lắm tai nạn mà lại ở vào cánh địa đắng cay khổ sở, thì các bề tôi lại nỡ bỏ ta mà không giúp đỡ hay sao?

Thiên Tiểu bí có 1 chương 8 câu

Tô thị nói rằng: Tiểu bí là cẩn thận những việc gì còn nhỏ mọn. Đã cẩn thận ngăn ngừa việc còn bé nhỏ, thì những hoạn nạn to không thể do đâu mà đến được.

BÀI THỨ 296

載 芑

載 芑 載 柞

其 耕 澤 澤

千 耦 其 耘

徂 濕 徂 畛

侯 主 侯 伯

侯 亞 侯 旅

Tái sam (Mãn dư tiểu tử 5)

1. Tái sam tái tác (trách),

2. Kỳ canh thích thích.

3. Thiên ngẫu kỳ văn.

4. Tô thấp tổ chân.

5. Hầu chủ hầu bá,

6. Hầu á hầu lữ,

侯彊侯以
 有嘖其鯁
 思媚其婦
 有依其士
 有略其耜
 俶載南畝
 播厥百穀
 實函斯活
 驛驛其達
 有厭其傑
 厭厭其苗
 綿綿其麋
 載穫濟濟
 有實其積
 萬儀及秭
 爲酒爲禮
 烝畀祖妣
 以洽百禮
 有飴其香
 邦家之光
 有椒其馨

7. Hâu cường hâu dĩ.
8. Hữu thắm kỳ diệp.
9. Tư my kỳ diệp.
10. Hữu y kỳ sĩ.
11. Hữu lược kỳ tự,
12. Xúc tái nam mẫu,
13. Bá quyết bách cốc.
14. Thực hàm tự hoạt.
15. Dịch dịch kỳ đạt.
16. Hưu yếm kỳ kiệt.
17. Yếm yếm kỳ miêu.
18. Miên miên kỳ tiêu.
19. Tái hoạch tế tế.
20. Hữu thực kỳ tích.
21. Vạn ức cập tỷ.
22. Vi tửu vi lễ
23. Chứng tỷ tổ tỷ,
24. Dĩ hạp bách lễ.
25. Hữu tất kỳ hương
26. Bang gia chi quang.
27. Hữu tiêu kỳ hình,

胡考之寧

匪且有且

匪今斯今

振古如茲

28. Hồ khảo chi ninh.

29. Phỉ thư hữu thư.

30. Phỉ kim tư kim,

31. Chấn cổ như tư.

Dịch nghĩa

1. Thì nhỏ cỏ, thì đốn cây.

2. Rồi cày cho đất nát ra.

3. Có hàng trăm cặp nông phu cùng lo bữa, nhỏ cỏ.

4. Có người nhỏ ở dưới ruộng, có người nhỏ ở trên bờ mầu.

5. Những nông phu ấy là chủ nhà, là con trưởng.

6. Là con kế, là các con em họ hàng trong nhà,

7. Là những trai tráng mạnh mẽ, là những người làm thuê.

8. Có tiếng cùng nhau vui vẻ ăn uống những thức từ trong nhà mang ra.

9. Chồng thì thuận chiều theo vợ.

10. Vợ thì thương mến chồng.

11. Có người thì mài cho bén lưỡi cày,

12. Bắt đầu làm công việc ở mầu ruộng phía nam,

13. Gieo xuống hàng trăm thứ thóc.

14. Những hột thóc ấy hấp thụ những hơi khí mà mọc lên.
15. Những cây mạ mạnh mẽ lú lên khỏi mặt đất.
16. Cây mạ nào hấp thụ đầy đủ hơi khí thì mọc mạnh mẽ lên trước.
17. Cây mạ lên cao tươi tốt.
18. Những nông dân san sát chen nhau đi nhổ cỏ hại mạ.
19. Thì đông người đến gặt.
20. Những lúa gặt được chất vun lên thành đống ở ngoài trời.
21. Lúa quá nhiều đến số muôn, số ức và số tỷ .
22. Để làm rượu cay để làm rượu ngọt
23. Để dâng lên cúng ông bà
24. Để thích hợp với trăm điều lễ nghi.
25. Mâm cỗ có hương vị thơm tho.
26. Để đãi tân khách là điều vinh diệu của quốc gia.
27. Mâm cỗ có hương vị thơm ngát.
28. Để nuôi dưỡng người già được yên ổn.
29. Không phải ở chốn ấy mới có việc ấy.
30. Không phải hôm nay mới có việc được mùa này.
31. Từ rất xưa đã có như thế.

Dịch thơ

Thì đốn cây và cùng nhổ cỏ,
Đất cày cho nát nhỏ khắp đồng.
Nhỏ, bừa ngàn cặp dân nông.
Hoặc trên bờ mầu hoặc trong ruộng này.
Hắn là con trưởng hay gia chủ.
Con kế và đầy đủ họ hàng.
Làm thuê trai mạnh vững vàng
Ồn ào ăn uống thức mang từ nhà.
Người chồng thì thuận hòa với vợ.
Còn vợ thì mến nhớ người chồng.
Lười cày mài bén đã xong.
Ruộng phương nam đã khởi công làm rồi .
Trăm thứ thóc mọi nơi gieo đủ .
Hơi khí đã hấp thụ mọc đầy.
Mạ nào mạnh lú lên ngay.
Mọc nhanh lên trước những cây dôi dào.
Đã tươi tốt lên cao cây mạ.
Cỏ hại thì cũng đã nhổ xong.
Người đi đến gặt quá đông.
Gặt rồi chất lộ ngoài đồng khắp nơi.
Vạn ức tỷ lúa thời vô kể.

Rượu ngọt, cay dành để gây liên.
 Cúng ông bà hãy dâng lên.
 Trăm điều nghi lễ đã yên đủ đầy.
 Mâm cỗ đã ngát bay hương liệu.
 Đãi khách tân, vinh rượu quốc gia.
 Mâm đầy hương bốc gần xa.
 Để đem nuôi dưỡng người già sống yên.
 Đây không phải chỉ riêng thế ấy.
 Nay không là mới thấy được mùa.
 Có như thế ấy từ xưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú .

Giảng về câu 1,2.

芟 sam, trừ cỏ, làm cỏ 柞 trách (đọc tạc cho hợp vận),
 đốn cây, phá cây . Chúc trách thị thuộc thu quan giữ việc
 đốn, phá cây cỏ, là đầy. 澤澤 thích thích (đọc đặc cho hợp
 vận) giải tán.

Giảng về câu 3,4.

耘 vân, nhổ cỏ ở trong mạ 濕 thấp, dưới ruộng 畛 chân
 , trên bờ mầu.

Giảng về câu 5,6,7,8,9,10,11,12.

主 chủ, chủ gia đình. 伯 bá, con trưởng. 亞 á, con kế. 旅
 lữ, các con em. 彊 cường, người dân mạnh mẽ có thừa sức

đến giúp đỡ. Quan toại nhân thuộc địa quan trong *Chu lễ* đã nói: *Dĩ cường dư nhiệm mạnh*. (= Để giúp đỡ dân nhà nông của ta). 以 *dĩ* hay giúp đỡ ở hai bên, làm thuê làm mướn giúp đỡ người ta. Quan thái tử thuộc Xuân quan trong *Chu lễ* đã nói: *Nhân dân chuyển di chấp* (= Dân không sự nghiệp cứ dời đổi đi làm thuê cho người). Như ngày nay người bỏ công đi làm thuê, đi theo nhà chủ mà làm việc giúp đỡ ở hai bên 噴 *thảm*, tiếng nhiều người ăn uống với nhau. 媚 *my* thuận theo 依 *y*, thương yêu. 士 *sĩ*, chồng. Nói người vợ đem đồ ăn và người chồng đi cày cùng uỷ lạo an ủi nhau. 略 *lược*, mài cho bén. 椒 *xú*, bắt đầu. 載 *tái*, sự việc.

Giải về câu 13,14.

函 *hàm*, ngâm. 活 *hoạt* (đọc *học* cho hợp vận), sống. Đã được gieo xuống hộ giống ngâm lấy hơi khí mà sống mọc lên.

Giải về câu 15,16.

驛驛 *dịch dịch*, dáng mạ lên mạnh mẽ. 達 *đạt* (đọc *điệt* cho hợp vận) lú lên khỏi mặt đất. 厭 *yếm* hấp thụ đầy đủ hơi khí. 傑 *kiệt*, cây mạ mạnh mẽ mọc lên trước.

Giải về câu 17,18.

綿綿 *miên miên*, san sát chen nhau. 熏 *tiêu*, nhỏ cỏ.

Giải về câu 19,20,21,22,23,24.

濟濟 *tề tề*, dâng đông người 實 *thực*, chứa đầy, 積 *tích*, chất đọng lúa ngoài trời.

Giảng về câu 25,26,27,28.

鮠 tất, thơm tho, chưa rõ là vật gì mà thơm tho 胡 胡, sống lâu. Để thiết đãi tân khách, thì nước nhà dặng rạng rõ. Để nuôi dưỡng người già, thì người lớn tuổi được yên ổn

Giảng về câu 29,30,31

Câu cuối cùng không có vận, chưa rõ vì sao.

且 trở, ấy cái ấy. 振 chấn, cực, rất.

Nói không phải riêng ở chỗ mới có việc gặt ấy. Không phải riêng ở thời nay mới có việc vui mừng trúng mùa này. Vì rằng từ rất xa xưa đến nay vẫn có như thế. Cũng như từ xa cũng được mùa.

Thiên Tai sam có 1 chương 31 câu.

Bài thơ này chưa rõ được ứng dụng của nó, nhưng lời và ý thơ thì tương tự với của thiên *Phong niên* (bài thứ 285) thì ứng dụng của nó cũng không khác với của thiên *Phong niên*.

BÀI THỨ 297

良耜

晏晏良耜

俶載南畝

播厥百穀

實函斯活

Lương tự (Mẫu dư tiểu tử 6)

1. Trắc trắc lương tự,

2. Xúc tái nam mẫu.

3. Bá quyết bách cốc.

4. Thực hàm tư hoạt

或來瞻女
載筐及筥
其饌伊黍
其笠伊糾
其鉶斯趙
以馨荼蓼
荼蓼朽止
黍稷茂止
穫之挈挈
積之栗栗
其崇如墉
其比如櫛
以開百室
百室盈止
婦子寧止
殺時稌牡
有球其角
以似以續
續古之人

5. Hoạch lai chiêm nữ
6. Tái khuông cập cử.
7. Kỳ thưởng y thử
8. Kỳ lạp y củ.
9. Kỳ bác tư triệu.
10. Dĩ cao đồ liễu.
11. Đồ liễu hủ chỉ .
12. Thử tác mẫu chỉ,
13. Hoạch chi trất trất.
14. Tích chi lật lật.
15. Kỳ sùng như dung,
16. Kỳ tý như trất.
17. Dĩ khai bách thất.
18. Bách thất doanh chỉ,
19. Phụ tử ninh chỉ .
20. Sát thì thuận mẫu.
21. Hữu cầu kỳ giác .
22. Dĩ tự dĩ tục,
23. Tục cổ chi nhân.

Dịch nghĩa

1. Lưỡi cày đã bén tốt,

2. Thì bắt đầu làm việc ở mẫu ruộng phía nam.
3. Gieo xuống trăm thứ thóc .
4. Hột thóc đều hấp thụ hơi khí mà mọc lên.
5. Hoặc có người nhà đến thăm các anh.
6. Có mang đến giỏ vuông và vỏ tròn.
7. Thức ăn đựng vào đây là xôi nếp.
8. Nông phu đội nón lá rất nhẹ nhàng.
9. Lưỡi cuốc ăn sâu.
10. Để giã cỏ đồ cỏ liểu.
11. Khi đồ cỏ liểu đã nát mất .
12. Thì lúa nếp mọc lên tươi tốt .
13. Tiếng gặt hái nghe rào rào.
14. Những bó lúa chất lại dày đặc.
15. Cao lên như bức thành.
16. Chen khít vào nhau như răng lược.
17. Để rồi mở vựa của trăm nhà ra chứa trữ.
18. Trăm nhà đều đầy lúa.
19. Thì đàn bà con trẻ được sống yên ổn.
20. Giết con bò đực lông vàng mồm đen ấy để cúng tế.
21. Con bò ấy có sừng cong lên.
22. Để nối tiếp tổ tiên mà lo việc cúng tế.
23. Để nối tiếp theo thể lệ của người xưa.

Dịch thơ

Cây đã bén tốt rồi phần lười.
Ruộng phía nam đã khởi công rồi.
Thóc gieo trăm thứ xong xuôi.
Khi hơi hấp thụ đâm chồi lú ra.
Thăm các anh, người già đi tới.
Giỏ vuông tròn mang lại đến nơi,
Đựng toàn trong giỏ là xôi.
Nông phu đội nón thành thoi nhẹ nhàng.
Đã ăn sâu bổ phăng lười cuốc.
Cỏ liều đồ đều được giã qua.
Đến khi cỏ đã nát ra.
Nếp liền thấy mọc rườm rà tốt tươi.
Nghe rào rào khắp nơi gặt hái.
Lúa đặc dày chất lại dồi dào.
Như tường thành chất lên cao.
Giống như răng lược chen nhau đầy đây,
Vừa trăm nhà mở ngay ra chừa.
Trăm nhà đều trổ lúa đầy tràn.
Đàn bà con trẻ sống an.
Giết con bò luộc lông vàng mồm đen.
Sừng bò ấy cong lên đẹp tuyệt.

Nói tỏ tiên lo việc cúng thờ.

Tiếp theo thể lệ người xưa.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2.

憂憂 trắc trắc, rất bén.

Giảng về câu 3,4

Lời giải thuyết xem thiên trước, câu 13, 14 thiên *Tái sam*. bài thứ 296.

Giảng về câu 5,6,7

或來瞻女 hoặc lai chiêm nữ, có người đến thăm anh, nói người vợ đem đồ ăn đến. 筐 khuông 筥 củ, vật dụng đựng đồ ăn.

Giảng về câu 8,9,10.

糾然 củ nhiên đội nón lá nhẹ nhàng. 趙 triệu, đâm vào xắn vào. 馨 cao, nhỏ trừ, 茶 đồ, cỏ trên đất. 蓼 liêu, cỏ dưới nước, một vật mà có hai thứ ở trên đất và ở dưới nước khác nhau, nay người ở miền Nam còn gọi rau liêu là lạt đồ, hoặc có người dùng để thuốc cá, bỏ xuống khe ngòi mà bắt cá, cho nên được gọi là rau đồ độc.

Giảng về câu 11,12

Thứ rau độc đã nát rồi thì đất tốt mạ lên rườm rà.

Giảng về câu 13,14,15,16,17

桮桮 *trát trát*, tiếng gặt hái lúa. 栗栗 *lật lật*, chông
chất lại dày đặc. 櫛 *trất*, cái lược để chải tóc, ý nói dày
nhật lại. 百室 *bách thất*, trăm nhà, những người trong một
tộc: 5 nhà là một lý, 5 lý là một lư, 4 lư là một tộc (tức là
100 nhà). Những người trong một tộc (trăm nhà) thì cùng
giúp đỡ nhau, cho nên cùng đem lúa vào mà thu cất.

Giải về câu 18,19

盈 *doanh*, đầy. 寧 *bình*, yên.

Giải về câu 20.21.22.23

𤑔 *thuần*, bò vàng môi đen. 掬 *cầu*, dáng uốn cong. 續
tục, tiếp tục theo tổ tiên mà lo việc cúng tế ông, bà.

Thiên Lương tự có 1 chương 23 câu.

Hoặc có người nghi rằng những thiên *Tư văn* (bài thứ
281).

Thần công (bài thứ 282). *Y hy* (bài thứ 283) *Phong
niên* (bài thứ 285) *Tái sam* (bài thứ 296), *Lương tự* (bài thứ
297) tức gọi là *Bản tụng* (*thiên Thất nguyệt*, bài thứ 154),
xem rõ ở cuối phần thơ *Bản phong* và thơ *Đại điển* (bài thứ
218) cũng chưa biết được là đúng hay không.

BÀI THỨ 298

絲衣

Ty Y. (Mãn dư tiêu tử 7)

絲衣其不

1. Ty Y kỳ phủ,

載弁俅俅

2. Tái biến cầu cầu,

自 堂 徂 基
自 羊 徂 牛
鼎 及 鼎
兕 觥 其 絺
旨 酒 思 柔
不 吳 不 敖
胡 考 之 休

3. Tự đường tổ cơ,
4. Tự đường tổ ngư,
5. Nại đỉnh cập Ty
6. Tự quang kỳ cầu
7. Chỉ tửu tư nhu,
8. Bất hoạ, bất ngạo,
Hồ khảo chi hưu.

Dịch nghĩa

1. Mặc lễ phục sạch sẽ tinh khiết
2. Đội mũ hiền cung tính thuận hoà,
3. Từ môn đường xuống đến chỗ nền nhà,
4. Xem xét từ con dê đến con bò để cúng tế,
5. Các vạc to, vạc vừa, vạc bé nữa.
6. Chén sừng tự cong cong,
7. Rượu ngon lại hoà dịu.
8. Không ồn ào không ngạo mạn lúc cúng tế,
9. Để được phúc sống lâu.

Dịch thơ

*Khiết tinh lễ phục mặc xong,
Mũ hiền cung kính đội trông thuận hoà
Từ môn đường đến nền nhà,*

Bò dê đều được xem qua yên lòng.
 Vạc to vạc bé xem xong
 Chén sùng tự thấy cong cong pho bày,
 Rượu ngon hoà dịu đủ đầy.
 Không hề ngạo mạn ồn rầy chi đâu.
 Cho nên được phúc sống lâu

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

絲衣 *ty y*, y phục mặc lúc cúng tế. 不 *phu*, đáng sạch
 sẽ tinh khiết, 載 *tái*, đội, 弁 *biên*, mào tước biên, trang
 phục của kẻ sĩ cúng tế ở vương miếu. 球球 *cầu cầu*, dâng
 cung kính thuận hoà. 基 *cơ*, nền nhà ở bên cửa. 鼎 *nại*, cái
 vạc to. 思 *tư*, tiếng đệm theo câu văn. 柔 *nhu*, hoà. 吳 *hoa*,
 ồn ào

Đây cũng là bài thơ cúng tế ăn uống rượu với nhau.
 Nói người mặc lễ phục đội mào tước biên ấy bước lên môn
 đường (nhà chính bên cửa ngõ), xem xét những bình rượu,
 rửa những tô đĩa đã rửa sạch, rồi xuống đến chỗ nền nhà,
 cho hay mọi vật dụng đã rửa sạch, lại xem xét những con
 thịt, từ con dê đến con bò, rồi trở lại cho hay đã đầy đủ,
 xong lại dỡ những khăn dây các vạc, cho hay đã tinh khiết,
 đó là thứ tự các lễ nghi. Lại giữ gìn uy nghi kính cẩn
 không ồn ào, không biếng lười khinh mạn, cho nên được
 phúc sống lâu.

Thiên Ty y có một chương 9 câu.

Trong bài thơ này hoặc những chữ *phu, câu, ngư, câu, nhu, hưu* đồng hợp với vận *cơ*, hoặc những chữ *cơ, ty* đồng hợp với vận *phu*.

BÀI THỨ 299

酌

Chước (Mãn dư tiểu tử 8)

於鑠王師

1. Ô thuốc vương sư!

遵養時晦

2. Tuân dưỡng thì hối.

時純熙矣

3. Thì thuần hy hĩ,

是用大介

4. Thị dụng đại giới.

我龍受之

5. Ngã long thụ chi.

蹻蹻王之造

6. Kiểu kiểu vương chi tạo.

載用有嗣

7. Tải dụng hữu tự

實維爾公允師

8. Thực duy nhĩ công doãn sư.

Dịch nghĩa

1. Ôi ! đông đảo thay quân đội của vua!

2. Thời thế đen tối thì thuận theo mà sức dưỡng lực lượng.

3. Khi thời thế đã tỏ rạng,

4. (Vũ vương) dùng chiếc áo trận xông pha định yên thiên hạ.

5. (Người đời sau) chúng ta hãy thương mến mà nhận lấy

6. Những vũ công của bậc uy dũng ấy tạo nên.

7. Còn những vua nổi nghiệp

8. Thật cũng chỉ bắt chước theo công việc của người mà thôi.

Dịch thơ

Ôi! quân vua xiết bao hưng thịnh,

Thời còn đen chỉ tịnh dưỡng thôi.

Khi thời đã tỏ rạng rồi,

Mặc xông áo trận xông nơi vẫy vùng,

Thì chúng ta hãy cùng nhận lấy

Vũ công mà vua ấy tạo nên.

Những vua nổi nghiệp tiếp lên

Việc người làm: bắt chước liền mà thôi

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú

於 ô, lời than. 鑠 *thuốc*, thịnh nhiều. 遵 *tuân*, thuận theo. 熙 *hy*, sang. 介 *giới*, bình giáp, gọi là một chiếc áo trận. 龍 *long*, sủng ái. 躋 *kiểu* *kiểu*, dâng uy vũ. 造 *tạo*

(đọc *tấu* cho hợp vận), làm. 載 *tái*, thì. 公 *công*, công việc.
允 *doãn*, tin.

Đây cũng là bài thơ ca tụng Vũ vương. Nói lúc bắt đầu Vũ vương có quân đội đông đảo mà không dùng, thoái lui tự thuận theo thời, sức dưỡng lực lượng, vì tình cảnh và thời thế đều cùng đen tối. Khi thời thế đã tỏ rạng ra rồi, thì với một chiếc áo trận Vũ vương xông pha mà cả thiên hạ được yên định. Người đời sau do đó thương mến mà nhận lấy chiến công của bậc vua uy dũng ấy. Còn những bậc thừa kế cơ nghiệp cũng chỉ lấy công việc của Vũ vương mà bắt chước.

Thiên Chúc có một chương 8 câu

Chúc tức là tên bản nhạc Chúc. Thiên *Nội tộc* ở kinh *Lễ* chép: *Thập tam vũ chúc* là 13 tuổi thì múa bài chúc, tức là bài thơ này làm tiết điệu nhảy múa.

Những bài thơ này cùng bài *Lại* (bài thứ 301) và bài *Bán* (bài thứ 302) đều không dùng đã chữ có trong bài ở trong bài thơ mà đặt làm tên thiên, thì nghi rằng đã lấy tên nhạc tiết mà làm tên thiên nhiên, như nói *Vũ túc dạ* (*Vũ túc dạ* là khúc ca vũ do quân sĩ của Vũ vương đi đánh vua Trụ, đến bờ cõi nhà Thương, dừng lại nghỉ đêm vui ca múa hát để chờ trời sáng).

BÀI THỨ 300

桓

Hoàn (Mãn dư tiểu tử 9)

綏 萬 邦

1. Tuy vạn bang,

廣豐年
天命匪解
桓桓武王
保有厥土
于以四方
克定厥家
於昭于天
皇以間之

2. Lũ phong niên,
3. Thiên mệnh phi giải.
4. Hoàn hoàn Vũ vương
5. Bảo hữu quyết sĩ,
6. Vũ dĩ tứ phương,
7. Khắc định quyết gia,
8. Ô chiêu vu thiên!
9. Hoàng dĩ gián chi.

Dịch nghĩa

1. Đã ổn định muôn nước trong thiên hạ
2. Và thường được trúng mùa
3. Mệnh trời thuộc về nhà Chu lâu rồi mà không chán.
4. Vũ vương uy dũng
5. Bảo hộ được kẻ sĩ hiền tài
6. Và dùng vào những công việc bốn phương
7. Để gia đình của họ được yên ổn.
8. Ôi! công đức của Vũ vương đã rạng chiếu đến trời,
9. Vũ vương đã làm vua mà thay thế nhà Thương.

Dịch thơ

Định yên muôn nước xong rồi,

Mùa thường được trúng khắp nơi dồi dào
Mệnh trời không chán đã lâu,
Vũ vương uy dũng, xiết bao rõ ràng!
Chở che hiền sĩ vững vàng,
Dùng vào công việc bốn phương vẹn tuyền.
Để gia đình họ được yên.
Ôi! công đức ấy chiếu lên tận trời.
Thay nhà Thương, đã lên ngôi.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 綏 tuy, yên. 桓桓 hoàn hoàn, đáng vũ dũng.

Sau cuộc hành quân lớn lao tất nhiên có vụ mất mùa. Nhưng Vũ vương thắng nhà Thương, trừ tai hại để yên thiên hạ, nên đã lắm lần được điềm lành trúng mùa. *Mao thi truyện* chép: Nhà Chu đói kém, thắng nhà Thương thì được trúng mùa, là đấy. Nhưng mệnh trời thuộc về nhà Chu đã lâu mà vẫn không chán, cho nên Vũ vương anh dũng này đã bảo họ được những kẻ sĩ hiền tài và dùng những kẻ hiền sĩ ấy vào những công việc ở bốn phương để yên định những gia đình của họ. Thì ân đức của Vũ vương đã chiếu rọi đến trời.

問 *gián*: chưa rõ nghĩa là gì. *Mao thi truyện* giải *gián* là thay thế, nói làm vua thiên hạ là thay thế nhà Thương. Đây cũng là ca tụng công đức của Vũ vương.

Thiên Hoàn có 1 chương 9 câu

Truyện *Xuân thu* cho đây là chương thứ 6 của bài nhạc *Đại vũ* của Vũ vương, thì thứ tự các thiên trong toàn bài có lẽ đã mất hết trật tự cũ.

Lại trong chương này đã có tên thuy (tên đặt sau khi chết) của Vũ vương, thì nói thiên này được làm ra vào thời Vũ vương là sai lầm.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho đây là bài thơ về việc giảng luyện quân sự cho tướng sĩ, cúng tế trời khi xuất chinh và cúng tế thần khi phạm đất địch. Thì há lại đời sau lại lấy ý nghĩa của bài thơ này mà dùng vào việc ấy ư?

BÀI THỨ 301

賚

文王既勤止

我應受之

敷時繹思

我徂維求定

時周之命

於繹思

Lại. (Mẫu dư tiểu tử 10)

1. Văn vương ký cần chỉ,

2. Ngã ứng thụ chi,

3. Phu thì dịch tư.

4. Ngã tồ duy cầu định.

5. Thì Chu chi mệnh

6. Ô dịch tư!

Dịch nghĩa

1. Văn vương đã cần lao khổ nhọc,

2. Ta phải nhận lấy công nghiệp ấy
3. Truyền bá công đức ấy của Văn vương để suy tưởng mà nhớ đến.
4. Ta mong cầu thiên hạ được an định,
5. Ấy là mệnh trời của nhà Chu,
6. Ôi hãy suy tưởng mà nhớ mãi công đức của Văn vương.

Dịch thơ

Văn vương cần nhọc vô cùng,
Cho nên ta nhận lấy công nghiệp người,
Truyền ra suy tưởng khắp nơi.
Mì người yên định thanh thời, ta cầu.
Ấy là thiên mệnh nhà Chu,
Ôi! nên suy tưởng công lao nhớ hoài

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 時 *ưng*, phải. 數 *phụ*, truyền bố ra. 時 *thì*, ấy, đó. 繹 *dịch*, lần theo manh mối mà suy tưởng.

Đây ca tụng công đức của Văn vương mà nói nên cái ý phong thưởng rộng rãi các công thần. Nói Văn vương cần lao khổ nhọc cho thiên hạ đã rất cùng cực, thì con cháu nhận thấy mà có cả thiên hạ, nhưng không giám chuyển nhận là công lao của mình, mới truyền bá công đức của

Văn vương đối với nhân dân để có thể suy tưởng mà nhớ đến. Dem tước bệch ban cho kẻ bề tôi có công để mong cầu thiên hạ được an bình.

Lại cho tất cả những việc ấy đều là mệnh trời của nhà Chu nhận được chứ không phải là phục hồi mệnh trời cũ của nhà Thương. Bèn than thở khen tặng và muốn chư hầu được phong thưởng hãy suy tưởng công đức của Văn vương mà nhớ mãi không quên.

Thiên Lại có 1 chương 6 câu:

Truyện *Xuân thu* cho đây là chương thứ 3 của bài nhạc *Đại vũ* của Văn vương, mà bài tự ở sách *Mao thi* lại cho là bài thơ về phong thưởng rộng rãi các công thần ở tông miếu. Lời giải thuyết cũng đồng như ở thiên trên.

BÀI THỨ 302

般

Bàn. (Mãn dư tiểu tử 11)

於皇時周

1. Ô hoàng thì Chu!

陟其高山

2. Trắc kỳ cao sơn

隴山喬嶽

3. Đọa sơn kiều nhạc.

允猶翕河

4. Doãn do hấp hà.

敷天之下

5. Phu thiên chi hạ,

裒時之對

6. Bấu thì chí đối.

時周之命

7. Thì Chu chi mệnh

Dịch nghĩa

1. Ôi đẹp dễ thay nhà Chu này!
2. Vua đi tuần thú cứ lên núi cao mà cúng tế.
3. Có thú núi hẹp mà dài, núi cao mà lớn.
4. Cứ noi theo dòng sông êm lặng mà đi.
5. Chư hầu ở khắp dưới trời,
6. Vua đều tụ hội lại để giải đáp ý kiến của họ.
7. Ấy là mệnh trời của nhà Chu

Dịch thơ

*Nhà Chu đẹp dễ vô ngần!
Núi cao cúng tế, đi tuần đó đây,
Núi cao lớn, núi hẹp dài,
Theo dòng sông lặng đi hoài khắp nơi,
Chư hầu ở khắp dưới trời
Vua liền giải đáp ở nơi hợp châu
Ấy là mệnh lệnh nhà Chu.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 高山 *cao sơn*, núi cao, nói chung về núi. 隄 *đọa*, núi hẹp mà dài. 喬 *kiêu*, cao. 嶽 *nhạc*, núi cao mà to. 允猶 *doãn do*, chưa rõ là gì. Hoặc nói *doãn* là *tin*, *do* đồng với 由 *do* là *do* đó. 翕河 *hấp hà*, sông hay

dâng trần, nay được tính bình thường, cho nên được bình yên không gây điều hung ác nữa. 哀 憐, gom tụ lại. 對 對, đáp.

Nói đẹp thay nhà Chu này ! Thiên tử tuần thú, lên trên núi này để đốt củi tế Trời và tế núi sông, lại noi theo sông mà đi khắp tứ nhạc (bốn hòn núi lớn ở bốn phương: Núi Đại ở phương đông, núi Hoành ở phương nam, núi Họa ở phương tây, núi Hằng ở phương bắc), tất cả chư hầu ở khắp dưới trời, không ai là không ngưỡng trông đến ta, cho nên ta được tụ hội chư hầu lại châu ở dưới núi phương ấy để giải đáp ý kiến của họ.

Thiên Bàn có một chương 7 câu.

Ý nghĩa của tên *Bàn* chưa rõ là gì.

Mãn dư tiểu tử hi thập có 11 thiên, 136 chữ.

4. LỖ TỤNG.

Nước Lỗ là chỗ của vua Thiệu Hạo xưa, theo sách *Vũ cống*. tại cánh đồng Mông Vũ tại Từ Châu, được Thành vương lấy phong cho con trưởng của Chu công là Bá Cầm. Nay những châu Nghi, Mật, Hải tức là đất ấy.

Thành vương cho là Chu công có công lao to lớn với thiên hạ cho nên lấy lễ nhạc của thiên tử ban cho Bá Cầm. Nước Lỗ do đó có thơ *tụng* để làm nhạc tấu ở tông miếu. Người đời sau lại tự làm thơ để khen tặng những vua nước Lỗ, những thơ ấy cũng được gọi là thơ *tụng*.

Những thuyết xưa đều cho là thơ của Lỗ Hy công tên Thân, cháu 19 đời của Bá Cầm, nay thì không lấy gì khảo xét được. Chỉ một thiên *Bi cung* thật là thơ của Hy công không còn nghi ngờ nữa .

Ồi! Những thơ Lỗ tụng đã tiếm phạm như thế (không phải để ca tụng công đức của tiên vương nhà Chu mà gọi tụng, ấy là tiếm việt quyền hạn) mà Khổng Tử cũng ghi chép lấy, vì rằng thể thơ Lỗ tụng hẳn là loại thơ phong của Liệt quốc (như Bội phong, Dung phong ,Vệ phong...), mà điều ca tụng của thơ ấy lại là những sự việc của đương thời, thì còn là chưa hẳn thuần túy như thơ *tụng* của thiên tử (như *Chu Tụng*, *Thương tụng*). Nếu việc ca tụng của thơ ấy lại đều có lẽ nhạc và ý nghĩa còn truyền lại về nền giáo hoá của tiên vương, thì văn thơ của Lỗ tụng ngỡ rằng như còn có thể là như thế được (tiếm phạm)

Huống chi Khổng Tử là người nước Lỗ, lại cũng tước bỏ thơ *Lỗ tụng* hay sao? Thì cứ theo sự thật mà chép lại, việc phải trái, nên hư tự nhiên không thể nào che dấu được, đó cũng là khen chê nghiêm chỉnh của sách *Xuân thu*.

Hoặc nói nước Lỗ không có thơ Quốc phong là tại làm sao? Các tiên nho cho rằng lúc ấy thiên tử nhà Chu khen thưởng con cháu Chu công bằng như những đời trước, cho nên khi thiên tử đi tuần thú đến, nước Lỗ không phải trình bày thơ của nước mình, mà những thơ của nước Lỗ cũng không được giao cho quan thái sư xem xét. Cho nên nước Lỗ và nước Tống không có thơ *Quốc Phong*. Hoặc có lẽ là thế chăng ?

Hoặc nói Không tử có điều kiêng huý mà tước bỏ thơ Quốc phong nước Lỗ, thì tài liệu của Tả thị chép về thơ phú của những quan đại phu của liệt quốc và của Ngô Quý Tử (Ngô Quý Trát) xem xét nhạc của nhà Chu đều không nói đến thơ *Lỗ phong*, thì thuyết ấy không được thông.

BÀI THỨ 303

CHƯƠNG I

駟

駟駟牡馬

在坰之野

薄言駟者

有驕有皇

有驪有黃

以車彭彭

思無疆

思馬斯臧

Quynh. (Lỗ tụng 1)

1. Quynh quynh mầu mầu

2. Tại quynh chi dã.

3. Bạc ngôn quynh giả

4. Hữu duật hữu hoàng,

5. Hữu ly hữu hoàng,

6. Dĩ xa bành bành,

7. Tư vô cương,

8. Tư mầu tư tang.

Dịch nghĩa

1. Những con ngựa đực mạp mạp to lớn
2. Trong những cánh đồng phía ngoài xa,

3. Những con ngựa mập mập to lớn ấy
4. Có ngựa duật (ngựa ô đuôi trắng), có ngựa hoàng (ngựa lông vàng và trắng),
5. Có ngựa lý (ngựa ô), có ngựa hoàng (ngựa lông vàng đỏ),
6. Để kéo xe cho đông đảo,
7. Vua lo tính sâu rộng vô cùng,
8. Lo tính cho ngựa được mạnh tốt.

Dịch thơ

*Những con ngựa mập vô cùng
 Ở ngoài xa giữa cánh đồng cùng nhau.
 Những con ngựa mập cao to ấy
 Ngựa duật và hoàng thấy đó đây,
 Ngựa hoàng lý cũng đầy đây,
 đều dùng để kéo xe bay thật đông,
 Vua mưu tính vô cùng âu tột,
 Lo ngựa đều mạnh tốt dồi dào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 駉駉 *quynh quynh*, dáng bụng và thân to lớn. Phía ngoài ấp gọi là *giao*, phía ngoài giao gọi., 野 *dã*, phía ngoài dã gọi., phía ngoài lâm gọi. 垌 *quynh*. 驕 *duật*, ngựa ô đuôi trắng. 皇 *hoàng*, ngựa lông

vàng và trắng. 驪 ly, ngựa toàn lông đen. 黃 hoàng, ngựa lông vàng và đỏ. 彭彭 bành bành (đọc phang phang cho hợp vận), dáng thịnh nhiều. 思無疆 tư vô cương, nói lo tính sâu rộng vô cùng. 臧 tang: tốt lành.

Bài thơ này nói Lỗ Hy công nuôi ngựa rất đông, do ý lập chí cao xa, cho nên khen rằng: Ngài lo tính sâu rộng vô cùng thì lo ngựa được mạnh tốt. Vệ văn công giữ lòng thành thị và thâm trầm mà ngựa cái cao 7 thước tới ba ngàn con, cũng là ý tứ của đoạn văn này (xem chương III Thiên Đình chi phương trung, bài thứ 50).

CHƯƠNG II

駟駟牡馬

在坰之野

薄言駟者

有騅有駟

有騂有騏

以車伾伾

思無期

思馬斯才

9. Quynh quynh mầu mã

10. Tại quynh chi dã,

11. Bạc ngôn quynh giả

12. Hữu chuy hữu phi,

13. Hữu tinh hữu kỳ,

14. Dĩ xa phi phi.

15. Tư vô kỳ,

16. Tư mã tư tài

Dịch nghĩa

9. Những con ngựa đực mập mập to lớn

10. Trong những cánh đồng phía ngoài xa.
11. Những con ngựa, mập mập to lớn ấy
12. Con ngựa chuy (lông xanh trắng), có ngựa phi (lông vàng trắng).
13. Có ngựa tinh (lông đỏ vàng), có ngựa kỳ (lông xanh đen)
14. Để kéo xe rất mạnh mẽ.
15. Vua lo tính sâu rộng vô cùng,
16. Lo tính cao ngựa được dùng tráng.

Dịch thơ

*Những con ngựa mập to thay!
 Hiện đang ở giữa đồng ngoài phía xa.
 Những con ngựa mập và to ấy
 Có ngựa chuy và lại ngựa phi,
 Ngựa tinh cùng cả ngựa kỳ.
 Điều dùng cho kéo xe thì mạnh thay!
 Vua lo tính miệt mài sâu rộng,
 Lo ngựa đều hùng dũng dồi dào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 騶 chuy, ngựa lông xanh trắng lộn xộn. 駉 phi, ngựa lông vàng trắng lộn xộn. 騊 tinh, ngựa lông đỏ vàng. 期 kỳ, ngựa lông xanh đen. 𩇑𩇑 phi

phi, có sức mạnh. 無期 vô kỳ như vô cương, sâu rộng vô cùng. 才 tài (đọc tế cho hợp vận), có sức mạnh.

CHƯƠNG III

- | | |
|------|------------------------|
| 駟駟牡馬 | 17. Quynh quynh mầu mã |
| 在坰之野 | 18. Tại quynh chi dã |
| 薄言駟者 | 19. Bạc ngôn quynh giả |
| 有驪有駱 | 20. Hữu đà hữu lạc, |
| 有駱有雒 | 21. Hữu lưu hữu lạc, |
| 以車繹繹 | 22. Dĩ xa dịch dịch, |
| 思無斁 | 23. Tự vô dịch, |
| 思馬斯作 | 24. Tư mã tư tác. |

Dịch nghĩa

17. Những con ngựa đực mập mập to lớn
18. Trong những cánh đồng phía ngoài xa.
19. Những con ngựa mập mập to lớn ấy
20. Có ngựa đà (ngựa có đốm xanh đen), có ngựa lạc (ngựa bạch bờm đen)
21. Có ngựa lưu (ngựa lông đỏ bờm đen), có ngựa lạc (ngựa ô bờm trắng)
22. Để kéo xe đông đảo liên tiếp không dứt.

23. Vua lo tính mãi không chán,
24. Lo cho ngựa phấn khởi cường tráng lên.

Dịch thơ

*Những con ngựa đực to cao
Giữa nơi đồng nội ở vào phía xa.
Những con ngựa mập và to tát
Có ngựa đà, ngựa lạc đó đây,
Ngựa lưu ngựa lạc đầy đây
Kéo xe đông đảo liền dây không rời.
Vua lo tính chọn đời không chán,
Lo ngựa đều cường tráng dồi dào.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 驪 đà, đốm xanh đen chỗ đậm chỗ lợt như vảy cá, nay là ngựa liên tiền thông. 駱 lạc, ngựa bạch bờm đen. 駱 lưu, ngựa thân đỏ bờm đen, 雒 lạc, ngựa ô bờm trắng. 繹繹 dịch dịch (đọc được được), dáng liên miên không dứt. 繹 dịch (đọc được), chán ghét. 作 tác, phấn khởi.

CHƯƠNG IV

駟駟牡馬

25. Quynh quynh mầu mã

在坰之野

26. Tại quynh chi dã.

薄言駟者	27. Bạc ngôn quy nh giả
有 有遐	28. Hữu ân hữu hà,
有駟有魚	29. Hữu diệm hữu ngư,
以車祛祛	30. Dĩ xa khu khu,
思無邪	31. Tư vô tà,
思馬斯徂	32. Tư mã tư tồ.

Dịch nghĩa

25. Những con ngựa đực mập mập to lớn
 26. Trong cánh đồng phía ngoài xa
 27. Những con ngựa đực mập mập to lớn ấy
 28. Có ngựa ân (ngựa lông xám trắng lẫn lộn), có ngựa hà (lông đỏ trắng lẫn lộn).
 29. Có ngựa diệm (ngựa ống chân trắng), có ngựa ngư (ngựa hai mắt trắng),
 30. Để kéo xe rất mạnh mẽ.
 31. Vua thắng thắng chuyên lo tính không có tà ý,
 32. Lo nuôi ngựa để có mà đi.

Dịch thơ

*Những con ngựa mập đầy đà
 Hiện đang ở tận ngoài xa giữa đồng.
 Những con ngựa mập cùng to ấy,*

Ngựa hà, ân đã thấy khắp nơi,
 Ngựa ngư ngựa điếm có rồi,
 Đều dùng để kéo xe thời mạnh thay!
 Không tà ý miệt mài lo tính
 Ngựa lo nuôi là chính để đi.

Chú giải của Chy Hy

Chương này thuộc phú. 殷 ân: ngựa lông xám trắng lẫn lộn, nay là ngựa nê thông. 遐 hà (đọc hồ cho hợp vận), ngựa lông đỏ trắng lẫn lộn. 駟 điếm, ngựa ống chân lông trắng. 魚 ngư, ngựa hai mắt trắng, giống như mắt cá. 祛祛 khu khu, mạnh mẽ tráng kiện. 徂 tô, đi

Khổng Tử nói: *Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi viết: Tư vô tà.* (Kinh *Thi* có hàng ba trăm thiên, một lời bao quát được tất cả là: Nghĩ suy không xằng bậy. *Luận ngữ, Vi chinh.* Vì rằng lời trong Kinh *Thi* có đẹp có xấu không đồng nhau, hoặc khuyên lơn, hoặc trừng phạt, đều đủ để khiến mọi người giữ được tính tình ngay thẳng. Nhưng về điểm rõ ràng, đơn giản, thiết thực, thông suốt từ trên xuống dưới thì chưa có lời nào như lời này vậy, cho nên Khổng Tử riêng chỉ nói lời này thôi, cho là lời này có thể cân xứng được ý nghĩa của hàng ba trăm thiên của Kinh *Thi*, vì điểm thiết yếu của Kinh *Thi* cũng không hơn lời nói ấy. Học giả chân thành thưởng thức lời nói ấy của Khổng Tử mà xem xét tỏ tường khi nghĩ suy tưởng niệm, thì tất

nhiên xui khiến cho mình không nghĩ ngợi điều gì mà không do nẻo chánh đáng, thì những nghị luận và hành động hàng ngày không bao giờ không xuôi thuận theo thiên lý.

Tô thị nói rằng: Người xưa làm những thiên trong Kinh *Thi* chưa hẳn đã biết như thế. Khổng Tử đọc Kinh *Thi* đến đấy thì thấy hợp với lòng mình lắm, cho nên mới lấy lời (*Tư vô tà*), vì rằng đó là Khổng Tử trích lấy một câu mà dùng theo ý mình (chớ không đoái hoài đến ý nghĩa của toàn thiên).

Thiên Quynh có 4 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 304

CHƯƠNG I

有騶

Hữu Tất. (Lỗ tụng 2)

有騶有騶

1. Hữu tất hữu tất.

騶彼乘黃

2. Tất bĩ thặng hoàng

夙夜在公

3. Túc dạ tại công.

在公明明

4. Tại công minh minh.

振振鷖

5. Chấn chấn lộ.

鷖于下

6. Lộ vu hạ.

鼓咽咽

7. Cổ uyên uyên.

醉言舞

8. Tuý ngôn vũ

于胥樂兮

9. Vu tư lạc hề.

Dịch nghĩa

1. Có những con ngựa mập mập mạnh mẽ
2. Những con ngựa mập mập mạnh mẽ là bốn con ngựa vàng kia đưa vua đi đến
3. Sớm tối ở tại công sở.
4. Ở tại công sở để phân xử các hình án.
5. (Phân xử xong thì cùng nhau múa hát) tay cầm những lông cò màu trắng quơ múa như đàn cò thấp thoáng bay qua.
6. Kẻ thì ngồi, kẻ thì cúi như đàn cò đáp xuống
7. Tiếng trống khua mạnh vọng ra xa
8. Uống say rồi thì múa hát
9. Để cùng vui thích với nhau.

Dịch thơ

*Có nhiều ngựa mập mạnh thay!
Là xe bốn ngựa vàng nầy chạy qua.
Chốn công sở lân la sớm tối,
Những án hình xét hỏi đủ đây.
Múa như cò lượn thành bầy.*

Cúi ngòl giống đám cò bay đáp dừg.
 Trống vọng xa vang lừng khoan nhấ.
 Uống say rồi múa hát ồn ào,
 Để cùng vui thích với nhau.

Chú giấ của Chu Hy

Chương này thuộc hứng 騷 *tất*, dáng ngựa mập mập mạnh mẽ. 明明 *minh minh* (đọc *mang mang* cho hợp vận), phân xử. 振振 *chấn chấn*, dáng bay thành bầy. 鷺 *lộ* là vũ lộ, lông có để kết làm cây ế cho người múa hát cầm mà che, hoặc ngòl hoặc cúi như con cò đáp xuống. 咽咽 *uyên* *uyên* là tiếng trống vọng ra xa. Hoặc nói 鷺 *lộ*, thuộc hứng (kẻ sĩ trong trắng như con cò). 胥 *tư*, với nhau. Uống say mà đứng lên múa hát để cùng vui với nhau.

Đây là lời ăn uống với nhau mà chúc mừng cầu phúc.

CHƯƠNG II

- | | |
|------|----------------------|
| 有騷有騷 | 10. Hữu tất hữu tất |
| 騷彼乘牡 | 11. Tất bĩ thặng mẩu |
| 夙夜在公 | 12. Túc dạ tại công |
| 在公飲酒 | 13. Tại công ẩm tửu. |
| 振振鷺 | 14. Chấn chấn lộ. |
| 鷺于飛 | 15. Lộ vu phi. |

鼓 咽 咽

16. Cổ uyên uyên.

醉 言 歸

17. Tuý ngôn quy,

于 胥 樂 兮

18. Vu tư lạc hề.

Dịch nghĩa

10. Có những con ngựa mập mập mạnh mẽ.

11. Những con ngựa mập mập mạnh mẽ là bốn con
ngựa đực kia đưa vua đi đến

12. Sớm tối ở tại công sở.

13. Ở tại công sở mà uống rượu

14. (Uống rượu rồi thì múa hát) tay cầm những lông cò
trắng quơ múa như đàn cò thấp thoáng bay qua.

15. Người múa cùng quơ lông cò trắng lên như đàn cò
bay vút lên,

16. Tiếng trống khua mạnh vọng ra xa,

17. Uống say rồi trở về

18. Để cùng vui thích với nhau.

Dịch thơ

Ngựa nhiều mập mạnh lại hay

Là xe bốn ngựa đực này chạy ra.

Sớm tối cứ lân la công sở.

Chốn công đường rượu cứ uống say,

Múa như cò thấp thoáng bay,
 Múa như cò chợt toàn bầy vút lên.
 Trống vọng xa vang rền khắp chỗ,
 Uống say rồi mới trở về nhà
 Để cùng vui thích thiết tha.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng. 鷺于飛 lộ vu phi, người múa
 quơ cây lông cò lên như dáng cò bay.

CHƯƠNG III

- | | |
|---------|-------------------------|
| 有 駉 有 駉 | 19. Hữu tất hữu tất. |
| 駉 彼 乘 駟 | 20. Tất bĩ thặng huyến. |
| 夙 夜 在 公 | 21. Túc dạ tại công. |
| 在 公 載 燕 | 22. Tại công tải yến. |
| 自 今 以 始 | 23. Tự kim dĩ thủy |
| 幾 其 有 | 24. Tuế kỳ hữu |
| 君 子 有 穀 | 25. Quân tử hữu cốc |
| 詒 孫 子 | 26. Di tôn tử |
| 于 胥 樂 兮 | 27. Vu tư lạc hề. |

Dịch nghĩa

19. Có những con ngựa mập mập mạnh mẽ.
20. Những con ngựa mập mập mạnh mẽ là bốn con ngựa xanh đen kia đưa vua đi đến.
21. Sớm tối ở tại công sở.
22. Ở tại công sở thì yến ẩm với nhau
23. Từ hôm nay bắt đầu
24. Mỗi năm sẽ được mùa.
25. Người quân tử có những phúc lành.
26. Dành truyền lại cho con cháu
27. Để cùng vui thích với nhau.

Dịch thơ

Ngựa thì mập mập vô cùng,
Ấy xe bốn ngựa huyênh đồng chạy qua,
Chốn công sở lân la sớm tối,
Sở công ăn uống với nhau ngay.
Bắt đầu từ buổi hôm nay
Mỗi năm lúa trúng đầy đây tiếp nhau.
Có phúc lành dồi dào quân tử
Truyền cho con cháu cứ hưởng hoài,
Cùng nhau vui thích lắm thay!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc hứng.

駟 *huyền*, ngựa lông xanh đen, nay là ngựa thiết lông.
載 *tái*, thì. 有 *hữu*, (đọc vĩ cho hợp vận), được mùa. 穀 *cốc*,
lành tốt, hoặc nói cốc là bổng lộc. 詒 *di*, truyền lại.

Đây là lời chúc mừng cầu phúc.

Thiên Hữu tất có 3 chương, mỗi chương 9 câu.

BÀI THỨ 305

CHƯƠNG I

泂 水

思 樂 泂 水

薄 采 其 芹

魯 侯 戾 止

言 觀 其 旂

其 旂 旆 旆

鸞 聲 嘒 嘒

無 小 無 大

從 公 于 邁

Phán thủy. (Lỗ tụng 3)

1. Tư lạc Phán thủy!

2. Bạc thái kỳ cần.

3. Lỗ hầu lệ chỉ

4. Ngôn quan kỳ cân (kỳ).

5. Kỳ kỳ báí báí.

6. Loan thanh huế huế.

7. Vô tiểu vô đại,

8. Tùng công vu mại.

Dịch nghĩa

1. Vui thay Phán thủy!
2. Hãy hái rau cần ở đây.
3. Lỗ hầu đi đến.
4. Thấy lá cờ kỳ thù rồng cắm trên xe ngài.
5. Lá cờ kỳ thù rồng của ngài phát phối bay cất lên.
6. Tiếng chuông nghe hoà dịu.
7. Bê tôi của Lỗ hầu đều nhau không già không trẻ,
8. Đều theo vua mà đi đến.

Dịch thơ

*Thật vui Phán thủy xiết bao!
Là nơi đến hái những rau cần này.
Kìa Lỗ hầu nơi đây đã đến.
Cờ thù rồng thấy hiện từ xa.
Cờ kỳ bay cất thướt tha.
Chuông reo lạnh lạnh dịu hoà đâu đây.
Không già không trẻ bấy tôi đến
Đều theo vua cùng tiến tới nơi.*

Chú giải của Chu Hy.

Chương này trần bày sự việc ra để khỏi húng. 思 tư, tiếng mở lời ở đầu câu. 泝水 Phán thủy, dòng sông có

dụng Phán cung ở đây. Nhà học của vua chư hầu, cung điện để làm lễ hương xạ gọi là Phán cung, mặt đông, tây, nam đều có dòng sông bao quanh như hình phân nửa viên ngọc bích, vì nó như phân nửa nhà học Bích ung của thiên tử, cho nên gọi là Phán thủy, và cung điện ấy cũng được gọi là Phán cung. 芹 cần, rau nước. 戾 lệ, đến ến. 筏筏 báibái, dầm bay cất lên. huế huế, hoà dịu.

Đây là lời chúc mừng, cầu phúc khi ăn uống ở Phán cung.

CHƯƠNG II

思樂泮水

薄采其藻

魯侯戾止

其馬蹻蹻

其馬蹻蹻

其音昭昭

載色載笑

匪怒伊教

9. Tư lạc Phán thủy!

10. Bạc thái kỳ tảo.

11. Lỗ hầu lệ chỉ.

12. Kỳ mã kiểu kiểu.

13. Kỳ mã kiểu kiểu.

14. Kỳ âm chiếu chiếu.

15. Tái sắc tái tiếu.

16. Phỉ nộ y giáo.

Dịch nghĩa

9. Vui thay Phán thủy!

10. Hãy hái rong tảo.

11. Lỗ hầu đi đến.

12. Ngựa của ngài rất đông đảo.
13. Ngựa của ngài rất đông đảo.
14. Tiếng nói của ngài trong trẻo rõ ràng.
15. Ngài hoà nhã và tươi cười.
16. Ngài không nổi giận khi dạy dỗ người.

Dịch thơ

Thật vui Phán thủy vô cùng!
 Là nơi đến hái những rong tảo này.
 Kìa Lỗ hầu đến đây đã vội.
 Ngựa của ngài chạy tới thật đông
 Ngựa của ngài nhiều thật vô cùng.
 Tiếng ngài thường thốt thì trong rõ ràng.
 Ngài tươi cười dịu dàng mãi mãi.
 Không giận lên khi dạy dỗ người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này trần bày sự việc ra để khởi hứng. 蹢蹢
 kiêu kiêu, dáng đông nhiều. 色 sắc, nhan sắc hoà nhã.

CHƯƠNG III

思樂泮水
 薄采其茆

17. Tư lạc Phán thủy!
18. Bạc thái kỳ mao.

魯侯戾止
在泮飲酒
既飲旨酒
永錫難老
順彼長道
屈此群醜

19. Lỗ hầu lệ chỉ
20. Tại Phán ẩm tửu.
21. Ký ẩm chỉ tửu.
22. Vĩnh tích nan lão.
23. Thuận bỉ trường đạo
24. Khuất thử quần xú.

Dịch nghĩa

17. Vui thay Phán thủy!
18. Hãy hái rau mào.
19. Lỗ hầu đi đến
20. Uống rượu ở Phán cung.
21. Đã uống rượu ngon
22. Thì được Trời mãi ban phúc được sống mãi không già.
23. Để thuận noi theo nghĩa lớn lao kia
24. Để khuất phục dân chúng.

Dịch thơ

Thật vui Phán thủy xiết bao!
Là nơi đến hái những rau mào này.
Kia Lỗ hầu nơi đây đã xuống.
Tới Phán cung để uống rượu chơi.

*Rượu ngon đã uống cùng vui.
 Ban cho sống mãi xinh tươi không già.
 Thuận đạo lớn để mà noi mãi
 Cho phúc từng hết thấy chúng dân.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này trần bày sự việc ra để khởi hứng. 茼 *mão*, (đọc *mẫu* cho hợp vận) rau phù thủy, lá to như bàn tay, màu đỏ, hình tròn lại trơn, người ở Giang Nam gọi là rau thuần thái. 長 *trường đạo* (đọc *động* cho hợp vận), như nói đạo lớn lao. 屈 *khuất*, phục. 醜 *xú*, dân chúng.

Từ chương này trở xuống đều là lời chúc mừng cầu phúc.

CHƯƠNG IV

- | | |
|------|-------------------------|
| 穆穆魯侯 | 25. Mục lục Lỗ hầu! |
| 敬明其德 | 26. Kính minh kỳ đức. |
| 敬慎威儀 | 27. Kính thận uy nghi, |
| 維民之則 | 28. Duy dân chi tắc. |
| 允文允武 | 29. Doãn văn doãn vũ. |
| 昭假烈祖 | 30. Chiêu cách liệt tổ. |
| 靡有不孝 | 31. Mỹ hữu bất hiếu, |
| 自求伊祜 | 32. Tự cầu y hộ. |

Dịch nghĩa

25. Đẹp dễ thay Lỗ hầu!
26. Đã kính cẩn rạng rỡ đức hạnh của mình.
27. Đã cung kính cẩn thận uy nghi
28. Để làm khuôn mẫu phép tắc cho dân.
29. Thật là có văn đức, thật là có vũ công (văn vũ toàn tài).
30. Đã làm rạng rỡ đến tổ tiên.
31. Ngài không có bao giờ bất hiếu,
32. Để tự cầu lấy phúc lành.

Dịch thơ

*Lỗ hầu kia thật đẹp thay!
Giữ gìn kính cẩn đức ngài vẻ vang.
Đã uy nghi nghiêm trang thận kính,
Làm phép khuôn bách tính ngưỡng trông.
Có văn đức, có vũ công,
Đã làm rạng rỡ tổ tông thế này.
Tội bất hiếu thì ngài chẳng vương,
Để tự cầu vô lượng phúc lành.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 昭 *chiêu*, sáng. 假 *cách* đồng với. 格 *cách* là đến. 烈祖 *liệt tổ*, Chu công, Lỗ công.

CHƯƠNG V

明明魯侯

克明其德

既作泮宮

淮夷攸服

矯矯虎臣

在泮獻馘

淑問如皋陶

在泮獻囚

33. Minh minh Lỗ hầu!

34. Khắc minh kỳ đức.

35. Ký tác Phán cung,

36. Hoài di du phục.

37. Kiếu kiếu hổ thần

38. Tại Phán hiến quốc,

39. Thục vấn như Cao Dao

40. Tại Phán hiến tù.

Dịch nghĩa

33. Rạng rỡ thay Lỗ hầu!

34. Đã làm tỏ rạng đức hạnh của mình.

35. Đã dựng lên Phán cung.

36. Thì rợ Hoài di phải thuận phục.

37. Những binh tướng oai hùng của ngài

38. Đã dâng vành tai giặc tại Phán cung.

39. Lại khéo tra khảo tù binh như ông Cao Dao (là bề tôi của vua Thuấn đã lập ra hình luật).

40. Đã dâng tù binh tại Phán cung.

Dịch thơ

Thật là rạng rỡ Lỗ hầu !
Đã làm đức hạnh xiết bao rõ ràng !
Phán cung đã huy hoàng xây cất.
Rợ Hoài di đều khuất phục ngay.
Bề tôi dũng vũ của ngài.
Phán cung đã hiển vành lai rất nhiều.
Như Cao Dao khéo điều tra lợi
Dem tù binh dâng tới Phán cung.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 矯矯 *kiểu kiểu*, dáng uy vũ. 馘 *quắc* (đọc *hích*), vành tai trái của quân giặc bị đánh giết. 淑 *thục*, giỏi. 問 *vấn*, tra hỏi tù binh. 囚 *tù*, quân giặc bị bắt. Vì rằng người xưa khi xuất binh đi đánh giặc thì nhận lãnh mưu kế đã bàn tính ở nhà học, đến khi đánh giặc trở về thì bày lễ cúng tế các tiên sư ở nhà học để hiển dương lên những vành tai trái đã cắt được của quân giặc không chịu tùng phục đầu hàng. Cho nên nhà thơ nhân Lỗ hầu ở tại Phán cung mà mong cho ngài được có những chiến công ấy.

CHƯƠNG VI

濟濟多士

41. Tế tế đa sỹ

- | | |
|------|-----------------------------|
| 克廣德心 | 42. Khắc quảng đức tâm, |
| 桓桓于征 | 43. Hoàn hoàn vu chinh, |
| 狄彼東南 | 44. Thích bỉ đông nam, |
| 烝烝皇皇 | 45. Chứng chứng hoàng hoàng |
| 不吳不揚 | 46. Bất ngô bất dương, |
| 不告于訥 | 47. Bất cáo vu hung, |
| 在泮獻功 | 48. Tại phán hiến công. |

Dịch nghĩa

41. Tướng sỹ đông đảo dồi dào.
 42. Lòng tốt rất rộng rãi,
 43. Cùng uy hùng đi chinh chiến,
 44. Đánh rợ Hoài đi ở phía đông nam xa xôi kia .
 45. Quân sỹ đông đảo trùng trùng
 46. Đều cung kính lặng lẽ không ồn ào,
 47. Cùng hoà hảo không tranh công,
 48. Hiến dâng chiến công tại Phấn cung.

Dịch thơ

*Quân binh ngài thật quả đông,
 Thật là rộng rãi nhiều lòng tốt thay !
 Đã uy hùng tài chinh chiến,*

Rợ Hoài đi cứ tiến dẹp xong.

Quân binh tướng sỹ trùng trùng

Thảy đều cung kính lạnh lùng ra đi.

Hoà hảo không tranh gì công cán,

Dâng chiến công ở Phấn cung vua,

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 廣 廣, làm cho rộng lớn ra. 德心 đức tâm, thiện ý tốt. 狄 thích, xa. 東南 đông nam (đọc năm cho hợp vận), nói rợ Hoài đi (rợ Hoài đi về phía đông nam nước Lỗ). 蒸蒸皇皇 chung chung hoàng hoàng, đông nhiều. 不吳不揚 bất hoa bất dương (không ồn ào, không lên tiếng), cung kính 不告于誨 bất cáo vô hung (không thừa kiện tranh giành chiến công), quân đội thắng trận mà cùng hòa hảo với nhau không tranh giành chiến công.

CHƯƠNG VII

角弓其觶

49. Giác cung kỳ cầu,

束矢其搜

50. Thúc thỉ kỳ sưu,

戎車孔博

51. Nhung xa khổng bác.

徒御無斃

52. Đồ ngự vô địch,

既克淮夷

53. Ký khắc Hoài di,

孔淑不逆

54. Khổng thực bất nghịch.

式固爾猶

55. Thức cố nhĩ do,

淮夷卒獲

56. Hoài di tốt hoạch.

Dịch nghĩa

49. Cây cung sừng cứng mạnh.

50. Những bó tên được bắn ra vun vút.

51. Xe binh rất to lớn.

52. Lính đi bộ và đi xe đều không chán (cứ tranh nhau tiến tới).

53. Khi đã thắng rợ Hoài di,

54. Thì rợ Hoài di rất hiền lành không nghịch loạn nữa.

55. Hễ xem xét mưu kế được vững vàng,

56. Thì rốt cuộc phải thắng rợ Hoài di.

Dịch thơ

Cung sừng cứng mạnh xiết bao!

Bó tên thì được rào rào bắn ra,

Những xe binh rất là vĩ đại,

Lính chẳng hề e ngại nản lòng.

Đánh Hoài di đã thắng xong.

Chúng đều hiền hậu và không lảng toan.

Hễ phương kế mưu toan vững chãi,

Rợ Hoài di, ắt phải thắng luôn.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú *câu*, dáng cung cứng mạnh 式 thức, 50 cây tên làm một bó, hoặc nói 100 cây tên làm một bó. 搜 *sâu*, tiếng tên bay nhanh. 博 *bác*, rộng lớn. 無數 *vô địch* (đọc *được*), không chán, nói cùng tranh nhau cùng khuyến khích nhau. 逆 *ngịch* (đọc *ngược*), trái lệnh. Vì rằng hãy xem xét mưu kế được vững vàng thì rợ Hoài di rốt cuộc không bao giờ không thắng được.

CHƯƠNG VIII

- | | |
|------|-------------------------|
| 翺彼飛鶚 | 57. Phiên bỉ phi kiêu, |
| 集于泮林 | 58. Tập vu Phán lâm |
| 食我桑鰈 | 59. Thực ngã tang thâm, |
| 懷我好音 | 60. Hoài ngã hảo âm, |
| 憬彼淮夷 | 61. Cảnh bỉ Hoài di, |
| 來獻其琛 | 62. Lai hiến kỳ sâm, |
| 元龜象齒 | 63. Nguyên quy tượng xỉ |
| 大賂南金 | 64. Đại lộ nam kim. |

Dịch nghĩa

57. Con vọ kia bay mau,
58. Đậu ở khu rừng Phán thụỷ
59. Mà ăn trái dâu của ta,

60. Còn nhớ tiếng tốt của ta,
 61. Rợ Hoài di kia đã giác ngộ,
 62. Đến cống hiến những vật quý báu,
 63. Như rùa to và ngà voi.
 64. Dem vàng ở phương nam tặng biếu rộng rãi nữa.

Dịch thơ

*Vọ kia nó cứ bay mau
 Khu rừng Phên thuỷ đậu vào khắp nơi.
 Dâu của ta nó xơi những trái,
 Tiếng tốt thì nhớ mãi cho ta,
 Hoài di giác ngộ hẳn là,
 Những gì quý báu đem ra cống rồi,
 Như rùa to, ngà voi đều thấy,
 Vàng phương nam rộng rãi tặng dân.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc húng 鸛 kiêu, loài chim kêu tiếng dữ. 鷁 thâm, trái dâu. 憬 cảnh, giác ngộ. 琛 sâm, quý báu. 元龜 nguyên quy, con rùa to 1 thước 2 tấc. 賂 lộ, tặng biếu cho. 南金 nam cầm (quen đọc kim), vàng Kinh châu và Dương châu.

Trong chương này, bốn câu đầu khởi hứng cho bốn câu sau, theo lệ như ở chương đầu của thiên *Hành vi* (bài thứ 252).

Thiên Phân thủy có 8 chương, mỗi chương 8 câu.

BÀI THỨ 306

CHƯƠNG I

閔宮

閔宮有恤
實實枚枚
赫赫姜嫄
其德不回
上帝是依
無災無害
彌月不遲
是生后稷
降之百福
黍稷重穋
稷穡薋麥
奄有下國
俾民稼穡
有稷有黍

Bí cung. (Lỗ tụng 4)

1. Bí cung hữu hức
2. Thực thực mai mai.
3. Hách hách Khương Nguyên!
4. Kỳ đức bất hồi .
5. Thượng đế thị Y,
6. Vô tai vô hại.
7. Di nguyệt bất trì
8. Thị sinh Hậu Tắc,
9. Giáng chi bách phúc.
10. Thử tác đồng lực
11. Trắc trĩ thúc mạch.
12. Yêm hữu hạ quốc.
13. Tỷ dân giá sắc,
14. Hữu tác hữu thử,

有稻有柜
奄有下土
纘禹之緒

15. Hữu đạo hữu cự
16. Yêm hữu hạ thổ,
17. Toàn Vũ chi tự.

Dịch nghĩa

1. Ngôi miếu đóng kín thanh tịnh
2. Rất bền chắc và chặt chẽ.
3. Bà Khương Nguyên rạng rỡ!
4. Đức hạnh của bà không tà vạy.
5. Được Thượng đế đoái trông đến,
6. Cho nên không bị tai hại gì.
7. Đúng tháng (10 tháng) không chậm trễ
8. Thì sinh ra ông Hậu Tắc,
9. Được Trời ban xuống cho trăm phúc lành .
10. Nào là nếp, kê, lúa đồng (gieo trước mà chín sau),
lúa lục (gieo sau mà chín trước),
11. Lúa trắc (gieo trước), lúa trì (gieo sau), đậu và lúa
mạch,
12. Được lấy nước phong cho.
13. Khiến dạy dân cày gặt,
14. Để có kê có nếp,
15. Để có lúa có nếp than
16. Trồng khắp mặt đất,

17. Mà nổi theo công nghiệp của ông Vũ.

Dịch thơ

Miếu thì không kín lặng yên,
Thật là san sa ! chắc bền, hỡi ôi!
Nâng Khương Nguyên là người rạng rỡ,
Đức hạnh nàng chẳng chỗ vay tà,
Được Trời đoái đến thiết tha.
Cho nên không mắc tai và nạn chi.
Không chậm trễ đúng kỳ tức khắc
Thì sinh ông Hậu Tắc đúng ngày.
Trăm điều phúc, Trời ban ngay:
Lúa đồng lúa lục đủ đầy nếp kê.
Lúa trắc cùng lúa tri, mạch, đậu.
Lấy nước phong, kiến tạo cho người.
Dây dân cày gặt hợp thời.
Để cho kê nếp khắp nơi được nhiều.
Để lúa, nếp than đều đủ cả
Khắp đất thì trồng đã dồi dào,
Nghiep xưa ông Vũ nổi theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 悶 bi, đóng kín sâu xa. 悶
cung, miếu. 恤 hức, thanh tịch 實實 thực thực, bền chắc.

枚枚 *mai mai*, nghiêm mật, san sát chặt chẽ. Lúc ấy đang lợp sửa lại, cho nên nhà thơ ca vịnh việc ấy để làm lời chúc mừng cầu phúc, rồi sau đến căn cội việc sinh ra ông Hậu Tắc, rồi lần xuống đến Lỗ Hy công. 回 *hồi*, tà vạy. 依 *y* (đọc ôi cho hợp vận), luyến đoái tới.

Lời giải thuyết xem lại thiên *Sinh dân* (bài thứ 251).

植 *trắc*, lúa gieo trước. 釋 *trì*, lúa gieo sau. 奄有下國 *yêm hữu hạ quốc* (đọc *vực* cho hợp vận), được phong ở nước Thai. 緒 *tự*, công nghiệp. Ông vũ trị nạn lụt to đã yên, Hậu Tắc mới gieo trồng trăm thứ lúa.

CHƯƠNG II

后稷之孫

實維大王

居岐之陽

實始翳商

至于文武

續大王之緒

致天之屈

于牧之野

無貳無虞

上帝臨女

敦商之旅

18. Hậu Tắc chi tôn

19. Thực duy Thái vương

20. Cư Kỳ chi dương.

21. Thực thủy tiến Thương.

22. Chí vu Văn Vũ

23. Toàn Thái vương chi tự,

24. Trí thiên chi giới.

25. Vu Mục chi dã,

26. Vô nhị vô ngu,

27. Thượng đế lâm nữ.

28. Đồi Thương chi lữ,

克威厥功
王曰叔父
建爾元子
俾侯于魯
大啓爾宇
爲周室輔

29. Khắc hàm quyết công.
30. Vương viết: Thúc phụ,
31. Kiến nhĩ nguyên tử
32. Tỷ hầu vu Lỗ.
33. Đại khải nhĩ vũ,
34. Vi Chu thất phụ.

Dịch nghĩa

18. Con cháu của Hậu Tắc
19. Thật chỉ là Thái vương
20. Ở phía nam núi Kỳ
21. Thật đã bắt đầu có cơ dứt nghiệp nhà Thương.
22. Rồi đến Văn vương và Vũ vương.
23. Nối theo sự nghiệp của Thái vương,
24. Để đưa đến sự thương mến cùng cực của Trời.
25. Trận chiến thắng ở ngoài đồng xa đất Mục,
26. Xin ngài (Vũ vương) chớ đa tâm nghi ngại,
27. Vì Trời đã coi sóc đến ngài rồi.
28. Vũ vương dựng được nghiệp vương cai trị tất cả
nhân dân của nhà Thương để lại,
29. Thì các bề tôi phụ tá đồng có công lao .
30. Thành vương nói rằng: Này chú,

31. Ta lập con trưởng của chú
32. Làm vua chư hầu nước Lỗ.
33. Hãy mở mang to tát nước của người ở,
34. Để giúp đỡ vương thất nhà Chu.

Dịch thơ

Cháu con Hậu Tắc về sau
Thái vương rõ thật thuộc vào chính tông,
Phía nam núi Kỳ cùng trú ở,
Dứt nhà Thương khởi sự từ đây.
Đến Văn Vũ hai vua này
Thái vương cơ nghiệp, tiếp ngay nối dòng
Để được Trời vô cùng yêu mến,
Mục đã kia thì chiến thắng rồi.
Ngài đừng nghi ngại bồi hồi.
Vì ngài thật đã được Trời đoái lo.
Dân nhà Thương đều do ngài trị.
Đều có công toàn thể bề tôi.
Thành vương bảo: Này chú ơi!
Lập con trưởng chú xong xuôi từ rày.
Làm chư hầu ở ngay nước Lỗ.
Hãy mở mang chỗ ở của người,
Giúp nhà Chu vững ngôi trời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 翦 *tiển*, cắt đứt. Thái vương từ nước Bản dời sang phía nam núi Kỳ, dân chúng ở bốn phương đều quay về với Thái vương, do đó mà dấu vết vương nghiệp bắt đầu tỏ rạng, vì rằng lần lần đã có cơ dứt nghiệp nhà Thương. 屆 *giới*, cực, như nói cùng cực. 虞 *ngu*, lo. 無貳無虞 *vô nhị vô ngu*, Thượng đế lâm nhữ, như thiên *Đại minh* (bài thứ 242) nói: *Thượng đế lâm nhữ, Vô nhị nhữ tâm* (câu 47, 48) = Thượng đế coi sóc đến ngài, xin ngài chớ nghi ngại. 敦 *đồi*, cai trị. 咸 *hàm*, đồng, nói những bề tôi phụ tá đồng có công mà Chu công cũng dựa vào đấy. 王 *vương*, Thành vương. 叔父 *thúc phụ*, chú, Chu công. 元子 *nguyên tử*, con trưởng của Chu công là Lỗ công Bá Cầm. 啓 *khải*, mở. 宇 *vũ*, ở

CHƯƠNG III

乃命魯公
俾侯于東
錫之山川
土田附庸
周公之孫
莊公之子
龍旂承祀
六轡耳耳

- 35. Nãi mệnh Lỗ công
- 36. Tỷ hầu vu đông,
- 37. Tích chi sơn xuyên,
- 38. Thố điền phụ dung.
- 39. Chu công chi tôn
- 40. Trang công chi tử
- 41. Long Kỳ thừa tự.
- 42. Lục bí nhĩ nhĩ.

春秋匪解
 享祀不忒
 皇皇后帝
 皇祖后稷
 享以騶犧
 是饗是宜
 降輻既多
 周公皇祖
 亦其福女

43. Xuân thu phỉ giải.
44. Hưởng tự bất thắc.
45. Hoàng hoàng hậu đế,
46. Hoàng tổ Hậu Tắc,
47. Hưởng dĩ tinh hy.
48. Thị thưởng thị nghi.
49. Giáng phúc ký đa.
50. Chu công hoàng tổ
51. Diệc kỳ phúc nữ.

Dịch nghĩa

35. Bèn gọi Lỗ công Bá Cầm,
36. Khiến làm vua chư hầu ở nước Lỗ về phía đông.
37. Ban cho núi sông.
38. Ruộng đất và những nước nhỏ phụ thuộc vào.
39. Cháu chất của Chu công
40. Là Lỗ Hy công, con của Lỗ Trang công.
41. Lúc cúng tế thì dùng cờ long kỳ (có thêu hai con rồng giao với nhau)
42. Đi xe ngựa có 6 cây dương mềm dịu.
43. Bốn mùa cúng tế không được biếng lười
44. Việc cúng tế không được sai lầm.

45. Cúng tế đáng Thượng đế vĩ đại
46. Và Hậu Tắc, tổ tiên của các vua chư hầu nước Lỗ.
47. Phải dâng con bò đực đỏ lông.
48. Khi đã hưởng dụng lễ vật thích nghi
49. Thì ban phúc lộc xuống dồi dào.
50. Chu công và các tiên công nước Lỗ.
51. Cũng ban thưởng phúc lợi lộc cho người.

Dịch thơ

Vua bèn gọi đến Lỗ công
Lên ngôi nước Lỗ phía đông trị vì
Và núi sông tức thì ban tất,
Nước Phụ dung, ruộng đất ban xong.
Của Chu Đan, cháu nối dòng.
Thật thì con của Trang công rõ là,
Dùng long kỳ khi ra tế tự.
Sáu cương mềm xe ngựa hiên ngang.
Bốn mùa cúng tế siêng năng.
Việc lo tế tự thì đừng sai ngoa.
Cùng Thượng đế thật là vĩ đại,
Hậu Tắc và hết thầy tổ tiên.
Đỏ long bò đực dâng lên.
Thích nghi lễ vật kia tiên hưởng qua,

*Thì ban phúc đậm đà đầy đầy,
Chu Đan và hết thầy tiên công
Ban người phúc lộc vô cùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 附庸 *phụ dung* như *thuộc thành*, nước nhỏ không thể tự đặt lên thiên tử mà phải phụ thuộc vào nước lớn.

Chương trên Thành vương đã bảo cho Chu công biết ý định phong cho Bá Cầm. Chương này nói gọi Lỗ công (Bá Cầm) mà phong cho 莊公之子 *Trang công chi tử*, con của Lỗ Trang công, một là Lỗ Mẫn công, hai là Lỗ Hy công, nhưng biết đây là Lỗ Hy công, vì Lỗ Mẫn công ở ngôi không lâu, chưa có gì để có thể ca tụng được, thì đây tức nhiên là Lỗ Hy công. 耳耳 *nhĩ nhĩ*, mêm mộ xuôi theo. 春秋 *xuân thu*, kể bốn mùa 忒 *thắc*, sai lầm.

Thành vương cho Chu công có công to với vương thất nhà Chu, cho nên bảo Lỗ công Bá Cầm lấy tháng giêng, tháng mạnh xuân theo lịch nhà Hạ (lịch nhà Hạ lấy tháng giêng làm tháng đầu năm) cúng tế Trời, tế chung ông Hậu Tắc, thú làm vật hy sinh thì dùng con đực đỏ lông. 皇祖 *hoàng tổ*, nói các vua chư hầu trước của nước Lỗ.

Từ chương này trở về sau đều nói Lỗ Hy công cung kính cúng tế ở nền gia (tế Trời) và ở tông miếu (tế tổ tiên) để được thánh thần ban cho phúc lộc. ấy là người trong nước mong được như thế.

CHƯƠNG IV

秋而載嘗
夏而福衡
白牡驛剛
犧尊將將
毛罍羹載
籩豆大房
萬舞洋洋
孝孫有慶
俾爾熾而昌
俾爾壽而臧
保彼東方
魯邦是常
不虧不崩
不震不騰
三壽作朋
如岡如陵

52. Thu nhi tái thường,
53. Hạ nhi phúc hành.
54. Bạch mẫu tinh cường.
55. Hy tôn thương thương.
56. Mao bào trái canh.
57. Biên đậu đại phòng
58. Vạn vũ dương dương.
59. Hiếu tôn hữu khương (khánh).
60. Tỷ nhĩ xí nhi xương.
61. Týnhĩ thọ nhi tương,
62. Bảo bỉ đông phương,
63. Lỗ bang thị thường,
64. Bất khuy bất băng,
65. Bất chấn bất đằng.
66. Tam thọ tác bằng,
67. Như cương như lăng.

Dịch nghĩa

52. Đến mùa thi thì lo lễ cúng tế.

53. Trong mùa hạ đã lo cột gỗ vào sừng con bò để nuôi cho từ tế (dự bị lo lễ tế mùa thu).

54. Nào là bò đực lông trắng, bò đực lông đỏ.

55. Những chén rượu có vẽ hình con bò được bày ra dồi dào đẹp đẽ.

56. Lễ vật thì có món heo nướng, thịt xắt và món canh thịt.

57. Chén bác thì có tộ bằng tre, đĩa bằng gỗ và bàn để nửa con thịt.

58. Người múa hát thì đông đảo rộn ràng.

59. Thì vua cúng tế được phúc lành.

60. Khiến cho vua được hưng thịnh và tốt lành.

61. Khiến cho vua được sống lâu và được phúc đức,

62. Để giữ gìn vùng phương đông kia,

63. Cho nước Lỗ được bình thường vững vàng,

64. Không bị tai hại, không sụp đổ,

65. Không bị kinh hoàng chấn động.

66. Vua thì kết bạn với ba vị công khanh, để vua tôi thân mến nhau.

67. Cho nước nhà vững vàng như gò như núi.

Dịch thơ

Đến thu cúng tế phải lo.

Hạ đem gỗ buộc sừng bò cho xong,

Những bò đực đỏ lông hay trắng,

Chén hy tôn thì đặt đủ đầy.

Thịt, canh, heo nướng dọn ngay.
 Tộ tre, đĩa gỗ, mâm bày nửa con.
 Người múa hát đông ồn rộn rã.
 Phúc lành thì vua đã nhận rồi.
 Khiến vua tốt đẹp hưng thời.
 Vua nhiều phúc đức sống đời thọ yên.
 Để gìn giữ lấy miền đông ấy.
 Nước Lỗ thì vững chãi bình thường,
 Không khuynh đổ, không tai ương.
 Không hề chấn động kinh hoàng việc chi.
 Với tam công, vua thì kết bạn,
 Như núi gò nước vẫn vững bền.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 嘗 thường, tên lễ tế mùa thu. 福衡 phúc lành (đọc hàng cho hợp vận), cây cột lên sừng bò để ngăn trở không cho nó húc cụng người tạ. Chúc Phong nhân trong sách Chu lễ nói: Phàm tế súc kỳ ngư sinh, thiết kỳ phúc hành (= Phàm lễ cúng tế thì trang sức con bò để làm thịt bằng cách cột cây phúc hành vào sừng) là vậy. Mùa thu sắp cúng tế thì mùa hạ lấy cây phúc hành cột vào sừng bò, ý nói sớm ngựa trước (để nuôi kỹ mà cúng tế). 白牡 bạch mẫu, con bò đực lông trắng để dành tế Chu công. 騂剛 tinh cương, con bò đực lông đỏ để dành tế Lỗ công. Thú làm thịt lông trắng là lễ vật cúng tế của nhà Ân Chu

công được dùng nghi lễ của thiên tử, cho nên không dám dùng nghi lễ đồng như Văn vương và Vũ vương, mới dùng vật hy sinh lông trắng cho khác biệt. Còn Lỗ công (Bá Cầm) thì không hiềm kỵ gì cả, cho nên dùng bò đực lông đỏ. 犧尊 *ky tôn*, chén rượu có vẽ hình con bò ở thân chén. Hoặc nói hy tôn là cái chén làm thành hình con bò, khoét trên lưng để đựng rượu. 毛罍 *mao bào*, theo sách *Chu lễ* phần Địa quan có câu: *Phong nhân tế tự hữu mao bào chi đốn*. (Quan phong nhân cúng tế có món heo thui rồi nướng) có chú giải rằng *mao bào* là thui lông rồi nướng * *tử*, thịt xắt ra. 羹 *canh* (đọc *lương* cho hợp vận), thái canh và hình canh. Thái canh là thứ canh đòi thái cổ nấu nước thịt không có nêm ngũ vị đựng bằng những cái tô là ý quý trọng tính chất của thứ canh ấy. Hình canh là thứ canh nước thịt có để rau, đựng vào những các thố, cho nên gọi là hình canh (*hình*, một loại thố đựng canh), 大房 *đại phương* (đọc *phòng*), một loại bàn để nửa con thịt, có chân ngang và có bàn chân giống như hình cái phòng ở chính đường vậy. 萬 *vạn*, tên một khúc múa. 震 *chấn*, 騰 *đăng* kinh động 三壽 *tam thọ*, chưa rõ là gì. Trịnh thị *tam thọ* là 3 vị công khanh. Hoặc nói: Mong tuổi thọ của vua được cao bằng sông núi và gò là ba vậy.

CHƯƠNG V

公車千乘
朱英綠滕
二矛重弓

68. Công xa thiên thăng
69. Chu anh lục đằng.
70. Nhị mâu trùng cung.

公徒三萬
貝冑之綬 朱
烝徒增增
戎狄是膺
荆舒是懲
則莫我敢承
俾爾昌而熾
俾爾壽而富
黃髮台背
壽胥與試
俾爾昌而大
俾爾耆而艾
萬有千歲
眉壽無有害

71. Công đồ tam vạn,
72. Bồi trụ chi tăng chu.
73. Chứng đồ tăng tăng
74. Nhung địch thị ứng
75. Kinh Thư thị trùng,
76. Tác mặc ngã cảm thừa?
77. Tỷ nhĩ xương nhi xí,
78. Tỷ nhĩ thọ nhi phú
79. Hoàng phát thai bồi
80. Thọ tư dữ thí,
81. Tỷ nhĩ xương nhi đại .
82. Tỷ nhĩ kỳ nhi ngải,
83. Vạn hữu thiên tuế
84. Mỹ thọ vô hữu hại.

Dịch nghĩa

68. Chiến xa của vua có ngàn cỗ .
69. Trên chiến xa thấy những tua đỏ ở đầu mâu và
dây xanh ở cán cung.
70. Trên chiến xa có hai thứ mâu và hai cây cung.
71. Bộ binh của vua có ba muôn người.

72. Nón sắt của binh sĩ có kết vỏ sò ốc, thấy rõ đường chỉ đỏ.

73. Binh lính rất đông đảo .

74. Để đánh rợ nhưng ở phía tây, rợ địch ở phía bắc,

75. Trừng trị nước Kinh nước Thục.

76. Thì ai dám chống lại ta?

77. Khiến ngài được tốt lành và hưng thịnh,

78. Khiến ngài được sống lâu và giàu có,

79. Cho tóc của ngài đã bạc trở thành vàng, lưng ngài lốm đốm những vết đen.

80. Mong ngài sống lâu để cùng thủ tài sức,

81. Khiến ngài được tốt lành và lớn lao.

82. Khiến ngài được sống lâu mãi mãi,

83. Sống đến muôn năm, ngàn năm,

84. Sống lâu và an nhàn không có tai hại gì.

Dịch thơ

Chiến xa ngàn cổ của vua.

Dây cung màu lục và tua màu hồng.

Hai thứ mâu, đôi cung có sẵn.

Bộ binh thì ba vạn dôi dào.

Nón đan ốc, chỉ đỏ an.

Quân binh tướng sĩ xiết bao đông nhiều.

Chống nhưng địch thủy đều quyết chí,
 Đánh nước Thục và trị nước Kinh,
 Cùng ta ai dám chống kinh?
 Khiến ngài được hưng vượng tốt lành xiết bao!
 Khiến ngài được sống lâu giàu có,
 Lưng đốm đen, tóc trở vàng đầy.
 Sống lâu để thử sức tài.
 Khiến cho tốt đẹp ngày ngày lớn lao.
 Khiến ngài được sống lâu trường tại.
 Muôn ngàn năm sống mãi vô cương.
 Sống lâu mà chẳng tai ương.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 千乘 thiên thặng (đọc thẳng cho hợp vận), binh của nước to. Đất vuông 10 dặm thì nộp 1 chiến xa 3 giáp sĩ (giáp sĩ đứng bên trái cầm cung, giáp sĩ đứng bên mặt cầm mâu, giáp sĩ đứng giữa cầm cương đánh xe), 72 bộ binh, 25 lính kéo xe (tất cả 100 người). Một nước có ngàn cỗ chiến xa thì được 316 dặm có lẽ. 朱英 chu anh, tua đỏ buộc ở đầu chuỗi mâu. 綠滕 lục đằng, dây xanh để cột cung. 二矛 nhị mâu, hai thứ mâu: di mâu và tù mâu, 車弓 trùng cung, hai cây cung, dự bị có hư gãy thì sẵn để thay vào. 徒đô, bộ binh. 三萬 tam vạn, ba muôn (30.000) kể số chẵn. Hễ binh xa được ngàn cỗ, đúng theo phép phải dùng 10 vạn người (1 cỗ binh xa dùng 100 lính,

1000cổ binh xa thì dùng 100.000 lính), trong ấy có 72.000 bộ binh. Nhưng lính của một nước to chỉ vừa đủ dùng cho một ngàn cổ chiến xa, nếu đem ra dùng trọn, thì lính toàn quốc phải đi cả. Cho nên dùng quân, nước to chỉ đem ba quân mà thôi. Ba quân là nói 375 chiến xa, 37.500 lính (= 100 x 375), trong số ấy bộ binh không quá 27.000 người (= 72 x 375). Lấy số chẵn trung bình mà kể thì nói là ba vạn (30.000). 貝冑 *bồi tru*, nón sắt có trang sức bằng vỏ sò ốc. . 朱紱 *chu tiêm* (đọc *tăng* cho hợp vận), chỉ đỏ để kết vỏ sò ốc vào nón sắt. 增增 *tăng tăng*, đông nhiều. 戎 *nhung*, rợ tây nhung. 狄 *địch*, rợ bắc địch. 膺 *ưng*, cự dương. 荆 *Kinh*, biệt hiệu của nước Sở. 舒 *Thu*, nước liên kết, đồng minh với nước Sở. 懲 *trừng*, ngăn phạt 承 *thừa*, chống ngăn. Lỗ Hy công thường cùng Tề Hoàn công đánh nước Sở, cho nên nhà thơ lấy việc ấy khen tặng mà chúc cho Hy công được tốt đẹp lớn lao sống được lâu dài. 壽胥與試 *thọ tư dữ thi*, ýnghĩa chưa rõ là gì. Vương thị nói *thọ* là sống lâu, chữ 相 *tương* và chữ 與 *dữ* thông dùng nhau. Tô thị nói: Mong ngài được sống lâu để cùng thử tài sức mà dùng.

CHƯƠNG VI

泰山巖巖

魯邦所詹

奄有龜蒙

遂荒大東

至于海邦

85. Thái sơn nham nham

86. Lỗ bang sở chiêm

87. Yêm hữu Quy Mông

88. Toại hoang đại đông,

89. Chí vu hải bang.

淮夷來同
莫不率從
魯侯之功

90. Hoài di lai đồng.
91. Mạc bất suất tùng.
92. Lỗ hầu chi công.

Dịch nghĩa

85. Núi Thái sơn cao vọi vọi
86. Được người nước Lỗ ngưỡng trông.
87. Lại có núi Quy núi Mông
88. Chiếm cứ vùng cực đông,
89. Đến những nước gần biển.
90. Rợ Hoài di đến liên kết đồng minh.
91. Không có nước nào là không phục tùng.
92. Đó là công lao của Lỗ hầu.

Dịch thơ

Thái sơn vọi vọi vút cao
Được người nước Lỗ hướng vào ngưỡng trông.
Lại có núi Quy, Mông nữa đấy.
Vùng cực đông chiếm lấy khắp miền.
Tiếp ngay những nước hải biên.
Hoài di rợ ấy kết liên đồng minh.
Mọi nước đều thuận tình tùng phục.
Ấy là công khổ nhọc Lỗ hầu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 泰_山 Thái sơn, núi cao của nước Lỗ, người trong nước đều trông thấy 瞻 *chiêm* đồng với 瞻 *chiêm* là xem. 龜蒙 Quy Mông, tên hai hòn núi. 荒 *hoang*, chiếm cứ. 大東 đại đông, cực đông. 海邦 hải bang, nước gần biển.

CHƯƠNG VII

- | | |
|------|--------------------------|
| 保有魯繹 | 93. Bảo hữu Phù Dịch, |
| 遂荒徐宅 | 94. Toại hoang Từ trạch. |
| 至于海邦 | 95. Chí vu hải bang, |
| 淮夷蠻貊 | 96. Hoài di, Man, Mạch. |
| 及彼南夷 | 97. Cập bỉ nam di, |
| 莫不率從 | 98. Mạch bất suất tùng, |
| 莫敢不諾 | 99. Mạch cảm bất nặc, |
| 魯侯是若 | 100. Lỗ hầu thị nhước. |

Dịch nghĩa

93. Nước Lỗ chiếm giữ núi Phù sơn, Dịch sơn,
94. Chiếm cứ luôn nước Từ,
95. Đến những nước gần biển,
96. Những giống rợ Hoài di, rợ Man, rợ Mạch
97. Và rợ di ở phía nam kia,

98. Không có nước nào là không phục tùng nước Lỗ

99. Không có nước nào dám không đáp ứng mệnh lệnh của Lỗ hầu.

100. Tất cả đều thuận theo ý kiến của Lỗ hầu.

Dịch thơ

Núi Phù, núi Dịch chiếm rồi

Nước Từ kia lại đồng thời chiếm xong.

Nước ven biển một vùng xa cách,

Rợ Hoài di, rợ Mạch, rợ Man,

Rợ phương nam, cả một đoàn,

Không hề có nước nghênh ngang chẳng tùng.

Chẳng nước nào dám không đáp ứng.

Ý Lỗ hầu đều khứng thuận theo.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 晁 Phù, 釋 dịch (đọc được), tên hai hòn núi. 宅 trạch (đọc đặc), ở, nói nước Từ. 諾 nặc, lời tỏ ý những nước có thể phục tùng nước Lỗ.

CHƯƠNG VIII

天錫公純嘏

眉壽保魯

101. Thiên tích công thuần hộ

102. My thọ bảo Lỗ,

居常與許	103. Cư Thường dũ Hử,
復周公之宇	104. Phục Chu công chi vũ .
魯侯燕喜	105. Lỗ hầu yến hỉ.
令妻壽母	106. Lệnh thê thọ mẫu.
宜大夫庶士	107. Nghi đại phu thứ sĩ .
邦國是有	108. Bang quốc thị hữu.
既多受祉	109. Ký đa thụ chỉ
黃髮兒齒	110. Hoàng phát nhi xỉ

Dịch nghĩa

101. Mong Trời ban thưởng cho vua được phúc lớn,
 102. Sống lâu để giữ gìn nước Lỗ.
 103. Được cư trú ở ấp Thường ấp Hử.
 104. Khôi phục chỗ ở cũ của Chu công.
 105. Lỗ hầu sống yên lành vui vẻ.
 106. Với vợ đẹp với mẹ già.
 107. Các quan đại phu và kẻ thứ sĩ đều được an vui
 thoả thích.
 108. Nước nhà thường được giữ gìn lặng yên.
 109. Đã nhận được nhiều phúc lộc.
 110. Thì đều được sống lâu tóc bạc biến ra vàng, răng
 rụng rồi mọc lại.

Dịch thơ

Mong ngài được phúc Trời ban,
Giữ gìn nước Lỗ vững an lâu dài.
ấp Thường, Hử ngày ngày cư trú.
Khôi phục liền đất cũ Chu công.
Lỗ hầu an lạc thung dung
Sống bên vợ đẹp, cùng chung mẹ già.
Đều vui thích quan và thứ sĩ.
Giữ nước thường bền bỉ xiết bao!
Phúc thì đã nhận dồi dào.
Răng thì mọc lại, tóc màu vàng hoe.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 常 Thường cũng viết 嘗, đất ở cạnh nước Tiết 許 Hử, ruộng Hử, Đất thường ruộng Hử là những ấp của triều nước Lỗ vốn có từ trước, là những đất xưa của nước Lỗ bị chư hầu xâm đoạt chưa khôi phục được, cho nên người nước Lỗ lấy đó mà thỉnh nguyện với Lỗ Hy công 令妻 令妻 令妻 (đọc 令 妻 令 妻 令 妻), vợ đẹp để tốt lành, nàng Thanh Khương 壽母 Thọ mẫu (đọc 壽 母 Thọ 母 Thọ 母), mẹ sống lâu, tức là bà Thành Phong, mẹ của Hy công. Lỗ Mẫn công được 8 tuổi bị giết thì chưa có vợ, mẹ là Thúc Khương cũng hẳn là chưa già. Thì lại có thể nhận thấy đây là Lỗ Hy công không còn nghi ngờ gì nữa. 有 hữu (đọc 有 有 有 有 有 有)

vận), thường có. 兒齒 *nhi xỉ*, răng bé. già răng rụng, rồi mọc lên răng nhỏ khác, cũng là triệu chứng sống lâu.

CHƯƠNG IX

- | | |
|------|--------------------------|
| 徂來之松 | 111. Tổ - lai chi tùng, |
| 新甫之柏 | 112. Tân - phủ chi bách. |
| 是斷是度 | 113. Thị đoạn thị đạc |
| 是尋是尺 | 114. Thị tầm thị xích . |
| 松桷有舄 | 115. Tùng giác hữu tích, |
| 路寢孔碩 | 116. Lộ tầm khổng thạc, |
| 新廟奕奕 | 117. Tân miếu dịch dịch, |
| 奚斯所作 | 118. Hề Tư sở tác, |
| 孔曼且碩 | 119. Khổng vạn thả thạc |
| 萬民是若 | 120. Vạn dân thị nhược. |

Dịch nghĩa

111. Những cây tùng ở núi Tổ Lai,
112. Những cây bách ở núi Tân Phủ
113. Được đốn được đo
114. Bằng tầm bằng thước.
115. Cây xà bằng gỗ thông to lớn.
116. Chính tầm rất rộng lớn lao,

117. Ngôi miếu mới dựng lên rất tráng lệ,
 118. Do Hê Tư coi sóc dựng lên,
 119. Rất dài rất lớn,
 120. Được thuận lợi theo dòng mong ước của muôn dân.

Dịch thơ

Núi Tô Lai những cây tùng,
Núi Tân Phủ cây bách đứng thiếu chi
 Đều được đón, đo ni ranh rẽ,
 Từng thước, tâm đem xẻ cắt ra.
 Gỗ thông cao lớn lâm xà,
 Còn ngôi chính tẩm rộng và lớn lao.
 Mới dựng lên miếu cao tráng lệ,
 Hê Tư coi sóc để dựng xong,
 Rất dài rất lớn vô cùng,
 Muôn dân mơ ước thuận lòng xiết bao!

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 徂來 *Tô Lai*, 新甫 *Tân Phủ* là tên hai trái núi. 尋 *tâm*, 8 thước là 1 tâm 屬 *tích* đáng to lớn. 路腹 *lộ tẩm*, chính tẩm. 新廟 *tân miếu*, miếu của Hy công đã dựng lên. 奚斯 *Hê Tư* là công tử Ngự. 作 *tác*, coi sóc chương trình công tác xây dựng 萬 *vạn*, dài. 傾 *thạc*

(đọc *thước*), to lớn. 萬民是若 *vạn dân thị nhược*, theo lòng mong ước của muôn dân.

Thiên bí cung có 9 chương, 5 chương 17 câu (mà chương IV sót 1 câu), 2 chương 8 câu và 2 chương 10 câu.

Theo thuyết xưa thì có tất cả 8 chương, 2 chương 17 câu, 1 chương 12 câu, 1 chương 38 câu, 2 chương 8 câu và 2 chương 10 câu. Chương nhiều câu chương ít câu không đồng đều, lộn xộn không thứ tự, vì không biết chương IV bị sót 1 câu mà ra như thế, nay oisnh chính việc sai lầm ấy.

Lỗ tụng có 4 thiên, 24 chương (243 câu)

5. THƯƠNG TỤNG.

Ông Tiết làm quan tư đồ cho vua Thuấn mà được phong ở nước Thương, truyền đến đời thị Thành Thang được thiên hạ . Về sau Tam tông (3 vị vua có công tung hàng hưng) lần lượt trung hưng. Đến vua Trụ bất nhân bị Vũ vương nhà Chu diệt. Nhà Chu phong cho người anh dòng thứ của vua Trụ là Vi Tử Khải ở nước Tống, lo lễ nhạc để phụng thừa dòng dõi nhà Thương.

Đất nước nhà Tống theo sách *Vũ Cống* ở vùng Tứ Tân thuộc Từ châu, phía tây đến cánh đồng Minh Trư thuộc Dự Châu.

Về việc chính trị suy bại. Lễ nhạc của nhà Thương ngày thêm thất lạc, bấy đời đến đời thái công, quan đại phu Chính Khảo Phủ tìm được ra thiên *Thương tụng* ở quan thái sư nhà Chu đem về dùng vào việc cúng tế các tiên vương nhà Thương.

Đến lúc Khổng tử biên kinh *Thi* thì những thơ Thương tụng ấy lại mất hết 7 thiên, và những thơ còn lại cũng có nhiều chỗ chữ mất, nghi ngờ nay không giám gượng gạo giảng cho thông.

Nhà Thương đóng đô ở đất Bạc . Nước Tống đóng đô ở Thương khâu, nay đều ở vùng Bạc châu thuộc phủ ứng Thiên.

BÀI THỨ 307

那

猗與那與
置我鞀鼓
奏鼓簡簡
衍我烈祖
湯孫奏假
綏我思成
鞀鼓淵淵
嘒嘒管聲
既和且平
依我磬聲
於赫湯孫
穆穆厥聲
庸鼓有斲
萬舞有奕

Na (Thương tụng 1)

1. Y dự na dư.
2. Trí ngà đào cổ.
3. Tấu cổ giản giản.
4. Khản ngã liệt tổ
5. Thang tôn tấu cách
6. Tuy ngã tư thành
7. Đào cổ uyên uyên
8. Huế huế quản thanh
9. Kí hoà thả bình ,
10. Y ngã khánh thanh.
11. Ô hách Thang tôn !
12. Mục mục quyết thanh.
13. Dung cổ hữu dịch
14. Vạn vũ hữu dịch

我有嘉客
亦不夷憚
自古在昔
先民有作
溫恭朝夕
執事有恪
顧予烝嘗
湯孫之將

15. Ngã hữu gia khách
16. Diệt bất di dịch.
17. Tự cổ lại tịch
18. Tiên dân hữu tác
19. Ôn cung triều tịch
20. Chấp sự hữu khác
21. Cố dư chứng thường
22. Thang tôn chi tương.

Dịch nghĩa

1. Ôi! người cúng tế đông đảo thay
2. Đã bày cái trống lắc của ta ra.
3. Đánh trống lên nghe hoà hợp vang lừng.
4. Để làm vui cho Thành Thang tổ tiên của ta.
5. Con cháu Thành Thang cho tấu nhạc để vọng tới tổ tiên nghe biết.
6. Để yên lòng người mà ta tưởng nhớ như hiện thành sự thật
7. Tiếng trống nghe thâm trầm sâu xa
8. Tiếng sáo nghe thanh cao,
9. Đã hợp hoà lại yên ổn,
10. Nương theo tiếng khánh ngọc của ta

11. Ôi! Con cháu của Thành Thanh uy nghiêm thay.
12. Tiếng tằm rất tốt đẹp.
13. Chuông trống đánh nên rất náo nhiệt.
14. Múa hát rất có thứ tự.
15. Ta có khách quý đến phụ giúp việc cúng tế ấy.
16. Há là chẳng vui thích hay sao?
17. Từ cổ từ xưa.
18. Những người hiền đời Trước đã bày ra lễ cúng tế
ấy.
19. Thì sớm tối mình phải ôn hoà cung kính tổ tiên,
20. Thành kính giúp việc cúng tế mà không quên.
21. Tổ tiên hãy đoái đến lễ cúng tế của ta.
22. Đây là lễ cúng tế của con cháu Thành Thang cung
phụng dâng lên.

Dịch thơ

Ôi! đông thay những người cúng tế,
 Trống tác ta bày để đấy rồi .
 Trống vang hòa hiệp khắp nơi .
 Thành Thang tiên tổ được vui tắc lòng.
 Tấu nhạc để tổ tông nghe đến,
 Yên lòng mà biến hiện về ngay.
 Thâm trầm tiếng trống vang đầy,

Thanh cao tiếng sáo vút bay nhẹ nhàng.
Đã yên ổn lại càng hoà hiệp,
Cùng khánh này ăn nhịp, tựa nương.
Uy nghiêm con cháu Thành Thang.
Tiếng tằm tốt đẹp rõ ràng lắm thay!
Chuông trống đánh lên ngay rộn rã,
Múa hát thì tao nhã lớp lang.
Ta đông khách quý sẵn sàng.
Há không vui thích rõ ràng hay sao?
Từ thượng cổ đã lâu đời thật.
Những tiên hiền tề tất bày ra.
Sớm hôm cung kính ôn hòa
Một lòng kính giữ chẳng xa lảng đành.
Tổ tiên hãy đoái tình hưởng dụng.
Cháu Thành Thang tế cúng kính dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú.

Giảng về câu 1,2,3,4.

猗 y, tiếng than. 那 na, nhiều. 置 trí, trần bày ra. 簡簡 giản giản, hòa hợp lớn lao. 衍 khản, vui 烈祖 liệt tổ, vua Thành Thang. Sách Lễ ký Thương Giao đặc sinh chép: Ân nhân thượng thanh, xú vị vị thành, dịch đàn kỳ thanh, nhạc tam khuyết, nhiên hậu xuất nghinh sinh, thanh âm

chi hào, sở dĩ chiếu cáo ư thiên địa chi gian dã (= Nhà Ân chuộng âm thanh, lúc con vật chưa làm thịt nấu nướng, mùi vị thơm tho chưa có, thì phô bày âm thanh, đánh nhạc ba bài, rồi sau mới rước con vật vào. Làm cho âm thanh vang lừng lên là để kêu gọi quỷ thần ở khắp trong cõi trời đất), tức là đúng vào đây.

Thuyết xưa cho đây là bài nhạc để cúng tế vua Thành Thang.

Giải về câu 5,6,7,8,9,10,11,12.

湯孫 *Thang tôn*, cháu của Thành Thang tức là vị vua đương thời ấy làm chủ tế. 假 *cách* đồng với. 格 *cách* là đến. Nói tấu nhạc để vọng đến tổ tiên nghe. 綏 *tuy*, yên. 思成 *tư thành*, chưa rõ là gì. Trịnh Huyền nói: *An ngã dĩ sở tư nhi thành chi nhân, vị thần minh lai cách dã.* (= An lòng người mà ta tưởng nhớ hiện hành thật sự, nói tổ tiên thần thánh đã về đến mà hưởng thụ).

Sách *Lễ ký* chương *Tế nghĩa* chép: *Trai chi nhật, tư kỳ cư xử, tư kỳ tiểu ngữ, tư kỳ chí ý, tư kỳ sở nhạo, tư kỳ sở thị. Trai tam nhật nãi kiến kỳ sở vị trai giả. Tế chi nhật, nhập thất ái nhiên tất hữu hiện hồ kỳ vị, chu tuyên xuất hộ, tức nhiên tất hữu, văn hồ kỳ dung thanh, xuất hộ nhi thính, khải nhiên tất hữu văn hồ kỳ thân tức chi thanh.* (= Trong ngày trai giới giữ mình sạch sẽ, phải tưởng nhớ đến cách ăn ở của tổ tiên, phải nhớ tưởng đến dáng cười nói của tổ tiên, phải tưởng nhớ đến ý chí của tổ tiên, phải tưởng nhớ đến những điều vui thú của tổ tiên, phải nhớ đến những điều ham thích của tổ tiên. Trai giới sạch sẽ ba ngày thì thấy được tổ tiên mà mình đã trai giới tưởng nhớ.

Trong ngày cúng tế, khi bước vào miếu thì phượng phát như thấy tổ tiên hiện ra ở bài vị khi xoay qua trở lại bước ra cửa thì nghiêm trang như nghe thấy hình dáng và tiếng nói của tổ tiên, khi bước ra khỏi cửa miếu mà lắng nghe thì nghe được tiếng ầm ục than thở của tổ tiên), đây là nói về ý nghĩa của hai chữ *tư thành*. Tô thị nói: Điều mình thấy và nghe được tổ tiên, vốn không phải là có thật, điều ấy phát sinh ở lòng tưởng nhớ của mình.

Hai thuyết gần đúng với nhau vì rằng trai giới sạch sẽ mà tưởng nhớ tổ tiên, lúc cúng tế như thấy được tổ tiên, thì thật đã thành vị tổ tiên ấy rồi. Lời chú giải của Trịnh Huyền có điều sai sót (Trong *Mao thi* Trịnh Huyền chú giải rằng: *Nãi an ngā tâm sở tư nhi thành chi, vị thần minh lai cách dã*). (= Để yên lòng ta đã tưởng nhớ đến tổ tiên mà được thành công, nói tổ tiên thần thánh về đến nhà mà hưởng thụ). Nay đính chính lời này theo như trên.

淵淵 *uyên uyên* (đọc *ân*), sâu xa 嘒嘒 *huế huế*, thanh cao. 聲 *khánh*, cái khánh ngọc. Nhạc lúc bước lên miếu đường mà ca hát thì không dùng khánh bằng bả, phải dùng khánh bằng ngọc. 穆穆 *mục mục*, đẹp tốt.

Giải về câu 13, 14, 15, 16

庸 *dung* đồng với 鏞 *dung*, cái chuông to. 斲 *dịch* là *dịch nhiên*, thịnh nhiều 奕 *dịch* là *dịch nhiên*, có thứ tự. Vì rằng đoạn văn trên nói trống và sáo tấu ở dưới đường, tiếng nhạc ấy nương theo tiếng khánh ngọc ở trên đường mà không lẫn át, đến lúc ấy là sau tuần cửu hiến chủ khách thù tạc với nhau, chuông trống giống lên, múa hát ở

trên sân thì lễ tế chấm dứt. 嘉客 *gia khách*, con cháu của triều vua trước đến giúp đỡ việc cúng tế. 夷 *di*, vui lòng. 亦不夷懌 *diệc bất di dịch*, chẳng là vui thích hay sao? ý nói đều vui thích.

Giảng về câu 17,18,19,20

恪 *khắc*, kính, nói cái đạo cung kính mà người xưa đã thi hành không thể quên được. Mãn Mã Phủ nói: Việc cung kính của các thánh vương đời trước truyền lại còn không giám tự chuyên, nói là tự cổ, cổ gọi là xưa, xưa gọi là những bậc hiền đời trước.

Giảng về câu 21,22.

將 *tương*, cung phụng. Nói vua Thành Thang còn đoái lễ tế thường mùa thu và lễ tế chưng mùa đông của ta hay chẳng? Đây là con cháu của Thành Thang cung phụng về việc cúng tế, tỏ ý tha thiết cáo bảm đôi ba lần để mong tổ tiên đoái đến.

Thiên Na có 1 chương 22 câu.

Mãn Mã Phủ nói: Quan đại phu Chính Khảo phủ khảo hiệu những bài thơ tụng có tiếng của nhà Thương., lấy thiên Na làm bài đầu mà đoạn cuối đã biên tập là như thế, tức là bài thơ này.

BÀI THỨ 308

烈祖

Liệt tổ (Thương tụng 2)

嗟嗟烈祖

1. Ta ta liệt tổ !

有秩斯祐
申錫無疆
及爾斯所
既載清酤
賚我思成
亦有和羹
既戒既平
駿假無言
時靡有爭
綏我眉壽
黃耇無疆
約軌錯衡
八鸞鸛鳴
以假以享
我受命溥將
自天降康
豐年穰穰
來假來饗
降福無疆
顧予烝嘗

2. Hữu trật tư hộ
3. Thân tích vô cương
4. Cập nhĩ tư sở
5. Ký tái thanh hộ
6. Lại ngã tư thành.
7. Diệc hữu hòa canh
8. Ký giới ký bình
9. Tấu cách vô ngôn.
10. Thì mỹ hữu tranh
11. Tuy ngã my thọ
12. Hoàng cẩu vô cương
13. Ước kỳ thác hành,
14. Bát loan thương thương
15. Dĩ cách dĩ hưởng.
16. Ngã thu mệnh phổ tương.
17. Tự thiên giáng khang .
18. Phong niên nương nương.
19. Lai cách lai hưởng
20. Giáng phúc vô cương.
21. Cố dư chứng thường.

Dịch nghĩa

1. Than ôi! tổ tiên có công đức !
2. Thường thường có phúc đức dồi dào,
3. Có thể ban cho lắm lần mãi mãi không giới hạn.
4. Đến bản thân của ngài hôm nay.
5. Đã bày rượu trong ra
6. Cho ta nhớ tưởng đến tổ tiên như hiện thành về đến.
7. Lại cũng có món canh hoà dịu dâng lên.
8. Thì đã đều giữ mình kính cẩn bình lặng.
9. Lại tấu nhạc lên cho vọng đến tổ tiên và mọi người đều lặng lẽ không có tiếng nói.
10. Lúc ấy không có việc tranh giành nhau,
11. Thì tổ tiên ban phúc cho yên lòng ta bằng tuổi thọ sống lâu.
12. Đến lúc tóc bạc biến thành vàng sống mãi không giới hạn
13. Chư hầu đi xe đến để giúp việc cúng tế, thì dùm bánh xe có bọc da, cây ngang ở đầu gọng xe rần rịt nhiều màu.
14. Tám cái chuông đeo ở hai bên hàm thiết ngựa đều khua lên hòa hợp.

15. Để đi đến mà giúp việc cúng tế.
16. Ta nhận mệnh Trời đã rộng rãi lớn lao.
17. Từ Trời ban xuống phúc an vui.
18. Mùa được trúng dồi dào.
19. Tổ tiên thánh thần đã về đến đã hưởng lễ vật
20. Và ban phúc dồi dào không giới hạn.
21. Tổ tiên hãy đoái đến lễ cúng tế của ta.
22. Đây là lễ cúng tế của con cháu Thành Thang cung phụng dâng lên.

Dịch thơ

*Hỡi ôi ! tổ tiên bao công đức!
Thường thường ban lộc phúc dồi dào,
Ban vô giới hạn về sau
Đến thân vua mãi đứng vào hôm nay.
Những rượu trong đã bày dâng hiến,
Nhớ tổ tiên như hiện về cùng.
Món canh hòa dịu đáng xong.
Lặng yên kính cẩn một lòng chính nghiêm.
Tấu nhạc lên, miệng im thin thít.
Không tranh giành chỉ trích ồn ào.
An lòng ta, thường sống lâu
Tuổi vô giới hạn, tóc màu vàng hoe.*

Ách răng rịt, đùm xe da bọc,
 Tấm chuông khua mỗi lúc nghe vang,
 Chư hầu phụ tế đều sang.
 Mệnh trời ta nhận rõ ràng lớn lao.
 Phúc an vui Trời cao ban thưởng.
 Mùa trúng nhiều vô lượng khắp nơi.
 Tổ tiên về hưởng dụng rồi.
 Phúc vô giới hạn ban dồi dào thay !
 Lễ kính dâng ngài hưởng dụng,
 Châu Thành Thang tế cúng hiến dâng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú .

Giảng về câu 1,2,3,4.

烈祖 *liệt tổ*, Thành Thang. 秩 *trật*, thường thường. 申 *thân*, trùng điệp, 爾 *nhĩ*, vua đứng chủ tế, vì là do người ca hát chỉ vua. 斯所 *tư sở* như nói *thử xứ* là chỗ này.

Đây cũng là bài nhạc để cúng tế Thành Thang. Nói: Ôi! tổ tiên có công đức, thường thường có phúc lộc dồi dào vô cùng có thể ban cho lắm lần mãi mãi không dứt, cho nên mới đến ngài là vua đương kim để ngài lo việc cúng tế như sau đây đã nói đến.

Giảng về câu 5,6,7,8,9,10,11,12.

酤 *hộ rượu* 賚 *lại* cho 思成 *tư thành* (đọc đường), xem lại nghĩa ở thiên nhiên, câu 6. 和羹 *hòa canh*, canh mà mùi vị đã điều hoà. 戒 *giới*, lo trai giới từ trước. 平 *bình* như hoà nhĩ. Theo sách *Nghi lễ*, lúc bắt đầu ăn uống khi cúng tế đều nói *canh định*, vì rằng lấy canh đã nấu chín làm lễ tiết, rồi sau mới hành lễ. *định* tức là giữ mình bình lặng

騷 *tấu* sách *Trung dung* viết 奏 *tấu*, đồng nghĩa với ở thiên trên. Vì rằng về âm thanh âm xưa, *tấu* và *tộc* gần nhau, tiếng lộc chuyển ra bình thanh thì thành tấu đồng như nhau 無言 *vô ngôn* (đọc ngang cho hợp vận), không có tiếng tranh giành nhau, tất cả đều cung kính đồng đều như nhau.

Nói bày rượu trong ra và đã cùng ta tưởng nhớ đến tổ tiên như hiện thành về đến. Đến khi dâng món canh mùi vị đã điều hoà thì rất là cung kính, thánh thần tổ tiên lại sẽ đem những phúc lành sống lâu đến ngài và tóc đều vàng để an lòng ta.

Giải về câu 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.

約軌錯衡 *ước kỳ thác hành* (đọc hàng) và 八鸞 *bát loan* (xem lại thiên *Thái khi*, bài thứ 184 câu 20, 21), dăm bánh xe thì có da bọc, cây ngang ở đầu gọng xe rần rịt nhiều màu. Tán cái chuông đeo ở hai bên bốn hàm thiết ngựa khua lên hoà hợp. 鴈 *thương* (xem thiên *Tái hiện*, bài thứ 289), tiếng hoà hợp.

Nói chư hầu đến phụ giúp việc cúng tế đi xe để đến cúng tế ở miếu của tổ tiên. 溥 *phổ*, rộng rãi. 將 *tương*, to. 穰穰 *nhương nhương*, nhiều dồi dào.

Nói ta nhận mệnh trời đã rộng rãi lớn lao, nên Trời ban cho được mùa, lúa nếp dồi dào, khiến cho có đầy đủ để cúng tế. Hễ tấu nhạc vọng đến thì tổ tiên tới, hễ cúng tế thì tổ tiên đến hưởng mà ban phúc dồi dào không giới hạn.

Giải về câu 21,22.

Xem lời giải quyết ở thiên trên câu 21,22.

Thiên Liệt tổ có 1 chương 22 câu.

BÀI THỨ 309

玄鳥

天命玄鳥

降而生商

宅殷土芒芒

古帝命武湯

正域彼四方

方命厥后

奄有九有

商之先后

受命不殆

在武丁孫子

武丁孫子

武王靡不勝

龍旂十乘

Huyền diệu (Thương tụng 3)

1. Thiên mệnh huyền diệu
2. Giáng nhi sinh Thương
3. Trạch Ân thổ mang mang.
4. Cổ Đế mệnh Vũ Thang
5. Chính vực bĩ tứ phương.
6. Phương mệnh quyết hậu
7. Yêm hữu cửu hữu.
8. Thương chi tiên hậu.
9. Thụ mệnh bất đãi.
10. Tại Vũ Đinh tôn tử
11. Vũ Đinh tôn tử
12. Vũ vương mỹ bất thắng.
13. Long kỳ thập thừa

大^糟是承
邦畿千里
維民所止
肇域彼四海
四海來假
來假祁祁
景員維河
殷受命咸宜
百祿是何

14. Đại xi thị thừa
15. Bang kỳ thiên lý
16. Duy dân sở chỉ,
17. Triệu vực bĩ tứ hải.
18. Tứ hải lai cách.
19. Lai cách kỳ kỳ.
20. Cảnh viên duy hà.
21. Ân thu mệnh hàm nghi.
22. Bách lộc thị hà.

Dịch nghĩa

1. Trời khiến chim én
2. Xuống đẻ sinh ra nhà Thương.
3. Ở đất Ân to lớn.
4. Khi xưa Trời đất đã sai khiến Thành Thang.
5. Cai trị cả thiên hạ bốn phương ấy.
6. Chư hầu ở bốn phương đều phục tùng mệnh lệnh.
7. Thành Thang chiếm cả chín châu.
8. Tiên vương của nhà Thương.
9. Đã nhận mệnh trời đất vững vàng không nguy hiểm.

11. Con cháu là vua Vũ - Đinh ấy.
12. Là vua về vũ bị, không có nơi nào là không thắng.
13. Mười chiếc xe cấm cờ long kỳ.
14. Chở lúa nếp đến dâng cống.
15. Kinh kỳ của nhà Thương rộng ngàn dặm.
16. Là chỗ của dân chúng ở.
17. Mà lĩnh vực mở mang rộng rãi xa đến bốn biển.
18. Người trong bốn biển đều tỵ đến thuận phục nhà Thương.
19. Người đến thuận phục rất đông đảo.
20. Quanh vùng núi Cảnh sơn đều có sông to (là nơi đóng đô của nhà Thương).
21. Nhà Ân được mệnh trời đều rất là xứng đáng.
22. Trăm điều phúc lộc đều hưởng trọn vào mình.

Dịch thơ

*Chim én kia Trời đã dạy bảo
Xuống để sinh và tạo nhà Thương,
Đất Ân rộng lớn phi thường.
Khi xưa Trời khiến Thành Thang vua này.
Khắp bốn phương một tay coi sóc
Mệnh lệnh đều hàng phục chư hầu
Thành Thang chiếm giữ chín châu,
Ngài là tiên tổ mở đầu nhà Thương.*

Nhận mệnh trời vãng vàng vô hại.
Đến Vũ Đình truyền lại mệnh trời.
Vũ Đình là cháu nối ngôi
Luôn luôn thắng trận, một đời vũ công.
Mười chiếc xe, cờ rồng phát phối.
Lúa nếp đều chở tới cổng đầy.
Kính kỳ ngàn dặm rộng thay!
Là nơi bách tinh tụ vầy ở chung,
Mà lĩnh vực xa cùng bốn biển.
Tứ hải đều tựa đến phục tùng.
Theo về nường tựa rất đông.
Cảnh sơn phụ cận có sông to dài.
Nhà Ân được mệnh trời xứng đáng.
Trăm lộc đều hưởng đặng về mình.

Chú giải của Chu Hy.

Chương này thuộc phú.

Giải về câu 1,2,3,4,5.

玄鳥 *huyền điểu*, chim én. Tiết xuân phân thì chim yến đến. Nàng Giảo Dịch, con gái của Hữu Tung thị là người phi của vua Cao Tân thị, cúng tế cầu con, được chim én tặng cho một trứng nàng Giảo Dịch liền nuốt lấy mà sinh ra ông Tiết, mà con cháu đời sau bèn làm họ Hữu Thương

thị và được thiên hạ. Sự này thấy ở sách Sử: *ký* 宅 *trạch*, ở 殷 *Ân* tên đất. 芒芒 *mang mang*, đáng to lớn. 古 *cổ*, xưa 帝 *đế*, Thượng đế. 武 *Vũ*, Thành Thang, vì có công đức về vũ bị mà được gọi thế. 正 *chính* 域 *vực*, cảnh giới, lãnh vực.

Đây là bài nhạc về cúng tế ở tông miếu mà kể lại căn cội của người nhà Thương đã sinh ra cho đến lúc bắt đầu được thiên hạ.

Giảng về câu 6,7,8,9.

方命厥后 *phương mệnh quyết hậu*, chư hầu ở bốn phương chẳng có ai là không chịu mệnh lệnh của nhà Thương. 九有 *cửu hữu* (đọc *vĩ*) chín châu 武丁 *Vũ Đinh*, Thương Cao tông.

Nói tiên vương của nhà Thương nhận mệnh trời không hiểm nguy, cho nên con cháu là vua Vũ Đinh nhà Thương còn nhờ cậy vào phúc đức ấy.

Giảng về câu 11,12,13,14.

武王 *Vũ vương*, hiệu của Thành Thang, mà con cháu đời sau cũng lấy hiệu ấy để tự xưng. 龍旂 *long kỳ*, cờ có thêu hai con rồng giao với nhau của chư hầu dựng lên. 大 *đại* 賝 *xí*, lúa nếp. 承 *thừa*, thừa phụng.

Nói con cháu của vua Vũ - Đinh nay dùng theo hiệu của Thành Thang, về vũ bị thì không có nơi nào là không thắng, cho nên chư hầu chẳng ai là không dâng cống lúa nếp để đến giúp việc cúng tế.

Giảng về câu 15,16,17.

止 *chỉ*, ở. 肇 *triệu*, mở. Nói trong chốn đế đô, chỗ dân chúng ở thì không quá ngàn dặm mà cảnh vật thì rộng xa cùng bốn biển.

Giảng về câu 18,19,20,21.,22.

假 *cách*, đồng với 格 *cách*, là đến. 祈祈 *kỳ kỳ*, đáng đồng người. 景員維河 *cảnh viên duy hà*, ý nghĩa chưa rõ là gì. Hoặc nói *Cảnh* là tên núi, chỗ nhà Thương đóng đô (xem chương cuối thiên Ân vũ, bài thứ 311). Truyện *Xuân thu* cũng nói *Thương Thang hữu Cảnh Bạc chi mệnh* (Vua Thành Thang nhà Thương có được mệnh trời đóng đô ở vùng Cảnh Bạc), là đây. 員 *viên* đồng nghĩa với chữ *bức viên* ở thiên sau (bài thứ 310) có nghĩa là cương vực, nói khắp chung quanh. 河 *hà*, sông to. Nói bốn phía núi Cảnh sơn đều là sông to. 何 *hà* *vác*, *Xuân thu* viết 荷 *hà*.

Thiên Huyền diệu có 1 chương 22 câu.

BÀI THỨ 310

CHƯƠNG I

長發

溶哲維商

長發其祥

洪水芒芒

禹敷下土方

Trường phát. (Thương tụng 4)

1. Tấn triết duy Thương.

2. Trường phát kỳ tường.

3. Hồng thủy mang mang

4. Vũ phu hạ thổ phương.

外大國是疆
幅隕既長
有娥方將
帝立子生商

5. Ngoại đại quốc thị cương,
6. Bức viên ký trường,
7. Hữu Tung phương tương,
8. Đế lập tử sinh Thương,

Dịch nghĩa

1. Nhà Thương đời đời có vua tài trí.
2. Diêm lành được mệnh trời đã phát hiện rất lâu rồi.
3. Khi nước ọ to tràn rộng mênh mông,
4. Ông Vũ (* nạn lụt) chinh trị các đất đai ở bốn phương.
5. Lấy những nước chư hầu lớn ở ngoài làm cương giới,
6. Thì cảnh vực đã to rộng.
7. Nước Hữu Tung vừa lớn mạnh,
8. Thì vua lập con của người con gái nước ấy để sinh ra nhà Thương.

Dịch thơ

Vua Thương tài trí ở đời.
Diêm lành phát hiện vào thời rất xa.
Mênh mông nạn lụt tràn ra,
Bốn phương lãnh thổ, Vũ đã trị yên.
Nước to, cương giới dựng nên

Rộng xa cảnh vực hãn nhiên phi thường.

Hữu Tung nước mới hùng cường,

Phong con nước ấy, nhà Thương ra đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 溶 lán, sâu. 哲 triết, trí. 長 trường, lâu dài. 方 phương, bốn phương. 外大國 ngoại đại quốc, chư hầu to ở ngoài. 幅 bức như nói biên bức, khuôn khổ rộng hay hẹp, cảnh vực. 隕 viên, nổi chung quanh, 有 娥 Hữu Tung, mẹ của ông Tiết. 將 tương, lớn.

Nói nhà Thương đời đời đều có vua tài trí sâu xa. Điềm lành nhận được mệnh trời đã thấy được rất lâu dài. Ông Vũ vừa trị nạn lụt to, thì lấy các nước chư hầu to ở ngoài làm lãnh vực của nước Trung quốc. Lúc lãnh vực đã rộng to, thì nước Hữu Tung thị bắt đầu lớn mạnh, cho nên vua lập con của con gái nước Hữu Tung là ông Tiết để tạo thành nhà Thương, vì rằng ông Tiết lúc ấy bắt đầu làm quan tư đồ cho vua Thuấn giữ chức truyền bá ngũ giáo (phụ nghĩa, mẫu tử, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu) ra khắp bốn phương, mà việc nhận mệnh trời của nhà Thương thật đã đắp xây nền tảng ở việc ấy.

CHƯƠNG II

玄王桓撥

受小國是達

受大國是達

9. Huyền vương hoàn bát,

10. Thụ tiểu quốc thị đạt.

11. Thụ tại quốc thị đạt,

率履不越
遂視既發
相土烈烈
海外有截

12. Suất lý bất việt,
13. Toại thị ký phát.
14. Tướng Thổ liệt liệt,
15. Hải ngoại hữu tiết.

Dịch nghĩa

9. Ông Tiết mạnh mẽ sửa trị việc nước,
10. Nhận lấy nước nhỏ thì xuôi thuận,
11. Nhận lấy nước to thì thông đạt,
12. Noi theo lễ mà không vượt qua,
13. Bèn xem xét dân chúng và đã đáp ứng lòng mong
mỏi của dân.
14. Đến ông Tướng- Thổ (cháu của ông Tiết) thì công
lao rạng rỡ,
15. Các nước chư hầu ngoài bốn biển đều tề chỉnh
phục tùng theo.

Dịch thơ

*Hùng cường ông Tiết sửa sang.
Nhận vùng nước nhỏ đang hoàng thuận xuôi.
Nước to nhận cũng êm trôi.
Lễ không vượt quá cử noi một lòng.
Xét mà đáp ứng dân mong.*

Đến thời *Tướng Thố* thì công rạng ngời.

Phục tùng hải ngoại đời đời.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 玄王 *huyền vương* ông Tiết. *Huyền* là sâu xa vi diệu. Hoặc nói vì chim huyền điều xuống mà sinh ra cho nên được gọi là *Huyền vương*. *Vương* là hiệu được ngày sau truy tôn lên. 桓 *hoàn*, vũ bị, mạnh mẽ. 撥 *bát* (đọc *tiết*), trị. 達 *đạt* (đọc *thiết*), thông. Nhận lấy nước nhỏ, nước to chẳng có gì là không thông đạt, ý nói chẳng có gì là không thích nghi. 率 *suất*, noi theo. 履 *lý*, lễ. 越 *việt*, vượt qua. 發 *phát*, ứng. Nói ông Tiết hay noi theo lễ mà không vượt qua, bèn xem xét dân chúng, thì đã đáp ứng lời của dân. 相 *Tướng Thố*, cháu của ông Tiết. 烈 *liệt*, chinh tể. Đến đây thì nhà Thương càng lớn mạnh, được chư hầu bốn phương quy thuận theo, thấy đều chinh tể, về sau Thành Thang lấy nước rộng 70 dặm mà khởi lên, há thường nửa chừng suy yếu ư?

CHƯƠNG III

帝命不違

至于湯齊

湯降不遲

聖敬日躋

昭假遲遲

16. Đế mệnh bất vi,

17. Chí vu Thang tề,

18. Thang giáng bất trì,

19. Thánh kính nhật tề,

20. Chiêu cách trì trì.

上帝是祇

21. Thượng đế thị chi,

帝命式于九圍

22. Đế mệnh thức vu cửu vi.

Dịch nghĩa

16. Mệnh trời không hề bị rời bỏ,

17. Truyền đến Thành Thang thì thành nghiệp đế.

18. Thành Thang sinh ra không bao lâu,

19. Đức sáng suốt kính cẩn ngày càng tiến lên cao,

20. Soi chiếu đến Trời mãi mãi không dứt,

21. Chỉ kính thờ Thượng đế,

22. Mà được Thượng đế sai làm khuôn mẫu phép tắc cho cả chín châu.

Dịch thơ

Không hề bị truất mệnh trời,

Thành Thang đế nghiệp xong xuôi tựu thành.

Không lâu Thang đã vội sinh

Ngày ngày thánh đức tiến nhanh tuyệt vời.

Không ngừng soi chiếu đến Trời.

Kính thờ Thượng đế một đời chẳng nao.

Làm nên phép tắc chín châu.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 湯齊 *Thang tế*, nghĩa chưa rõ là gì. Tô thị nói: Đến Thành Thang thì nghiệp đế vương thành tựu, hợp với mệnh trời. 降 *giáng*, sinh ra. 遲遲 *trì trì*, không lâu. 祇 *chỉ*, Kinh. 式 *thức*, phép. 九圍 *cửu vi*, 9 châu.

Tổ tiên của nhà Thương đã có đức rạng rỡ, mệnh trời chưa từng bị rời bỏ cho đến Thành Thang. Thành Thang sinh ra, hợp thời buổi mà ra đời, đức sáng suốt kính cẩn của Thành Thang ngày một lên cao để rọi đến Trời lâu dài mãi mãi mà không dứt. Thành Thang chỉ kính thời Thượng đế, cho nên Thượng đế sai khiến Thành Thang bảo làm khuôn mẫu phép tắc cho cả chín châu.

CHƯƠNG IV

受小球大球
爲下國綴旒
何天之休
不競不綏
不剛不柔
敷政優優
百祿是遄

- 23. Thụ tiểu cầu đại cầu,
- 24. Vi hạ quốc chuế lưu.
- 25. Hà thiên chi hưu.
- 26. Bất cạnh bất cầu,
- 27. Bất cương bất nhu,
- 28. Phu chính ưu ưu,
- 29. Bách lộc thị tù.

Dịch nghĩa

23. Làm thiên tử thì nhận những thứ ngọc của nước to nước nhỏ đem đến dâng ,

24. Được các nước chư hầu phụ thuộc vào như tua cờ phụ thuộc vào lá cờ.

25. Gánh mang tất cả phúc lành của Trời.

26. Không gấp nhanh, không chậm chạp,

27. Không cứng mạnh, không yếu đuối,

28. Truyền bá việc chính trị ra rộng rãi,

29. Cho nên trăm điều phúc lộc đều tụ lại vào người.

Dịch thơ

Nhỏ, to hiến ngọc nhận vào,

Tua cờ phụ thuộc, chư hầu tựa nương.

Phúc trời gồm lại gánh mang,

Không nhanh gấp, chẳng trễ tràng thung dung,

Không nhu nhược, không cương hùng,

Phổ truyền chính trị khắp cùng mọi nơi.

Hằng trăm lộc tụ vào người.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 小球大球 *tiểu cầu đại cầu*, nghĩa chưa rõ là gì. Hoặc nói là những thứ ngọc của nước to nước nhỏ đem đến Trịnh thị nói *tiểu cầu* là ngọc trấn

khuê dài 1 thước 2 tấc, *đại cầu* là ngọc đại khuê dài 3 thước đều là những thứ ngọc của thiên tử cầm. 下國 *hạ quốc*, nước chư hầu. 綴 *chuyết*, kết. 旒 *liu*, tua cờ rủ xuống. Nói làm thiên tử thì được chư hầu lệ thuộc vào như thân chính lá cờ có cái tua cờ phụ thuộc theo. 何 *hà*, vác. 競 *cạnh*, mạnh. 綵 *cầu*, chậm. 優優 *ưu ưu*, ý rộng dài. 迺 *tù*, tụ lại.

CHƯƠNG V

受小共大共

爲下國駿龐

何天之龍

敷奏其勇

不震不動

不難不竦

百祿是總

30. Thụ tiểu cung đại cung,

31. Vi hạ quốc tuấn mang.

32. Hà thiên chi Long,

33. Phu tấu kỳ dũng.

34. Bất chấn bất động,

35. Bất nan bất tủng,

36. Bách lộc thị tổng.

Dịch nghĩa

30. Làm thiên tử thì nhận lễ cống của nước to cung hiến,

31. Làm gương thuần hậu lớn lao cho các nước chư hầu.

32. Để nhận lấy sự yêu mến của Trời.

33. Tăng tiến một cách lớn lao vũ công.

34. Những chiến công của Thành Thang chẳng làm
chấn động dân chúng,
35. Chẳng làm kinh hãi dân chúng,
36. Cho nên trăm điều phúc lộc đều gom tụ vào người.

Dịch thơ

*Nước to nhỏ cống, nhận qua.
Gương thuận hậu, chư hầu đà noi chung.
Trời yêu mến đã được lòng.
Tăng gia tộ tất vũ công dồi dào.
Dân không chấn động xôn xao,
Dân không kinh hãi nao nao rụng rời.
Trăm phúc lộc tụ vào người.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 小共大共 *tiểu cung đại cung* (đọc cùng). 駿虩 *tuấn mang* (đọc mộng), ý nghĩa chưa rõ là gì, hoặc nói là những lễ cống của nước to nước nhỏ cugn cấp. Trịnh thị nói cung là chấp là nắm cầm, ý như *tiểu cầu đại cầu* là ngọc nhỏ ngọc to của thiên tử cầm. Tô thị nói *củng* đồng với 珙 *củng* là ngọc hợp cúng. Mao thi truyện nói *tuấn* là to lớn, *mang* là hậu dầy. Đồng thị nói: Tề thi viết. 駿虩 *tuấn mang*, nói là con ngựa. 龍 *long* (đọc sủng), sủng ái, yêu mến. 敷奏其勇 *phu tấu ký dũng*, như nói tiến hành lớn lao chiến công. 震 *nân*, sợ. 竦 *tủng*, sợ hãi.

CHƯƠNG VI

- | | |
|-------|-------------------------|
| 武王載旆 | 37. Vũ vương tái bái, |
| 有虔秉鉞 | 38. Hữu kiển bình việt. |
| 如火烈烈 | 39. Như hoả liệt liệt, |
| 則莫我敢曷 | 40. Tắc mạc ngã cảm át. |
| 苞有三孽 | 41. Bao hữu tam nghiệt |
| 莫遂莫達 | 42. Mạc toại mạc đạt. |
| 九有有截 | 43. Cửu hữu hữu tiệt. |
| 韋顧既伐 | 44. Vi Cô ký phạt |
| 昆吾夏桀 | 45. Côn Ngô Hạ Kiệt. |

Dịch nghĩa

37. Thành Thang dựng cờ xuất chinh,
38. Cung kính cầm búa để thi hành việc trừng phạt.
39. Quân đội dũng mạnh như lửa cháy bùng bùng.
40. Không có ai dám ngăn nổi ta (Thành Thang).
41. Vua Kiệt và ba bè đảng như một gốc và ba mầm
42. Đều không được đạt thành những việc ác nữa.
43. Cho nên cả thiên hạ chín châu đều được tể chỉnh yên lành.
44. Nước Vi, nước Cố đã đánh vong,
45. Thi đánh đến nước Côn Ngô và vua Hạ Kiệt.

Dịch thơ

Dựng cờ Thang định xuất chinh,
Búa cầm cung kính thi hành phép công.
Lửa phừng, quân đội dũng hùng.
Nào ai lại dám chống cùng ta đâu,
Ba mầm một gốc cùng nhau
Những điều tội ác không sao đạt thành.
Chín châu tể chính yên lành,
Nước Vi, nước Cố rành rành đẹp xong
Côn Ngô, Hạ Kiệt diệt chung.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú. 武王 Vũ vương, vua Thành Thang. 虔 kiển, kính, nói cung kính thi hành sự trừng phạt của Trời. 曷 át đồng với. 遏 át là chặn ngăn, hoặc nói 曷 hạt là ai? 苞 bao, cái gốc. 孽 nghiệt, mầm non mọc ở một bên. Nói một gốc cây sinh ra mầm. Cái gốc là vua Kiệt nhà Hạ, ba mầm non là nước Vi, nước Cố, nước Côn Ngô, đều là bè đảng của vua Kiệt. Trịnh thị nói: Vua nước Vi họ Bành, vua nước Cố và nước Côn Ngô họ Kỳ.

Nói Thành Thang đã nhận mệnh trời thì dựng cờ, cầm búa để sửa trị kẻ bất nghĩa, vua Kiệt và ba bè đảng đều không được làm ác nữa, mà thiên hạ đều quy thuận nhà Thương. Bắt đầu đánh nước Vi, kế đến đánh nước Cố, tiếp

theo đánh nước Côn Ngô rồi mới đánh vua Kiệt nhà Hạ.
Thứ tự dùng quân lúc bấy giờ là như thế.

CHƯƠNG VII

- | | |
|-------|-------------------------------|
| 昔在中葉 | 46. Tích tại trung diệp |
| 有震且業 | 47. Hữu chấn thả nghiệp, |
| 允也天子 | 48. Doãn dã thiên tử . |
| 降予卿士 | 49. Giáng vu khanh sĩ. |
| 實維阿衡 | 50. Thực duy A hành. |
| 實左右商王 | 51. Thực tá hựu Thương vương. |

Dịch nghĩa

46. Thuở xưa kia giữa thời trước (lúc chưa gồm thâu thiên hạ).
47. Là lúc có việc khủng khiếp nguy hiểm,
48. Thực nhờ có bậc thiên tử ra đời.
49. Trời lại ban xuống cho bậc quan khanh sĩ (Ông Y Doãn)
50. Thật chỉ có A hành Y Doãn ấy.
51. Thật đã giúp đỡ vua nhà Thương.

Dịch thơ

*Giữa thời trước, thuở ngày xưa
Hiểm nguy khủng khiếp loạn bừa khắp nơi.*

*Thật nhờ Thiên tử ra đời,
Một quan khanh sĩ được Trời ban ngay.
A hành Y Doãn vị này
Thật đã giúp đỡ đủ đầy vua Thương.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 葉 điệp, đời 震 chấn, kinh sợ 業 nghiệp nguy.

Nối tiếp theo đoạn văn trên mà nói tại thuở xưa kia, thì là trước lúc ấy, há lại nói đời trước vua Thành Thang lúc trung suy chăng? 允也天子 doãn dã thiên tử (đọc *tỉ*), chỉ Thành Thang 降 giáng, nói trời ban xuống cho. 卿上 khanh sĩ, Y Doãn. Nói đến vua Thành Thang thì được ông Y Doãn mà thấu gồm cả thiên hạ. 阿衡 A hành (đọc *hàng*), hiệu chức quan của Y Doãn.

Bài tự ở sách *Mao thi* cho đây là bài thơ cúng tế đại đế, vì rằng ấy là cúng tế nguồn cội đã sinh tổ tiên, mà đem tổ tiên cúng tế chung vào. Tô thị nói: Lễ tế đại đế, cúng tế đến những vị rất xa lâu đời cho nên bài thơ này nói suốt những vua trước của nhà Thương, lại nói đến quan khanh sĩ Y Doãn, vì rằng Y Doãn được dự tế ở lễ tế đại đế ấy. Phần *Thương thư*, mục *Bàn Canh thượng* trong sách *Thư kinh* chép: *Tư tư đại hưởng vu tiên vương, nhĩ tổ kỳ tăng dự hưởng chi*. (Nay cúng tế lớn lao tiên vương ta ở tông miếu, thì tổ tiên người cũng được dự vào mà hưởng lễ), ấy là lễ vậy, há lễ ấy đã bắt đầu từ đời nhà Thương ư? Nay xét theo lễ tế đại đế không cúng tế đến những thần chủ

của các miếu khác, thì bài này đúng là thơ tế chung các tổ tiên xa gần, nhưng bài kinh *Thi* này không có lời văn rõ ràng, cho nên không thể khảo sát được.

BÀI THỨ 311

CHƯƠNG I

殷武	Ân vũ (Thượng tụng 5)
撻彼殷武	1. Thát bỉ Ân vũ!
奮伐荆楚	2. Phấn phạt Hình Sở,
采入其阻	3. Mi nhập kỳ trở,
裒荆之旅	4. Bâu Hình chi lữ,
有截其所	5. Hữu tiết kỳ sở .
湯孫之緒	6. Thang tôn chi tự.

Dịch nghĩa

1. Vũ lực kia của nhà Ân nhanh gấp thay!
2. Đã phân khởi lên chinh phạt nước Hình Sở (Hình là biệt danh của nước Sở).
3. Mạo phạm vào những nơi hiểm trở,
4. Kêu gọi dân chúng nước Sở lại,
5. Sửa trị đất nước Sở cho chỉnh tề.
6. Đó là công lao của cháu Thành Thang là Cao tông.

Dịch thơ

*Nhà Ân vũ lực gấp nhanh,
Khởi lên đánh dẹp nước Hình Sở ngay.
Tiến vào hiểm trở chông gai.
Tụ dân nước Sở lạc loài bốn phương.
Chỉnh tề lo việc sửa sang.
Công lao của cháu Thành Thang uy hùng.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 撻 *thát*, dánh mau 殷武 *Ân vũ*, vũ lực của vua nhà Thương. 采 *mi*, mạo hiểm. 裒 *bầu*, tụ lại 湯孫 *Thang tôn*, cháu của vua Thành Thang, tức là vua Cao tông.

Thuyết xưa cho đây là bài nhạc cúng tế Cao tông, vì rằng từ khi vua Bàn Canh mất đi đạo đức nhà Ân suy, người nước Sở làm phản, Cao tông mau lẹ dùng vũ lực đánh nước Sở, tiến vào nơi hiểm trở, kêu gọi dân nước Sở lại, tận dẹp yên nước Sở, tiến vào nơi hiểm trở, kêu gọi dân nước Sở lại, tận dẹp yên nước Sở, khiến chỉnh tề đồng đều như một, đều là công của Cao tông. Kinh *Dịch* ở quẻ Ký tế tiếp chép: *Cao tông phạt Quỷ phương, tam niên khắc chi.* (Vua Cao Tông nhà Ân đánh giống Quỷ phương, trong ba năm thì thắng được), là nói về đoạn này ư?

CHƯƠNG II

維女荆楚

居國南鄉

昔有成湯

自彼氐羌

莫敢不來享

莫敢不來王

日商是常

7. Duy nhữ Kinh Sở.

8. Cư quốc nam hương.

9. Tích hữu Thành Thang,

10. Tự bỉ Đê, Khương,

11. Mạc cảm bất lai hưởng,

12. Mạc cảm bất lai vương,

13. Viêt Thương thị thường.

Dịch nghĩa

7. Người là Hình Sở

8. Ở về phía nam nước nhà Thương.

9. Xưa kia trong thời vua Thành Thang,

10. Từ nước rợ Đê rợ Khương kia,

11. Chẳng có ai dám không đến dâng cống

12. Chẳng ai dám không đến châu.

13. Gọi đó là nghi lễ thông thường của nhà Thương

vậy.

Dịch thơ

Nước Hình Sở người là

Ở về nam diện nước nhà Ân Thương.

Ngày xưa trong thuở Thành Thang.
 Thật từ những rợ Đê, Khương những vùng.
 Cống dân, ai lại dám không?
 Nào ai đã dám buông lung chẳng châu?
 Ấy là thông lệ Thương trào.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 氏羌 Đê Khương, nước rợ di rợ
 dịch ở phía tây 享 hưởng (đọc *hương* cho hợp vận), hiến
 công. 王 vương, đời đời đều đến châu thiên tử Tô thị nói:
 Đã thắng được nước Sở, mới bảo rằng: "Người tuy ở xa,
 cũng là ở phía nam nước nhà Thương ta. Xưa trong thời
 vua Thành Thang tuy rợ Đê rợ Khương là ở xa xôi mà còn
 không dám không đến châu, gọi đó là lễ nghi thông thường
 của nhà Thương. Huống chi người là nước Hình Sở, sao lại
 dám không đến châu?"

CHƯƠNG III

- | | |
|--------|------------------------------|
| 天命多辟 | 14. Thiên mệnh đa bích |
| 設都于禹之績 | 15. Thiết đô vu Vũ chi tích. |
| 歲事來辟 | 16. Tuế sự lai bích |
| 勿予禍適 | 17. Vật dư hoạ trích, |
| 稼穡匪解 | 18. Giá sắc phi giải. |

Dịch nghĩa

14. Trời khiến chư hầu
15. Dựng đô ấp ở những đất của ông Vũ đã chinh trị
xong
16. Hãy đem mùa màng đến châu
17. Cho ta không bị hình phạt quở trách.
18. Thì việc cấy gặt không được biếng lười.

Dịch thơ

*Chư hầu Trời đã khiến sai
Đất ông Vũ trị, dựng ngay đô thành
Mùa màng châu cống lên kinh.
Cho ta khỏi bị luật hình phạt lây.
Chớ lười cấy gặt lo ngay.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 多辟 đa bích, những vua chư hầu. 來辟 lai bích, đến châu 適 thích đồng với 謫 thích, phạt kẻ có tội..

Nói Trời khiến chư hầu mỗi nước đều dựng đô ấp ở những đất của vua Vũ đã chinh trị xong nạn lụt, và đều đem mùa màng ngũ cốc đến cống cho nhà Thương để cầu thiên tử không quở phạt, mà nói rằng: Việc cấy gặt của ta thì không dám lười biếng để mong khỏi điều tội lỗi. ý nói

nước Hình Sở đã dẹp yên, chư hầu đều khiếp sợ thuận phục.

CHƯƠNG IV

天命降監

下民有嚴

不僭不濫

不敢怠遑

命于下國

封建厥福

19. Thiên mệnh giáng giám,

20. Hạ dân hữu nghiêm.

21. Bất tiếm bất lạm,

22. Bất cảm đãi hoàng,

23. Mệnh vu hạ quốc,

24. Phong kiến quyết phúc.

Dịch nghĩa

19. Trời khiến xuống xem xét những nghe thấy của dân.

20. Cho nên dân chúng cũng có uy lực.

21. Vị nào không thưởng phạt quá đáng,

22. Không dám lười biếng nhàn rỗi,

23. Thì được Trời khiến cho gồm thâu cả nước

24. Mà dựng nên những phúc lộc lớn lao.

Dịch thơ

Trời sai xem xét dân tình

Cũng nhiều uy lực dân lành hiện nay.

Thưởng trừng không lạm những ai,

*Biếng lười nhàn rồi mảy may dám nào,
Khiến cho cả nước gồm thâu,
Dựng nên phúc lộc lớn lao vô cùng*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 監 *giám*, xem xét. 嚴 *ng nghiêm* (đọc *ngương* cho hợp vận), uy lực 僭 *hiếm*, ban thưởng quá sai, quá phạm. 濫 *lam*, hình phạt quá nặng 遑 *hoàng*, rảnh rang. 封 *phong*, to Nói Trời khiến xuống xem xét không có việc gì khác, đều ở những điều nghe thấy của dân, thì dân cũng có uy lực vậy. Chỉ những vị nào thưởng không quá đáng, phạt không lạm hình và không dám lười biếng nhàn rồi thì được Trời khiến cho được cả thiên hạ mà gây nên những phúc lộc lớn lao. Đây là vua Cao tông sở dĩ đã nhận mệnh trời mà trung hưng.

CHƯƠNG V

商邑翼翼
四方之極
赫赫厥聲
濯濯厥靈
壽考且寧
以保我後生

- 25. Thương ấp dục dục
- 26. Tứ phương chi cực.
- 27. Hách hách quyết thanh,
- 28. Trạc trạc quyết linh,
- 29. Thọ khảo thả ninh,
- 30. Dĩ bảo ngã hậu sinh.

Dịch nghĩa

25. Kinh đô của nhà Thương rất tề chỉnh,
26. Làm khuôn mẫu cho các nước ở bốn phương.
27. (Vua Cao Tông) được tiếng tốt rạng rỡ,
28. Được uy linh sáng tỏ.
29. Được sống lâu và yên ổn,
30. Để bảo vệ con cháu nối nghiệp của ta.

Dịch thơ

*Thường kinh tề chỉnh nghiêm trang,
Làm nên khuôn phép bốn phương chừ hầu .
Rõ ràng tiếng tốt thanh cao,
Được uy linh đã xiết bao sáng loà,
Sống lâu được mãi an hòa,
Bảo tồn con cháu của ta đời đời.*

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 商邑 *Thương ấp*, kinh đô của thiên tử 翼翼 *dực dực*, dáng nghiêm chỉnh gọn gàng. 極 *cực*, khuôn mẫu. 赫赫 *hách hách*, rõ ràng dồi dào. 濯濯 *trạc trạc*, sáng tỏ. Nói việc trung hưng của Cao tông thịnh vượng như thế, sống lâu và yên ổn như vậy vì rằng Cao tông hưởng nước được 59 năm. 我後生 *ngã hậu sinh*, nói con cháu nối ngôi về sau.

CHƯƠNG VI

陟彼景山

松柏丸丸

是斷是遷

方斲是虔

松桷有梲

旅楹有閑

寢戍孔安

31. Trắc bĩ Cảnh sơn.

32. Tùng bách hoàn hoàn.

33. Thị đoạn thị thiên,

34. Phương trắc thị kiến.

35. Tùng giác hữu nghiên.

36. Lữ doanh hữu nhàn

37. Tâm thành khổng an.

Dịch nghĩa

31. Leo lên ngọn Cảnh sơn kia.

32. Cây tùng cây bách ở đấy mọc ngay thẳng.

33. Thì đốn lấy mà đem về .

34. Lại cắt ra ngay ngắn tề chỉnh.

35. Cây xà bằng gỗ thông rất dài.

36. Những cây cột thì đồ sộ lớn lao.

37. Chính tâm đã hoàn thành rất là yên ổn.

Dịch thơ

Cảnh sơn ngọn núi lên cùng.

Thẳng ngay cây bách cây tùng khắp nơi.

Đốn liền mà chở về thôi.

Chỉnh tề xẻ cắt xong xuôi đủ đầy.

Gỗ thông, xà thật là dài.

Lớn lao hàng cột đã bày đoan trang.

Hoàn thành chính tâm vững vàng.

Chú giải của Chu Hy

Chương này thuộc phú 景 Cảnh, tên núi, chỗ đóng đô của nhà Thương 凡凡 hoàn hoàn (đọc *huyền huyền* cho hợp vận), ngay thẳng 選 thiên, dời. 方 phương, ngay. 虔 kiên cũng là tể chỉnh 挺 nghiên (chính âm đọc *siên*), đáng dài. 旅 lữ nhiều 閑 nhàn (đọc *lên* cho hợp vận), đồ sộ lớn lao. 寢 tẩm, chính tẩm trong tông miếu 安 an (đọc *yên* cho hợp vận), để yên ổn thần vị của vua Cao Tông. Vì rằng đây là bài thơ khi ngôi miếu đặc biệt trăm đời không dời đổi, không thuộc vào số ba miếu chiêu, ba miếu mục (thiên tử có 7 miếu: 3 miếu chiêu thờ bậc cha, 3 miếu mục thờ bậc con và miếu của thái tổ) đã hoàn thành thì bắt đầu đem mà thờ cúng chung với tổ tiên..

Nhưng chương này và chương cuối của thiên *Bi cung* (bài thứ 306) ý văn hơi giống nhau, chưa rõ nói gì.

Thiên Ân vũ có 6 chương, 3 chương 6 câu, 2 chương 7 câu và 1 chương 5 câu.

Thương tụng có 5 thiên, 16 chương, 154 câu.

TOÀN BỘ KINH THI CHUNG

KHỔNG TỬ
Kinh Thi

(Kinh Thi tập truyện - Trọn bộ 3 tập)

TẬP III

Dịch giả: TẠ QUANG PHÁT

★

★

★

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc VŨ VĂN ĐĂNG

Tổng biên tập: NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập

NGÔ ĐÌNH KHÁNH

Bìa

TRẦN ĐẠI THẮNG

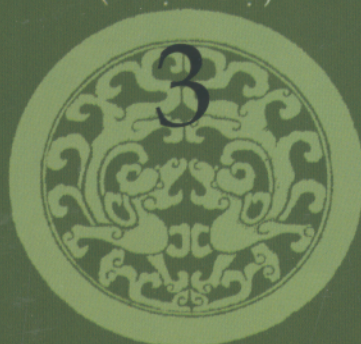
Sửa bản in

THANH LÂM

In 500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty in LĐ - XH

Số đăng ký KHXB 1644/XB - QLXB. Quyết định xuất bản số 177/QĐXB do NXB Đà Nẵng ký ngày 21/3/2003. In xong và nộp lưu chiểu quý III - 2003.

KHỔNG TỬ
KINH
THI
(TRỌN BỘ)



GIÁ TRỌN BỘ : 185.000Đ